

SÁU PHÁP

37. PHẠM SÁU TRỌNG PHÁP

KINH SỐ 1

Tôi Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người hãy suy niệm sáu trọng pháp,¹ kính trọng, tôn trọng, và ghi nhớ mãi ở trong tâm không cho quên mất.² Sao gọi là sáu? Ở đây, Tỳ-kheo thân hành niệm từ,³ như soi gương thấy hình mình, đáng kính, đáng quý, không để quên mất.

“Lại nữa, khẩu hành niệm từ, ý hành niệm từ, đáng kính, đáng quý, không để quên mất.

“Lại nữa, được các thứ lợi lộc đúng pháp thì nên chia cho các phạm hạnh cùng hưởng, không tưởng tiếc rẻ; pháp này đáng kính, đáng quý, không để quên mất.

“Lại nữa, có các giới cấm không hủ, không bại, cực kỳ hoàn hảo, không sút, không thủng, được bậc trí quý trọng, lại muốn đem giới này được phân bố cho người khác cũng đồng một vị; pháp này đáng kính, đáng quý không để quên mất.

¹ Lục trọng pháp 六重法, thường nói là sáu pháp hòa kính, hay sáu pháp khả hỷ. Xem *Trung 52*, kinh 196 Châu-na (T1n26, tr. 755b21): sáu pháp ủy lạo 六慰勞法. Pāli, M 104 Sāmagāmasutta (R. iii. 250): *cha sārāṇīya-dhammā*.

² Pāli, *ibid.*, *chayime dhammā sārāṇīyā piyakaraṇā garukaraṇā saṅgahāya avivādāya sāmaggīyā ekībhāvāya saṃvattanti*, có sáu pháp khả niệm này, tác thành thân ái, tôn trọng, đưa đến nhiếp thủ, không tranh cãi, hòa hiệp, nhất trí.

³ Pāli, *ibid.*, *mettaṃ kāyakammaṃ paccupaṭṭhitam hoti sabrahmacārīsu āvi ceva raho ca*, biểu hiện thân nghiệp từ ái đối với đồng phạm hạnh, trước công chúng cũng như nơi kín đáo.

“Lại nữa, chánh kiến của Hiền Thánh dẫn đến xuất yếu; có kiến giải như vậy, và muốn các vị phạm hạnh đồng tu cùng đồng pháp này, cũng đáng kính, đáng quý, không để quên mất.

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là có sáu trọng pháp này, đáng kính, đáng quý, không để quên mất. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy thường xuyên tu tập các hành vi của thân, miệng, ý; nếu được các thứ lợi dưỡng, cũng nên nghĩ phân đều cho nhau, chớ khởi tưởng tham.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở tại ao A-nậu-đạt⁴ cùng chúng Tỳ-kheo gồm năm trăm vị. Các vị ấy đều là La-hán, tam minh⁵, lục thông, thần túc tự [709a01] tại, tâm không sợ hãi, chỉ trừ một Tỳ-kheo A-nan.

Bấy giờ, Thế Tôn ngồi trên hoa sen vàng mà cọng sen được làm bằng bảy báu. Năm trăm Tỳ-kheo đều ngồi trên hoa sen báu. Khi ấy, Long vương A-nậu-đạt⁶ đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên.

Sau khi quan sát hết Thánh chúng rồi, Long vương bạch Thế Tôn:

“Nay con thấy trong chúng này, trống, thiếu, không đủ, vì không có tôn giả Xá-lợi-phất. Cúi xin Thế Tôn sai một Tỳ-kheo mời tôn giả Xá-lợi-phất đến.”

⁴ A-nậu-đạt tuyền 阿耨達泉. Xem *Trường 18*, kinh Thế ký (T1n1, tr. 116c6). Pāli: Anotatta.

⁵ Nguyên Hán: tam đạt 三達, thường nói là tam minh. Pāli: *tevijjā*.

⁶ A-nậu-đạt Long vương 阿耨達龍王. Xem *Trường 18*, kinh Thế ký (T1n1, tr. 117a1).

Lúc ấy, Xá-lợi-phất đang ngồi vá y cũ tại tinh xá Kỳ-hoàn. Bấy giờ, Thế Tôn bảo tôn giả Mục-liên:

“Thầy đến chỗ Xá-lợi-phất bảo Xá-lợi-phất rằng: ‘Long vương A-nậu-đạt muốn tương kiến.’”

Mục-liên đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn!”

Trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay, Tôn giả Mục-liên đã đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất tại tinh xá Kỳ-hoàn, và nói với Xá-lợi-phất, Như Lai dạy: ‘Long vương A-nậu-đạt muốn tương kiến.’

Xá-lợi-phất đáp:

“Thầy hãy đi trước. Tôi sẽ đến sau.”

Mục-liên đáp:

“Hết thầy Thánh chúng và Long vương A-nậu-đạt mong đợi tôn nhan, muốn được tương kiến, xin hãy đi ngay, đừng có chậm trễ.”

Xá-lợi-phất đáp:

“Thầy hãy đến đó trước. Tôi sẽ đến sau.”

Lúc ấy, Mục-liên lại nói lại:

“Thế nào, Xá-lợi-phất, trong thần túc, có thể hơn được tôi sao, mà nay lại bảo tôi đi trước? Nếu Thầy không đứng dậy ngay thì tôi sẽ nắm cánh tay kéo đến suối ấy.”

Lúc ấy, Xá-lợi-phất nghĩ thầm: ‘Mục-liên đang tìm cách đùa thử ta vậy!’

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất cỡi dây đai kiệt-chi⁷ đặt xuống đất, nói với Mục-liên:

“Nếu thần túc của Thầy là đệ nhất, thử cất giải y này lên khỏi mặt đất, sau đó hãy nắm cánh tay tôi dẫn đến ao A-nậu-đạt.”

⁷ Kiệt-chi-đái 竭支帶; tức tăng-kiệt-chi 竭支, dịch là phú kiên y; giải y phủ vai. Pāli: *saṃkacchika*.

Mục-liên nghĩ thầm:

“Xá-lợi-phất định đùa với ta nên muốn thử chẳng? Nay ông ấy đã cỡi dây đai đặt trên đất bảo ta nếu cất lên được, sau đó nắm cánh tay dẫn đi.”

Mục-liên lại nghĩ: ‘Đây ắt có nguyên nhân, nếu không, chẳng việc gì phải khổ nhọc.’ Lập tức, Tôn giả duỗi tay lấy sợi đai nâng lên, nhưng không thể khiến dây đai nhúc nhích mảy may nào. Mục-liên dùng hết sức của mình, vẫn không di chuyển đai này, không thể làm lay động được. Rồi Xá-lợi-phất lấy đai ấy buộc chặt vào cành cây [709c01] diêm-phù. Tôn giả Mục-liên lại dùng hết thần lực của mình muốn nâng dây này, nhưng không thể làm nó lay động, rốt cuộc không thể làm di chuyển được. Đang lúc nâng đai này lên, đất Diêm-phù chấn động.

Xá-lợi-phất nghĩ thầm: ‘Tỳ-kheo Mục-liên có thể khiến Diêm-phù-đề này rung động, huống chi dây đai này. Nay ta nên đem đai này buộc chặt vào hai thiên hạ.’ Bấy giờ, Mục-liên cũng lại nâng nó. Buộc vào ba thiên hạ cho đến bốn thiên hạ cũng có thể nâng lên như nâng chiếc y mỏng.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất lại nghĩ thầm: ‘Tỳ-kheo Mục-liên có thể nâng bốn thiên hạ, cũng không đáng để nói. Nay ta phải đem đai này buộc chặt vào lưng núi Tu-di.’ Mục-liên lại làm lay động núi Tu-di này và cung Tứ thiên vương, cung trời Tam thập tam. Xá-lợi-phất lại buộc chặt đai ấy vào một ngàn thế giới. Mục-liên cũng làm cho lay động.

Xá-lợi-phất lại buộc chặt đai này vào hai ngàn thế giới, ba ngàn thế giới, cũng lại lay động. Khi ấy, trời đất chấn động mạnh, chỉ có chỗ Như Lai ở ao A-nậu-đạt là không lay động, giống như người lực sĩ đùa với lá cây, không nghi nan.”

Bấy giờ, Long vương bạch Thế Tôn :

“Vi sao trời đất này nay chấn động dữ vậy?”

Thế Tôn nói hết duyên gốc này cho Long vương.

Long vương bạch Phật:

“Hai vị ấy, thần lực của ai là hơn hết?”

Thế Tôn bảo:

“Thần lực Tỳ-kheo Xá-lợi-phất là hơn hết.”

Long vương bạch Phật:

“Trước đây Thế Tôn đã từng xác nhận, thần túc của Tỳ-kheo Mục-liên là bậc nhất, không ai vượt hơn được.”

Thế Tôn đáp:

“Long vương nên biết, có bốn thần túc. Sao gọi là bốn? Là tự tại tam-muội thần lực, tinh tấn tam-muội thần lực, tâm tam-muội thần lực, giới tam-muội thần lực.⁸ Nay Long vương, đó gọi là có bốn thần túc lực này. Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào có bốn thần túc này, thường xuyên tu hành không hề buông bỏ, đó là thần lực bậc nhất.”

Long vương A-nậu-đạt bạch Phật:

“Tỳ-kheo Mục-liên không được bốn thần túc ấy sao?”

Thế Tôn bảo:

“Tỳ-kheo Mục-liên cũng được bốn thần túc lực này và thường xuyên tu hành không hề buông bỏ. Tỳ-kheo Mục-liên muốn giữ thọ mạng đến một kiếp, cũng có thể làm được. Nhưng Tỳ-kheo Mục-liên không biết tên của tam-muội mà Xá-lợi-phất nhập.”

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất lại nghĩ thầm: “Ba ngàn đại thiên quốc độ, Mục-liên [709c01] đều có thể di chuyển, làm cho vô số côn trùng bị chết, không tính hết. Nhưng tự thân ta nghe chỗ ngồi của Như Lai không thể lay động được. Nay ta có thể dùng đai này buộc chặt vào chỗ ngồi của Như Lai.” Mục-liên lại dùng thần túc nâng dây đai ấy nhưng không thể làm lay động. Mục-liên nghĩ thầm như vậy: “Chẳng lẽ thần túc ta bị sút giảm rồi sao? Nay nâng đai này mà không thể làm nó lay động. Ta hãy đến chỗ Thế Tôn mà hỏi ý nghĩa này.”

⁸ Chi tiết, xem kinh số 8 phẩm 29 trên.

Mục-liên sau khi buông đai này, liền dùng thần túc đi đến chỗ Thế Tôn. Từ xa, trông thấy Xá-lợi-phất đã ngồi ở trước Như Lai. Thấy vậy, Mục-liên lại nghĩ thầm: “Đệ tử của Thế Tôn, thần túc bậc nhất không ai vượt qua ta. Nhưng ta không bằng Xá-lợi-phất sao?”

Bấy giờ, Mục-liên bạch Phật:

“Không lẽ với thần túc, con đã có sự sút giảm chăng? Vì sao vậy? Vì con rời khỏi tinh xá Kỳ-hoàn trước Xá-lợi-phất, sau đó Xá-lợi-phất mới đi. Nay Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã ngồi trước Như Lai.”

Phật bảo:

“Thần túc của người không hề giảm sút, nhưng người không thể hiểu được thần túc tam-muội mà Xá-lợi-phất đã nhập. Vì sao vậy? Vì trí huệ của Tỳ-kheo Xá-lợi-phất vô lượng, tâm được tự tại. Người không được tùy tâm bằng Tỳ-kheo Xá-lợi-phất. Xá-lợi-phất đã được tự tại nơi tâm thần túc. Khi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất nghĩ đến pháp gì, tâm được tự tại đối với pháp ấy.”
Đại Mục-liên ngáy lúc đó im lặng.

Long vương A-nậu-đạt vui mừng hớn hở, không tự chế được, vì nay Tỳ-kheo Xá-lợi-phất có rất nhiều thần lực không thể nghĩ bàn. Những tam-muội mà ngài nhập, Tỳ-kheo Mục-liên không thể biết tên được.

Bấy giờ, Thế Tôn vì Long vương A-nậu-đạt thuyết pháp vi diệu, khích lệ, làm Long vương hoan hỷ. Ngay tại đó Thế Tôn thuyết giới. Sáng sớm hôm sau, Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo trở về vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nói với nhau: “Từ miệng Thế Tôn đã ký thuyết, người có thần thông bậc nhất trong các Thanh văn chính là Tỳ-kheo Mục-liên, nhưng ngày nay không bằng Xá-lợi-phất.”

Khi ấy, các Tỳ-kheo khởi tưởng khinh mạn đối Mục-liên. Bấy giờ, Thế Tôn nghĩ thầm: ‘Các Tỳ-kheo này khởi tưởng khinh

mạng đối với Mục-liên, sẽ chịu tội khó kể hết.’ Phật bảo Mục-liên:

“Hãy hiện thần lực của ngươi khiến cho chúng này thấy, chớ để cho đại chúng khởi tưởng biếng nhác.”

Mục-liên đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Mục-liên lễ sát chân Thế Tôn, rồi ngay ở trước Như Lai mà biến mất, đi qua [710a01] bảy hằng hà sa cõi Phật phương Đông. Ở đó, có Phật tên Kỳ Quang Như Lai Chí chơn Đẳng chánh giác xuất hiện ở cõi ấy. Mục-liên đến cõi ấy với y phục phàm thường, rồi ở đó đi quanh trên miệng bát. Nhân dân ở cõi ấy có hình thể rất lớn. Khi các Tỳ-kheo ở đó thấy Mục-liên, nói với nhau:

“Các thầy hãy nhìn xem, con sâu này giống y như Sa-môn.”

Các Tỳ-kheo bắt xuống cho Phật ấy xem:

“Bạch Thế Tôn, nay có một con sâu giống y như Sa-môn.”

Kỳ Quang Như Lai bảo các Tỳ-kheo:

“Cách đây bảy hằng hà sa quốc độ thế giới kia về phương Tây, có Phật hiệu là Thích-ca Văn Như Lai Chí chơn Đẳng chánh giác xuất hiện ở đời. Đây là đệ tử vị ấy, thần túc bậc nhất.”

Bấy giờ, đức Phật kia bảo Mục-liên:

“Các Tỳ-kheo này nảy ý tưởng khinh mạn. Ngươi hãy hiện thần túc cho đại chúng được thấy.”

Mục-liên đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Mục-liên vâng lời Phật dạy, lấy bình bát đựng năm trăm Tỳ-kheo kia đem lên trời Phạm thiên. Khi ấy, Mục-liên dùng chân trái dẫm lên núi Tu-di, chân phải đặt trời Phạm thiên, rồi nói kệ này:

*Thường hãy niệm tinh cần,
Tu hành trong pháp Phật.*

*Hàng phục Ma, oán địch,
Như dùng móc dạy voi.*⁹

*Nếu ai nơi pháp này
Thực hành không phóng dật,
Sẽ dứt sạch gốc khổ
Không còn các bức nã.*¹⁰

Bấy giờ, Mục-liên làm cho âm vang này tràn đầy khắp tinh xá Kỳ-hoàn. Các Tỳ-kheo khi nghe âm thanh này, đến bạch Thế Tôn:

“Mục-liên đang ở nơi nào mà nói bài kệ này?”

Thế Tôn đáp:

“Tỳ-kheo Mục-liên đang ở cách đây bảy hằng hà sa côi Phật về phương Đông, đứng năm trăm Tỳ-kheo trong bình bát, chân trái dẫm lên núi Tu-di, chân phải đặt lên trời Phạm thiên mà nói bài kệ này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo tán thán:

“Thật là việc chưa từng có, thật là kỳ diệu! Tỳ-kheo Mục-liên có thần túc lớn như vậy mà đối với Mục-liên chúng con khởi ý khinh mạn. Xin Thế Tôn bảo Tỳ-kheo Mục-liên đem năm trăm Tỳ-kheo ấy trở về chôn này.”

Thế Tôn hiện từ xa đạo lực cho Mục-liên biết ý. Mục-liên bèn đem năm trăm Tỳ-kheo trở về vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà thành Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết Pháp cho hàng nghìn vạn chúng. **[710a28]** Đại Mục-liên đem năm trăm Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn. Đệ tử của Phật Thích-ca Văn ngược lên nhìn các Tỳ-kheo ấy. Lúc ấy, các Tỳ-kheo ở thế giới phương Đông đánh lễ sát chân Thế Tôn rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo ấy:

⁹ Pāli, ibid. *dhunātha maccuno senaṃ, naḷāgāraṃva kuñjaro*, các người hãy quét sạch quân Ma, như voi đẹp nhà lá.

¹⁰ Bài kệ, xem Pāli, S 6. 2.4 **Aruṇavatī** (R. i. 156).

“Các vị từ đâu đến và là đệ tử của ai, đi đường mất bao lâu?”

Năm trăm Tỳ-kheo kia bạch Phật Thích-ca Vãn:

“Thế giới chúng con hiện ở phương Đông. Phật hiệu là Kỳ Quang Như Lai. Chúng con là đệ tử của Phật ấy. Nhưng hôm nay chúng con lại cũng không biết là từ đâu đến và đã trải bao nhiêu ngày!”

Thế Tôn hỏi:

“Các ông có biết thế giới Phật không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa không, bạch Thế Tôn.”

“Hôm nay các vị có muốn về lại nơi ấy không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Chúng con muốn trở về lại nơi ấy.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo kia:

“Hôm nay, Ta sẽ vì các vị nói về pháp sáu giới, hãy suy niệm kỹ.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, Thế Tôn”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

“Vì sao pháp ấy được gọi là pháp sáu giới? Tỳ-kheo nên biết, con người là sáu giới,¹¹ thụ bẩm tinh khí của cha mẹ mà sanh ra. Sao gọi là sáu? Đó là địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới.¹² Nay Tỳ-kheo, đó gọi là có sáu

¹¹ Lục giới chi nhân 六界之法. Cf. Pāli, M. 140 Dhātuvibhaṅga (R.iii. 239): *chadhāturo ayam, bhikkhu, puriso chaphassāyatano aṭṭhārasamanopavicāro caturādhittāno*, “Này các Tỳ-kheo, con người này là sáu giới này; là sáu xúc xú, mười sáu ý cận hành, bốn trú xú.”

¹² Pāli, *ibid.*, *chayimā dhātuyo— pathavīdhātu, āpodhātu, tejodhātu, vāyodhātu, ākāsadhātu, viññāṇadhātu*.

giới này. Thân người thụ bảm tinh khí này mà sanh sáu xứ¹³. Sao gọi là sáu xứ? Đó là xứ của mắt, xứ của tai, xứ của mũi, xứ của lưỡi, xứ của thân và xứ của ý. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là có sáu xứ này, nhờ cha mẹ mà có được. Y nơi sáu xứ mà có sáu thức thân. Sao gọi là sáu? Y nơi thức của mắt mà có thức thân của mắt thân. Y nơi thức của tai, thức của mũi, thức của lưỡi, thức của thân, thức của ý mà có thức thân của ý.¹⁴ Nay Tỳ-kheo, đó gọi là sáu thức thân. Nếu có Tỳ-kheo nào hiểu sáu giới, sáu xứ, sáu thức này, có thể vượt qua sáu cõi trời mà thọ hình trở lại.¹⁵ Nếu ở nơi ấy mạng chung sẽ sanh vào chốn này, thông minh tài cao, ngay trên hiện thân dứt sạch kết sử, đạt đến Niết-bàn.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Mục-liên:

“Nay ngươi hãy đem các Tỳ-kheo này trở về cõi Phật ấy.”

Mục-liên đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Mục-liên lại lấy bình bát đựng năm trăm Tỳ-kheo ấy, nhiều Phật ba vòng rồi lui đi, trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay đã đến cõi Phật ấy. Mục-liên đặt các Tỳ-kheo này xuống xong, đánh lễ sát chân Phật ấy, rồi trở về thế giới Nhẫn này¹⁶. Các Tỳ-kheo cõi kia sau khi nghe sáu giới này đều dứt sạch cấu uế, được mắt pháp **[710c01]** trong sạch.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo,

“Trong các đệ tử của ta, Thanh văn có thần thông bậc nhất khó ai bì kịp, chính là Tỳ-kheo Đại Mục-kiền-liên.”

¹³ Lục nhập 六入, sáu xứ. Pāli: *cha āyatanāni*.

¹⁴ Lục thức thân 六識身, Pāli, *cha viññāṅkāyā*.

¹⁵ Vượt qua sáu Dục giới thiên, tái sinh Sắc giới.

¹⁶ Nhẫn giới 忍界, thế giới Kham nhẫn, tức thế giới Ta (Sa)-bà. Skt. Sahalokadhātu.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Sư tử,¹⁷ nước Bạt-kỳ. Lúc ấy, các Tỳ-kheo đức cao có thần túc¹⁸, như hiền giả Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Ca-diếp, Ly-việt, A-nan, v.v..., gồm năm trăm người đều có mặt.

Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, Đại Mục-liên, Đại Ca-diếp, A-nan-luật, đi đến chỗ Xá-lợi-phất. A-nan trông thấy ba đại Thanh văn đến chỗ Xá-lợi-phất, liền bảo Ly-việt:

“Ba đại Thanh văn đến chỗ Xá-lợi-phất. Hai chúng ta cũng nên đến chỗ Xá-lợi-phất. Vì sao vậy? Để nghe Xá-lợi-phất nói pháp vi diệu.”

Ly-việt đáp:

“Việc này đáng vậy.”

Lúc ấy, Ly-việt, A-nan đến chỗ Xá-lợi-phất. Xá-lợi-phất nói:

“Kính chào chư hiền! Mời ngồi xuống chỗ này.”

Xá-lợi-phất nói với A-nan:

¹⁷ Sư tử viên 師子園; đoạn dưới nói: Nguru sư tử viên 牛師子園. Trong Pāli không có vườn nào tên Sư tử. Nội dung kinh tương đương M 32 Mahā-Gosiṅgasutta (R. i. 213), tại vườn Gosiṅgasālanadāya: Nguru giác sa-la lâm. Có lẽ Hán dịch đọc là Gosimha (Nguru Sư tử) thay vì Gosiṅga (Nguru giác, sừng bò). Khu rừng này ở tại Nāḍika, trong lãnh thổ của Vajji (Bạt-kỳ). Xem, Hán dịch tương đương, *Trung 48*, kinh 184: Nguru giác sa-la lâm 牛角娑羅林

¹⁸ Thần túc cao đức 神足高德; Pāli, *ibid.*: *abhiññātehi abhiññātehi*, rất nổi tiếng, được mọi người biết đến.

“Nay tôi có điều muốn hỏi: vườn Nguu sư tử này thật là khả ái lạc, hương trời tự nhiên bay khắp bốn phía. Ai có thể làm cho khu vườn này trở nên khả ái¹⁹?”

A-nan đáp:

“Nếu có Tỳ-kheo nào nghe nhiều, những điều đã nghe không quên, tổng trì nghĩa và vị²⁰ của các pháp, tu hành phạm hạnh đầy đủ.²¹ Các pháp như vậy thảy đều đầy đủ, không quên sót, vì chúng bốn bộ mà nói pháp không mất thứ lớp, cũng không sơ sót, không có loạn tướng. Tỳ-kheo như vậy làm cho khu vườn Nguu sư tử này trở nên khả ái lạc.”

Bấy giờ, Xá-lợi-phất nói với Ly-việt²²:

“Hôm nay, A-nan đã nói rồi. Nay tôi lại muốn hỏi ý nghĩa nơi Thầy. Vườn Nguu sư tử mà trở thành khả ái lạc, Thầy hãy nói, có nghĩa như thế nào?”²³

Ly-việt đáp:

“Tỳ-kheo vui thích sống nơi nhàn tĩnh, tọa thiền tư duy, cùng tương ưng chỉ quán. Tỳ-kheo như vậy làm cho khu vườn Nguu sư tử trở thành khả ái.”

Tôn giả Xá-lợi-phất lại nói với A-na-luật²⁴:

¹⁹ Pāli, ibid., *kathaṃrūpena bhikkhunā gosiṅgasālavanaṃ sobheyyā*”ti? Tỳ-kheo như thế nào thì làm sáng chói khu rừng Gosiṅgasāla này? So sánh *Trung 48*, ibid. “Tỳ-kheo như thế nào thì làm *khởi phát* rừng Nguu giác sala này?”

²⁰ Pāli: *sāttḥā sabyañjanā*: (pháp ấy) có nghĩa và có văn.

²¹ Pāli: *kevalaparipuṇṇaṃ parisuddhaṃ brahmacariyaṃ abhivadanti*, (pháp ấy) hiển hiện phạm hạnh thanh tịnh và tuyệt đối hoàn hảo.

²² Ly-việt 離越, xem kinh 2 phẩm 4. Pāli: Revata (Khadiravaniyo), đệ nhất lâm trú (*ārañṇakānaṃ*).

²³ Nội dung câu hỏi Xá-lợi-phất nêu cho các Tỳ-kheo như nhau: Ai làm sáng chói khu rừng này? Văn Hán dịch biến thiên, dễ gây hiểu nhầm.

“Nay Thầy hãy nói về ý nghĩa làm cho khả ái.”

A-na-luật đáp:

“Nếu Tỳ-kheo nào dùng thiên nhãn quan sát trông suốt các chúng sanh kẻ chết người sống, sắc đẹp, sắc xấu, đường lành, đường ác, hoặc tốt hoặc xấu; thầy đều biết tất cả. Hoặc có chúng sanh thân, [711a01] miệng, ý hành ác, phỉ báng Hiền thánh, thân hoại mạng chung sinh trong địa ngục; hoặc lại có chúng sanh thân, miệng, ý hành thiện, không phỉ báng Hiền Thánh. Giống như một người nhìn không trung, thấy không thiếu thứ gì.²⁵ Tỳ-kheo có thiên nhãn cũng lại như vậy, xem thấy thế giới không chút nghi ngờ. Tỳ-kheo làm cho khu vườn Nguru sư tử trở thành khả ái.”

Xá-lợi-phất lại nói với Ca-diếp:

“Nay tôi hỏi Thầy, các hiền giả đã nói ý nghĩa làm cho khả ái như vậy. Nay đến lượt Thầy nói việc ấy.”

Ca-diếp đáp:

“Nếu có Tỳ-kheo nào sống hành a-lan-nhã, lại khuyến khích người khác hành A-lan-nhã, tán thán đức nhân tĩnh, tự thân đắp y vá nhiều mảnh,²⁶ lại khuyến khích người khác hành đầu-đà, thân tự biết đủ, sống nơi nhân tĩnh, lại khuyến khích người khác tu hạnh ấy. Tự thân đầy đủ giới đức, thành tựu tam-muội, thành tựu trí huệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến,²⁷ lại dạy người khác khiến hành pháp này, tán thán pháp này, đã có thể khuyến hóa, lại dạy người khác khiến hành pháp

²⁴ A-na-luật 阿那律; thiên nhãn đệ nhất. Pāli: Anuruddha.

²⁵ Hán dịch lược bỏ đoạn giữa về thiên nhãn.

²⁶ Bồ nạp chi y 補納之衣, đây hiểu là trì y phẩn tảo, một trong các hạnh đầu-đà. Pāli: *pamsukūliko*.

²⁷ Nguyên Hán: Giải thoát kiến tuệ 解脫見慧, biết rằng giải thoát.

này, giáo hóa không biết mệt mỏi. Tỳ-kheo như vậy làm cho vườn Nguu sư tử trở thành khả ái không gì bằng.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nói Đại Mục-liên:

“Các Hiền thánh đã nói ý nghĩa làm cho khả ái. Nay đến lượt Thầy nói về ý nghĩa làm cho khả ái. Khu vườn Nguu sư tử này khoái lạc vô song, nay Thầy muốn nói thế nào điều đó?”

Mục-liên đáp:

“Ở đây, Tỳ-kheo nào có đại thần túc, được tự tại nơi thần túc, vị ấy có thể biến hóa vô số ngàn việc mà không có gì nghi ngờ. Cũng có thể phân một thân thành vô số thân, hoặc hoàn lại thành một thân. Có thể đi xuyên qua vách đá. Vọt lên, chìm xuống, một cách tự tại. Cũng như thuyền lướt trên sông, giống như chim bay trên không, chẳng lưu dấu vết. Giống như lửa dữ thiêu đốt núi hoang. Cũng như mặt trời mặt trăng chiếu khắp mọi nơi. Cũng có thể đưa tay sờ mặt trời, mặt trăng. Cũng có thể hóa thân cao đến trời Phạm thiên. Tỳ-kheo như vậy khiến vườn Nguu sư tử khả ái²⁸ .

Bấy giờ, Mục-liên nói với Xá-lợi-phất:

“Chúng tôi đều đã nói rõ ý kiến của mình. Nay chúng tôi hỏi ý nghĩa nơi Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo như thế nào làm cho khu vườn Nguu sư tử này trở thành rất là khả ái?”²⁹

Xá-lợi-phất nói:

“Nếu có Tỳ-kheo nào có khả năng hàng phục tâm, chứ không phải³⁰ Tỳ-kheo không thể hàng phục tâm kia. Nếu Tỳ-kheo kia

²⁸ Nguyên Hán dịch: nghi Sư tử viên trung 宜牛師子園中. Câu văn dịch này bị gãy, dễ khiến hiểu lầm. So nội dung toàn Kinh mà chỉnh lại.

²⁹ Dịch sát nguyên Hán, phải nói: “Vườn Nguu sư tử này cực kỳ khoái lạc, Tỳ-kheo như thế nào nên ở trong đó?” Như vậy có thể hoàn toàn sai với ý nghĩa nội dung toàn Kinh. Khu vườn này không phải là đệ nhất trong các khu vườn để được đánh giá quá cao như vậy.

muốn đạt tam-muội tức thì Tỳ-kheo kia có thể được [711b01] tam-muội, tùy ý xa gần thành tựu tam-muội, tức có thể thành tựu việc ấy. Giống như nhà trưởng giả có y phục đẹp đẽ đựng đầy trong rương. Bấy giờ, trưởng giả kia tùy ý muốn lấy những áo nào thì lấy tùy ý mà không có gì nghi ngờ. Ở đây cũng vậy, có thể tùy ý nhập vào tam muội. Tỳ-kheo có thể vận dụng tâm, chứ không phải Tỳ-kheo không thể vận dụng tâm,³¹ tùy ý nhập định cũng không có gì nghi ngờ. Như vậy, Tỳ-kheo có thể vận dụng tâm, chứ không phải Tỳ-kheo không thể vận dụng tâm. Tỳ-kheo như vậy sẽ khiến vườn Ngưu sư tử khả ái.”

Rồi Xá-lợi-phất nói với các hiền giả:

“Chúng ta đã tùy theo biện tài của mình mà nói, và cũng tùy theo chỗ thích hợp mà khéo nói ý nghĩa này. Chúng ta hãy cùng đến hỏi Thế Tôn: ‘Tỳ-kheo như thế nào khiến vườn Ngưu sư tử này khả ái?’ Nếu Thế Tôn có dạy điều gì thì chúng ta sẽ phụng hành.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, Tôn giả Xá-lợi-phất!”

Lúc ấy, các đại Thanh văn cùng nhau đi đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, các ngài đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ các đại Thanh văn đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo:

“Lành thay, đúng như những gì A-nan nói. Vì sao vậy? Vì Tỳ-kheo A-nan nghe pháp có thể ghi nhớ, tổng trì các pháp mà đầy đủ sự tu hành phạm hạnh. Với pháp như vậy, được khéo nghe,

³⁰ Trong bản Hán: nhiên dĩ tâm bất năng 然彼心不能, nghi thiếu chữ phi : nhiên phi dĩ tâm...Đôi chiếu Pāli: *no ca bhikkhu cittassa vasena vattati*.

³¹ Lưu ý văn Hán dịch đảo trang: tâm năng sử Tỳ-kheo, phi Tỳ-kheo năng sử tâm 心能使比丘非比丘能使心.

không quên sót, cũng không có tà kiến, vì chúng bốn bộ mà nói lại, lời lẽ không thác loạn, cũng không sơ suất.

“Những điều Tỳ-kheo Ly-việt nói lại cũng thích thay! Vì sao vậy? Ly-việt ưa thích nơi nhàn tĩnh, không ở giữa người đời, thường niệm tọa thiền, không có tranh cãi, cùng tương ưng chỉ quán, sống an tịch mệnh nhàn tĩnh.

“Tỳ-kheo A-na-luật nói cũng lại thích thay! Vì sao vậy? Tỳ-kheo A-na-luật thiên nhân bậc nhất. Vị ấy dùng thiên nhân quan sát ba ngàn thế giới. Giống như người sáng mắt xem hạt ngọc trong lòng bàn tay, Tỳ-kheo A-na-luật cũng lại như vậy, dùng thiên nhân quan sát khắp ba ngàn đại thiên thế giới này không chút đáng ngờ.

“Nay Tỳ-kheo Ca-diếp cũng lại thích thay! Vì sao vậy? Tỳ-kheo Ca-diếp tự thân sống hành a-lan-nhã, lại hay tán thán đời sống ở nơi nhàn tĩnh. Tự mình khát thực, lại có thể ca ngợi đức khát thực. Tự thân mặc y rách vá, lại hay tán thán về đức mặc y rách vá. Tự thân biết đủ, lại tán thán về đức biết đủ. Tự thân ở nơi hang núi, lại hay tán thán về đức ở hang núi. Tự thân thành tựu giới, thành tựu tam-muội, thành tựu trí huệ, [711c01] thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến*, lại hay dạy người thành tựu năm phần Pháp thân này. Tự thân có thể giáo hóa, lại hay khiến mọi người thực hành Pháp ấy.

“Lành thay! Lành thay! Như những gì Mục-liên đã nói. Vì sao vậy? Tỳ-kheo Mục-liên có oai lực lớn, thần thông bậc nhất, tâm được tự tại, ý muốn kia làm gì đều có thể thành ngay. Hoặc hóa một thân phân làm vạn ức, hoặc hợp trở lại làm một. Đi xuyên qua vách đá mà không có trở ngại. Vọt lên, chìm xuống tự tại. Cũng như thuyền lướt trên nước, không chướng ngại. Như chim giữa hư không, không để lại dấu vết. Giống như mặt trời, mặt trăng, không chỗ nào không chiếu. Có thể hóa thân cho đến trời Phạm thiên.

“Lành thay! Như những gì Xá-lợi-phất nói. Vì sao vậy? Xá-lợi-phất có thể hàng phục tâm, không phải không hàng phục tâm. Xá-lợi-phất khi muốn nhập định thì có thể thành tựu không có khó ngại. Giống như trường giả có y phục đẹp, tùy ý lấy mà không có khó ngại. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất cũng lại như vậy, có thể hàng phục tâm, không phải không có thể hàng phục. Xá-lợi-phất tùy ý nhập tam-muội, tất cả đều hiện tiền.

“Lành thay! Lành thay! các Tỳ-kheo, các Thầy đã nói những gì theo chỗ thích hợp của mình. Nhưng bây giờ hãy nghe những gì Ta nói. Tỳ-kheo làm sao khiến vườn Nguru sư tử khả ái? Tỳ-kheo sống nương theo làng xóm, đến giờ, vị ấy đắp y mang bát, vào làng khát thực. Sau khi khát thực xong, vị ấy trở về chỗ ở, rửa mặt và tay, ngồi dưới bóng một gốc cây, chánh thân, chánh ý, ngồi kiết già, buộc niệm trước mặt. Tỳ-kheo ấy nghĩ thầm: ‘Nay ta sẽ không dời bỏ chỗ ngồi này, cho đến khi diệt tận hữu lậu, thành vô lậu.’

“Bấy giờ, Tỳ-kheo kia sạch hữu lậu, tâm được giải thoát. Tỳ-kheo như vậy khiến vườn Nguru sư tử khả ái. Vậy, này các Tỳ-kheo, hãy luôn siêng năng tinh tấn, chớ có biếng nhác.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay, Ta sẽ nói về sự chú nguyện có sáu đức, các vị hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ.”

các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn!”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng theo lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

“Sáu đức ấy là gì? Ở đây, đàn việt thí chủ thành tựu ba **[0712a01]** pháp. Thế nào là đàn-việt thí chủ thành tựu ba pháp? Ở đây, đàn việt thí chủ thành tựu tín căn, thành tựu giới đức, thành tựu pháp nghe. Đó gọi là đàn việt thí chủ thành tựu ba pháp này.

“Vật được thí cũng thành tựu ba pháp. Sao gọi là ba? Vật kia thành tựu sắc, thành tựu vị, thành tựu hương. Có ba pháp thành tựu này.

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là có sáu sự này được công đức lớn, danh đức vang xa, đạt được báo cam lồ. Cho nên, các Tỳ-kheo, nếu muốn thành tựu sáu sự này, hãy niệm bố thí.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô số người. Lúc ấy có một Tỳ-kheo ở trên chỗ ngồi, nghĩ thầm: “Mong Như Lai nói với ta điều gì đó.” Bấy giờ Như Lai biết những ý nghĩ trong tâm vị ấy, nên bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có Tỳ-kheo nào nghĩ như vậy: ‘Ước mong Như Lai đích thân giáo huấn ta;’ Tỳ-kheo ấy hãy đầy đủ giới thanh tịnh, không có tỳ vết, tu hành chỉ quán, thích ở nơi nhàn tĩnh.

“Nếu Tỳ-kheo nào có ý muốn cầu y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh, hãy thành tựu giới đức, ở nơi nhàn tĩnh mà tự tu hành, cùng chí quán tương ưng.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại muốn cầu sự biết đủ, hãy niệm giới đức đầy đủ, ở nơi nhàn tĩnh mà tự tu hành, cùng tương ưng với chí quán.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại mong cầu sao cho chúng bốn bộ, quốc vương, nhân dân, các loài có hình hài trong thấy nhận biết mình, vị ấy hãy niệm tướng đầy đủ giới đức.

“Nếu Tỳ-kheo nào ý muốn cầu bốn thiên, trong đó không tâm hối tiếc, không dời đổi, hãy niệm thành tựu giới đức.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại ý muốn cầu bốn thần túc, hãy đầy đủ giới đức.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại ý muốn cầu tám giải thoát môn mà không trở ngại, vị ấy cũng hãy niệm đầy đủ giới đức.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại ý muốn cầu thiên nhĩ nghe hết tiếng trời người, hãy niệm đầy đủ giới đức.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại ý muốn cầu biết những ý nghĩ trong tâm người khác, các căn thiếu sót, vị ấy cũng hãy niệm đầy đủ giới đức.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại ý muốn cầu biết tâm ý chúng sanh là tâm hữu dục hay tâm vô dục, tâm có sân hận hay tâm không sân hận, [712b01] tâm có ngu si hay tâm không ngu si, như thật biết chúng. Tâm có ái hay tâm không ái, tâm có thọ hay tâm không thọ, như thật biết chúng. Tâm có loạn hay tâm không loạn, tâm có ganh ghét hay tâm không ganh ghét, tâm có nhỏ mọn hay tâm không nhỏ mọn, tâm hạn lượng hay tâm không hạn lượng, tâm có cảm thọ hay tâm không cảm thọ, tâm có định hay tâm không định, tâm có giải thoát hay tâm không giải

thoát, người nào muốn biết như thật như vậy cũng phải đầy đủ giới đức.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại ý muốn được vô lượng thần túc, phân một thân thành vô số và hợp trở lại thành một, vọt lên và chìm xuống tự tại, có thể hóa thân cho đến Phạm thiên, vị ấy cũng phải niệm đầy đủ giới đức.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại ý muốn cầu tự mình nhớ lại những việc trong vô số đời trước, hoặc một đời, hai đời cho đến ngàn đời, trăm ngàn ức đời, trong một kiếp thành, kiếp bại, kiếp thành bại không thể đếm hết. ‘Ta đã từng chết đây, sanh kia, tên ấy, họ ấy, hoặc từ nơi kia chết sanh đến chốn này.’ Tự nhớ những việc vô số kiếp như vậy, hãy niệm đầy đủ giới đức mà không có niệm khác.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại ý muốn được thiên nhãn trông thấy hết chúng sanh, đường lành đường dữ, sắc đẹp sắc xấu, hoặc tốt, hoặc xấu, như thật mà biết. Hoặc lại có chúng sanh thân, miệng, ý hành ác, phỉ báng Hiền thánh, thân hoại mạng chung sinh trong địa ngục; hoặc lại có chúng sanh thân, miệng, ý hành thiện, không phỉ báng Hiền thánh, tâm ý chánh kiến, thân hoại mạng chung sinh lên trời nơi lành; người có ý muốn như vậy, hãy niệm đầy đủ giới đức.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại ý muốn cầu diệt tận hữu lậu, thành vô lậu, tâm giải thoát, trí huệ giải thoát, biết như thật rằng, Sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau; hãy niệm đầy đủ giới đức, trong tự tư duy không có loạn tưởng, sống ở nơi nhàn tịnh.³²

³² Từ đây trở lên, sáu đoạn, tham chiếu Pāli, A VI 2 Dutiya-āhuneyyasutta (R. iii. 280): 1. *iddhividham*, thần túc; 2. *dibbāya, sotadhātuyā visuddhāya*, thiên nhĩ thanh tịnh; 3. *parasattānaṃ parapuggalānaṃ cetasā ceto paricca pajānāti*, tha tâm thông; 3 *pubbenivāsaṃ anussarati*, túc mạng thông; 5. *dibbena cakkhunā visuddhena*, thiên nhãn thanh tịnh; 6. *āsavaṇaṃ khayā*,

“Các Tỳ-kheo, hãy niệm đầy đủ giới đức, không có niệm khác, thành tựu đầy đủ oai nghi, sợ cả những lỗi nhỏ huống gì là lỗi lớn.

“Nếu có Tỳ-kheo nào ý muốn được Như Lai nói đến, hãy niệm đầy đủ giới đức. Giới đức đã đầy đủ, hãy niệm nghe đầy đủ. Nghe đã đầy đủ thì, hãy niệm bố thí đầy đủ. Thí đã đầy đủ thì, hãy niệm đầy đủ trí huệ, và giải thoát tri kiến, thầy đều đầy đủ.

“Nếu có Tỳ-kheo nào đầy đủ các thân giới, thân định, tuệ, thân giải thoát, thân giải thoát tri kiến, được trời rồng, quỷ thần trông thấy cúng dường, là chỗ đáng kính, đáng quý, được trời người cung phụng. Cho nên, này các Tỳ-kheo, ai niệm đầy đủ năm phần Pháp thân, người ấy là ruộng phước thế gian, không gì hơn được.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.³³

KINH SỐ 6

Tôi Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Lúc ấy, Xá-lợi-phất bạch Thế Tôn rằng:

“Nay con đã kết hạ tại thành Xá-vệ. Ý con muốn đi du hóa trong nhân gian.”

diệt tận hữu lậu. Tỳ-kheo thành tựu 6 pháp này, trở thành người xứng đáng được cung kính, được tôn trọng, là phước điền vô thượng của thế gian (*āhneyyo hoti ...pe... anuttaram puññakkhettaṃ lokassa*).

³³ Bản Hán, hết quyển 29.

Thế Tôn bảo:

“Nay là lúc thích hợp.”

Xá-lợi-phất liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật, rồi ra đi.

Xá-lợi-phất đi chưa lâu, có một Tỳ-kheo ôm ý phi báng, bạch Thế Tôn:

“Xá-lợi-phất gây gỗ với các Tỳ-kheo, rồi không sám hối. Nay bỏ đi du hành trong nhân gian.”³⁴

Bấy giờ, Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

“Người hãy mau đem lời của Ta gọi Xá-lợi-phất.”

Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn!”

Phật bảo Mục-liên, A-nan:

“Các người hãy đến các phòng tập hợp các Tỳ-kheo về chỗ Thế Tôn. Vì sao vậy? Bằng tam-muội đã chứng nhập, Xá-lợi-phất nay sẽ rống tiếng sư tử trước Như Lai.”

Lúc ấy, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, đều tập hợp về chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Tỳ-kheo kia vâng lời Thế Tôn dạy, đi đến chỗ Xá-lợi-phất, nói với Xá-lợi-phất:

“Như Lai muốn gặp Thầy!”

Bấy giờ, Xá-lợi-phất đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Phật bảo Xá-lợi-phất:

“Vừa rồi, thầy vừa đi chưa lâu, có một Tỳ-kheo đến chỗ Ta, bạch Ta rằng: ‘Tỳ-kheo Xá-lợi-phất **[713a01]** gây gỗ với các Tỳ-kheo. Chưa sám hối mà bỏ đi du hành nhân gian.’ Điều đó có thật không?”

³⁴ Chi tiết tương tự, xem *Trung 5*, kinh 24 (Sư tử hồng).

Xá-lợi-phát bạch Phật:

“Như Lai đã biết điều đó.”

Thế Tôn bảo:

“Ta đã biết rồi. Nhưng nay đại chúng đều có lòng hoài nghi. Nay, ở giữa đại chúng, ông hãy dùng biện tài của mình mà làm sáng tỏ việc này.”

Xá-lợi-phát bạch Phật:

“Từ khi ra khỏi thai mẹ đến tám mươi tuổi, con thường tự tư duy, là chưa từng sát sanh, cũng chưa nói dối. Ngay cả trong khi đùa vui cũng không nói láo. Con cũng chưa từng gây đấu loạn người này với người kia. Hoặc giả có lúc không chuyên ý, mới có thể làm việc này. Nhưng, bạch Thế Tôn, nay tâm ý con thanh tịnh, há cùng đấu tranh với các vị phạm hạnh sao?

“Cũng như đất này, nhận cả sạch lẫn dơ. Phân, nước tiểu, mọi thứ ô uế, thảy đều nhận hết. Máu mủ, đờm dãi, cũng không hề khước từ. Thế nhưng, đất này cũng không nói đó là xấu, cũng không nói đó là tốt. Con cũng như vậy, bạch Thế Tôn, tâm không lay động, làm sao lại có tranh chấp với đồng phạm hạnh, rồi bỏ đi đi xa? Người mà tâm không chuyên nhất, mới có thể có việc này. Nay tâm con đã chánh, làm sao lại có tranh chấp với đồng phạm hạnh, rồi bỏ đi đi xa?

“Cũng như nước, cũng có thể rửa sạch vật tốt, cũng có thể rửa sạch vật không tốt. Nhưng nước kia không nghĩ rằng: ‘Ta làm sạch vật này; bỏ qua vật này.’ Con cũng như vậy, không có tưởng khác, làm sao lại có tranh chấp với đồng phạm hạnh, rồi bỏ đi đi xa?

“Giống như ngọn lửa dữ thiêu đốt núi rừng, không lựa chọn tốt xấu, không hề tưởng niệm gì. Con cũng như vậy, há lại có tranh chấp với đồng phạm hạnh, rồi bỏ đi đi xa?

“Cũng như chổi quét, không có lựa tốt xấu, đều có thể quét sạch, không hề tưởng niệm gì.³⁵

“Giống như bò không có hai sừng, hết sức hiền lành, không chút hung bạo, rất dễ điều khiển, dẫn đi đâu tùy ý, không có gì nghi ngại. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, tâm con như vậy, không khởi tưởng gây tổn hại gì, há lại có tranh chấp với đồng phạm hạnh, rồi bỏ đi đi xa?

“Cũng như con gái dòng chiên-đà-la mặc áo rách nát, đi xin ăn giữa người đời; không có gì phải cảm kỵ nó. Con cũng như vậy, bạch Thế Tôn, cũng không có tưởng niệm rằng: ‘Cứ gây gổ rồi bỏ đi xa.’

“Cũng như cái nồi đựng mỡ bị rò rỉ nhiều chỗ, người có mắt thấy đều thấy chỗ rỉ ra. Con cũng như vậy, bạch Thế Tôn, từ trong chín lỗ rỉ ra chất bất tịnh, há cùng đồng phạm hạnh tranh cãi nhau.

“Giống như thiếu nữ xinh đẹp, lại lấy xác chết quấn lên **[713b01]** cổ rồi sanh ghê tởm nó. Thế Tôn, con cũng như vậy, nhờn tởm thân này như thiếu nữ ấy không khác, há cùng đồng phạm hạnh tranh cãi nhau rồi bỏ đi xa? Việc này không hề có. Thế Tôn đã biết điều này. Tỳ-kheo kia cũng biết rõ điều đó. Nếu có việc này, xin Tỳ-kheo ấy nhận sự sám hối của con!”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo kia:

“Nay ngươi nên tự hối lỗi. Vì sao vậy? Vì nếu không sám hối, đầu ông sẽ bị vỡ thành bảy mảnh.”

Lúc ấy, Tỳ-kheo kia trong lòng sợ hãi, lông tóc đều dựng đứng, vội rời chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Như Lai, bạch Thế Tôn:

³⁵ Nội dung có thêm đoạn lặp lại như trên, nhưng Hán dịch lược bỏ.

“Nay, con tự biết xúc phạm Xá-lợi-phát. Cúi xin Thế Tôn nhận sự sám hối của con.”

Thế Tôn bảo:

“Tỳ-kheo, người hãy tự hướng về Xá-lợi-phát mà sám hối. Nếu không đầu người sẽ vỡ thành bảy mảnh.”

Lúc ấy, Tỳ-kheo kia liền hướng đến Xá-lợi-phát đánh lễ sát chân, bạch Xá-lợi-phát:

“Cúi xin ngài nhận sự sám hối của con. Vì ngu muội, không phân biệt được sự thật.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Xá-lợi-phát:

“Nay ông hãy nhận sự hối lỗi của Tỳ-kheo này, lại phải dùng tay xoa đầu. Vì sao vậy? Vì nếu ông không nhận sự sám hối của Tỳ-kheo này, đầu kia sẽ bị vỡ thành bảy mảnh.”

Xá-lợi-phát dùng tay xoa đầu, nói Tỳ-kheo:

“Cho phép Thầy sám hối! Như ngu, như si, trong Phật pháp này rất là rộng rãi, có thể tùy thời hối lỗi. Lành thay! Nay ta nhận sự sám hối của Thầy, sau này chớ tái phạm.” Xá-lợi-phát nói như vậy ba lần.

Rồi Xá-lợi-phát bảo Tỳ-kheo kia:

“Thầy chớ có tái phạm. Vì sao vậy? Vì có sáu pháp dẫn vào địa ngục, sáu pháp sanh thiên, sáu pháp dẫn đến Niết-bàn. Thế nào là sáu? Muốn hại người khác. Vui mừng hơn hờ, không tự chế được, rằng: ‘Ta đã khởi hại tâm.’ Ở trong đó khởi tâm hại rằng: ‘Ta sẽ dạy bảo người khiến hại người khác.’ Khi đã hại được người, ở trong đó khởi vui mừng: ‘Ta sẽ được câu hỏi về sự không thơm³⁶ này’. Sự việc ấy chưa xảy ra, trong lòng ưu sầu. Đó gọi là có sáu pháp khiến người rơi vào đường dữ.

³⁶ Hán: bất tịnh chi vấn 不馨之問; chưa rõ ý.

“Sao gọi là sáu pháp đưa người đến cõi lành? Thân giới đầy đủ, khẩu giới đầy đủ, ý giới đầy đủ, mạng căn thanh tịnh, không tâm giết hại, không tâm ganh ghét. Đó gọi là có sáu pháp này sanh vào nơi lành.

“Sao gọi là tu sáu pháp dẫn đến Niết-bàn? Đó là sáu pháp tu niệm. Thế nào là sáu? Thân hành từ không hoen ố, miệng hành từ không hoen ố [713c01], ý hành từ không hoen ố. Nếu được đồ lợi dưỡng thì có thể phân chia đồng đều cho người khác mà không có tướng tiếc rẻ. Giữ gìn giới cấm không có lầm lỗi; thành tựu đầy đủ giới mà người trí quý trọng. Điều gì là tà kiến, chánh kiến, xuất yếu của Hiền Thánh, dứt sạch gốc khổ; các kiến giải như vậy, thầy đều phân minh.³⁷ Đó gọi là sáu pháp được đến Niết-bàn. Nay Tỳ-kheo, thầy hãy tìm cầu phương tiện hành sáu pháp này.

“Các Tỳ-kheo, hãy phải học điều này như vậy.”

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia lại rời chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Xá-lợi-phất: “Nay con lại tự sám hối. Vì như ngu, như si mà không phân biệt được sự thật. Cúi xin Xá-lợi-phất nhận sự hối lỗi của con. Sau này con sẽ không tái phạm.”

Xá-lợi-phất nói:

“Cho phép Thầy hối lỗi. Trong pháp Hiền thánh rất rộng rãi, hãy tự sửa đổi. Từ nay về sau, chớ có tái phạm lại.”

Tỳ-kheo kia sau khi nghe những gì Xá-lợi-phất dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

³⁷ Sáu trọng pháp, hay khả hỷ, xem kinh số 1 phẩm 37 trên.

“Nay Ta sẽ nói pháp Không tối thượng đệ nhất. Các người hãy lắng nghe và suy niệm kỹ!”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn!”

Như vậy, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy.

Thế Tôn bảo:

“Sao gọi là pháp Không tối thượng đệ nhất³⁸? Nếu khi mất khởi thì nó khởi, nhưng không thấy từ đâu đến. Khi mất diệt thì nó diệt, nhưng không thấy nơi nó diệt, trừ pháp giả hiệu, pháp nhân duyên. Sao gọi là giả hiệu, nhân duyên? Cái này có, thì (cái kia) có; cái này sanh, thì (cái kia) sinh. Tức là, vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu xứ, sáu xứ duyên xúc³⁹, xúc duyên thọ⁴⁰, thọ duyên ái, ái duyên thủ⁴¹, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên chết, chết duyên sầu ưu khổ não không thể đếm hết. Khổ ám như vậy được tác thành.

“Nhân duyên này không thì không (kia), đây diệt thì (kia) diệt, vô minh diệt thì hành diệt; hành diệt thì thức diệt; thức diệt thì danh sắc diệt; danh sắc diệt thì sáu xứ diệt; sáu xứ diệt thì xúc* diệt; xúc diệt thì thọ* diệt; thọ diệt thì ái diệt; ái diệt thì thủ* diệt; thủ diệt thì hữu diệt; hữu diệt thì sanh diệt; sanh diệt thì chết diệt; chết diệt thì sầu ưu khổ não đều bị diệt sạch ngoại trừ pháp giả hiệu. Pháp tai, mũi, lưỡi, thân, ý, cũng lại như vậy. Khi khởi thì khởi, nhưng không biết nó từ đâu đến. Khi diệt thì diệt cũng không biết nơi nó diệt, trừ pháp giả hiệu kia. Pháp giả hiệu kia là, đây khởi thì (kia) khởi, đây diệt thì (kia) diệt. Sáu

³⁸ Đệ nhất tối không pháp 第一最空法.

³⁹ Nguyên Hán: canh lạc.

⁴⁰ Nguyên Hán: thống.

⁴¹ Nguyên Hán: thọ.

xứ này cũng không có người tạo tác, cũng vậy danh sắc.⁴² Pháp sáu xứ là do cha mẹ mà có thai, cũng không nhân duyên mà có. Đây cũng là giả hiệu. Trước phải có đối đãi, sau đó mới có. Giống như dùi cây tìm lửa. Vì trước có đối đãi, sau đó lửa sanh. Lửa không từ cây ra, cũng không ở ngoài cây. Nếu có người nào bỏ cây tìm lửa, cũng không thể được. Đều do nhân duyên hội hợp, sau đó có lửa. Sáu tình này khởi bệnh cũng lại như vậy, đều do duyên hợp ở trong đó khởi bệnh. Khi sáu xứ này khởi thì khởi, cũng không thấy nó đến. Khi diệt thì diệt, cũng không thấy nó diệt, trừ pháp giả hiệu kia. Nhân vì cha mẹ hội hợp mà có.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Trước phải thọ bào thai,
Dần dần như giọt sữa.
Rồi giống như khói thịt.
Sau mới tượng ra hình.*

*Trước tiên sanh đầu cổ;
Kế sanh tay, chân, ngón;
Và sanh các bộ phận:
Lông, tóc, móng, răng thành.*

*Nếu khi mẹ ăn uống,
Các thứ món ăn ngon,
Tinh khí dùng nuôi mạng;
Nguồn gốc của thọ thai.*

*Hình hài thành đầy đủ,
Các căn không thiếu sót;
Nhờ mẹ được sanh ra
Thọ thai khổ như vậy.*

“Các Tỳ-kheo nên biết, nhân duyên hội hợp mới có thân này. Lại nữa, Tỳ-kheo, trong một thân người có ba trăm sáu mươi

⁴² Bấy chữ trong đề bản được xóa bỏ trong TNM: 六入亦無人造作.

đốt xương, chín vạn chín ngàn lỗ chân lông, năm trăm mạch máu, năm trăm dây gân, tám vạn hộ trùng. Tỳ-kheo nên biết, thân sáu xứ có những tai biến như vậy. Tỳ-kheo hãy niệm tư duy về tai hoạn như vậy. Ai tạo ra bộ xương này? Ai hợp gân mạch này? Ai tạo ra tám vạn hộ trùng này?

“Khi Tỳ-kheo kia tư duy như vậy liền đắc hai quả A-na-hàm hoặc A-la-hán,”

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ này:

*Ba trăm sáu đốt xương,
Ở trong thân người này.
Điều mà Cổ Phật đã diễn,
Nay ta cũng nói lại.*

[714b01] *Gân gồm năm trăm dây;
Mạch cũng cùng như vậy.
Trùng có tám vạn loại.
Chín vạn chín ngàn lông.*

*Hãy quán thân như vậy;
Tỳ-kheo cần tinh tấn,
Chóng đắc đạo La-hán,
Đi đến cõi Niết-bàn.*

*Pháp này đều Không tịch,
Nhưng người ngu tham đắm.
Người trí tâm vui vẻ
Nghe gốc pháp Không này.*

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là pháp Không tối thượng đệ nhất. Ta đã nói cho các người pháp được Như Lai thi hành⁴³. Nay Ta đã khởi lòng từ thương xót, điều cần làm Ta đã làm xong. Các người thường phải niệm tu hành pháp này. Ở chỗ nhàn tĩnh, tọa

⁴³ Để bản: thuyết hành 說行. TNM: thi hành.

thiền tư duy, chớ có biếng nhác. Nay không tu hành, sau hối vô ích. Đó là lời giáo huấn của Ta.⁴⁴

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, bà-la-môn Sanh Lậu đến chỗ Thế Tôn, thăm hỏi Phật rồi, ngồi qua một bên. Bà-la-môn Sanh Lậu⁴⁵ bạch Thế Tôn:

“Thưa Cù-đàm, ngày nay tâm ý của người sát-lợi muốn cầu sự gì? Có hành nghiệp gì? Chấp theo giáo nghĩa nào?⁴⁶ Theo đuổi mục đích gì? Tâm ý của người bà-la-môn ý muốn cầu sự gì? Có hành nghiệp gì? Làm theo lời dạy nào? Theo đuổi gì? Quốc vương ngày nay, ý muốn cầu gì? Có hành nghiệp gì? Chấp theo giáo nghĩa nào? Theo đuổi mục đích gì? Kẻ trộm ngày nay, ý muốn cầu gì? Có hành nghiệp gì? Chấp theo giáo nghĩa nào? Theo đuổi mục đích gì? Người nữ ngày nay, ý muốn cầu gì? Có hành nghiệp gì? Chấp theo giáo nghĩa nào? Theo đuổi mục đích gì?”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo bà-la-môn:

“Sát-lợi thường thích tranh tụng, nhiều kỹ thuật, ham thích làm việc, việc làm phải đạt cứu cánh, không nghỉ giữa chừng.”

⁴⁴ Văn chuẩn về giáo giới này, xem *Trung 21*, kinh 86 (tr. 565c19), và tân mạn. Văn chuẩn Pāli, xem M 8 Sallekha (R.i. 46), và tân mạn.

⁴⁵ Xem *cht. 13*, kinh 2 phẩm 6. Cf. A VI 52 Khattiyasutta (R. iii. 362). Tham chiếu Hán, *Trung 37*, kinh 149.

⁴⁶ Pāli, *ibid.*, *kim-abhinivesā*, tham chấp cái gì?

Bà-la-môn hỏi:

“bà-la-môn, ý cầu gì?”

Thế Tôn bảo:

“Bà-la-môn, ý thích chú thuật, ưa thích nơi chốn nhàn tĩnh, mục đích cư gia, ý nơi Phạm thiên.”

Lại hỏi:

“Quốc vương, ý cầu những gì?”

Thế Tôn bảo:

“Bà-la-môn nên biết, ý muốn của vua là được quyền cai trị, ý đặt tại binh đao, tham đắm tài bảo.”

“Kẻ trộm, ý cầu gì?”

Thế Tôn bảo:

“Kẻ trộm, ý trộm cướp, tâm gian tà, muốn cho mọi [714c01] người không biết việc làm của mình.”

“Người nữ, ý cầu điều gì?”

Thế Tôn bảo:

“Người nữ, ý để nơi người nam, tham đắm tài bảo, tâm lụy nam nữ, tâm muốn tự do.”

Bấy giờ, bà-la-môn bạch Thế Tôn:

“Thật là kỳ diệu! Thật hy hữu! Ngài biết ngàn ấy sự kiện, như thật không hư. Ngày nay, ý Tỳ-kheo cầu điều gì?”

Thế Tôn bảo:

“Giới đức đầy đủ, tâm an trú đạo pháp, ý ở bốn Đế, ước muốn đến Niết-bàn. Đây là những điều cầu của Tỳ-kheo.”

Lúc ấy, bà-la-môn Sanh Lậu bạch Thế Tôn:

“Thật vậy, Thế Tôn, việc làm của Tỳ-kheo, ý không thể dời đổi. Ý nghĩa thật như vậy, thưa Cù-đàm, Niết-bàn thật là an lạc. Những gì Như Lai đã thuyết là quá nhiều. Giống như kẻ mù được thấy, người điếc được nghe, người ở trong tối thấy sáng. Những điều Như Lai nói hôm nay, cũng như vậy, không đổi khác. Nay tôi việc nước quá nhiều, muốn trở về nơi ở.”

Thế Tôn bảo:

“Nên biết đúng lúc.”

bà-la-môn Sanh Lậu rời từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu Phật ba vòng rồi lui đi.

bà-la-môn Sanh Lậu sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, bà-la-môn Sanh Lậu đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ bà-la-môn bạch Thế Tôn:

“Ở trong đây có Tỳ-kheo nào tu hành thế nào mà phạm hạnh không sút, không rò rỉ; thanh tịnh tu phạm hạnh?”

Thế Tôn bảo:

“Nếu có người nào giới luật đầy đủ, không có điều vi phạm, người đó được nói là thanh tịnh tu hành phạm hạnh.

“Lại nữa, bà-la-môn, khi mắt thấy sắc, không khởi tưởng đắm, không khởi niệm tưởng phân biệt,⁴⁷ trừ tưởng ác, bỏ pháp bất

⁴⁷ Thức niệm 識念. Về thủ hộ căn môn, văn chuẩn, theo Pāli (Cf. D 2 Sāmaññaphala, và tán mạn): *cakkhunṇ rupaṃ disvā na nimittaggāhī hoti*

thiện, được nhãn căn trọn vẹn; người này được nói là tu phạm hạnh thanh tịnh. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi biết vị, thân biết mịn trơn, ý biết pháp, đều không có tướng của thức,⁴⁸ không khởi niệm của tướng⁴⁹, tu phạm hạnh thanh tịnh, thành tựu ý căn.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Những người như thế nào là không tu phạm hạnh, không đầy đủ thanh tịnh hạnh⁵⁰?”

Thế Tôn đáp:

“Nếu có giao hội⁵¹ với người, đó gọi phi phạm hạnh.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Những người như thế nào là rò rỉ,⁵² không đầy đủ?”

Thế Tôn đáp:

“Nếu có người giao tiếp với người nữ, hoặc sờ nắm tay chân nhau,⁵³ [715a01] áp ủ trong lòng, nhớ mãi không quên; người đó, này bà-la-môn, được nói là hành không trọn vẹn, bị rò rỉ, các sự dâm dật⁵⁴ cùng tương ưng với dâm, nô, si.

nānubyañjanaggāhī, khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng (chỉ tiết).

⁴⁸ Thức tướng 識想, thức nắm bắt tổng tướng. Xem cht. 47 trên.

⁴⁹ Tưởng niệm 想念, như thức niệm, xem cht. 47 trên.

⁵⁰ Thanh tịnh hạnh 清淨行: phạm hạnh; Pāli: *brahmacariya*.

⁵¹ Nguyên Hán: câu hội (Pāli: *dvayayaṃsamāpatti* = *methunā*); định nghĩa từ phi phạm hạnh (Pāli: *abrahmacariya*): hành pháp dâm dục.

⁵² Phạm hạnh bị sút mẻ, rò rỉ.

⁵³ Pāli: không hành dâm nhưng sờ nắm.

⁵⁴ Lậu, chur dâm dật 漏諸婬泆. Pāli: (*brahmacariyassa*) *sabalaṃ, kammāsa*, (phạm hạnh) có tý vết, có hoan ô. Nhưng Hán dịch đọc là *āsavaṃ, kamāsaṃ*, có lậu, có khát vọng dâm dục.

“Lại nữa, bà-la-môn, hoặc người ấy đùa cợt,⁵⁵ đối đáp với người nữ. Nay bà-la-môn, người đó được nói là người này hành không trọn vẹn, bị rò rỉ, có dâm, sân, si; phạm hạnh không đầy đủ để tu thanh tịnh hạnh.

“Lại nữa, bà-la-môn, hoặc có người trừng mắt nhìn⁵⁶ người nữ không di chuyển rồi ở trong đó khởi tưởng dâm, nộ, si, sanh các loạn niệm; nay bà-la-môn, người này được nói là phạm hạnh không thanh tịnh, không tu phạm hạnh.

“Lại nữa, nay bà-la-môn, hoặc có người từ xa nghe, hoặc nghe tiếng khóc, hoặc nghe tiếng cười,⁵⁷ bèn ở trong đó khởi các loạn tưởng dâm, nộ, si; nay bà-la-môn, người này được nói là không thanh tịnh, tu phạm hạnh, cùng tương ưng với dâm, nộ, si, phạm hạnh không toàn đủ.

“Lại nữa, nay bà-la-môn, hoặc có người đã từng gặp người nữ,⁵⁸ sau đó sinh tưởng nhớ hoặc, hoặc con mắt người nữ, ở trong đó sinh tưởng, tại nơi khuất kín vắng vẻ, khởi dâm, nộ, si, cùng ác hạnh tương ưng; nay bà-la-môn, người này được nói là không tu Phạm hạnh.”

Bấy giờ, bà-la-môn Sanh Lậu bạch Thế Tôn:

“Kỳ diệu thay, hy hữu thay! Sa-môn Cù-đàm này biết rõ phạm hạnh, cũng biết không phạm hạnh; biết rõ phạm hạnh rò rỉ, cũng biết rõ phạm hạnh không rò rỉ. Vì sao vậy? Vì nay tôi cũng có ý nghĩ này, khi thấy có người nào cùng người nữ chân tay đụng chạm nhau, khởi các loạn tưởng, khi ấy tôi nghĩ rằng người này hành bất tịnh hạnh, cùng dâm, nộ, si tương ưng. Cảm thọ bậc nhất, là người nữ. Khả dực bậc nhất, đó chính là mắt với mắt nhìn nhau, người nữ kia hoặc nói, hoặc cười, hoặc

⁵⁵ Pāli: không xúc chạm thân thể nhưng đùa cợt.

⁵⁶ Pāli: không đùa cợt, nhưng nhìn.

⁵⁷ Pāli: không nhìn, nhưng nghe tiếng nữ, bị kích thích.

⁵⁸ Pāli: không thấy, không nghe tiếng, nhưng nhớ.

nắm chéo áo người nam; hoặc cùng nói chuyện vừa nắm chéo áo người nam.⁵⁹ Khi ấy, tôi liền sanh ý nghĩ này: ‘Sáu điều này, người đều hành hạnh bất tịnh hết.’

“Hôm nay, Như Lai đã dạy rất nhiều. Giống như người mù được mắt, người mê thấy đường, người ngu được nghe đạo, người có mắt thấy sắc; Như Lai thuyết Pháp lại cũng như vậy. Nay con xin tự quy y Phật, Pháp, Tăng. Từ nay trở về sau không sát sinh nữa. Cúi xin nhận con làm Ưu-bà-tắc.

bà-la-môn Sanh Lậu sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10⁶⁰

Tôi Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại rừng bên ngoài thành Tỳ-xá-ly cùng với chúng năm trăm đại Tỳ-kheo. Bấy giờ, Tôn giả Mã Sư⁶¹ đến [715b01] giờ khát thực, đắp y mang bát vào thành khát thực. Khi ấy, Ni-kiền Tử Tát-già⁶² thấy Tôn giả Mã Sư đến, liền đến hỏi:

“Thầy ông nói những nghĩa gì? Có những giáo huấn gì? Giáo giới đệ tử bằng pháp thuyết gì?”

Tôn giả Mã Sư đáp:

“Này bà-la-môn, sắc là vô thường. Cái gì vô thường, cái đó tức là khổ. Cái gì là khổ, cái đó tức là vô ngã. Cái gì vô ngã, cái đó tức là không. Không có nghĩa là ‘Cái kia không phải của tôi; tôi không phải của cái kia.’ Đó là điều mà người trí đã học.

⁵⁹ Hán: sáu trường hợp quan hệ nam nữ liên hệ dâm dục. Pāli, *ibid.*, bày trường hợp liên hệ hành dâm (*sattannaṃ methunasamyogānaṃ*).

⁶⁰ Tham chiếu Pāli, M 35 Cūḷa-Saccakasutta (R.i. 227). Hán, Tập 5, kinh 110.

⁶¹ Mã Sư 馬師. Tập 5: A-thập-ba-thệ. Pāli: Assaji.

⁶² Tát-già Ni-kiền Tử 薩遮尼健子. Pāli: Saccaka Nigaṇṭhaputta.

Thọ*, tướng, hành, thức là vô thường. Năm thủ uẩn này là vô thường, tức là khổ. Cái gì là khổ, cái đó tức là vô ngã. Cái gì vô ngã, cái đó tức là không. Không có nghĩa là ‘Cái kia không phải của tôi; tôi không phải của cái kia.’ Ông muốn biết thì, ý nghĩa mà Thầy tôi giáo giới là như vậy, vì các đệ tử dạy nghĩa như vậy.”

Khi ấy, Ni-kiền Tử lấy hai tay che tai nói:

“Thôi, thôi! Mã Sư! Tôi không thích nghe những lời này. Nếu Sa-môn Cù-đàm có dạy điều này, thì tôi thật không muốn nghe. Vì sao vậy? Theo nghĩa của tôi thì sắc là thường. Nghĩa của Sa-môn thì vô thường. Ngày nào đó tôi sẽ gặp Sa-môn Cù-đàm để biện luận. Tôi sẽ trừ khử tâm điên đảo Sa-môn Cù-đàm.”

Bấy giờ, trong thành Tỳ-xá-ly có năm trăm đồng tử cùng tập hợp lại một chỗ để bàn luận. Lúc này, Ni-kiền Tử đến chỗ năm trăm đồng tử, nói với các đồng tử: “Các cậu với tôi cùng đến chỗ Sa-môn Cù-đàm. Vì sao vậy? Vì tôi muốn biện luận với Sa-môn Cù-đàm kia, để cho Sa-môn kia thấy được đường chính chân thật. Sa-môn nói sắc là vô thường. Theo nghĩa ta thì sắc là thường. Giống như lực sĩ tay nắm lấy lông của con dê lông dài, rồi dẫn đi đâu tùy ý, không có gì khó ngại. Nay ta cũng vậy, hôm nay ta sẽ cùng Sa-môn Cù-đàm kia biện luận, ta buông hay bắt tùy ý, không có gì nghi ngờ.

“Giống như con voi mạnh hung bạo có sáu ngà, ở trong núi sâu nô đùa không có gì trở ngại. Nay ta cũng vậy, ta sẽ cùng Sa-môn kia biện luận, không có gì nghi nan. Giống như hai tráng sĩ bắt một người yếu, nướng trên ngọn lửa, trở qua trở lại tùy ý, cũng không có gì khó ngại. Nay ta cùng vị kia luận nghĩa cũng vậy, không có gì khó ngại. Trong luận nghĩa của ta, voi còn có thể bị hại, huống gì là người. Ta cũng có thể khiến voi đi về Đông, Tây, Nam, Bắc há không bằng người sao? Nay những vật vô tình như các cột kèo trong giảng đường này, ta còn khiến cho **[715c01]** di chuyển, huống chi cùng người biện luận,

mà có thể thắng ta sao? Ta sẽ khiến ông ấy trào máu miệng ra mà chết.”

Trong số đó, hoặc có đồng tử nói như vậy:

“Ni-kiền Tử nhất định không có khả năng luận nghị⁶³ với Sa-môn. Nhưng chỉ sợ Sa-môn Cù-đàm mới cùng luận nghị với Ni-kiền Tử thôi.”

Có người lại nói:

“Sa-môn Cù-đàm không luận nghị cùng với Ni-kiền Tử Chỉ có Ni-kiền Tử mới có khả năng luận nghị với Sa-môn thôi.”

Khi ấy, Ni-kiền Tử suy nghĩ như vậy:

“Giả sử những điều Sa-môn Cù-đàm nói như Tỳ-kheo Mã Sư, thế thì đủ cho ta đối đáp. Nếu có nghĩa gì khác, cứ nghe rồi sẽ biết.”

Bấy giờ Ni-kiền Tử dẫn năm trăm đồng tử trước sau vây quanh đi đến chỗ Thế Tôn, cùng thăm hỏi nhau, rồi ngồi qua một bên.

Ni-kiền Tử bạch Thế Tôn:

“Thế nào, Cù-đàm, Ngài có giáo giới gì? Dùng giáo giới gì để dạy cho các đệ tử?”

Phật bảo Ni-kiền Tử:

“Những điều ta nói là, sắc là vô thường. Cái gì vô thường, cái đó tức là khổ. Cái gì là khổ, cái đó tức là vô ngã. Cái gì vô ngã, cái đó tức là không. Không có nghĩa là ‘Cái kia không phải của tôi; tôi không phải của cái kia.’ Đó là điều mà người trí đã học. Thọ*, tưởng, hành, thức là vô thường. Năm thủ uẩn này là vô thường, tức là khổ. Cái gì là khổ, cái đó tức là vô ngã. Cái gì vô ngã, cái đó tức là không. Không có nghĩa là ‘Cái kia không

⁶³ Nên hiểu: không thể phá luận nghị của.

phải của tôi; tôi không phải của cái kia.’ Giáo giới của Ta, ý nghĩa là như vậy.”

Ni-kiền Tử đáp:

“Tôi không ưa nghe ý nghĩa này. Vì sao vậy? Vì theo nghĩa tôi hiểu, sắc là thường.”

Thế Tôn bảo:

“Nay ông hãy chuyên tâm ý suy tư diệu lý, sau đó hãy nói!”

Ni-kiền Tử nói:

“Nay tôi nói sắc là thường. Với năm trăm đồng tử này, ý nghĩa ấy cũng vậy.”

Thế Tôn bảo:

“Nay ông nói sắc là thường. Với năm trăm đồng tử này, ý nghĩa ấy cũng vậy.”

Thế Tôn bảo:

“Hôm nay ông đã tự biện thuyết rồi, sao lại dẫn theo năm trăm đồng tử kia?”

Ni-kiền Tử nói:

“Nay tôi nói sắc là thường. Sa-môn muốn biện luận thế nào?”

Thế Tôn đáp:

“Nay Ta nói sắc là vô thường, cũng là vô ngã. Giả tạm họp lại mà có tên sắc này chứ không chân thật, không chắc, không bền, cũng như nắm tuyết, chúng là pháp diệt vong, là pháp biến dịch. Nay ông nói sắc là thường, vậy Ta hỏi lại ông, tùy ý mà trả lời Ta.

“Thế nào, Ni-kiền Tử, Chuyển luân Thánh vương lại có được tự tại ở trong quốc độ của mình không? Lại nữa, **[716a01]** Đại

vương kia, muốn thả ai thì thả, muốn trói ai thì trói, có được vậy không?”

Ni-kiền Tử đáp:

“Thánh vương này có quyền lực tự tại đó, muốn giết ai thì giết; muốn trói ai thì trói.”

Thế Tôn bảo:

“Thế nào, Ni-kiền Tử, Chuyển luân Thánh vương rồi sẽ già không? Đầu có bạc, mặt có nhăn nhăn, y phục có bẩn không?”

Khi ấy, Ni-kiền Tử im lặng không đáp. Thế Tôn hỏi lại ba lần, ông cũng ba lần im lặng không đáp lại.

Lúc ấy, lực sĩ Kim Cang Mật Tích cầm chày kim cương ở giữa hư không, bảo rằng:

“Nếu ông không trả lời, ta sẽ đập đầu ông vỡ thành bảy mảnh ngay trước mặt Như Lai.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Ni-kiền Tử:

“Ông hãy quan sát giữa hư không!”

Lúc ấy, Ni-kiền Tử ngược nhìn lên hư không, thấy lực sĩ kim Cang Mật Tích, lại nghe trên hư không có tiếng nói rằng: ‘Nếu ông không trả lời Như Lai, ta sẽ đập đầu ông vỡ thành bảy mảnh.’ Nghe xong, hoảng sợ, y lông dựng đứng, bạch với Thế Tôn:

“Cúi xin Cù-đàm hãy cứu vớt. Xin hỏi lại. Con sẽ đáp ngay.”

Lúc ấy, Thế Tôn hỏi:

“Thế nào, Ni-kiền Tử, Chuyển luân Thánh vương sẽ lại già không? Cũng sẽ tóc bạc, răng rụng, da chùn, mặt nhăn hay không?”

Ni-kiền Tử đáp:

“Tuy Sa-môn Cù-đàm nói vậy, nhưng theo tôi hiểu thì sắc là thường.”

Thế Tôn bảo:

“Ông hãy suy nghĩ cho kỹ, sau đó mới nói. Nghĩa trước và sau không tương ưng với nhau. Ta chỉ luận, Thánh vương sẽ già không? Đầu sẽ bạc, răng sẽ rụng, da chùn, mặt nhăn hay không?”

Ni-kiền Tử nói:

“Chuyển luân Thánh vương vẫn bị già.”

Thế Tôn nói:

“Chuyển luân Thánh vương có thể tự tại trong nước của mình, vì sao lại không thể trừ khử già, bệnh, chết; nói rằng: ‘Ta không cần cái già, bệnh, chết. Ta thường hằng.’? Giả sử có như vậy, nhưng nghĩa này có hứa khả được chăng?”

Ni-kiền Tử im lặng không đáp, buồn rầu không vui, im lặng không nói. Khi này, thân thể Ni-kiền Tử toát mồ hôi hột, mồ hôi ra ướt cả áo, thấm chỗ ngồi, cho đến dưới đất.

Thế Tôn bảo:

“Ni-kiền Tử lúc ở giữa đại chúng, ông đã rống tiếng sư tử bảo: ‘Các đồng tử, hãy cùng tôi đến chỗ Cù-đàm để tranh luận. Tôi sẽ hàng phục Cù-đàm như nắm lông một con dê lông dài, kéo đi phía Đông hay phía Tây tùy ý. Cũng như voi đi lại tự do ở trong rừng sâu, không có gì phải [716b01] sợ hãi. Cũng như hai người lực lưỡng bắt một người yếu ớt nướng trên lửa, xoay qua xoay lại tùy ý.’ Ông còn nói rằng, ‘Luận nghị của tôi còn có thể giết con voi lớn. Khi tôi luận nghị với những thứ vô tình như cây cỏ, cột kèo các thứ, tôi cũng có thể khiến chúng phải cúi đầu khuất phục, làm cho chúng toát mồ hôi nách.’”

Bấy giờ, Thế Tôn vén ba y cho Ni-kiền Tử xem, rồi nói:

“Ông hãy xem, nách của Như Lai không có một giọt mồ hôi. Còn ông thì ngược lại, mình đầy mồ hôi, thậm chí rơi xuống đất.”

Lúc ấy, Ni-kiền Tử vẫn im lặng không đáp.

Bấy giờ, ở trong chúng đó có một đồng tử tên Đầu-ma⁶⁴. Đồng tử Đầu-ma bạch Thế Tôn:

“Nay con nhận thấy có điều có thể áp dụng, và con muốn nói.”

Thế Tôn đáp:

“Hãy nói tùy ý.”

Đồng tử Đầu-ma bạch Phật:

“Giống như cách thôn làng không xa, có ao tắm tốt. Trong ao tắm kia có một con cua.⁶⁵ Nhân dân già trẻ, nam nữ, trong thôn đến ao tắm đó vớt con trùng này ra, rồi lấy gạch đá đập nát chân tay của nó. Trùng này dù muốn trở xuống nước, rốt cuộc không làm được việc này. Ni-kiền Tử này cũng như vậy, ban đầu rất mạnh bạo tranh luận với Như Lai, lòng ôm tặc đồ, ý ôm kiêu mạn. Như Lai đã diệt trừ sạch chúng vĩnh viễn không còn sót. Ni-kiền Tử này không bao giờ còn dám trở lại chỗ Như Lai để biện luận nữa.”

Khi ấy, Ni-kiền Tử nói với đồng tử Đầu-ma:

“Người ngu si không phân biệt chân hay ngụy. Ta không nói chuyện với người, mà ta đang biện luận với Sa-môn Cù-đàm.”

Ni-kiền Tử bạch Phật:

“Tôi chỉ hỏi nghĩa lý. Xin Ngài nói lại.”

Thế Tôn đáp:

⁶⁴ Đầu-ma 頭摩. Pāli: Dumumkha.

⁶⁵ Trùng nhiều cước 虫饒腳: con sâu có nhiều chân. Dịch giả không hiểu con gì nên mô tả như vậy. Pāli: *kakkaṭaka*.

“Thế nào, Ni-kiền Tử, Chuyển luân Thánh vương muốn khiến cho già bệnh chết không đến, có thể được vậy không? Thánh vương kia có được toại nguyện không?”

Ni-kiền Tử đáp:

“Không thể toại nguyện như vậy được.”

“Muốn cho có sắc này, muốn cho không có sắc này, có được toại nguyện không?”

Ni-kiền Tử đáp:

“Không được, thưa Cù-đàm.”

Thế Tôn bảo:

“Thế nào, Ni-kiền Tử, sắc là thường hay vô thường?”

Ni-kiền Tử đáp:

“Sắc là vô thường.”

“Nếu vô thường, nó là pháp biến dịch. Ông có thấy ‘Cái này là ta; ta là của cái kia’ không?”

Đáp:

“Không, thưa Cù-đàm.”

“Thọ*, tướng, hành, thức, là thường hay là vô thường?”

Đáp:

“Vô thường.”

“Nếu vô thường, nó là pháp biến dịch, [716c01] ông có thấy nó có không?”

Đáp:

“Không.”

Thế Tôn hỏi:

“Năm thủ uẩn này là thường hay vô thường?”

Ni-kiền Tử đáp:

“Là vô thường.”

Phật hỏi:

“Nếu là vô thường, nó là pháp biến dịch, ông có thấy nó có không?”

Đáp:

“Không.”

“Thế nào, Ni-kiền Tử, ông đã nói là thường, như vậy không phải là trái ngược với nghĩa lý này hay sao?”

Lúc ấy, Ni-kiền Tử bạch Thế Tôn:

“Nay con ngu si không phân biệt chân đế nên khởi ý muốn này, là cùng tranh luận với Cù-đàm rằng ‘Sắc là thường.’ Giống như mãnh thú sư tử từ xa trông thấy người đến mà có tâm sợ hãi sao? Hoàn toàn không có việc này. Hôm nay Như Lai cũng như vậy, không có mảy may nào. Nay con say mê chưa hiểu nghĩa sâu mới dám xúc phạm. Sa-môn Cù-đàm đã dạy quá nhiều. Giống kẻ mù được mắt, người điếc được nghe thâu, người mê thấy đường, người không mắt thấy sắc. Cũng như vậy, Sa-môn Cù-đàm đã dùng vô số phương tiện thuyết pháp cho con. Nay con xin tự quy y Phật, Pháp, Tăng, từ nay trở về sau trọn đời làm người Ưu-bà-tắc, không sát sanh nữa. Cúi xin Phật và Tỳ-kheo Tăng nhận lời thỉnh của con, muốn cúng bữa ăn cho Phật và Tỳ-kheo Tăng.”

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Khi Ni-kiền Tử thấy Thế Tôn im lặng nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Phật ba vòng, đánh lễ sát chân rồi đi. Đến chỗ các đồng tử ở thành Tỳ-xá-ly, ông nói các đồng tử:

“Các cậu có cúng ta vật gì thì hãy mang đến ngay cho tôi để tôi bày biện, chớ để trễ thời. Nay tôi đã thỉnh Phật và Tỳ-kheo tăng, ngày mai sẽ tôi cúng bữa ăn.”

Lúc ấy, các đồng tử liền mang các thứ đồ ăn thức uống đến cho ông. Đêm ấy, Ni-kiền Tử chuẩn bị soạn các loại đồ ăn thức uống ngon lành, trải tọa cụ tốt, rồi đến bạch: “Đã đến giờ, cúi xin hạ cố.”

Đến giờ, Thế Tôn đắp y, mang bát, dẫn chúng tăng vào thành Tỳ-xá-ly, đến nhà Ni-kiền Tử. Đến rồi, ngồi vào chỗ ngồi. Các Tỳ-kheo cũng ngồi theo thứ lớp. Lúc này, Ni-kiền Tử thấy Phật và chúng tăng đã an tọa, tự tay dâng các thứ đồ ăn thức uống. Sau khi thấy Phật và Tỳ-kheo tăng thọ trai xong, đã dùng nước rửa, ông lấy một chiếc ghế nhỏ, ngồi trước Như Lai để nghe pháp.

Bấy giờ, Thế Tôn tuần tự thuyết giảng cho ông các đề tài vi diệu; các đề tài về bố thí, [717a01] về trì giới, về sanh thiên; dục là ô uế, dâm là hạnh bất tịnh, giải thoát là an lạc. Khi Thế Tôn thấy tâm ý của Ni-kiền Tử đã khai mở, như những gì mà chư Phật Thế Tôn thường thuyết pháp, về khổ, tập, tận, đạo, Ngài cũng vì Ni-kiền Tử nói hết. Lúc ấy, Ni-kiền Tử liền ngay trên chỗ ngồi các trần cấu sạch hết, được mắt pháp trong sạch.

Lúc này, Thế Tôn liền nói kệ:

*Cúng tế, lửa hơn hết;
Thi thơ, tụng đứng đầu;
Vua, tôn quý loài người;
Biển là nguồn các sông;
Các sao, trăng sáng nhất;
Ánh sáng, mặt trời nhất.
Trên dưới và bốn phương,
Mọi vật sanh bởi đất,
Trời cùng với Nhân loại:
Phật là vô thượng tôn.*

*Ai muốn cầu đức kia,
Tam-phật* là tối thượng.*

Sau khi Thế Tôn nói bài kệ này xong, Ngài đứng dậy ra đi.

Lúc ấy, năm trăm đệ tử của Ni-kiền Tử nghe thầy mình nhận sự giáo hóa của Phật, mọi người bảo nhau: “Sao Đại sư của chúng ta lại tôn Cù-đàm làm Thầy?” Rồi các đệ tử ấy ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, đứng chờ ở giữa đường. Trong lúc đó, Ni-kiền Tử đến chỗ Phật để nghe Pháp. Bấy giờ, Thế Tôn nói pháp cho Ni-kiền Tử, khích lệ khiến hoan hỷ. Ni-kiền Tử sau khi nghe pháp xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân liền lui đi.

Lúc ấy, các đệ tử của Ni-kiền Tử từ xa thấy thầy mình đến, mọi người bảo nhau: “Đệ tử của Sa-môn Cù-đàm đang đi đến. Chúng ta hãy lấy gạch đá giết chết ông ta.”

Khi nghe tin Ni-kiền Tử bị các đệ tử giết, các đồng tử liền đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Các đồng tử bạch Thế Tôn: “Ni-kiền Tử mà Như Lai đã giáo hóa nay đã bị các đệ tử giết. Nay đã qua đời, ông ấy sanh nơi nào?”

Thế Tôn nói:

“Ông ấy là một người có đức, đầy đủ bốn Đệ, đã dứt sạch ba kết sử, thành quả Tu-đà-hoàn, chắc chắn dứt sạch gốc khổ. Hôm nay, mạng chung sanh lên cõi trời Tam thập tam. Sau này khi gặp Phật Di-lặc, vị ấy sẽ dứt sạch gốc khổ. Đó là nghĩa của nó, hãy niệm tu hành.”

Các đồng tử bạch Phật rằng:

“Kỳ lạ thay, hy hữu thay! Ni-kiền Tử này đến chỗ Thế Tôn để tranh luận hơn thua rồi lại tự trói chặt bởi lý luận của chính mình, đến nhận sự giáo hóa của Như Lai. Phàm đã gặp Như Lai thì hoàn toàn không uống phí. Giống như có người vào biển tìm châu báu, nhất định có thu hoạch, không bao giờ trở về không. Ở đây cũng như vậy, nếu có chúng sanh nào mà đến

chỗ Thế Tôn, chắc chắn sẽ được Pháp bảo, quyết không có trở về không.”

Bấy giờ, Thế Tôn vì các thiếu niên nói Pháp vi diệu, khiến họ hoan hỷ.

Sau khi nghe Phật thuyết pháp, các đồng tử từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu Phật ba vòng, đánh lễ sát chân rồi ra về.

Các đồng tử sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.⁶⁶

⁶⁶ Bản Hán, hết quyển 30.

38 . PHẨM LỤC

KINH SỐ 1¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có sáu loại sức mạnh phàm thường.² Những gì là sáu? Trẻ con dùng tiếng khóc làm sức mạnh, muốn nói điều gì cốt trước phải khóc. Người nữ dùng sân hận làm sức mạnh, nổi sân hận rồi sau đó mới nói. Sa-môn, bà-la-môn dùng nhẫn nhục làm sức mạnh, thường nghĩ tự hạ mình và hạ mình đối với người sau đó mới trình bày. Quốc vương dùng kiêu ngạo³ làm sức mạnh, dùng thế lực cường hào để nói chuyện. Song A-la-hán dùng sự tinh chuyên làm sức mạnh để nói chuyện. Chư Phật Thế Tôn thành tựu đại từ bi, dùng đại bi làm sức mạnh để làm lợi khắp chúng sanh.⁴

“Này các Tỳ-kheo, đó gọi là có sáu sức mạnh đời thường này. Cho nên, các Tỳ-kheo hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

¹ Pāli, A.VIII. 27 Bala (R. iv. 223).

² A. ibid. tám loại sức mạnh.

³ A. ibid. quyền ăng tự tại là sức mạnh của vua chúa (*issariyabalā rājāno*).

⁴ Hai sức mạnh sau Pāli thay bằng: vũ khí là sức mạnh của đạo tặc (*āvuddhabalā corā*), chê bai là sức mạnh của kẻ ngu (*ujjhattibalā bālā*), thăm sát là sức mạnh của kẻ trí (*nijjhattibā oañḍitā*), tư trạch là sức mạnh của đa văn (*paṭisaṅkhānabalā bahussutā*).

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người hãy tư duy về tướng vô thường, [717c] phát triển tướng vô thường, đoạn hết ái dục giới, ái sắc giới, ái vô sắc giới, cũng đoạn vô minh, kiêu mạn. Giống như lấy lửa đốt cây cỏ, cháy sạch hết không còn lưu dấu vết nào. Ở đây cũng như vậy, tu tướng vô thường, dứt sạch dục ái, sắc ái và vô sắc ái, vô minh, kiêu mạn, viễn không còn tàn dư. Vì sao vậy? Khi Tỳ-kheo tu tướng vô thường thì không có tâm dục. Do không có tâm dục nên có thể phân biệt pháp, tư duy nghĩa của nó, không có sầu ưu khổ não. Do tư duy nghĩa pháp thì tu hành không còn ngu si, sai lầm. Nếu thấy có ai tranh cãi, vị ấy liền tự nghĩ: ‘Các hiền sĩ này không tu tướng vô thường, không phát triển tướng vô thường cho nên đưa đến tranh cãi này. Vị ấy do tranh cãi, không quán nghĩa của nó. Do không quán nghĩa của nó nên tâm mê lầm. Vị ấy đã chấp vào sai lầm này nên khi chết rơi vào trong ba đường dữ là ngã quý, súc sanh, địa ngục. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tu tướng vô thường và phát triển tướng vô thường, liền không còn tướng sân hận, ngu si, cũng có thể quán pháp và quán nghĩa của nó. Nếu sau khi chết sẽ sanh về ba đường lành trời, người, và dẫn đến Niết-bàn.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại bên bờ sông Ưu-ca-chi.⁶ Bấy giờ, Thế Tôn đến dưới một gốc cây, tự trải tọa cụ mà ngồi, chánh thân, chánh ý, buộc niệm trước mặt.

⁵ Pāli, A.IV 36 Doṇa (R. ii.38). Hán, *Tap* (Việt) kinh 1077.

Lúc ấy, có một bà-la-mônđi đến chỗ kia. Thấy dấu chân của Thế Tôn rất kỳ diệu, bà-la-môn này nghĩ thầm: ‘Đây là dấu chân của người nào, là trời, rồng, quỷ thần, càn-thát-bà,⁷ a-tu-la, người hay phi nhân hay là Phạm thiên tổ tiên của ta?’ Lúc ấy, bà-la-môn liền theo dấu chân mà đi tới, từ xa trông thấy Thế Tôn ngồi dưới một gốc cây chánh thân, chánh ý, buộc niệm trước mặt. Thấy vậy, ông bèn hỏi:

“Ông là vị trời chăng?”

Thế Tôn bảo:

“Ta chẳng phải là trời.”

“Là càn-thát-bà chăng?”

Thế Tôn đáp:

“Ta cũng chẳng phải là càn-thát-bà.”

“Là rồng chăng?”

Đáp:

“Ta chẳng phải là rồng.”

“Là dạ-xoa chăng?”

Phật bảo bà-la-môn:

“Ta chẳng phải là dạ-xoa.”

“Là Tở phụ chăng?”

“Ta chẳng phải là Tở **[718a]** phụ.”

Lúc ấy, bà-la-môn hỏi Thế Tôn:

“VẬY Ngài là ai?”

Thế Tôn nói:

“Người có ái thì có thủ⁸, có thủ thì có tham ái, nhân duyên hội hợp sau đó từng cái sanh ra nhau như vậy, như vậy, năm khổ

⁶ Ưu-ca-chi 憂迦支江水. Pāli: Ukaṭṭhā, một thị trấn ở Kosala.

⁷ Càn-thát-bà.

⁸ Nguyên Hán: thọ.

thủ uẩn không bao giờ chấm dứt. Vì đã biết ái rồi, thì biết năm dục, cũng biết sáu trần ngoài và sáu xứ trong, tức biết gốc ngọn thủ uẩn này.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Thế gian có ngũ dục;
Ý là vua⁹ thứ sáu.
Biết sáu pháp trong ngoài.
Nên niệm diệt gốc khổ.*

“Cho nên phải tìm phương tiện diệt trừ sáu sự trong ngoài. Bà-la-môn, hãy học điều như vậy.”

Bà-la-môn nghe Phật dạy như vậy, tư duy nghiền ngẫm, ôm ấp trong tâm không rời, liền từ trên chỗ ngồi dứt sạch trần cấu, được mắt pháp trong sạch.

Bấy giờ bà-la-môn nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Xưa, trong lúc Ta còn là Bồ tát, chưa thành Phật đạo, có nghĩ như vậy: ‘Thế gian này rất là cần khổ, có sanh, có già, có bệnh, có chết, mà không đạt được cùng tận nguồn gốc của năm thủ uẩn này.’ Lúc ấy, Ta lại tự nghĩ: ‘Vì nhân duyên gì mà có sanh, già, bệnh, chết, lại vì nhân duyên gì đưa đến tai hoạn này?’ Trong khi đang tư duy, Ta lại sanh khởi ý nghĩ như vậy: ‘Có sanh thì có già, bệnh, chết.’”

“Trong lúc đang tư duy, bấy giờ Ta lại tự nghĩ: ‘Vì nhân duyên gì có sanh?’ Ở đây, do hữu mà có sinh. Lại tự nghĩ như vậy: ‘Hữu do đâu mà có?’ Trong khi đang tư duy, lại tự nghĩ như

⁹ Đê bản: 生 生. TNM: vương. Cf. *Tứ phần 32* (tr. 791c14): đệ lục vương vi thượng 第六王爲上.

vậy: ‘Hữu này do thủ* mà có hữu.’ Lại tự nghĩ: ‘Thủ này do đâu mà có?’ Bấy giờ, Ta dùng trí quán sát: ‘Do ái mà có thủ.’ Lại tư duy nữa: ‘Ái này do đâu mà sinh?’ Lại quán sát nữa: ‘Do thọ mà có ái.’ Lại tư duy nữa: ‘Thọ này do đâu mà sinh?’ Trong khi đang quán sát: ‘Do xúc mà có thọ này,’ lại tự nghĩ tiếp: ‘Xúc này do đâu mà có?’ Lúc Ta khởi suy niệm này: ‘Duyên sáu xứ mà có sự xúc này,’ thì Ta lại tư duy: ‘Sáu xứ này do đâu mà có?’ Lúc quán sát: ‘Do danh sắc mà có sáu xứ,’ thì Ta lại tự nghĩ: ‘Danh sắc do đâu mà có?’ Khi quán sát: ‘Do thức mà có danh sắc,’ thì Ta lại tự nghĩ: ‘Thức do [718b] đâu mà có?’ Khi quán sát: ‘Do hành sinh thức,’ thì Ta lại tự nghĩ: ‘Hành do đâu mà sinh?’ Khi quán sát, lại thấy: ‘Hành do vô minh mà sinh.’

“Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu xứ, sáu xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên chết, chết duyên buồn rầu khổ não không thể nói hết. Đó gọi là sự tập khởi của khổ thủ uẩn như vậy.

“Bấy giờ, Ta lại tự nghĩ: ‘Do nhân duyên gì già, bệnh, chết diệt?’ Khi Ta quán sát, thấy rằng: ‘Sanh diệt thì già, bệnh, chết diệt.’ Ta lại tự nghĩ như vậy: ‘Do đâu mà không sinh?’ Quán sát gốc của sinh thì thấy: ‘Hữu diệt thì sanh diệt.’ Ta lại nghĩ: ‘Do đâu không có hữu?’ Lại tự nghĩ như vậy: ‘Không thủ thì không hữu.’ Ta lại nghĩ: ‘Do đâu mà thủ diệt?’ Khi Ta quán sát, thấy rằng: ‘Ái diệt thì thủ diệt.’ Lại tự nghĩ như vậy: ‘Do gì mà diệt ái?’ Ta lại quán sát thấy: ‘Thọ diệt thì ái diệt.’ Lại tư duy: ‘Do gì mà thọ diệt?’ Khi quán sát thấy: ‘Xúc diệt thì thọ diệt.’ Lại tư duy: ‘Do gì mà xúc diệt?’ Lúc quán sát thấy: ‘Sáu xứ diệt thì xúc diệt.’ Lại quán sát: ‘Sáu xứ này do gì mà diệt?’ Lúc đang quán sát, Ta thấy: ‘Danh sắc diệt thì sáu xứ diệt.’ Lại quán sát: ‘Do gì danh sắc diệt? Thức diệt thì danh sắc diệt.’ Lại quán: ‘Thức này do gì mà diệt?’ Hành diệt thì thức diệt.’ Lại quán: ‘Hành này do gì mà diệt?’ Si diệt thì hành diệt. Hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu xứ

diệt, sáu xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì già, bệnh, diệt; già bệnh diệt thì tử diệt. Đó gọi là năm thủ uẩn diệt.

“Bấy giờ, Ta lại tự nghĩ như vậy: ‘Thức này là đầu mối tối sơ đưa con người đến sanh, già, bệnh, chết này, nhưng lại không thể biết nguồn gốc của sinh, già, bệnh, chết này. Giống như có người ở trong rừng đi theo con đường nhỏ, đi tới trước một chút thì gặp một con đường lớn cũ, là nơi ngày xưa mọi người đi trên đó. Lúc này, người ấy liền đi theo con đường đó, đi tới trước một chút nữa lại thấy thành quách xưa, vườn cảnh ao tắm thấy đều rất tốt tươi. Nhưng trong thành kia không có người ở. Người này thấy [718c] rồi, quay trở về bản quốc, đến trước tâu vua:

“Hôm qua dạo chơi núi rừng, tôi gặp thành quách tốt, cây cối sum suê tươi tốt, nhưng trong thành ấy không có người dân. Đại vương hãy cho nhân dân đến cư trú ở thành kia.”

“Nghe người ấy nói xong, bấy giờ quốc vương liền cho nhân dân ở. Nhờ vậy thành quách này trở lại như xưa, nhân dân đông đúc, vui vẻ vô cùng.

“Các Tỳ-kheo, nên biết, khi xưa lúc Ta chưa thành Bồ-tát, học đạo ở trong núi, thấy nơi chốn du hành của chư Phật xa xưa, liền theo con đường này, liền biết được nguồn gốc sinh khởi của sanh, già, bệnh, chết. Có sinh thì có diệt, thấy đều phân biệt, biết sinh khổ, sinh tập, sinh diệt, và sinh đạo, thấy đều biết rõ ràng. Hữu, thủ, ái, thọ, xúc, sáu xứ, danh sắc, thức, hành, vô minh cũng lại như vậy. Vô minh khởi thì hành khởi, những gì được hành tạo lại do thức. Nay Ta đã biết rõ thức, nên nay vì chúng bốn bộ mà nói về gốc này; tất cả đều phải biết chỗ phát sanh nguồn gốc này: biết khổ, biết tập, biết diệt, biết đạo, hãy suy niệm cho rõ ràng. Đã biết sáu xứ thì biết sanh, già, bệnh, chết; sáu xứ diệt thì sanh, già, bệnh, chết diệt. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện diệt trừ sáu xứ.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết Pháp cho vô số, trăm ngàn vạn chúng. Khi ấy, A-na-luật ở trên chỗ ngồi kia. A-na-luật ở giữa đại chúng mà ngủ gục. Khi Phật thấy A-na-luật ngồi ngủ, liền nói kệ này:

*Nghe Pháp ưa ngủ nghĩ;
Ý không có thác loạn.
Những pháp Hiền thánh nói
Là điều kẻ trí ưa.*

*Giống như hồ nước sâu,
Lắng trong không bọt dơ.
Người nghe Pháp như vậy,
Hưởng vui, tâm thanh tịnh.¹⁰*

*Cũng như tảng đá lớn,
Gió lay không thể động.
Như vậy, được khen chê,
Tâm không có dao động.¹¹*

Lúc ấy, Thế Tôn bảo A-na-luật:

“Ông sợ pháp vua và sợ giặc cướp mà hành đạo sao?”

A-na-luật đáp:

“Thưa không, Thế Tôn!”

¹⁰ Dhp. 82.

¹¹ Pháp cú Pāli, Dhp. 81.

Phật hỏi A-na-luật [719a]:

“Vì sao ông xuất gia học đạo?”

A-na-luật bạch Phật:

“Vì ghê tởm già, bệnh, chết, buồn rầu, khổ não này. Vì bị khổ bức bách, muốn dứt bỏ, cho nên xuất gia học đạo.”

Thế Tôn bảo:

“Nay ông là thiện gia nam tử với lòng tin kiên cố xuất gia học đạo. Hôm nay chính Thế Tôn đang thuyết pháp, vì sao ở trong đây ngủ gục?”

Lúc ấy, tôn giả A-na-luật liền rời chỗ ngồi đứng dậy, vén áo bày vai phải, quỳ gối, chấp tay bạch Phật:

“Từ nay về sau, thân thể tan nát, con quyết cũng không ngồi trước Thế Tôn mà ngủ gục.”

Lúc ấy, tôn giả A-na-luật suốt đêm đến sáng không ngủ, nhưng không thể trừ được mê ngủ, nhãn căn dần dần tổn thương.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-na-luật:

“Sự nỗ lực tinh tấn của người tương ưng với trạo cử. Nếu lại biếng nhác, thì nó tương ưng với kết. Hành trì của người hiện nay là nên ở giữa.”

A-na-luật bạch Phật:

“Ở trước Như Lai con đã thề, nay không thể làm ngược lại bốn nguyện.”

Sau đó, Thế Tôn bảo Kỳ-vực:

“Hãy chữa trị mắt cho A-na-luật.”

Kỳ-vực đáp:

“Nếu A-na-luật chịu ngủ nghỉ chút ít thì con mới chữa mắt được.”

Thế Tôn bảo A-na-luật:

“Người nên ngủ. Vì sao vậy? Tất cả pháp do ăn mà tồn tại, không ăn thì không tồn tại. Mắt lấy ngủ nghỉ làm thức ăn. Tại

lấy âm thanh làm thức ăn. Mũi lấy mùi thơm làm thức ăn. Lưỡi lấy vị làm thức ăn. Thân lấy sự trơn láng làm thức ăn. Ý lấy pháp làm thức ăn. Nay Ta cũng nói, Niết-bàn cũng có thức ăn.”

A-na-luật bạch Phật:

“Niết-bàn lấy gì làm thức ăn?”

Phật bảo A-na-luật:

“Niết-bàn lấy sự không phóng dật làm thức ăn. Nương vào không phóng dật đến được vô vi.”

A-na-luật bạch Phật:

“Tuy nói mắt lấy ngủ nghỉ làm thức ăn, nhưng con không kham ngủ nghỉ.”

Bấy giờ, A-na-luật đang vá y phục cũ thì mắt từ từ bị hư hoại, nhưng được thiên nhãn không có tỳ vết. Lúc ấy, A-na-luật dùng pháp thường để vá y phục, nhưng không thể xỏ chỉ qua lỗ kim. A-na-luật liền tự nghĩ: “Các vị đắc đạo A-la-hán trên thế gian hãy xỏ kim cho tôi.”

Lúc ấy, Thế Tôn, bằng thiên nhãn thanh tịnh, nghe âm thanh này: “Các vị đắc đạo A-la-hán trên thế gian hãy xỏ kim cho tôi.” Thế Tôn liền đến chỗ A-na-luật, bảo rằng:

“Ông đưa kim [719b] lại đây Ta xỏ cho.”

A-na-luật bạch Phật:

“Vừa rồi con có kêu gọi những ai ở thế gian muốn cầu phước kia, thì hãy xỏ kim cho con.”

Thế Tôn đáp:

“Người cầu phước thế gian không có ai hơn Ta. Như Lai đối với sáu pháp không bao giờ nhằm chán. Những gì là sáu? Một là bố thí, hai là giáo giới, ba là nhẫn nhục, bốn là thuyết pháp thuyết nghĩa, năm là giúp đỡ chúng sanh, sáu là cầu Đạo Vô thượng Chánh chơn. Nay A-na-luật, đó gọi là Như Lai đối với sáu pháp này không bao giờ nhằm chán.”

A-na-luật bạch:

“Thân Như Lai là Pháp thân chân thật, còn muốn cầu Pháp gì nữa? Như Lai đã vượt qua biển sanh tử, lại thoát ái trước, mà nay vẫn đứng đầu trong những người cầu phước!”

Thế Tôn bảo:

“Đúng vậy, A-na-luật! Như lời ông nói: ‘Như Lai cũng biết sáu pháp này mà không bao giờ nhầm chán. Nếu chúng sanh nào biết những việc làm nơi thân, miệng, ý là nguồn gốc của tội ác, sẽ không bao giờ rơi vào ba đường dữ. Do chúng sanh kia không biết nguồn gốc tội ác nên đọa vào trong ba đường dữ.’”

Rồi Thế Tôn nói kệ này:

*Lực mà thế gian có,
Tồn tại trong trời người;
Lực phước là hơn hết.
Do phước được thành Phật.*

“Cho nên, A-na-luật, hãy tìm cầu phương tiện được sáu pháp này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6¹²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Lúc ấy, một số các Tỳ-kheo vào thành Xá-vệ khát thực, nghe thấy bên ngoài cửa cung vua Ba-tư-nặc có đám đông người dân giờ tay kêu gào, tỏ vẻ oán trách: ‘Trong nước có giặc cướp tên Ương-quật-ma¹³ hết sức hung bạo, giết hại người vô số, không từ bi đối với hết thầy chúng sanh. Nhân dân trong nước không

¹² Pāli, M 86 Aṅgulimāla (R. ii. 97). Hán, *Tạp* 38, kinh 1077.

¹³ Ương-quật-ma 鶯掘魔. Pāli: Aṅgulimāla.

ai là không kinh tởm lo sợ. Mỗi ngày, nó giết một người, lấy một ngón tay xâu thành chuỗi, cho nên gọi là nó là “Chuỗi Ngón Tay.”¹⁴ Cúi xin Đại vương hãy đi đánh bắt.’

Các Tỳ-kheo sau hi khát thực xong, trở về tinh xá Kỳ-hoàn, thân cất y bát, lấy toạ cụ vắt lên vai, đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bảy giờ các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

[719c] “Chúng con một số đông vào thành Xá-vệ khát thực nghe thấy bên ngoài cung vua có nhiều người dân kêu than oán trách: ‘Nay trong nước có giặc cướp tên Ưong-quật-ma là người hung bạo, không có tâm từ, giết hại hết thảy chúng sanh. Người chết, đất nước trống không, đều do kẻ ấy. Nó lại lấy ngón tay người xâu làm tràng hoa.’”

Thế Tôn nghe các Tỳ-kheo kia nói xong, liền rời chỗ ngồi đứng dậy, im lặng ra đi.

Thế Tôn ngay sau đó đi đến chỗ tên giặc kia. Những người kiếm củi, nhặt cỏ, người đi cày, người chăn bò, dê, thấy Thế Tôn đi vào con đường ấy, đều bạch với Phật:

“Sa-môn, chớ có đi theo con đường này. Vì sao vậy? Cảnh đường này có giặc cướp tên Ưong-quật-ma đang ở đó. Người dân muốn đi vào đường này thì phải tập hợp mười người, hoặc hai mươi người, hoặc ba mươi, bốn mươi, năm mươi người, mà vẫn không qua được, bị Ưong-quật-ma bắt giết hết. Nhưng Sa-môn Cù-đàm đi một mình không có bạn sẽ bị Ưong-quật-ma quấy nhiễu, chuyện này phải cảnh giác.”

Thế Tôn tuy nghe những lời này, nhưng vẫn đi tới, không dừng lại.

Trong lúc đó, mẹ Ưong-quật-ma đem thức ăn đến chỗ Ưong-quật-ma. Lúc này, Ưong-quật-ma tự nghĩ: ‘Chuỗi ngón tay của

¹⁴ Hán: chỉ man 指鬘; cũng là dịch nghĩa của từ *aṅguli-māla*. Định nghĩa của Pāli: *so manusse vadhitvā vadhitvā aṅgulīnaṃ mālaṃ dhāreti*, nó giết nhiều người, rồi lấy ngón tay làm tràng hoa mà đeo.

ta đã đủ số chưa?’ Nó bèn đếm, số ngón tay vẫn chưa đủ. Lại đếm trở lại, chỉ thiếu một ngón tay người. Ương-quật-ma nhìn quanh quất hai bên, tìm một người lạ để bắt giết, nhưng nhìn khắp bốn phía đều không thấy người. Nó liền tự nghĩ: ‘Thầy ta có dạy, nếu giết hại mẹ thì tất sẽ sanh thiên. Nay mẹ ta đã tự đến đây, ta hãy bắt giết, được đủ số ngón tay là được sanh lên trời.’

Rồi Ương-quật-ma dùng tay trái nắm đầu mẹ, tay phải rút kiếm nói với mẹ: ‘Mẹ ơi, hãy đứng lại một lát.’

Lúc ấy, Thế Tôn liền nghĩ: ‘Ương-quật-ma này đang tạo ngũ nghịch.’ Ngài lập tức phóng ánh sáng từ giữa chạng mày chiếu khắp núi rừng ấy. Lúc ấy, Ương-quật-ma Thấy ánh sáng này, liền nói với mẹ: ‘Đây là ánh sáng gì mà chiếu khắp núi rừng này? Chẳng phải nhà vua tập hợp binh chúng đem công phạt ta ư?’

Lúc ấy, người mẹ bảo:

“Con ơi, nên biết, đây chẳng phải ánh sáng của mặt trời, mặt trăng hay lửa, cũng chẳng phải ánh sáng của Đế Thích, Phạm Thiên vương.”

Bấy giờ, người mẹ liền nói kệ này:

Chẳng phải ánh sáng lửa.

Trời, trăng, hay Thích, Phạm.

[720a]

Chim thú không kinh sợ,

Vẫn ca hát như thường.

Ánh sáng rất thanh tịnh,

Khiến người vui vô lượng.

Ắt là đáng Tối thắng,

Thập lực, đến chốn này.

Trong cõi trời và người,

Thiên nhân nhìn thế giới;

Vì muốn độ cho con

Thế Tôn đến nơi này.

Bấy giờ, Ương-quật-ma nghe đến tiếng Phật, vui mừng hớn hở, không tự dưng được, liền nói:

“Thầy con cũng giáo giới, bảo con: ‘Nếu con có thể giết mẹ, hay Sa-môn Cù-đàm, thì có thể sanh lên trời Phạm thiên.’”

Lúc ấy, Ương-quật-ma bảo mẹ:

“Nay Mẹ đứng đây! Trước hết con bắt giết Sa-môn Cù-đàm giết, sau đó hãy ăn.”

Ương-quật-ma liền bỏ mẹ ra mà chạy đuổi theo Thế Tôn. Từ xa trông thấy Thế Tôn đi đến, giống như khối vàng, chiếu khắp mọi nơi. Nó cười mà nói rằng: ‘Nay Sa-môn này nhất định ở trong tay ta, tất sẽ giết không nghi ngại. Nhân dân muốn đi vào đường này, họ đều tập hợp đông người, mà đi đường này. Vậy mà Sa-môn này đơn độc không bạn bè. Nay ta sẽ bắt giết ông ta.’”

Rồi Ương-quật-ma liền rút kiếm ra, đi ngược về phía Thế Tôn. Trong lúc đó, Thế Tôn liền quay ngược đường lại, từ từ mà đi. Nhưng Ương-quật-ma chạy rượt theo cũng không thể nào kịp. Khi ấy, Ương-quật-ma bạch Thế Tôn:

“Sa-môn, dừng lại! dừng lại!”

Thế Tôn bảo:

“Ta đã tự dừng rồi. Tự ngươi không dừng!”

Ương-quật-ma vừa chạy, vừa từ xa nói kệ này:

*Đi, mà lại nói dừng.
Lại bảo ta không dừng.
Nói nghĩa này cho tôi:
Ông dừng, tôi không dừng?*

Lúc ấy, Thế Tôn liền dùng kệ đáp:

*Thế Tôn nói đã dừng,
Vì không hại hết thầy.
Nay ngươi có tâm giết,
Không lìa xa nguồn ác.
Ta dừng nơi tâm từ;*

*Thương giúp cả mọi người.
Người gieo nhân địa ngục,
Không là xa nguồn ác.*

Ương-quật-ma nghe bài kệ này, liền tự nghĩ: “Ta đã làm việc ác thật sao? Còn thầy bảo ta: ‘Đó là đại tể đàn, được quả báo lớn, [720b] nếu có thể bắt giết một ngàn người, lấy ngón tay xâu thành chuỗi, thì được quả như sở nguyện mình. Người như vậy, sau khi chết vào chỗ lành, sanh lên trời. Nếu bắt giết mẹ ruột và Sa-môn Cù-đàm thì sẽ sanh lên Phạm thiên.’” Lúc ấy, Phật liền dùng oai thần, khiến thần thức của nó chợt sáng: “Các sách vở của bà-la-môn cũng có nói rằng Như Lai ra đời rất là khó gặp, thật lâu, ức kiếp mới xuất hiện một lần. Khi vị ấy ra đời, độ người chưa độ, giải thoát người chưa giải thoát. Vị ấy nói Pháp diệt trừ sáu kiến chấp. Sao gọi là sáu? Người nói có ngã kiến, liền nói pháp diệt trừ ngã kiến; người nói không có ngã kiến thì cũng vì họ nói pháp diệt trừ không có ngã kiến; người nói vừa có ngã kiến, vừa không có ngã kiến thì, cũng vì họ nói pháp diệt trừ vừa có ngã vừa không có ngã. Lại tự quán sát, nói pháp đã được quán sát, tự nói pháp vô ngã, cũng chẳng phải pháp Ta nói, cũng chẳng phải pháp Ta chẳng nói. Nếu Như Lai xuất thế sẽ nói pháp diệt trừ sáu kiến chấp này. Lại nữa, khi ta chạy đi thì có thể đuổi kịp voi, ngựa, xe cộ và nhân dân, nhưng Sa-môn này đi không nhanh vội, song hôm nay ta không thể theo kịp người này. Đây chắc phải là Như Lai.”

Lúc ấy, Ương-quật-ma liền nói kệ này:

*Tôn giá đã vì tôi
Mà nói kệ vì diệu.
Người ác nay biết chân,
Đều nhờ oai thần Ngài.
Lập tức bỏ kiếm bén,
Ném vào trong hang sâu.
Nay lễ chân Sa-môn
Liền cầu làm Sa-môn.*

Rồi Ương-quật-ma liền đến trước bạch Phật:

“Cúi xin Thế Tôn cho phép con làm Sa-môn.”

Thế Tôn bảo:

“Hãy đến đây, Tỳ-kheo!” Lập tức Ương-quật-ma liền thành Sa-môn, mặc ba pháp y.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Nay ông đã cạo đầu;
Trừ kết sử cũng vậy.
Diệt kết, đắc quả lớn;
Không còn sầu, khổ nữa.*

Ương-quật-ma sau khi nghe những lời này, dứt sạch bụi trần, được mắt pháp trong sạch.

Bấy giờ, Thế Tôn dẫn Tỳ-kheo Ương-quật-ma trở về tinh xá Kỳ-hoàn, thành Xá-vệ. Trong lúc đó, vua Ba-tư-nặc tập họp bốn bộ binh, định đánh dẹp Ương-quật-ma. Khi ấy, vua liền tự nghĩ: ‘Nay ta hãy đến chỗ Thế Tôn, đem nhân duyên này thưa đầy đủ lên Thế Tôn. Nếu Thế Tôn [720c] có dạy điều gì thì sẽ phụng hành.’

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc liền tập họp binh bốn bộ, đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Thế Tôn hỏi vua:

“Đại vương, hôm nay sắp đi đâu, mà thân thể đầy bụi bặm đến như vậy?”

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

“Nay trong nước con có giặc cướp tên Ương-quật-ma hết sức hung bạo, không có lòng từ đối với hết thảy chúng sanh. Đất nước hoang vắng, nhân dân lưu tán, đều do tên tặc này. Nay nó bắt người giết đi, lấy ngón tay xâu thành chuỗi. Đó là quỷ dữ, chẳng phải là người. Nay con muốn bắt người này mà giết đi.”

Thế Tôn bảo:

“Nếu Đại vương thấy Ương-quật-ma với lòng tin kiên cố đã xuất gia học đạo, thì sẽ làm sao?”

Vua bạch Phật rằng:

“Còn biết làm gì hơn, là cung kính, cúng dường, tùy thời lễ bái! Nhưng, bạch Thế Tôn, nó lại là người ác, không có một mây may thiện, thường giết hại, thì có thể có tâm xuất gia học đạo này chăng? Hoàn toàn không thể có việc ấy!”

Lúc ấy, Ưong-quật-ma đang ngồi kiết già cách Thế Tôn không xa, chánh thân, chánh ý, buộc niệm trước mặt. Bấy giờ, Thế Tôn đưa tay phải chỉ và nói với vua:

“Đó là tên cướp Ưong-quật-ma.”

Vua nghe những lời này, trong lòng kinh sợ, lông tóc đều dựng đứng.

Thế Tôn bảo vua:

“Chớ sinh lòng sợ hãi, hãy bước đến trước, thì tự vua sẽ tỏ ý mình.”

Vua nghe lời Phật dạy, liền đến trước Ưong-quật-ma, nói với Ưong-quật-ma:

“Ông họ gì?”

Ưong-quật-ma đáp:

“Tôi họ Già-già,¹⁵ mẹ tên Mãn Túc¹⁶.”

Lúc ấy, vua đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, vua hỏi:

“Khéo vui trong chánh pháp này, chớ có lười biếng, tu phạm hạnh thanh tịnh để dứt gốc khổ. Tôi sẽ trọn đời cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men trị bệnh.”

Ưong-quật-ma im lặng không đáp. Vua liền rời chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân. Quay trở lại chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên.

¹⁵ Già-già 伽伽. Pāli: Gagga, là tên cha. Họ là Bhagava.

¹⁶ Mãn Túc 滿足. Pāli: Mantāṇī.

Lúc ấy, vua lại bạch với Phật:

“Người chưa hàng khiến hàng, người chưa phục khiến phục. Thật là kỳ lạ, hiếm có! Cho đến có thể hàng phục người cực ác. Cầu mong Thế Tôn thọ mạng vô cùng, để nuôi dưỡng nhân dân. Nhờ ơn Thế Tôn mà thoát được nạn này. Việc nước bề bộn, con xin trở về thành.”

Thế Tôn bảo:

“Vua nên biết đúng lúc!”

Bấy giờ, quốc vương liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ [721a] sát chân Phật, rồi lui đi.

Lúc bấy giờ, Ương-quật-ma hành a-lan-nhã, đắp y năm mảnh. Đến giờ, vị ấy ôm bát, đi đến từng nhà khát thực, một vòng rồi trở lại từ đầu; đắp y rách vá, thô xấu, tồi tàn, lại ngồi ở giữa trời trống, không che thân thể. Ương-quật-ma ở nơi vắng vẻ, tự tu hạnh này, vì mục đích mà thiện gia nam tử xuất gia học đạo, tu vô thượng phạm hạnh, biết như thật rằng, Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa. Bấy giờ, Ương-quật-ma liền thành A-la-hán, sáu thông trong suốt không còn bụi dơ.

Sau khi đã thành A-la-hán, đến giờ đắp y, mang bát, vào thành Xá-vệ khát thực. Lúc ấy, có một thiếu phụ đang sanh khó. Thấy vậy, vị ấy liền tự nghĩ: ‘Đau khổ thay, chúng sanh chịu bức não¹⁷ vô hạn.’ Sau khi thọ thực xong, Ương-quật-ma cất y bát, lấy toạ cụ đặt lên vai, đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ Ương-quật-ma bạch Thế Tôn:

¹⁷ Để bản chép: thọ thai 受胎. TNM: thọ não. Sửa lại cho phù hợp với Pāli: *kilissanti vata bho sattā*.

“Vừa rồi, con đập y, mang bát vào thành Xá-vệ khát thực, gặp một người nữ thân thể mang thai nặng nề.¹⁸ Lúc ấy, con liền tự nghĩ: ‘Chúng sanh chịu khổ đến như vậy sao?’”

Thế Tôn đáp:

“Ông hãy đến chỗ người phụ nữ ấy, nói như vậy: ‘Từ khi tôi sanh trong nhà Hiền Thánh đến nay, chưa từng sát sanh. Bằng lời chí thành này cầu cho người mẹ và thai nhi không gì tai biến¹⁹!’”

Ương-quật-ma đáp:

“Thưa vâng, Thế Tôn!”

Ngay trong ngày ấy, Ương-quật-ma liền đập y, mang bát, vào thành Xá-vệ, đến chỗ người mẹ kia, nói với cô: “‘Từ khi tôi sanh trong nhà Hiền Thánh đến nay, chưa từng sát sanh. Bằng lời chí thành này cầu cho người mẹ và thai nhi không gì tai biến.’”

Lúc ấy, người mẹ mang thai liền sanh được.

Một hôm, Ương-quật-ma vào thành khát thực, các nam, nữ lớn nhỏ, mọi người đều nói với nhau:

“Đó gọi là Ương-quật-ma, đã giết hại chúng sinh không thể kể, nay lại đi trong thành khát thực.”

Rồi thì, nhân dân trong thành, mọi người lấy gạch đá đả thương, hoặc dùng dùng dao chém, khiến đầu mặt Ương-quật-ma bị thương, y phục bị rách hết, máu chảy nhớp thân thể. Sau khi ra khỏi thành Xá-vệ, Ương-quật-ma đi đến chỗ Thế Tôn. Bấy giờ, từ xa Thế Tôn thấy Ương-quật-ma bị thương tích đầy

¹⁸ Nguyên Hán: trọng nhâm 重妊. Tương thuật không phù hợp với trả lời của Phật. Có lẽ tương đương Pāli: *mūlhagabbham*, sanh khó, nhưng Hán dịch hiểu *mūlha* theo nghĩa đen là “nặng nề, chậm chạp.”

¹⁹ Pāli, định cú: *tena saccena sotthi te hotu*, “bằng sự thật này, mong cho cô được an lành.” Đây là một *paritta*, hộ chú, cầu thần chú cứu hộ, phổ biến trong Pāli.

đầu mặt, máu chảy ướt y, đang đi đến. Thấy vậy, Thế Tôn liền nói:

“Ngươi hãy nhẫn nhịn! Vì sao vậy? Tội này, đáng ra phải chịu báo mãi trong một kiếp lâu dài.”

Lúc ấy, Ương-quật-ma liền đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bây giờ Ương-quật-ma ở trước Như Lai nói kệ này:

*Kiên cố nghe pháp cú;
Kiên cố hành Phật Pháp;
Kiên cố gần bạn lành;
Liền đến nơi diệt tận.*

*Con vốn là đại tặc,
Tên là Ương-quật-ma,
Bị cuốn trôi theo dòng,
Nhờ Thế Tôn cứu vớt.*

*Nay quán, tự trả nghiệp,
Cũng nên quán gốc pháp.
Nay đã đắc ba minh,
Thành tựu hạnh nghiệp Phật.*

*Con vốn tên Vô Hại,²⁰
Nhưng giết hại vô kể,²¹
Nay tên Chân Đế Thật,²¹
Không còn hại gì nữa.*

*Giả sử thân, miệng, ý,
Đều không tâm thức hại;
Đó là không sát hại;*

²⁰ Vô Hại 無害. Pāli: Ahimsaka, tên cha mẹ đặt. Anḡimāla là tên do người đời đặt.

²¹ Chân Đế Thật. Pāli: *Sacca*. Nhưng Pāli, (...) *ajjāhaṃ saccanāmomhi*, (...), [Tôi vốn tên Vô Hại, nhưng đã hại người rất nhiều người], *nay chân thật* [là Vô Hại, vì không còn hại ai nữa].

Huống gì khởi tư tưởng.

*Thợ cung hay nắn sừng (?),²²
Nhà thủy hay dẫn nước;
Người thợ chạm, đẽo gỗ;
Bậc trí tự điều thân.²³*

*Hoặc dùng roi gậy phục;
Hoặc dùng lời lẽ khuất,
Trợn không dùng đao gậy.
Nay con tự hàng phục.*

*Trước, người gây tội ác,
Sau dùng không tái phạm,
Chiếu sáng khắp thế gian;
Nhu mây tan, trăng hiện.*

*Trước, người gây tội ác,
Sau dùng không tái phạm,
Chiếu sáng khắp thế gian;
Mây tan, mặt trời hiện.*

*Tỳ-kheo già, trẻ khoẻ,
Tu hành, hành Phật pháp,
Chiếu sáng khắp thế gian;
Nhu trăng kia, mây tan.²⁴*

*Tỳ-kheo già, trẻ khoẻ,
Tu hành theo Phật Pháp,
Chiếu sáng khắp thế gian;
Mặt trời kia, mây tan.*

Nay con chịu chút khổ.

²² Hán: giác 角. Cf. Dhp. 80: *usukārā namayanti tejanam*, thợ làm tên nắn thẳng mũi tên.

²³ Dhp. 80.

²⁴ Cf. Dhp. 382.

*Ăn uống tự biết đủ,
Thoát hết tất cả khổ.
Duyên cũ nay đã hết.*

*Không theo dấu tử thân,
Cũng không còn tái sanh;
Nay chỉ đợi thời tiết,
Hoan hỷ, không rối loạn.*

Bấy giờ, Như Lai hứa khả những gì Ưong-quật-ma nói. Ưong-quật-ma [721c] thấy Như Lai đã im lặng hứa khả, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân liền lui đi.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Ưong-quật-ma vốn tạo công đức gì mà ngày nay thông minh, trí huệ, mặt mày xinh đẹp hiem có trên đời? Lại tạo hành vi bất thiện gì mà trên thân hiện này sát hại chúng sanh vô số kẻ? Lại tạo công đức gì mà nay gặp Như Lai, đắc quả A-la-hán?”

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Vào thời quá khứ lâu xa trong Hiền kiếp này,²⁵ có Phật hiệu Ca-diếp Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác xuất hiện ở đời. Sau khi Như Lai Ca-diếp nhập diệt, có vua tên Đại Quả thống lĩnh trong nước, cai trị Diêm-phù-đề. Vua ấy có tám vạn bốn ngàn cung nhân thể nữ, nhưng không có con cái. Bấy giờ, vua Đại Quả liền hướng về thần cây, thần núi, mặt trời, mặt trăng, tinh tú không nơi nào là không cầu xin con cái. Sau đó đệ nhất phu nhân của vua mang thai, trải qua tám, chín tháng, sanh được một con trai, tướng mạo xinh đẹp hiem có trên đời. Lúc ấy, vị vua kia liền tự nghĩ: “Ta trước kia không có con cái, suốt một thời gian như vậy nay mới sanh hài nhi, cần phải đặt tên, để cho nó ở trong ngũ dục mà thụ hưởng.”

Vua bèn triệu tập quần thần, những người có thể xem tướng, bảo rằng:

²⁵ Truyện tiền thân của Aṅgulimāla, Pāli, Jataka 537: Mahā-Sutasoma.

“Nay ta đã sanh hài nhi này, các khanh hãy đặt tên cho.”

Những người này nghe vua dạy rồi, liền tâu vua:

“Nay Thái tử này rất kì diệu, xinh đẹp không ai bằng, mặt như màu hoa đào, ắt sẽ có thể lực lớn, nay nên đặt tên là Đại Lực.”

Sau khi thầy tướng đặt tên cho thái tử rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. Bấy giờ, quốc vương yêu thương thái tử này, chưa từng rời mắt.

Khi thái tử vừa lên tám tuổi, dẫn theo các người hầu cận đến chỗ phụ vương, hầu hạ thăm hỏi. Vua cha tự nghĩ: ‘Thái tử này, tự thật là kỳ lạ!’ Vua liền bảo thái tử:

“Thế nào, nay ta cưới vợ cho con?”

Thái tử tâu vua:

“Nay con còn nhỏ tuổi, cần gì cưới vợ?”

Lúc ấy, vua cha tạm đình chỉ không cưới vợ cho. Đến khi thái tử hai mươi tuổi, vua lại nói:

“Ta muốn cưới vợ cho con.”

Thái tử tâu vua:

“Con không cần cưới vợ.”

Lúc ấy, vua bảo quần thần, nhân dân:

“Ta trước kia không có con cái, qua [722a] thời gian rất lâu mới sinh được một đứa con. Nay nó không chịu lấy vợ, thanh tịnh không một tí vết.”

Bấy giờ, vua đổi tên cho thái tử là Thanh Tịnh.

Khi thái tử Thanh Tịnh đã gần ba mươi tuổi, vua lại bảo quần thần:

“Hiện nay tuổi ta đã suy yếu, không con nào khác; hiện chỉ có thái tử Thanh Tịnh. Nay vương vị cao phải truyền cho thái tử. Nhưng thái tử không thích sống trong năm đục, làm sao xử lí việc nước?”

Quần thần đáp:

“Phải tìm cách làm cho thái tử ưa thích năm dục.”

Lúc ấy, vua liền cho đánh chuông, kích trống, thông báo với nhân dân trong nước:

“Ai có thể làm cho thái tử Thanh Tịnh ưa thích năm dục, ta sẽ thưởng cho ngàn vàng và các vật báu.”

Bấy giờ, có người nữ tên Dâm Chung, hiểu rõ sáu mươi bốn biến. Người nữ kia nghe vua có sắc lệnh: ‘Ai có thể làm cho thái tử Thanh Tịnh ưa thích năm dục thì ta sẽ thưởng cho ngàn vàng và các vật báu.’ Cô liền đến chỗ vua cha và tâu:

“Hãy cho tôi ngàn vàng và các vật báu, tôi có thể khiến cho thái tử của vua quen với năm dục.”

Vua cha bảo:

“Nếu làm được việc ấy, ta sẽ ban cho gấp đôi; không phụ lời hứa.”

Dâm nữ tâu vua:

“Thái tử ngủ ở đâu vậy?”

Vua bảo:

“Ở toà nhà phía Đông, không có nữ nhon. Chỉ có một người nam làm thị vệ ở đó.”

Người nữ tâu:

“Cúi xin Đại vương ra lệnh trong cung cho tôi tùy ý ra vào, không được ngăn cản.”

Ngay đêm đó, vào canh hai, dâm nữ ở cạnh cửa phòng thái tử giả bộ cất tiếng khóc. Thái tử nghe tiếng khóc người nữ, liền hỏi người hầu:

“Đây là người nào đến đây mà khóc?”

Người hầu đáp:

“Đó là người nữ, đang khóc ở cạnh cửa.”

Thái tử nói:

“Khanh mau đến chỗ đó, hỏi vì sao khóc?”

Người hầu kia liền đến chỗ đó hỏi vì sao khóc. Dâm nữ đáp:

“Bị chồng bỏ, cho nên khóc!”

Người hầu trở vào tâu Thái tử:

“Người nữ này bị chồng bỏ, lại sợ trộm cướp, cho nên khóc!”

Thái tử bảo:

“Dẫn người nữ này để trong chuồng voi.”

Đến đó, cô lại vẫn khóc. Thái tử bảo dẫn vào chuồng ngựa, cô lại khóc.

Thái tử lại bảo quan hầu:

“Dẫn đến đây!”

Cô liền được dẫn vào nhà. Ở đây cô lại vẫn khóc.

Thái tử đích thân tự hỏi:

“Vì sao lại khóc?”

Dâm nữ đáp:

“Thưa thái tử, người nữ một mình yếu đuối, rất là sợ hãi, cho nên khóc.”

Thái tử bảo:

“Lên trên giường ta thì không còn sợ nữa.”

[722b] Lúc ấy, người nữ im lặng không đáp, cũng không còn khóc. Rồi thì, người nữ liền cởi y phục, tới trước nắm tay thái tử đặt lên ngực mình. Cảm giác kinh sợ chỉ trong chốc lát, nhưng rồi dần dần khởi dục tưởng. Khi dục tâm đã khởi thì thân thể đến với nhau.

Sáng sớm hôm sau, thái tử Thanh Tịnh đến chỗ vua cha. Lúc ấy, vua cha từ xa trông thấy nhan sắc thái tử khác với ngày thường, liền nói:

“Những điều mà con muốn, đã kết quả rồi sao?”

Thái tử đáp:

“Đúng như Đại vương nói.”

Lúc này, vua cha vui mừng hơn hở, không xiết kể, bèn nói:

“Con muốn cầu mong gì, ta sẽ ban cho?”

Thái tử nói:

“Những gì cha đã muốn ban, đừng có hối tiếc lại, thì con sẽ xin theo ước nguyện của mình!”

Thời vua bảo:

“Như những gì con đã nói, cha quyết không hối tiếc. Con muốn cầu ước nguyện gì?”

Thái tử tâu vua:

“Ngày nay, Phụ vương thống lãnh toàn cõi Diêm-phù-đề, tự do với mọi thứ. Vậy xin hãy đem hết tất cả những cô gái chưa chồng trong cõi Diêm-phù-đề, trước về nhà ta, sau đó cho lấy chồng.”

Lúc ấy, vua bảo:

“Ta sẽ làm theo lời con.”

Vua liền ra lệnh cho nhân dân trong nước:

“Ai có con gái chưa gã chồng, trước đưa đến cho thái tử Thanh Tịnh, rồi sau đó mới gã chồng.”

Bấy giờ, trong thành kia có một người nữ tên Tu-man, đến lượt phải đến chỗ vua. Lúc ấy, con gái trưởng giả Tu-man, để thân thể trần truồng, đi chân không giữa đám đông người, cũng không hề hổ thẹn. Mọi người thấy vậy, nói với nhau:

“Đây là con gái trưởng giả, tiếng đồn khắp nơi, vì sao lại trần truồng đi giữa chốn đông người như con lừa không khác?”

Người nữ nói với mọi người:

“Tôi chẳng phải là con lừa. Những người các ngươi mới là con lừa. Các ngươi có thấy người nữ nào gặp người nữ mà lại mặc cỡ? Mọi người trong thành đều là người nữ, chỉ có thái tử Thanh tịnh là người nam thôi. Nếu tôi đến cửa thái tử Thanh Tịnh thì tôi mới mặc quần áo.”

Lúc này, nhân dân trong thành cùng bàn nhau:

“Những điều cô này nói thật đúng ý chúng ta. Chúng ta đúng là nữ, chẳng phải nam. Chỉ có thái tử Thanh Tịnh là nam. Hôm nay chúng ta phải thực hiện pháp người nam.”

Rồi nhân dân trong thành sắm sửa vũ khí, mặc giáp, mang gậy, đến chỗ vua cha, tâu với vua cha:

“Chúng tôi có hai lời nguyện, xin vua chấp nhận.”

Vua hỏi:

“Hai lời nguyện gì?”

Nhân dân tâu vua:

“Vua muốn sống thì hãy giết thái tử Thanh Tịnh. Muốn thái tử sống thì chúng tôi sẽ giết vua. Chúng tôi không chịu phụng sự [722c] thái tử Thanh Tịnh, vì nhục cho phép thường của nước.”

Lúc ấy, vua cha liền nói kệ này:

Vì nhà, mất một người.

Vì thôn, mất một nhà.

Vì nước, mất một thôn.

Vì thân, mất thể gian.

Vua nói bài kệ này rồi, bảo nhân dân:

“Nay chính đã đúng lúc! Tuỳ ý các khanh.”

Bấy giờ, mọi người liền bắt trói hai tay thái tử Thanh Tịnh, dẫn ra bên ngoài thành, họ nói với nhau rằng:

“Chúng ta tất cả đều cùng dùng gạch đá đập chết. Cần gì một người giết!”

Khi thái tử Thanh Tịnh sắp chết, tự nói lên lời thề nguyện:

“Những người dân này bắt ta giết uống. Nhưng vua cha đã tự cho ta nguyện này. Nay ta chịu chết cũng không dám từ. Mong đời tương lai, ta sẽ báo oán này, và lại mong gặp A-la-hán chân nonh để sớm được giải thoát.”

Nhân dân bắt giết thái tử rồi, tự giải tán.

“Này các Tỳ-kheo, các người chớ nghĩ vua Đại Quả lúc ấy há người nào khác, mà nay chính là thầy của Ương-quật-ma. Dâm

nữ lúc ấy nay chính là vợ của ông thầy ấy. Nhân dân lúc ấy nay là tám vạn người bị giết chết. Thái tử Thanh Tịnh lúc ấy nay chính là Tỳ-kheo Ương-quật-ma. Khi sắp chết, đã phát thệ nguyện này, nên nay báo oán hoàn trả không thoát được. Vì nhân duyên này, nên giết hại vô số. Sau đó, nguyện gặp Phật, nên nay được giải thoát, thành A-la-hán. Đó là ý nghĩa của việc này, hãy nhớ mà phụng hành.”

Lúc ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Trong các đệ tử ta, người có trí huệ, thông minh bậc nhất chính là Tỳ-kheo Ương-quật-ma.”

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.²⁶

KINH SỐ 7²⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyệt cùng chúng đại Tỳ-kheo năm trăm vị.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người có thấy núi Linh thú²⁸ này không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Dạ, có thấy.”

“Các người nên biết, quá khứ lâu xa, núi này còn có tên khác. Các người có thấy núi Quảng phổ²⁹ không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Dạ, có thấy.”

²⁶ Bản Hán, hết quyển 31.

²⁷ Pāli, M.116 Isigili (R.iii.68).

²⁸ Linh thú sơn 靈鷲山, tức Kỳ-xà-quật 耆闍崛山. Pāli: Gijjhikūṭa.

²⁹ Quảng phổ sơn 廣普山. Pāli: Vepulla (Vipulla), núi cao nhất trong năm núi bao quanh thành Vương xá.

“Các người nên biết, quá khứ lâu xa, núi này còn có tên khác, không giống với ngày nay. Các người có thấy núi Bạch thiện³⁰ không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Dạ, có thấy.”

“Quá khứ lâu xa, núi này còn có tên khác, không giống với ngày nay. Các người có thấy núi Phụ trọng³¹ không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Dạ, có thấy.”

“Các người có thấy núi Tiên nhân quật³² không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Dạ, có thấy.”

“Quá khứ lâu xa, núi này cũng có tên như vậy. Vì sao vậy? Núi Tiên nhân là nơi thường có các vị Bồ tát thần túc, đấng đạo A-la-hán và các vị tiên nhân cư trú. Các vị Bích-chi-phật cũng du hành trong núi ấy. Nay Ta nói danh hiệu của các vị Bích-chi-phật, các vị hãy lắng nghe và ghi nhớ kỹ. Có Bích-chi-phật tên A-lợi-tra, Bà-lợi-tra, có Bích-chi-phật tên Thẩm Đế Trọng, có Bích-chi-phật hiệu Thiện Quán, có Bích-chi-phật hiệu Cứu Cánh, có Bích-chi-phật hiệu Thông Minh, có Bích-chi-phật hiệu Vô Cấu, có Bích-chi-phật hiệu Đế-xa, Niệm Quán, Vô Diệt, Vô Hình, Thắng, Tối Thắng, Cực Đại, Cực Lôi Điện, Quang Minh.³³ Nay các Tỳ-kheo! Khi Như Lai không xuất thế,

³⁰ Bạch thiện sơn 白善山. Pāli: Paṇḍava.

³¹ Phụ trọng sơn 負重山. Pāli: Vebhāra.

³² Tiên nhân quật 仙人掘山. (chữ 掘 nên sửa lại là 窟) Pāli: Isigili, một trong năm núi quanh Vương xá, được nói là đẹp nhất.

³³ Danh sách các Bích-chi-phật theo Pāli: Ariṭṭho (A-lị-trá 阿利吒); Upariṭṭho (Bà-lị-trá 婆利吒); Tagarasikhī (Hán đọc là Takkasikhī, Thẩm Đế Trọng 審諦重?); Yasassī; Sudassano (Thiện Quán 善觀); Piyadassī; Gandhāro; Piṇḍolo; Upāsabho; Nīto (Hán đọc là Niṭṭha, Cứu Cánh 究竟?);

bảy giờ trong núi này có năm trăm vị Bích-chi-phật này ở trong núi Tiên nhơn này. Khi Như Lai ở trên trời Đâu-suất muốn lai sinh, Thiên tử Tịnh cư tự đến đây thông báo và ra lệnh cho tất cả thế gian: ‘Hãy làm thanh tịnh cõi Phật để hai năm sau Như Lai sẽ xuất hiện ở đời.’

“Các vị Bích-chi-phật sau khi nghe vị thiên nhơn nói rồi, đều bay lên hư không mà nói kệ này:

*Khi Phật chưa xuất thế,
Hiền Thánh trú nơi đây.
Bích-chi-phật tự ngộ,
Thường sống trong núi này.*

*Núi này tên Tiên nhơn
Nơi ở Bích-chi-phật
Tiên nhơn và La-hán
Không lúc nào vắng mặt.*

“Lúc ấy, các vị Bích-chi-phật liền ở trên không trung thiêu thân nhập Bát-niết-bàn. Vì sao vậy? Vì đời không hai hiệu Phật, nên phải diệt độ vậy. Trong đoàn khách buôn không cần hai người lãnh đạo. Trong một nước không có hai vua. Một cõi Phật không hai tôn hiệu. Vì sao vậy? Vì trong quá khứ lâu xa, thành La-duyệt có vua tên Hỷ Ích thường nghĩ đến thống khổ địa ngục, cũng nghĩ đến nỗi khổ nga quý, súc sanh. Bảy giờ, vua ấy liền tự nghĩ: ‘Ta thường nhớ nghĩ đến thống khổ nơi địa ngục, nga quý, súc sanh; nay ta không nên đi vào ba đường dữ này. Nên xả bỏ hết ngôi vua, vợ con, tôi tớ, với lòng tin kiên cố xuất gia học đạo.’

Tatho (Hán?), Sutavā (Hán?); Bhāvitatto (Niệm Quán 念觀). Các vị khác được kể thêm trong phần kệ của Pāli: Hán: Đế-xa 帝奢, Pāli: Tissa. Thông Minh 聰明 (Pāli?). Vô Cấu 無垢 (Pāli?). Vô Diệt 無滅 (Pāli?). Vô Hình 無形 (Pāli?). Thắng 勝 (Jeta). Tối Thắng 最勝 (Jayanta). Cực Đại 極大 (Pāli?). Cực Lôi Điện 極雷電. (Pāli?). Quang Minh 光明 (Pāli?).

“Bấy giờ, đạị vương Hỷ Ích chán ghét nỗi khổ này liền xả bỏ ngôi vua, cạo bỏ râu tóc, đắp ba pháp y, xuất gia học đạo, ở tại nơi vắng vẻ tự khắc chế mình, quán năm thủ uẩn, quán rõ vô thường: đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự diệt tận của sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy, thấy đều vô thường. Khi đang quán năm thủ uẩn này, thấy rằng các pháp có thể tập khởi là pháp diệt tận. Sau khi quán sát pháp này, liền thành Bích-chi-phật.

“Lúc ấy, Bích-chi-phật Hỷ Ích đã thành đạo quả, liền nói kệ này:

*Ta nghĩ khổ địa ngục,
Súc sanh, trong năm đường;
Bỏ nó mà học đạo;
Một mình không sầu ưu.*

“Lúc ấy, Bích-chi-phật này ở trong núi Tiên nhơn kia. Tỳ-kheo, nên biết, do phương tiện này mà biết trong núi này thường có Bồ-tát thần túc, những bậc Chân nhơn đắc đạo, người học đạo tiên đang cư trú trong đó. Cho nên gọi là núi Tiên nhơn, không có tên nào khác. Khi Như Lai không xuất hiện ở đời, chư thiên thường đến núi này đánh lễ. Vì sao vậy? Trong núi này toàn là các bậc Chân nhơn, không có lẫn lộn. Nếu khi Phật Di-lặc giáng thần xuống thế gian, tên [723b] các núi đều đổi khác, chỉ có núi Tiên nhơn vẫn không tên khác. Trong Hiền kiếp này, tên núi này cũng không khác. Tỳ-kheo, các người nên thân cận núi này, cung kính, thừa sự sẽ tăng ích các công đức.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8³⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người chuyên niệm mà tự tu tập. Thế nào là chuyên niệm? Ở đây, Tỳ-kheo, khi đi biết đi, cử động, tới dừng, co, duỗi, cúi, ngược, mặc pháp y, ngủ nghỉ, thức dậy, hoặc nói, hoặc im lặng, thấy đều biết thời. Nếu Tỳ-kheo tâm ý chuyên chánh, với Tỳ-kheo ấy dục lậu chưa sinh liền không sinh, đã sinh liền diệt, hữu lậu chưa sinh khiến không sanh, đã sanh liền diệt, vô minh lậu chưa sanh khiến không sanh, đã sanh liền diệt. Nếu chuyên niệm phân biệt sáu xứ, trọn không rơi vào đường dữ.

“Sao gọi sáu xứ là đường dữ? Mắt nhìn sắc này, hoặc đẹp hoặc xấu. Thấy đẹp thì thích, thấy xấu thì không thích. Tai nghe tiếng hoặc hay, hoặc dở. Nghe tiếng hay thì thích, nghe tiếng không hay thì không thích. Mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Giống như có sáu loại thú có tánh nết khác nhau, hành động cũng khác. Nếu có người bắt chó, cáo, vượn, cá chiên,³⁵ rắn, chim, tất cả đều cột lại, nhốt chung vào một nơi rồi thả đi. Bấy giờ, trong sáu loại vật, mỗi con sẽ thể hiện mỗi tính cách.

“Bấy giờ, trong ý con chó muốn chạy vào thôn; trong ý con cáo muốn chạy đến gò mả; trong ý con cá chiên muốn vào trong nước; trong ý con vượn muốn vào rừng núi; trong ý rắn độc muốn vào trong hang; trong ý chim muốn bay lên hư không. Sáu loài, mỗi loài có tánh cách khác nhau.

“Nếu có người lại bắt sáu loại vật này nhốt vào một chỗ, không cho chúng tự do đi theo bốn hướng. Lúc này, sáu con vật ấy tuy đi lại nhưng không rời khỏi chỗ cũ trong đó. Sáu tình cũng lại

³⁴ Pāli, S. 35. 206 Chapāna (R. iv. 198)

³⁵ Hán: chiên ngư 鱧魚. Pāli: *susumāra*, cá sáu.

như vậy, mỗi loại đều có chủ đích riêng, phận sự bất đồng, lối nhìn cũng khác biệt, hoặc tốt hoặc xấu.

“Bây giờ, Tỳ-kheo buộc sáu tình này mà đặt một chỗ. Cho nên, **[724a]** các Tỳ-kheo, hãy nhớ nghĩ chuyên tinh, ý không tán loạn. Lúc ấy, tỳ ma Ba-tuần hoàn toàn không có cơ hội, các công đức lành thay đều được thành tựu.

“Như vậy, các Tỳ-kheo, nên niệm đầy đủ nhãn căn, sẽ được hai quả: ở trong hiện pháp đắc quả A-na-hàm, hoặc đắc quả A-la-hán.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bây giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Lộc dã, nước Ba-la-nại, cùng với chúng đại Tỳ kheo năm trăm vị. Bây giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Hãy tư duy về tướng vô thường, phát triển tướng vô thường. Đã tư duy tướng vô thường, phát triển tướng vô thường, liền đoạn trừ được dục ái, sắc ái, vô sắc ái, đoạn sạch kiêu mạn, vô minh. Vì sao vậy? Ngày xưa, trong đời quá khứ lâu xa, có Bích-chi-phật hiệu Thiện Mục,³⁶ tướng mạo đoan chánh, mặt như màu hoa đào, nhìn xem xét kỹ thì, miệng phát ra hương hoa sen, thân tỏa ra hương chiên đàn.

“Bây giờ, Thiện Mục Bích-chi-phật, đến giờ đắp y mang bát vào thành Ba-la-nại khất thực, dần dần đến nhà đại trưởng giả, đứng im lặng ở ngoài cửa. Lúc ấy, con gái của trưởng giả từ xa thấy có đạo sĩ đứng ở ngoài cửa, vô cùng đoan chánh, tướng mạo đặc thù hiếm có trên đời, miệng phát ra hương hoa sen, thân tỏa ra hương chiên đàn, liền khởi dục tâm, đến chỗ Tỳ-

³⁶ Thiện Mục 善目; Pāli: Sunetta, cf. DhA. ii 71 f.

kheo kia nói rằng: ‘Ông xinh đẹp, mặt như màu hoa đào, hiếm có trên đời. Nay tôi tuy là xử nữ, nhưng lại cũng xinh đẹp. Chúng ta hãy hòa hợp. Trong nhà tôi rất nhiều châu báu, vô số của cải; còn làm Sa-môn thật là không phải dễ.’

“Lúc ấy, Bích-chi-phật hỏi: ‘Này cô em, cô mê chỗ nào?’ Con gái trưởng giả đáp: ‘Tôi thật sự mê sắc của cặp mắt. Lại nữa trong miệng tỏa mùi hương hoa sen ru-bát, thân lại tiết ra mùi hương chiên đàn.’

“Khi ấy Bích-chi-phật liền duỗi tay trái, dùng tay phải móc mắt đặt vào lòng bàn tay mà bảo: ‘Cái mà cô gọi con mắt đáng yêu đây! Cô em, bây giờ cô còn mê chỗ nào nữa? Giống như ung nhọt, chẳng có gì đáng ham cả, mà trong mắt này cũng rỉ bất tịnh. Cô em nên biết, con mắt như bọt nước nổi, cũng không bền chắc, huyền nguy không thật, mê hoặc người đời. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều [724b] không bền chắc, giả dối không thật. Miệng là nơi khạc nhổ đờm dãi, ra những vật bất tịnh, chứa toàn xương trắng. Thân là đồ chứa sự khổ, là pháp hoại diệt, là nơi thường chứa chất hôi thối, là nơi các loại vi trùng quấy rối. Cũng như chiếc bình vỡ, bên trong đựng bất tịnh. Này Cô em, nay cô mê chỗ nào? Cho nên, này cô em, hãy chuyên tâm tư duy, pháp này huyền nguy không thật. Nếu Cô em tư duy về nhân sắc vô thường, những ý tưởng nào đắm đuối dục liền tự tiêu diệt. Tai, mũi, miệng, thân, ý thủy đều vô thường. Sau khi tư duy điều này, những gì là dục ý tự sẽ tiêu trừ. Tư duy về sáu xứ sẽ không có tướng dục.’

“Lúc ấy, con gái trưởng giả liền hoảng sợ, đến trước lạy ngay sát chân vị Bích-chi-phật, bạch Bích-chi-phật: ‘Từ nay trở đi con xin sửa lỗi tu thiện, không còn khởi tướng dục nữa. Cúi xin ngài nhận sự hối lỗi.’ Nói ba lần như vậy.

“Bích-chi-phật bảo: ‘Thôi, thôi, Cô em! Đó chẳng phải lỗi của cô, mà là tội từ đời trước của ta, nên mang hình này khiến người thấy đều khởi ý dục tình. Hãy quán sát kỹ mắt. Mắt này chẳng phải ta, ta chẳng phải của mắt, cũng chẳng phải ta tạo,

cũng chẳng phải nó làm, từ trong không có mà sanh, đã có rồi tự hư hoại; cũng chẳng phải đời trước, đời này, đời sau; mà đều do nhân duyên hội hợp. Nhân duyên hội hợp là duyên cái này có cái này, đây khởi thì kia khởi, đây không thì kia không, đây diệt thì kia diệt. Mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý cũng lại như vậy, thấy đều trống không. Cho nên, Cô em chớ đăm nhẩn sắc. Do không đăm sắc mà đến nơi an ổn, không còn dục của tình. Nay Cô em, hãy học điều này như vậy.’

“Bấy giờ, Bích-chi-phật vì người nữ kia nói bốn pháp phi thường, rồi bay lên hư không, hiện mười tám phép biến hoá, sau đó trở về chỗ cũ.

“Lúc ấy, người nữ kia quán sát mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý đều không có sở hữu, liền ở nơi vắng vẻ, tư duy pháp này. Người nữ kia lại tư duy về sáu tình không chủ, đạt được bốn vô lượng tâm, thân hoại mạng chung sanh lên cõi Phạm thiên.

“Các Tỳ-kheo, nên biết, nếu tư duy về tướng vô thường, phát triển tướng vô thường, sẽ dứt sạch dục ái, sắc ái, vô sắc ái; kiêu mạn, vô minh, thấy đều trừ sạch.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10³⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.³⁸

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc bảo người đánh xe:

³⁷ Tham chiếu, Pāli, M. 89 Dhammacetiya (R. ii. 117). Hán: *Trung 59*, kinh 213.

³⁸ Đoạn tự thuyết này không phù hợp với báo cáo được nói trong đoạn sau của Kinh. Xem cht. 41.

“Người chuẩn bị xe [724c] lông chim*. Ta muốn đi ra ngoài xem xét.”

Người kia vâng lời vua dạy, chuẩn bị xe lông chim, rồi đến trước tâu vua:

“Đã chuẩn bị xong xe vũ bảo. Vua nên biết đúng thời.”

Vua Ba-tur-nặc dẫn theo người này³⁹ ra khỏi thành Xá-vệ, đến khu vườn kia,⁴⁰ thấy cây cối không một tiếng động, cũng không bóng người, tịch nhiên trống vắng. Thấy vậy, vua liền nhớ lại Như Lai đã từng thuyết về gốc các pháp. Lúc ấy, người đánh xe đứng phía sau cầm quạt, quạt hầu vua. Vua nói:

“Cây cối, hoa quả vườn này không một tiếng động, cũng không một bóng người dân, tịch nhiên trống vắng. Nay ta muốn thỉnh Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác du hoá ở đây, nhưng không biết hiện nay Như Lai đang ở đâu. Ta muốn đến hầu thăm.”

Người hầu nói:

“Dòng họ Thích có thôn tên Lộc đường;⁴¹ Như Lai đang giáo hoá ở đó.”

vua Ba-tur-nặc bảo:

“Lộc đường ấy cách đây gần hay xa?”

Người hầu tâu:

“Chỗ ở Như Lai cách đây không xa, nếu tính dặm đường, chỉ khoảng ba do tuần.”

Lúc ấy, vua Ba-tur-nặc bảo:

³⁹ Pāli: Dīgho Kārāyano (*Trung* kinh 213: Trường Tác 長作), tổng chỉ huy quân đội của Vua. Sớ giải Pháp cú (DhA.iii. 355) cho biết, chính thời điểm này, ông này âm mưu với Thái tử Viḍḍadabha âm mưu cướp ngôi.

⁴⁰ Pāli: thị trấn Nagaraka. Sớ giải Pāli nói, đây là một thôn của người Thích-ca. *Trung* ibid.: thị trấn tên là Ấp 邑名城.

⁴¹ Lộc đường 鹿堂. Pāli: bây giờ Thế tôn đang ở giữa những người họ Thích, tại thị trấn Medalumpa. *Trung* ibid.: Di-lũ-li 彌婁離.

“Hãy chuẩn bị xe lông chim. Ta muốn đi gặp Như Lai.”

Vâng lệnh vua, người ấy liền chuẩn bị xe, rồi đến trước tâu vua:

“Đã chuẩn bị xe xong. Xin vua biết đúng thời.”

Vua liền lên xe đi đến thôn ấy.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đang kinh hành nơi đất trống. Khi ấy, vua xuống xe, đến chỗ các Tỳ-kheo; đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên, vua bạch Tỳ-kheo:

“Như Lai hiện đang ở đâu? Con muốn gặp Ngài.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thế Tôn đang ở trong giảng đường này. Vua có thể vào gặp Ngài, chớ có ngại.”

Vua liền nhẹ nhàng bước vào, không gây ra một tiếng động. Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc quay lại nhìn người hầu. Người ấy liền tự nghĩ: “Nay hãy để vua vào gặp Thế Tôn một mình. Ta nên đứng đây.”

Bấy giờ, vua đi một mình đến chỗ Thế Tôn. Thế Tôn bằng thiên nhãn thấy vua đang đứng ngoài cửa, liền từ chỗ ngồi đứng dậy mở cửa cho vua. Thấy Thế Tôn, vua liền đánh lễ sát chân, tự xưng tên họ” “Con là Vua Ba-tư-nặc.” Ba lần tự xưng danh hiệu.

Thế Tôn nói:

“Ông là Vua. Còn Ta là dòng họ Thích xuất gia học đạo.”

Vua bạch Phật:

“Cúi mong Thế Tôn kéo dài tuổi thọ đến vô cùng, để trời người được an lạc.”

Thế Tôn bảo:

“Chúc đại vương cũng sống lâu vô cùng, theo pháp [725a] cai trị, chớ đừng phi pháp. Những ai cai trị đúng pháp đều sanh lên trời, xứ lành; sau khi chết danh tiếng còn mãi, người đời truyền rằng: ‘Xưa có vua đúng pháp cai trị dân, chưa từng tà vạy.’”

Nếu có người dân nào sống trong cảnh giới của vua này, khen ngợi công đức của vua, nhớ nghĩ không quên. Thân vua ở trên trời, tăng sáu việc công đức. Những gì là sáu? Một được thọ tuổi trời, hai được sắc đẹp trời, ba được thú vui trời, bốn được thần túc trời, năm được oai đức trời, sáu được ánh sáng trời. Vì vậy, Đại vương, hãy theo pháp cai trị dân, chớ đừng phi pháp. Ngày nay, tự thân Ta có công đức này nên xứng đáng nhận người cung kính lễ bái.”

Vua bạch Phật:

“Công đức của Như Lai xứng đáng nhận người lễ bái.”

Thế Tôn bảo:

“Vì sao hôm nay Ông nói Như Lai xứng đáng nhận người lễ bái?”

Vua bạch Phật rằng:

“Như Lai có sáu công đức⁴² xứng đáng được nhận người lễ bái. Những gì là sáu? Chánh pháp Như Lai rất là hoà nhã, được người trí tu hành. Đó gọi là công đức đầu tiên của Như Lai đáng thờ, đáng kính.

“Lại nữa, Thánh chúng của Như Lai rất hoà thuận, thành tựu pháp tùy pháp, thành tựu giới, thành tựu trí huệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến. Thánh chúng gồm có bốn đôi, tám bậc. Đây là Thánh chúng của Như Lai đáng kính, đáng quý, là ruộng phước lớn của thế gian. Đó gọi là công đức thứ hai của Như Lai.

“Lại nữa, Như Lai có chúng bốn bộ đều học tập, thực hành pháp cần được thực hành, không quá nhiều Như Lai thêm nữa. Đó gọi là công đức thứ ba của Như Lai.

⁴² *Trung* ibid.: pháp tĩnh 法靖, sự loại suy về pháp. Pāli: *dhhammanvaya*, tổng tướng của pháp, loại cú của pháp, mục đích thứ tự của pháp. Đây chỉ sự suy diễn dựa trên những chúng nghiệm thực tế.

“Lại nữa, Thế Tôn, con thấy dòng sát-lợi, bà-la-môn, cư sĩ, sa-môn, tài cao, hơn đời đều tập họp lại bàn luận: ‘Chúng ta phải đem luận đề này đến hỏi Như Lai. Nếu Sa-môn Cù-đàm kia không đáp luận đề này thì ông ấy còn yếu kém. Nếu có thể đáp thì chúng ta sẽ khen hay.’ Lúc ấy, bốn dòng họ đến chỗ Thế Tôn mà hỏi luận này, hoặc lại có người im lặng. Bấy giờ, Thế Tôn vì họ mà thuyết pháp. Sau khi nghe pháp xong họ không hỏi thêm gì nữa, hướng chi lại muốn tranh luận và đều thờ Như Lai làm Thầy. Đó gọi là công đức thứ tư của Như Lai.

“Lại nữa, có sáu mươi hai kiến giải ngoại đạo lừa dối người đời, không hiểu chánh pháp do đó đưa đến ngu si. Nhưng Như Lai có thể trừ các nghiệp tà kiến này, sửa cho họ Chánh kiến. Đó gọi là công đức thứ năm của Như Lai.

“Lại nữa, chúng sanh tạo ác bởi thân, miệng, ý. Nếu mạng chung mà nhớ nghĩ [725b] công đức Như Lai thì được lìa ba đường dữ, được sinh lên trời. Cho dù là người cực ác, cũng được sinh lên trời. Đó gọi là công đức thứ sáu của Như Lai. Vì vậy nên chúng sanh nào thấy Như Lai cũng đều sanh tâm cung kính mà cúng dường Ngài.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, lành thay Đại vương, đã có thể ở trước Như Lai rống tiếng rống sư tử, diễn bày công đức của Như Lai! Cho nên, Đại vương, hãy thường khởi tâm hướng về Như Lai. Đại vương, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ, Thế Tôn vì vua Ba-tư-nặc nói pháp vì diêu khiến sinh hoan hỷ. Đại vương sau khi nghe Phật thuyết pháp rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân thế tôn rồi lui đi. Sau đó không lâu, Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Các người nên cúng dường pháp này, khéo tụng niệm. Vì sao vậy? Vì đây là những điều vua Ba-tư-nặc đã nói. Các người cũng nên vì chúng bốn bộ giảng rộng nghĩa ấy.”

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 11

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong Ca-lan-đà Trúc viên, cùng chúng đại Tỳ-kheo năm trăm vị.

Lúc ấy, vua A-xà-thế bảo quần thần:

“Các khanh hãy nhanh chuẩn bị xe lông chim. Ta muốn đến gặp Thế Tôn.”

Quần thần vâng lệnh vua, chuẩn bị xe lông chim, rồi đến trước tâu vua:

“Đã chuẩn bị xe xong. Xin vua biết đúng thời.”

Vua lên xe lông chim, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, vua A-xà-thế bạch Thế Tôn:

“Cúi xin Thế Tôn nhận lời thỉnh của con kiết hạ chín mươi ngày ở thành La-duyet.”

Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh của vua. Khi vua thấy Thế Tôn đã im lặng nhận lời thỉnh, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân rồi lui đi.

Bấy giờ, vua A-xà-thế tùy thời cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngoạ cụ, thuốc men trị bệnh.

Lúc ấy, quỷ thần trong thành Tỳ-xá-ly rất lộng hành, làm cho người dân tử vong vô số kể, trong một ngày mà người chết có đến số trăm. Quỷ thần la-sát đầy dẫy trong ấy. Bệnh nhân mặt mũi vàng vọt, sau ba, bốn ngày thì chết. Nhân dân thành Tỳ-xá-ly hoảng sợ, tập hợp lại một chỗ cùng bàn bạc:

“Đại thành này rất thịnh vượng, đất tốt được mùa, người giàu vui vô hạn, giống như thiên cung, [725c] chỗ ở Đê Thích. Nhưng nay bị quỷ thần này làm hại, sẽ tử vong hết, hoang vắng như núi rừng. Ai có thần đức để trừ tai họa này?”

Rồi mọi người dân tụ bảo với nhau:

“Chúng ta nghe nói Sa-môn Cù-đàm đến chỗ nào thì nơi đó tà ma, ác quỷ không đến gần quấy nhiễu được. Nếu Như Lai đến đây, các quỷ thần này tự tâu tán. Nhưng hiện nay Thế Tôn đang ở trong thành La-duyet kia, đang được vua A-xà-thế cúng dường; e rằng Ngài sẽ không đến giáo hoá chốn này.”

Hoặc lại có người nói:

“Như Lai có từ bi lớn, thương tưởng chúng sanh, nhìn thấy tất cả khắp nơi; người chưa khiến cho được độ, như mẹ thương yêu con, không bỏ rơi bất cứ một chúng sanh nào. Nếu có người thỉnh, Như Lai đến liền. Vua A-xà-thế chắc không giữ lại được. Ai có thể chịu đi đến nước vua A-xà-thế mà bạch Thế Tôn rằng ‘Nay trong thành chúng con đang gặp nguy khốn này. Cúi xin Thế Tôn thương xót chiếu cố.’?”

Lúc ấy, có đại trưởng giả tên Tội Đại đang họp trong chúng này. Mọi người nói với trưởng giả:

“Chúng ta nghe nói, Sa-môn Cù-đàm đến nơi nào thì nơi đó tà ma ác quỷ không thể làm hại. Nếu Như Lai đến chốn này, có thể trừ được tai họa này liền. Ngài hãy đến chỗ Thế Tôn bạch đầy đủ ý này, để cho thành quách này được tồn tại lâu dài.”

Trưởng giả im lặng nhận lời mọi người, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi về nhà. Về đến nơi, ông sắp xếp hành trang đi đường, dẫn theo những người hầu, đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, và ngồi qua một bên. Lúc ấy, trưởng giả bạch Thế Tôn:

“Nhân dân trong thành Tỳ-xá-ly gặp tai họa này, nhân dân tử vong rất nhiều. Trong thành ấy, mỗi ngày có hàng trăm chiếc xe nối tiếp nhau chở xác chết có đến số trăm. Cúi xin Thế Tôn giữ lòng thương tình cứu vớt, khiến cho những người còn lại mau chọn chỗ an ổn để được vô sự. Chúng con lại nghe Thế Tôn đến chỗ nào, nơi đó Thiên long quỷ thần đến gần quấy nhiễu. Cúi xin Ngài chiếu cố đến trong thành kia độ, cho dân chúng kia sống an ổn vô sự.”

Thế Tôn bảo:

“Nay Ta đã nhận lời thỉnh của vua A-xà-thế thành La-duyệt rồi. Chư Phật Thế Tôn không có hai lời. Nếu vua A-xà-thế chấp nhận, Như Lai sẽ đến.”

Trưởng giả Tội Đại bạch Phật:

“Việc này rất khó. Vua A-xà-thế chắc không bao giờ để cho Như Lai đi đến nước kia. [276a] Vì sao vậy? Vì vua A-xà-thế đối với đất nước chúng con không có mảy may thiện cảm, lúc nào cũng tìm cách muốn hại nhân dân nước con. Nếu vua A-xà-thế thấy con, liền bắt giết con ngay huống chi là cho trình bày việc này. Nếu nghe nói nhân dân nước con bị quỷ thần làm hại thì ông ta sẽ vui mừng vô cùng.”

Thế Tôn bảo:

“Chớ có lo sợ. Ông hãy đi đến chỗ vua, mà tâu việc này rằng: ‘Như Lai đã báo trước về bản thân Vua rồi, điều đó hoàn toàn không hư dối, không hai lời. Phụ vương ngài không lỗi mà bị bắt giết. Đáng ra ngài sinh vào trong địa ngục A-tỳ trải qua một kiếp. Nhưng nay ngài đã lia tội này rồi, đã sửa đổi tội lỗi kia; đã thành tựu tín căn trong pháp Như Lai. Nhờ gốc đức này mà diệt được tội đó, vĩnh viễn không còn sót. Đối thân này sau khi chết, sẽ sanh vào địa ngục Phách cầu.⁴³ Ở đó, mạng chung sẽ sanh lên Tứ thiên vương; ở đó mạng chung sẽ sanh lên Diêm thiên; ở trên Diêm thiên mạng chung sẽ sanh trời Đâu-suất, trời Hoá tự tại, trời Tha hoá tự tại, rồi trở lại kể đến trời Tứ thiên vương. Đại vương nên biết, trong hai mươi kiếp không đoạ đường dữ, thường sanh trong loài người. Thân cuối cùng với lòng tin kiên cố cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo thành Bích-chi-phật Trừ Ác.’

“Vua ấy nghe những lời này xong, sẽ vui mừng hơn hờ không tự dừng được, rồi cũng sẽ bảo ông những lời này, ‘Nay ông có ước nguyện gì, ta cũng sẽ không từ chối.’”

⁴³ Phách cầu 拍毬. TNM: Phách cùc.

Trưởng giả bạch Thế Tôn:

“Nay con sẽ nương vào oai thần Thế Tôn, đến chỗ vua kia.”

Rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, đến chỗ vua kia.

Bấy giờ, vua A-xà-thế cùng quần thần ở trên điện cao, đang có việc bàn luận. Lúc ấy, đại trưởng giả đến trước vua. Từ xa, vua nhìn thấy ông đến, bảo các quần thần:

“Nếu người kia đến chỗ này, các khanh muốn bắt làm gì?”

Có người nói:

“Chúng ta sẽ bắt chặt năm khúc.”

Lại có người nói:

“Chúng ta sẽ bêu đầu.”

Vua A-xà-thế nói:

“Các khanh hãy bắt giết ngay đi. Không cần gặp ta.”

Trưởng giả khi nghe những lời này, rất lo sợ, lớn tiếng nói:

“Tôi là sứ giả của Phật.”

Vua nghe đến tiếng Phật, liền bước xuống ghế, gồi hữu quỳ sát đất, hướng về chỗ Như Lai, hỏi trưởng giả:

“Như Lai dạy điều gì?”

Trưởng giả đáp:

“Như Lai đã thọ ký Thánh vương rồi, điều đó không có hư [726b] dối, những gì đã nói ra hoàn toàn không hai lời. Vua bắt vua cha giết, duyên gốc tội này sẽ vào trong địa ngục A-tỳ trải qua một kiếp; nhưng sau đó vua đã kịp thời sửa lỗi đối với Như Lai. Nay sẽ sanh vào địa ngục Phách cầu; ở đó mạng chung sẽ sanh lên Tứ thiên vương, rồi lần lượt sanh đến Tha hoá tự tại thiên, rồi kế đến trở lại sinh về trong Tứ thiên vương. Trong hai mươi kiếp, không đoạ vào ba đường dữ, lưu chuyển trong trời người. Thân cuối cùng với lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo tên là Bích-chi-phật Trừ Ác.”

Vua nghe xong, vui mừng hơn hờ không xiết kể, liền bảo với trưởng giả:

“Giờ ông có ước nguyện gì, ta sẽ ban cho.”

Trưởng giả tâu:

“Sở nguyện của thần, xin vua chớ từ chối.”

vua A-xà-thế nói:

“Ông cứ nói ước nguyện gì, ta sẽ không từ chối.”

Trưởng giả tâu:

“Nhân dân thành Tỳ-xá-ly gặp tai nạn, bị quỷ thần làm hại, không thể kể hết. Nay, la-sát quỷ thần rất là bạo ngược. Cúi xin đại vương bằng lòng để Thế Tôn đến đất nước ấy, khiến cho quỷ thần ấy đều tẩu tán. Vì sao vậy? Chúng tôi từng nghe, nơi nào Như Lai đến thì trời, rồng, quỷ thần, không được tùy tiện. Xin đại vương bằng lòng để Thế Tôn đến nước ấy.”

Vua nghe những lời này xong, liền thở dài, bảo với trưởng giả rằng:

“Nguyện này quá lớn, chẳng phải người thường đáp ứng được. Nếu ông xin ta thành quách, xóm làng, của báu, vợ con thì ta sẽ tùy không tiếc. Ta không ngờ ông lại xin thỉnh Thế Tôn. Nhưng ta trước đã lỡ hứa sẽ chấp nhận lời nguyện đó. Nay tùy ý ông.”

Khi ấy, trưởng giả hết sức vui mừng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, từ giả lui đi. Đến chỗ Thế Tôn, bạch rằng:

“Vua A-xà-thế đã đồng ý để Thế Tôn đến nước kia.”

Thế Tôn bảo:

“Ông hãy về trước. Như Lai tự sẽ biết thời!”

Trưởng giả đành lễ sát chân, nhiễu Phật ba vòng, rồi lui đi.

Bấy giờ, vào buổi sáng sớm, Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo trước sau vây quanh rời khỏi Ca-lan-đà Trúc viên đến thành Tỳ-xá-ly. Lúc ấy, vua A-xà-thế ở trên lầu cao, với một người hầu cầm

lọng che. Từ xa, trông thấy Thế Tôn bấy giờ hướng về nước kia, liền tự than thở với người hầu:

“Chúng ta đã bị trưởng giả này lừa dối. Giờ ta sống mà làm gì, khi Như Lai đã đi khỏi nước này?”

Bấy giờ, vua A-xà-thế mang năm trăm cây lọng theo tiễn Thế Tôn, vì sợ bụi bám thân Thế Tôn. Lại có năm trăm cây lọng báu ở thành La-duyệt theo sau Thế Tôn. Thích Đề-hoàn Nhân biết những ý nghĩ trong tâm Thế Tôn, lại dùng năm trăm cây lọng báu che trên không trung, vì sợ bụi bám vào thân Như Lai. Các thần sông cũng mang năm trăm cây lọng báu che trên hư không. Lúc này nhân dân thành Tỳ-xá-ly nghe Thế Tôn đang vào thành, cũng mang năm trăm cây lọng báu đến trước đón Thế Tôn. Bấy giờ, có hai ngàn năm trăm cây lọng báu treo trên hư không.

Khi Thế Tôn thấy những cây lọng này, liền mỉm cười. Đây là pháp thường của chư Phật Thế Tôn, lúc Như Lai mỉm cười, trong miệng liền phát ra ánh sáng năm màu là xanh, vàng, trắng, đen, đỏ.⁴⁴ Thị giả A-nan thấy ánh sáng này, liền suy nghĩ: ‘Đây là nhân duyên gì? Nếu Thế Tôn cười, ắt có nhân duyên, không phải việc suông.’

A-nan bèn quỳ xuống, chấp tay bạch Thế Tôn:

“Như Lai hoàn toàn không cười vô cớ; mà cười ắt có duyên do.”

Thế Tôn bảo:

“Nay người có thấy hai ngàn năm trăm cây lọng báu này cúng dường Như Lai không?”

A-nan bạch:

“Thưa vâng, có thấy.”

Thế Tôn bảo:

⁴⁴ Có thể dịch giả theo tập quán kể năm màu của Trung quốc. Các kinh chi kể bốn màu, trừ màu đen.

“Nếu Như Lai không xuất gia học đạo thì sẽ làm Chuyển luân Thánh vương, cai trị nhân dân trong hai ngàn năm trăm đời. Vì Như Lai xuất gia học đạo, nên không nhận những cây lọng báu này.

“A-nan, nên biết, trong quá khứ lâu xa, có vị vua tên Thiện Hoá Trị⁴⁵ ở nước Mật-hi-la cai trị đúng pháp, giáo hóa tiếp nạp có phương pháp; thống trị cả Diêm-phù-lý-địa⁴⁶ này, không ai là không quy thuận.

Bấy giờ, vua này có tám vạn bốn ngàn phu nhân thể nữ, đều thuộc dòng sát-lợi. Đệ nhất phu nhân tên Nhật Quang, không có con cái nối dõi. Lúc bấy giờ, vua này tự nghĩ: ‘Hiện ta thống trị Diêm-phù-lý-địa này, mà nay không có con cái.’ Vua liền hướng về các thần núi, thần cây, thần minh, trời đất, cầu có con cái. Trải qua trong vòng chưa được vài ngày, phu nhân mang thai. Lúc ấy, phu nhân Nhật Quang tâu vua:

“Đại vương, nên biết, nay thiếp biết đã có thai, nên cần tự giữ gìn.”

“Lại trải qua tám, chín tháng, sinh được một nam nhi, tướng mạo xinh đẹp, mặt như màu hoa đào. Phu nhân thấy vậy rất vui mừng, bồng đến vua xem. [727a] Vua thấy vui mừng hơn hờ không tự dừng được. Tám vạn bốn ngàn phu nhân thấy sinh thái tử, mọi người cũng đều vui mừng.

“Lúc ấy, vua triệu các quần thần, quốc sư, đạo sĩ, để xem tướng, lại đặt tên để đời truyền gọi. Người tướng đến trước, tâu vua: ‘Nay sinh Thái tử rất xinh đẹp, khác hẳn người đời, ai thấy mà không yêu mến. Nay đặt tên là Ái Niệm.’ Sau khi đặt tên thái tử xong, họ đều trở về nơi ở.

⁴⁵ Đoạn dưới, nói là Thiện Hóa.

⁴⁶ Diêm-phù-lý-địa 閻浮里地, (Skt. Jambudvīpa); các chỗ khác âm Diên-phù-địa. Phiên âm không thống nhất trong bản Hán.

“Lúc ấy, quốc vương yêu mến thái tử chưa từng rời mắt. Vua xây cho thái tử giảng đường theo ba mùa, lại cho các thể nữ ở đây trong đó để vui đùa cùng thái tử.

“Bấy giờ, thái tử tự nghĩ: ‘Các thể nữ trong đây, có ai tồn tại mà không lia thể gian, cũng không biến đổi chẳng? Nhìn xem trong bọn họ tất cả đều vô thường, không có ai là thường còn ở thể gian; tất cả đều huyền nguy, không có chân thật. Nhưng lại làm cho mọi người đắm đuối, đam mê, không biết xa lia. Nay ta cần gì những thứ ấy. Hãy bỏ mà học đạo.’

“Ngay trong ngày đó, thái tử Ái Niệm liền cạo bỏ râu tóc, đắp ba pháp y, xuất gia học đạo. Và cũng trong đêm đó, thái tử đã dứt sạch các kết sử trôi buộc, tư duy thấy các pháp tập khởi thấy đều bị tiêu diệt, thành Bích-chi-phật. Sau đó liền nói kệ này:

*Dục là pháp vô thường
Biến đổi, không định chất.
Biết chúng là họa lớn
Đi riêng, không theo chúng.*

“Sau khi nói kệ này xong, liền bay lên hư không, nhiễu quanh thành Mật-hi-la kia ba vòng. Lúc ấy, quốc vương ở trên điện cao, đang vui đùa cùng các cung nữ, thấy Bích-chi-phật bay quanh thành ba vòng, hết sức vui mừng không thể tự kiềm chế được, tự nghĩ: ‘Thái tử con ta đang bay trên hư không giống như chim vậy.’ Nhà vua còn không biết thái tử đã thành Bích-chi-phật nên bảo rằng: ‘Nay con hãy hạ xuống trên điện này cùng ta vui đùa với nhau.’

Bấy giờ, này A-nan, Bích-chi-phật kia, vì muốn độ cha mẹ, nên hạ xuống trên điện. Lúc ấy, vua nói: ‘Hôm nay sao Thái tử mặc y phục thể nữ này, lại cạo râu tóc, khác hẳn người thường?’ Bích-chi-phật nói: ‘Nhưng gì con đang mặc là cao quý khác thường, chẳng phải là đồ mà người thường quen dùng.’ Vua lại hỏi: ‘; Vì sao con không vào trong cung?’ Bích-chi-phật nói: ‘Từ đây về sau con không đuổi theo dục vọng nữa, cũng không

ham muốn [727b] sống trong năm dục này.’ Vua nói: ‘Nếu không thích trong năm dục này thì, hãy ở trong vườn sau của ta.’

“Bấy giờ, vua thân hành đến trong vườn, tạo dựng phòng xá. Khi ấy, vì muốn độ cha mẹ nên Bích-chi-phật vào ở trong khu vườn đó, nhận sự cúng dường của vua. Một thời gian sau, vào Bát-niết-bàn trong Niết-bàn giới vô dư. Vua đưa xá-lợi đi hỏa thiêu, rồi xây tháp thờ. Vua cho xây tháp lớn tại một nơi kia. Một hôm rảnh rỗi, vua đến trong vườn ngắm cảnh, thấy ngôi tháp đã bị hư nát, liền suy nghĩ: ‘Đó là tháp thờ con ta. Nay nó đã bị hư nát, sụp đổ.’ Khi ấy, quốc vương vì lòng thương yêu chưa dứt, liền đem cây lọng của mình che lên trên tháp kia.’

“Này A-nan, chớ có nghĩ ai khác. Vua Thiện Hoá lúc bấy giờ chính là thân Ta. Lúc ấy vì con, nên đã đem một cây lọng che lên trên tháp. Nhờ nhân duyên phước đức này, mà lưu chuyển trong cõi trời người, hàng trăm ngàn lần làm Chuyển luân Thánh vương, hoặc làm Đế Thích, Phạm thiên. Lúc ấy, Ta không biết vị ấy là Bích-chi-phật. Nếu ta biết đó là Bích-chi-phật thì phước đức không thể tính hết được. Nếu Như Lai không thành Đạo Vô thượng Chánh chơn thì sẽ được làm Chuyển luân Thánh vương hai ngàn năm trăm lần nữa để sửa dạy đời. Do đã thành đạo nên nay có hai ngàn năm trăm cây lọng tự nhiên ứng hiện.

“Này A-nan, vì lý do đó mà Như Lai mỉm cười. Thừa sự chư Phật có công đức không thể kể hết như vậy. Cho nên, A-nan, người hãy tìm cầu phương tiện cúng dường chư Phật Thế Tôn.

“A-nan, hãy học điều này như vậy.”

Rồi Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo đến thành Tỳ-xá-ly, đứng ở trong cổng thành nói kệ này:

*Nay đã thành Như Lai
Chỉ tôn trên thế gian:
Bằng lời chân thật này,
Tỳ-xá-ly bình yên.*

*Đây là Pháp chân thật
Dẫn đến Niết-bàn giới;
Bằng lời chân thật này,
Tỳ-xá-ly yên bình.*

*Đây là Tăng chân thật,
Chúng Hiền Thánh bậc nhất;
Bằng lời chân thật này,
Tỳ-xá-ly yên bình.*

*Loài hai chân an ổn;
Loài bốn chân cũng vậy;
Khách đi đường an lành;
Khách đến cũng như vậy.*

[727c] *Ngày đêm được an ổn,
Không có ai quấy nhiễu.
Bằng lời chân thật này,
Tỳ-xá-ly yên bình.⁴⁷*

Khi Như Lai nói bài kệ ấy xong, la-sát quý thần, mỗi loài tự tâu tán, không còn ở yên chỗ đó nữa, không còn trở vào thành Tỳ-xá-ly được nữa. Những người mắc bệnh đều được khỏi bệnh.

“Bấy giờ, Thế Tôn đi trú bên bờ ao Di hầu. Nhân dân trong nước thừa sự, cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngoạ cụ, thuốc men trị bệnh. Tùy theo khả năng giàu nghèo của họ, mỗi người mang cơm nước cúng dường Phật cùng Tăng Tỳ-kheo. Họ cũng thọ bát quan trai, không mất thời tiết.

⁴⁷ Cf. Pāli, Ratanasutta (kinh Tam Bảo), được xem như hộ chú (*paritta*), đọc khi cầu an: *Yaṃ kiñci vittaṃ idha vā huraṃ vā, saggesu vā yaṃ ratanaṃ pañītaṃ; na no samaṃ atthi tathāgataṇa, idampi buddhe ratanaṃ pañītaṃ; etena saccena suvatthi hotu...* “Dù trong đời này hay đời khác, hay trên thiên giới, không có tài bảo vi diệu nào sánh với Đức Như lai. Ở đây, Phật là tài bảo tối thắng vi diệu. Bằng sự thực này, ước nguyện tất cả đều được an lành...”

Lúc ấy, nội thành Tỳ-xá-ly có sáu Tông sư đang du hóa ở đây. Sáu Tông sư đó là Bất-lan-ca-diếp, A-di-sù⁴⁸, Cù-da-lâu, Ba-huru-ca-chiên, Tiên-ti-lô-trì, Ni-kiền Tử. Sáu Tông sư tập họp một chỗ, bàn luận:

“Sa-môn Cù-đàm này trú tại thành Tỳ-xá-ly, được nhơn dân cúng dường. Còn chúng ta không được nhơn dân cúng dường. Chúng ta hãy đến tranh luận cùng ông ấy, xem ai đắc thắng, ai bị bại.”

Bất-lan-ca-diếp nói:

“Các sa-môn, bà-la-môn chưa bị người chỉ trích, mà tìm cách đến cật vấn; đó chẳng phải pháp sa-môn, bà-la-môn. Nhưng Sa-môn Cù-đàm này chưa bị người chỉ trích, mà tìm cách đến nạn vấn, chúng ta làm sao có thể tranh luận với ông ta được?”

A-di-sù nói:

“Không có thí, không có (người) nhận, cũng không có người cho, cũng không có đời này, đời sau, không có loài hóa sanh, cũng không có báo thiện, ác.”

Cù-da-lâu nói:

“Ở bên bờ này Hằng thủy giết vô số người, chất thịt thành núi, ở bên bờ kia Hằng thủy tạo các công đức. Duyên đây, đều chẳng có báo thiện ác.”⁴⁹

Ba-huru-ca-chiên nói:

“Giả sử ở bên trái Hằng thủy, dù có bố thí, giữ giới, tùy thời cung cấp không để ai thiếu, cũng lại không phước báo này.”

Tiên-ti-lô-trì nói:

“Không có lời nói, cũng không có báo lời nói. Chỉ im lặng là khoái lạc.”

⁴⁸ 𑖀𑖔𑖨, đọc là *sùṃ* cho phù hợp với nguyên âm Phạn (Pāli: Ajitakesakambala)

⁴⁹ Cf. Pāli, D. 2 Sāmaññaphala (R. i. 52), thuyết vô nghiệp (akiriya) của Pūraṇo Kassapo.

Ni-kiền Tử nói:

“Có ngôn ngữ, cũng có báo ngôn ngữ. Sa-môn Cù-đàm là người, ta cũng là người. Cù-đàm có sở tri, ta cũng có sở tri. Sa-môn Cù-đàm có thần túc, ta cũng có thần túc. Nếu Sa-môn kia hiện một thần túc, ta sẽ hiện hai thần túc. Sa-môn hiện hai thần túc, ta sẽ hiện bốn thần túc. Ông ấy hiện bốn, ta sẽ hiện tám. Ông ấy hiện [728a] tám, ta sẽ hiện mười sáu. Ông ấy hiện mười sáu, ta sẽ hiện ba mươi hai. Luôn luôn tăng gấp bội, chứ không bao giờ chịu khuất phục; đủ sức để thi đấu. Nếu ông ấy không chịu tranh luận với chúng ta, tức là lỗi của ông ấy. Nhân dân nghe rồi sẽ không cúng dường ông ta nữa. Chúng ta sẽ được cúng dường.”

Vào lúc đó, có Tỳ-kheo-ni nghe đồn sáu Tông sư ngoại đạo tập họp lại một chỗ bàn với nhau: ‘Sa-môn Cù-đàm không chịu tranh luận với người. Chúng ta đủ để đắc thắng.’ Khi ấy, Tỳ-kheo ni Thâu-lô-ni⁵⁰ liền bay lên hư không hướng về sáu Tông sư kia mà nói bài kệ này:

*Thầy ta không ai bằng,
Tôi tôn, không ai hơn;
Ta đệ tử vị ấy,
Tên là Thâu-lô-ni.*

*Nếu người có khả năng
Hãy tranh luận với ta.
Ta sẽ đáp từng việc;
Như sư tử bắt nai.*

*Ngoài Tôn sư tôi ra,
Không ai là Như Lai.
Nay Tỳ-kheo-ni ta
Đủ hàng phục ngoại đạo.*

⁵⁰ Thâu-lô-ni 輸盧尼, nghi dư chữ ni. Tức Tỳ kheo ni Thâu-na được nói trong kinh 2 phẩm 5 trên. Có thể đồng nhất Pāli: Soṇā.

Sau khi Tỳ-kheo-ni nói bài kệ này xong, sáu Tông sư còn không thể ngược lên nhìn nhan sắc, huống chi cùng tranh luận.

Lúc ấy, nhân dân thành Tỳ-xá-ly từ xa trong thấy Tỳ-kheo-ni ở trên hư không tranh luận với sáu Tông sư, nhưng sáu Tông sư không thể đáp; mọi người đều reo vui mừng rỡ vô cùng:

“Hôm nay, sáu Tông sư đã chịu khuất phục cô ấy.”

Nhóm sáu Tông sư rất sâu ưu, rời khỏi thành Tỳ-xá-ly mà đi, không vào thành nữa.

Lúc ấy, nhiều Tỳ-kheo nghe chuyện Tỳ-kheo-ni Thâu-lô tranh luận thắng sáu Tông sư. Các vị ấy đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo-ni Thâu-lô có thần túc lớn, có oai thần lớn, trí huệ, đa văn, Ta thường lúc nào cũng nghĩ như vậy: Không có ai lại có thể tranh luận với sáu Tông sư. Chỉ có Như Lai và Tỳ-kheo-ni này.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người có thấy Tỳ-kheo-ni nào có thể hàng phục ngoại đạo như Tỳ-kheo-ni này không?”

các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa không, Thế Tôn!”

Thế Tôn bảo:

“Này các Tỳ-kheo! Tỳ-kheo-ni đứng đầu trong các Thanh văn của Ta, có thể hàng phục ngoại đạo, chính là Tỳ-kheo-ni Thâu-lô.”⁵¹

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

⁵¹ Xem kinh 2, phẩm 5: Tỳ-kheo-ni Thâu-na. Lưu ý phiên âm tên người không thống nhất của bản Hán này.

KINH SỐ 12

[728b] Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có sáu xúc xú.⁵² Những gì là sáu? Là các xúc như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Đó là sáu xúc. Phạm phu khi mắt thấy sắc liền khởi tâm đắm nhiễm không thể lìa bỏ. Do thấy sắc, rồi khởi nhiễm đắm, nên lưu chuyển sanh tử không có lúc nào thoát. Sáu tình cũng lại như vậy, khởi tưởng nhiễm đắm, ý không thể lìa bỏ, do đó lưu chuyển không có lúc nào thoát.

“Nếu đệ tử Hiền Thánh của Thế Tôn, mắt thấy sắc rồi không khởi đắm trước, không có tâm ô nhiễm, tức có thể phân biệt mắt này là pháp vô thường, khô, không, pháp chẳng phải thân.⁵³ Sáu tình cũng lại như vậy, không khởi tâm ô nhiễm, phân biệt sáu tình này là vô thường, khô, không, pháp chẳng phải thân, phải tư duy điều này thời liền được hai quả: hoặc ở trong hiện pháp đắc A-na-hàm, hoặc A-la-hán. Giống như có người rất đói, muốn xay giã lúa, sàng xảy cho sạch sẽ để nấu ăn, trừ cơn đói khát. Đệ tử của Hiền Thánh cũng lại như vậy, đối với sáu tình này tư duy về sự nhiễm ô, bất tịnh liền thành tựu đạo tịch, nhập vô dư Niết-bàn giới. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện diệt sáu tình này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.⁵⁴

⁵² Nguyên Hán: tế hoạt cánh lạc nhập 細滑更樂入. Pāli: *phassāyatana*.

⁵³ Phi thân 非身, tức vô ngã,

⁵⁴ Bản Hán, hết quyển 32.

BẢY PHÁP

39. PHẨM ĐĂNG PHÁP.

KINH SỐ 1¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo thành tựu bảy pháp, ở trong hiện tại thọ lạc vô cùng, muốn dứt sạch các lậu, cũng có thể được. Những gì là bảy pháp? Ở đây, Tỳ-kheo biết pháp, biết nghĩa, biết thời, lại có thể tự biết, lại có thể biết đủ, lại biết và đại chúng, quán sát người.² Đó gọi là bảy pháp.

“Sao gọi là Tỳ-kheo biết pháp? Ở đây, Tỳ-kheo biết pháp là chỉ Khế kinh, Kỳ-dạ, Kệ, Nhân duyên, Thí dụ, Bốn mặt, Quảng diễn, Phương đẳng, Vị tăng hữu, Quảng phổ, Thọ quyết, Sanh kinh. Tỳ-kheo không biết Pháp, không biết mười hai bộ kinh, đó chẳng phải là Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo này có thể hiểu rõ pháp nên gọi là biết pháp. Như vậy, Tỳ-kheo hiểu rõ pháp.

“Sao gọi là Tỳ-kheo biết nghĩa? Ở đây, Tỳ-kheo biết ý thú của Như Lai, hiểu rõ nghĩa sâu, không có điều gì nghi ngờ. Tỳ-kheo không hiểu nghĩa, đó chẳng phải là Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo này có thể biết nghĩa sâu nên gọi là hiểu nghĩa. Như vậy, Tỳ-kheo có thể phân biệt nghĩa.

¹ Pāli, A.VII. 68 Dhammaññū (R.iv. 113). Hán, *Trung*, kinh 1.

² Pāli: *dhammaññū* (biết pháp), *atthaññū* (biết nghĩa), *attaññū* (biết mình), *mattaññū* (biết tiết độ), *kālaññū* (biết thời), *parisaññū* (biết đại chúng), *puggalaparoparaññū* (biết sự cao thấp của người). *Trung*, k.1: tri pháp 知法, tri nghĩa 知義, tri thời 知時, tri tiết 知節, tri kỹ 知己, tri chúng 知眾, tri nhân thắng như 知人勝如.

“Sao gọi là Tỳ-kheo biết thời nghi? Ở đây, Tỳ-kheo biết thời tiết khi nên tu quán thì tu quán, khi nên tu chỉ thì tu chỉ, nên im lặng biết im lặng, nên đi biết đi, nên tụng biết tụng, nên trao người trước liền trao cho người trước, nên nói biết nói. Tỳ-kheo không biết những việc ấy, không biết thời thích hợp tu chỉ, tu quán, tiến, dừng, đó chẳng phải là Tỳ-kheo. Tỳ-kheo biết thời tiết ấy thì không để mất thời cơ thích hợp, đó gọi là biết tùy thời thích hợp. Tỳ-kheo như vậy là biết thời nghi.

“Sao gọi là Tỳ-kheo có thể sửa mình? Ở đây, Tỳ-kheo có thể tự biết mình, nay ta có sự thấy, nghe, nghĩ, biết này, có trí huệ như vậy,³ đi, bước, tiến, dừng thường theo chánh pháp. Tỳ-kheo không thể tự biết thích ứng theo trí huệ mà ra, vào, đi, đến, đó chẳng phải là Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo này có thể tự tu, tiến, dừng đều thích hợp, đây gọi là tự biết tu dưỡng. Đó gọi là Tỳ-kheo tự biết mình.

“Sao gọi là Tỳ-kheo biết vừa đủ? Ở đây, Tỳ-kheo có thể tự điều hòa việc ngủ nghỉ, tỉnh thức, ngồi, nằm, kinh hành, cách tiến dừng, đều có thể biết dừng đúng lúc. Tỳ-kheo không thể biết những việc ấy thì chẳng phải là Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo này hiểu rõ những việc này nên gọi là biết đủ. Tỳ-kheo như vậy gọi là Tỳ-kheo biết vừa đủ.

“Sao gọi là Tỳ-kheo biết vào đại chúng? Ở đây, Tỳ-kheo phân biệt đại chúng: Đây là dòng sát-lợi, đây là chúng bà-la-môn, đây là chúng trưởng giả, đây là [729a] chúng sa-môn. Ta nên dùng pháp này mới thích hợp với chúng ấy, nên nói hay nên im lặng, tất cả đều biết. Tỳ-kheo không biết vào chúng, đó chẳng phải là Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo ấy biết vào đại chúng nên gọi là biết vào chúng. Đó gọi là Tỳ-kheo biết vào đại chúng.

³ *Trung*, ibid.: Tỳ-kheo biết mình: “Ta có tín, giới, thí, văn, huệ như vậy...”
Pāli: *bhikkhu attānaṃ jānāti*– ‘*ettakomhi saddhāya sīlena sutena cāgena paññāya paṭibhānenā*’ti.

“Sao gọi là Tỳ-kheo biết căn nguyên mọi người? Tỳ-kheo nên biết có hai hạng người. Những gì là hai? Hoặc có một người muốn đến già-lam để thân cận Tỳ-kheo; người thứ hai không thích đến đó gặp gỡ Tỳ-kheo. Người muốn đến trong Tăng viên kia, thân cận Tỳ-kheo, là người tối thượng. Nay Tỳ-kheo, lại có hai hạng người. Những gì là hai? Một người, tuy đến chỗ Tỳ-kheo song không tùy thích hợp mà hỏi; người thứ hai cũng không đến trong chùa gặp Tỳ-kheo. Người đến chùa kia là hơn hết. Nay Tỳ-kheo, lại có hai hạng người. Những gì là hai? Một người, đến chỗ Tỳ-kheo tùy thích hợp mà hỏi; người thứ hai, đến chỗ Tỳ-kheo nhưng không hỏi điều thích hợp. Người đến chùa kia là đệ nhất tối tôn, vượt lên trên người kia. Nay Tỳ-kheo, lại có hai hạng người. Những gì là hai? Một người đến chỗ Tỳ-kheo hết lòng nghe pháp; người thứ hai đến chỗ Tỳ-kheo, nhưng không hết lòng nghe pháp. Người (hết lòng nghe pháp) kia là người hơn hết. Nay Tỳ-kheo, lại có hai hạng người. Những gì là hai? Có một người, có thể quán sát pháp, thọ trì, đọc tụng; người thứ hai, họ không thể thọ trì, đọc tụng. Người có thể thọ trì kia, là đệ nhất tối thượng. Nay Tỳ-kheo, lại có hai hạng người. Những gì là hai? Có một người nghe pháp liền hiểu nghĩa; người thứ hai, nghe pháp mà không hiểu nghĩa. Người (nghe pháp mà hiểu nghĩa) này là tối thượng. Nay Tỳ-kheo, lại có hai hạng người. Những gì là hai? Có một người, nghe pháp (và hiểu nghĩa) liền thành tựu pháp tùy pháp; người thứ hai, nghe pháp (và hiểu nghĩa) nhưng không thành tựu pháp tùy pháp. Người nghe pháp (hiểu nghĩa) kia, thành tựu pháp tùy pháp. Người này là tối tôn đệ nhất. Nay Tỳ-kheo, lại có hai người. Những gì là hai? Một người, nghe pháp có thể kham nhẫn tu hành, phân biệt hộ trì chánh pháp; người thứ hai không thể kham nhẫn tu hành pháp kia. Người có thể kham nhẫn tu hành pháp kia, là tối tôn đệ nhất. Giống như bò có lạc, do lạc có tô, do tô có đề hồ là tối tôn đệ nhất không gì bằng. Ở đây cũng vậy, nếu người nào có thể tu hành thì người này là tối đệ nhất, không ai sánh kịp. Đó gọi là Tỳ-kheo quán sát căn người.

Nếu có người nào không rõ điều này thì chẳng phải là Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo kia nghe pháp, phân biệt nghĩa nó, đó là tối thượng. Tỳ-kheo như vậy là biết quán sát căn người.

“Nếu có Tỳ-kheo nào thành tựu bảy pháp này, ngay trong hiện pháp an lạc vô vi, ý muốn đoạn trừ lậu cũng không khó khăn. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu bảy pháp này.

“Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn cây Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Cây Trú độ⁵ trên trời Tam thập tam có gốc dọc ngang năm mươi do tuần, cao một trăm do tuần, bóng râm che đông, tây, nam, bắc năm mươi do tuần. Trời Tam thập tam vui chơi với nhau ở đó bốn tháng. Tỳ-kheo, nên biết, đến một lúc hoa lá cây Trú độ ấy úa vàng, rơi rụng trên mặt đất. Chư thiên bấy giờ thấy điềm ứng này, tất cả đều hoan hỷ, tinh vui phát sanh: ‘Cây này không bao lâu sẽ sinh ra hoa đầy trở lại.’

“Tỳ-kheo, nên biết, đến một lúc hoa của cây này tất cả đều rơi rụng xuống đất. Bấy giờ, trời Tam thập tam lại càng hoan hỷ tự bảo với nhau rằng: ‘Cây này không bao lâu sẽ trở thành màu tro.’

“Tỳ-kheo, nên biết, qua một thời gian nữa cây ấy liền thành màu tro. Lúc này, Trời Tam thập tam thấy cây này biến thành

⁴ Pāli, A.VII. 69. Pārichattaka. Hán, *Trung*, kinh 2.

⁵ Trú độ thọ 畫度樹. Pāli: Parichattaka.

màu tro rồi, lòng rất vui mừng tự bảo với nhau rằng: ‘Nay, cây này đã biến màu tro, không lâu sẽ nảy chồi.’⁶

Bấy giờ, Trời Tam thập tam thấy cây Trú độ này đã nảy chồi, không bao lâu nữa sẽ sanh nụ. Bấy giờ, trời Tam thập tam thấy rồi, chur thiên lại hoan hỷ: ‘Hôm nay cây này đã sanh nụ, không bao lâu lại sẽ nở đầy.’

“Tỳ-kheo, nên biết, Trời Tam thập tam thấy rồi, cây này từ từ nở đầy, lòng chur thiên đều hoan hỷ: ‘Cây này đã dần dần nở đầy, không lâu sẽ đĩnh đầy hoa.’

“Tỳ-kheo, nên biết, đến một lúc cây ấy nở đầy khắp, lòng chur thiên tất cả đều hoan hỷ: ‘Hôm nay, cây này nở [729c] đầy hoa.’ Bấy giờ, hương của nó bay ngược gió trong vòng trăm do tuần, không đâu không nghe mùi thơm. Bấy giờ, chur thiên cùng nhau vui chơi ở đó bốn tháng, vui không thể nói hết.

“Ở đây cũng vậy, đệ tử Hiền Thánh khi phát ý muốn xuất gia học đạo, cũng giống như cây này bắt đầu muốn úa rụng lá.

“Lại nữa, đệ tử Hiền Thánh xả bỏ vợ con, tài sản, với lòng tin kiên cố cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo, giống như lá cây kia rụng xuống đất.

“Tỳ-kheo, nên biết, đệ tử Hiền Thánh không tưởng tham dục, trừ pháp bất thiện, có hỷ lạc do viễn ly sanh, chứng và an trú sơ thiên,⁷ như cây Trú độ thành màu tro.

“Lại nữa, đệ tử Hiền Thánh diệt tầm tứ, nội tĩnh, chuyên chú nhất tâm, không tầm, không tứ, có hỷ lạc do định sanh, chứng và an trú nhị thiên, như cây kia nảy chồi.

“Lại nữa, đệ tử Hiền thánh, ly hỷ, an trú xả, tự thân giác tri lạc, điều mà chur Hiền Thánh nói, xả, niệm, an trú lạc, chứng và an trú tam thiên, giống như cây kia sanh nụ.

⁶ Sinh la võng 生羅網. Pāli: *jālakajāta*. Hán hiệu là *jāla-jāta*: sinh lưới, thay vì *jālaka-jāta*, sinh chồi non.

⁷ Văn curna về bốn thiên, xem kinh 1 phẩm 12.

“Lại nữa, đệ tử Hiền Thánh diệt khổ lạc, ưu hỷ trước đó đã trừ, không khổ, không lạc, xả, niệm thanh tịnh, chứng và an trú tứ thiền, giống như cây kia dần dần mở đậy.

“Lại nữa, đệ tử Hiền Thánh dứt sạch hữu lậu, thành vô lậu, tâm giải thoát, huệ giải thoát, ở trong hiện pháp tự thân chứng ngộ, như thật biết rằng, sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh nữa, điều đó giống như cây kia nở hoa đầy khắp.

“Bấy giờ, hương giới đức của đệ tử Hiền Thánh nghe khắp bốn phương, không ai không ca ngợi. Trong bốn tháng tự hưởng vui thích, tâm an trú tứ thiền, bản hạnh đầy đủ. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu hương giới đức.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay ta sẽ nói bầy dụ về nước. Con người cũng như vậy. Hãy lắng nghe! Lắng nghe và suy nghĩ kỹ!”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, Thế Tôn.”

Thế Tôn bảo:

“Sao gọi là bầy dụ về nước mà tựa người? Giống như có người chìm ở đáy nước; lại có người tạm ngoi khỏi nước rồi lại chìm xuống; có người nổi lên khỏi nước rồi nhìn; lại có người [730a] nổi lên khỏi nước rồi trụ; có người bơi đi trong nước; có người

⁸ Pāli, Udakūpama (R. iv. 12). Hán, *Trung*, kinh 4.

nổi lên khỏi nước rồi muốn đến bờ kia; lại có người đã đến bờ kia. Nay các Tỷ-kheo, đó gọi là bầy sự thí dụ về nước xuất hiện ở đời.

“Sao gọi là người chìm dưới đáy nước không nổi lên được? Ở đây, hoặc có người mà toàn thể đầy khắp pháp bất thiện, trải qua nhiều kiếp, không thể chữa trị. Đó gọi là người chìm dưới đáy nước.

“Sao gọi là người nào nổi lên khỏi nước rồi chìm lại? Hoặc có người mà tín căn dần mai một, tuy có pháp lành nhưng không chắc chắn. Thân, miệng, ý hành thiện, nhưng sau đó thân, miệng, ý lại hành pháp bất thiện, thân hoại mạng chung sanh vào địa ngục. Đó gọi là người ra khỏi nước rồi chìm lại.

“Sao gọi là người nổi lên khỏi nước rồi nhìn ? Ở đây, hoặc có người có tín thiện căn, nhưng hành vi của thân, khẩu, ý lại không làm tăng trưởng pháp này, tự thủ mà đứng yên, thân hoại mạng chung sanh vào A-tu-la. Đó gọi là người ra khỏi nước mà nhìn.⁹

“Sao gọi là người ngoi lên khỏi nước rồi trụ? Ở đây, hoặc có người có lòng tin, tinh tấn dứt ba kết sử,¹⁰ không thối chuyển nữa, ắt đạt cứu cánh, thành đạo Vô thượng. Đó gọi là người ngoi lên khỏi nước rồi trụ.¹¹

“Sao gọi là người muốn lợi khỏi nước? Ở đây, hoặc có người tín căn tinh tấn, lòng luôn hổ thẹn, voi mỏng ba kết sử dâm, nộ, si, trở lại đời này một lần nữa rồi đoạn trừ gốc khổ.¹² Đó gọi là người định vượt khỏi nước.

⁹ Hán dịch mục này khác thứ tự với *Trung* và Pāli: đây là hạng người nổi lên rồi trụ được, không chìm trở lại.

¹⁰ Pāli: đắc Dự lưu.

¹¹ Hán dịch mục này trái thứ tự với *Trung* và Pāli: đây là hạng người ngoi lên khỏi nước rồi, đã trụ được, còn có thể quán sát.

¹² Hạng chứng Nhất lai.

“Sao gọi là người muốn đến bờ kia? Ở đây, hoặc có người tín căn tinh tấn, dứt sạch năm hạ phần kết sử, thành A-na-hàm, không lại thế gian này nữa mà nhập Niết-bàn trên đó.¹³ Đó gọi là người muốn đến bờ kia.

“Sao gọi là người đã đến bờ kia? Ở đây, hoặc có người tín căn tinh tấn, mà có lòng hổ thẹn, dứt sạch hữu lậu thành vô lậu, ở trong hiện pháp, tự thân chứng ngộ, như thật biết rằng, sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh nữa, ở trong Niết-bàn giới vô dư mà Bát-niết-bàn. Đó gọi là người đã vượt qua bờ kia.

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là có bảy dụ về nước và người, mà Ta vừa nói cho các người. Điều mà chư Phật Thế Tôn cần làm để tiếp độ mọi người, nay Ta đã làm xong. Các người hãy ở nơi yên tĩnh, hoặc dưới gốc cây, hãy nghĩ đến việc toạ thiền, chớ sinh biếng nhác. Đó là lời dạy của Ta.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật [730b] dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4¹⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thánh vương cai trị nước xa xôi,¹⁵ nếu thành tựu bảy pháp, sẽ không bị kẻ thù, giặc cướp chiếm giữ.

“Những gì là bảy? Thành quách ấy rất cao, được sửa sang tề chỉnh. Đó gọi là vị vua kia thành tựu pháp thứ nhất. Lại nữa, cổng thành kia chắc chắn. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp

¹³ Trên Tịnh cư thiên.

¹⁴ Pāli, A.VII. 67. Nagara (R. iv. 105). Hán, Trung, kinh 3.

¹⁵ Hán: viễn quốc 遠國. *Trung*: biên thành 邊城, thành trì ở biên địa. Pāli: *paccantimaṃ nagaram*.

thứ hai. Lại nữa, ngoài thành kia có hào rất sâu rộng. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ ba. Lại nữa, trong thành kia nhiều thóc gạo, kho lẫm chứa đầy ắp. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ tư. Lại nữa, thành kia nhiều củi, cỏ. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ năm. Lại nữa, thành kia nhiều cụ khí, gậy gộc, đầy đủ các chiến cụ. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ sáu. Lại nữa, chủ thành kia rất thông minh, tài cao, dự biết tình người, đáng dùng roi thì dùng roi, đáng sửa trị thì sửa trị. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ bảy, cảnh ngoài không thể đến xâm chiếm. Đó gọi là, này các Tỳ-kheo, chủ nước thành kia thành tựu bảy pháp, nên người ngoài không thể tiếp cận quấy nhiễu.

“Ở đây, Tỳ-kheo cũng lại như vậy, nếu thành tựu bảy pháp thì tặc ma Ba-tuần không thể tùy tiện được. Những gì là bảy? Ở đây, Tỳ-kheo thành tựu giới luật, đầy đủ oai nghi, phạm luật nhỏ còn sợ huống gì là lớn. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ nhất này, tặc ác ma không thể tùy tiện được. Giống như thành kia cao rộng, rất nghiêm nhặt, không thể phá hoại.

“Lại nữa, này Tỳ-kheo, khi mắt thấy sắc không khởi tưởng đắm, cũng không khởi niệm, nhãn căn đầy đủ, thủ hộ nhãn căn không để khuyết thủng, rò rỉ;¹⁶ tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi niếm vị, thân xúc chạm, ý đối với pháp cũng lại như vậy, cũng không khởi tưởng, đầy đủ ý căn, mà không loạn tưởng, thủ hộ đầy đủ ý căn. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ hai này, tặc ma Ba-tuần không thể tùy tiện; như thành quách kia cửa ngõ chắc chắn.

“Lại nữa, Tỳ-kheo nghe nhiều không quên, thường nhớ nghĩ tư duy chánh pháp đạo giáo, những pháp đã nghe qua trước kia thủy đều thông suốt. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ ba

¹⁶ Đoạn nói về phòng hộ căn môn, rải rác trong nhiều kinh, nhưng văn dịch không thống nhất.

này, tỳ ma Ba-tuần không thể tùy tiện; như bên ngoài thành quách kia có hào rất sâu và rộng.

“Lại nữa, Tỳ-kheo có nhiều phương tiện,¹⁷ những [730c] pháp mà khoảng đầu thiện xảo, giữa thiện xảo, cuối cũng thiện xảo, thanh tịnh đầy đủ, hiển hiện phạm hạnh. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ tư này; như thành quách kia, nhiều lúa gạo, giặc ngoài không dám đến xâm lăng.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy về bốn pháp tăng thượng tâm¹⁸, cũng không rỉ thoát.¹⁹ Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ năm này, tỳ ma Ba-tuần không thể tùy tiện; như thành quách kia, nhiều củi, cỏ, người bên ngoài không thể đến quấy nhiễu.

“Lại nữa, Tỳ-kheo đắc bốn thần túc, thực hiện không khó. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ sáu này, tỳ ma Ba-tuần không thể tùy tiện; như trong thành kia đầy đủ vũ khí.

“Lại nữa, Tỳ-kheo có thể phân biệt đầy đủ ám, nhập, giới, cũng lại phân biệt pháp do mười hai nhân duyên phát sanh. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ bảy này, tỳ ma Ba-tuần không thể tùy tiện; như chủ thành quách kia thông minh, tài cao, đáng bắt thì bắt, đáng thả thì thả.

“Nay đây, Tỳ-kheo cũng lại như vậy, biết phân biệt đầy đủ các bệnh uẩn, giới, xứ.²⁰ Tỳ-kheo thành tựu bảy pháp này, tỳ ma Ba-tuần không thể tùy tiện. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện phân biệt uẩn, giới, xứ và mười hai nhân duyên, đừng để mất thứ lớp, liền vượt cảnh Ma, không có ở trong ấy nữa.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

¹⁷ Hán: đa phương tiện 多諸方便, nên hiểu: nhiều nỗ lực, tinh cần.

¹⁸ Tứ tu bốn thiền. Pāli: *catunnaṃ jhānaṃ ābhicetasikānaṃ*.

¹⁹ Hán: bất thoát lậu 不脫漏. Nên hiểu: dễ chứng đạt, không khó. Pāli: *nikāmalābhī hoti akicchalābhī akasiralābhī*.

²⁰ Nguyên Hán: ám, trì, nhập..

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về bảy trú xứ của thức.²¹ Các người hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, Thế Tôn!”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Vì sao được gọi là bảy trú xứ của thức? Chúng sanh với nhiều loại thân, và nhiều loại tướng khác nhau, như người và trời.²²

Lại nữa, chúng sanh hoặc nhiều loại thân nhưng chỉ có một tướng, đó là trời Phạm-ca-di mới xuất hiện ở thế gian.²³ Lại nữa, chúng sanh một thân nhưng nhiều tướng, đó là trời Quang âm. Lại nữa, chúng sanh một thân, một tướng, đó là trời Biến tịnh. Lại nữa, chúng sanh vô lượng không, là trời Không xứ. Lại nữa, chúng sanh vô lượng thức, là trời Thức xứ. Lại nữa, chúng sanh vô hữu xứ, là trời Vô sở hữu xứ. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là bảy nơi thức trú. Nay **[731a]** Ta đã nói bảy thức xứ.

“Những điều mà chư Phật Thế Tôn cần làm để tiếp độ mọi người, nay Ta đã làm xong. Các người hãy đến dưới bóng cây vắng vẻ, hãy khéo tu hạnh này, chớ có lười biếng. Đó là những lời dạy của Ta.”

²¹ Nguyên Hán: thần chỉ xứ 神止處. Xem, *Trường*, kinh 9 (Chúng tập) Pāli, Cf. D.iii. tr. 253. *satta viññānaṭṭhitiyo*.

²² Hán dịch không xác định: chỉ một phần chư thiên thuộc trời.

²³ Hán: sơ xuất thế gian, dịch không hết ý. Nên hiểu: khi kiếp mới sáng thành.

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6²⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Vào lúc bảy giờ, Tôn giả Quân-đầu²⁵ thân mang bệnh nặng, nằm liệt giường, không thể tự ngồi dậy. Khi ấy, Quân-đầu nghĩ: “Hôm nay ta không được Thế Tôn Như Lai rủ lòng thương xót. Ta đang gặp bệnh nặng, không còn sống bao lâu nữa. Thuốc thang không tiếp. Lại nghe Thế Tôn nói: ‘Còn một người chưa độ, Ta quyết không bỏ.’ Song nay chỉ một mình ta bị bỏ rơi. Còn khổ nào hơn!”

Bảy giờ, Thế Tôn dùng thiên nhĩ nghe được lời oán trách của Tỳ-kheo Quân-đầu. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người hãy tụ họp đi đến chỗ Tỳ-kheo Quân-đầu, hỏi thăm bệnh Tỳ-kheo ấy.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, Thế Tôn!”

Rồi Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo đi lần đến phòng Tỳ-kheo Quân-đầu. Quân-đầu từ xa nhìn thấy Như Lai đến, liền tự gieo mình xuống đất. Bảy giờ, Thế Tôn bảo Quân-đầu:

“Nay người mang bệnh rất là nặng, không cần xuống giường. Ta tự có chỗ ngồi.”

Thế Tôn bảo Quân-đầu:

“Bệnh của người tăng hay giảm, hay không tăng giảm? Người có thể nghe Ta dạy được không?”

²⁴ Pāli, S. 46. 16 Gilāna (3) (R.v. 81).

²⁵ Quân-đầu. Pāli: Mahā-Cunda. Nhưng, bản Pāli nói đức Phật bệnh, và Cunda làm thị giả chăm sóc bệnh, chứ không phải Cunda bệnh.

Tỳ-kheo Quân-đầu bạch Phật:

“Bệnh hôm nay của đệ tử rất nặng, chỉ có tăng, không có giảm. Thuốc uống không thấm vào đâu.”

Thế Tôn hỏi:

“Người chăm sóc bệnh là ai vậy?”

Quân-đầu bạch:

“Các vị phạm hạnh đến, gặp thì chăm sóc.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Quân-đầu:

“Nay ngươi có thể nói cho Ta nghe bảy giác chi không?”

Quân-đầu nêu tên bảy giác chi ba lần:

“Nay con có thể ở trước Như Lai nói pháp bảy giác chi.”

Thế Tôn bảo:

“Nếu có thể nói cho Như Lai nghe thì cứ nói.”

Quân-đầu bạch Phật:

“Bảy giác chi. Những gì là bảy? Như Lai đã nói, đó là niệm giác chi, pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an* giác chi, định giác chi, xả* giác chi. Bạch Thế Tôn, nói là có bảy giác chi này, chính là như vậy.”

Sau khi Tôn giả Quân-đầu nói những lời này xong, mọi bệnh tật đều được trừ khỏi, không còn khổ não.²⁶ Bấy giờ, Quân-đầu bạch Thế Tôn:

“Hiệu nghiệm nhất trong các thứ thuốc, đó chính là pháp bảy giác chi này. Muốn nói là thuốc hay nhất không qua bảy giác chi này. Con nhờ tư duy về bảy giác chi mà bệnh gì cũng khỏi cả.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

²⁶ Bản Pāli: Phật bảo Cunda nói 7 giác chi. Cunda nói xong, Phật khỏi bệnh.

“Các người thọ trì pháp bảy giác chi này, khéo nhớ phúng tụng, chớ có hồ nghi đối với Phật, Pháp, Tăng. Mọi bệnh họa của chúng sanh kia được trừ khỏi. Vì sao vậy? Vì bảy giác chi này rất khó lường hết, nhưng nhờ đó tất cả các pháp đều được thấu rõ, hết thấy các pháp đều được soi sáng. Cũng như thuốc hay chữa trị hết thấy các bệnh. Giống như cam lồ ăn không biết chán. Nếu không được bảy giác chi này, các loài chúng sanh sẽ trôi lăn sanh tử. Các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện tu bảy giác chi.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7²⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở thế gian, liền có bảy báu xuất hiện thế gian. Bảy báu đó là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, minh châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu, điền binh báu. Đó là nói khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời thì bảy báu cũng xuất hiện, truyền khắp ở thế gian.

“Khi Như Lai xuất hiện ở thế gian thì có bảy báu giác chi xuất hiện thế gian. Những gì là bảy? Niệm giác chi, pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an* giác chi, định giác chi, xả* giác chi xuất hiện ở thế gian. Khi Như Lai xuất hiện ở thế gian thì, bảy giác chi này cũng xuất hiện ở thế gian. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện tu bảy giác chi này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

²⁷ Pāli, S.46. 42. Cakkavatti (R. v. 99).

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở thế gian, liền chọn lựa đất tốt mà xây thành quách, từ đông, tây mười hai do tuần; nam, bắc bảy do tuần. Đất đai màu mỡ, được mùa, hạnh phúc không thể nói hết. **[731b]** Bấy giờ, bên ngoài thành được bao bọc bảy lớp xen kẽ bởi bảy báu. Bảy loại báu ấy là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, hổ phách, mã não, xà cừ. Đó gọi là bảy báu. Thành lại được bao quanh bởi bảy lớp hào rất sâu tạo thành bởi bảy báu, khó mà vượt qua; trong hào toàn cát vàng. Lại có bảy lớp cây mọc chen giữa; các loại cây ấy có bảy loại màu là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, xà cừ, mã não, hổ phách. Thành trong được bao bọc bởi bảy lớp cửa kiên cố, cũng được làm bằng bảy báu. Khung cửa bằng bạc thì cánh cửa vàng, khung cửa bằng vàng thì cánh cửa bạc, khung cửa thủy tinh thì cánh cửa lưu ly, khung cửa bằng lưu ly thì cánh cửa thủy tinh, khung cửa bằng mã não thì cánh cửa hổ phách, rất là khóai lạc, thật không thể nói hết. Bốn mặt trong thành ấy có bốn ao tắm, mỗi một ao tắm dọc ngang một do tuần, có nước vàng, bạc, thủy tinh tự nhiên tạo thành. Ao nước bạc đông lại trở thành báu bạc, ao nước vàng đông lại trở thành báu vàng, Chuyển luân Thánh vương lấy đó mà sử dụng.

“Bấy giờ, trong thành kia có bảy loại âm thanh. Đó là tiếng tù và, tiếng trống, tiếng trống con, tiếng chuông, tiếng trống eo, tiếng múa, tiếng ca. Đó gọi là bảy loại âm thanh. Bấy giờ, nhân dân thường vui chơi theo đó. Chúng sanh nơi đó không bị nóng lạnh, cũng không bị đói khát, cũng không bị bệnh tật. Chuyển luân

Thánh vương sống ở đời, thành tựu bảy báu này và bốn thần túc, không có giảm khuyết, không bao giờ mất. Nhưng gì là bảy báu mà Chuyển luân Thánh vương thành tựu? Đó là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, người nữ báu, cư sĩ báu, điển binh báu. Lại có ngàn người con rất dũng mãnh, có thể hàng phục giặc ngoài. Cõi Diêm-phù-lý-địa này, không dùng dao gậy để giáo hóa dân trong nước.”

Khi ấy có một Tỳ-kheo hỏi Thế Tôn:

“Chuyển luân Thánh vương thành tựu bánh xe báu như thế nào?”

Thế Tôn bảo:

“Bấy giờ, Chuyển luân Thánh vương, vào sáng sớm ngày rằm, tắm rửa, gội đầu lên trên đại điện, có ngọc nữ vây quanh. Khi bánh xe báu đủ ngàn cựa từ phương đông bay đến trước điện, ánh sáng rực rỡ huy hoàng, chẳng phải do người tạo, cách mặt đất bảy nhấc, từ từ đến trước vua, rồi dừng lại. Thấy vậy, Chuyển luân Thánh vương liền nói: ‘Ta nghe người xưa nói, vua Chuyển luân vào ngày rằm, tắm rửa, gội đầu, [732a] lên ngôi trên điện. Lúc ấy, bánh xe báu tự nhiên từ phương Đông đến trước vua dừng lại. Nay ta phải thử bánh xe báu này.’ Rồi vua Chuyển luân dùng tay phải nắm bánh xe báu mà nói rằng, ‘Giờ người quay lăn cho đúng pháp, chớ đừng phi pháp.’ Bánh xe báu tự nhiên lăn quay và dừng trên không trung. Chuyển luân Thánh vương liền dẫn binh bốn bộ, cũng ở trên hư không. Khi ấy, bánh xe báu quay hướng về Đông, Chuyển luân Thánh vương cũng theo bánh xe báu mà đi. Khi bánh xe báu dừng, Chuyển luân Thánh vương và bốn bộ binh cũng dừng trên hư không. Bấy giờ, vua Túc tán²⁸ và nhân dân từ xa trông thấy vua đến, tất cả đều đứng dậy nghinh đón, lại dùng bát vàng đựng bạc mụm, bát bạc đựng vàng mụm, dâng lên cho Chuyển luân Thánh vương mà tâu với vua rằng, ‘Hoan nghênh Thánh

²⁸ Túc tán vương, chỉ các Tiêu vương, chư hầu của Chuyển luân.

vương! Nay nhân dân thành phương này rất đông đúc, an vui vô hạn. Cúi xin đại vương hãy ở lại đây cai trị.’ Chuyển luân Thánh vương bảo dân nước ấy, ‘Các ngươi hãy dùng pháp cai trị giáo hóa, chớ có dùng phi pháp, cũng chớ có sát sanh, trộm cắp, tà dâm, cẩn thận chớ có dùng phi pháp cai trị giáo hóa.’ Sau đó, bánh xe báu lại di chuyển đến phương Nam, phương Tây, phương Bắc, vỗ về giáo hoá hết thảy nhân dân rồi trở về nơi vua đang trị vì, đi cách mặt đất bảy nhẫn và dừng lại. Nay Tỳ-kheo, Chuyển luân Thánh vương thành tựu bánh xe báu như vậy.”

Tỳ-kheo lại bạch Thế Tôn:

“Chuyển luân Thánh vương thành tựu voi báu như thế nào?”

Thế Tôn bảo:

“Tỳ-kheo, nên biết, vào ngày rằm, Chuyển luân Thánh vương tắm rửa, gội đầu, rồi lên trên đại điện. Bảy giờ, voi báu từ phương Nam đến, có sáu ngà, lông trắng buốt, có bảy chỗ bằng phẳng, được trang sức bằng vàng, bạc, châu báu, có thể bay trên hư không. Thấy vậy, Chuyển luân Thánh vương liền tự nghĩ: ‘Voi báu này rất kỳ diệu, hiếm có trên đời, thể tánh nhu hoà, không hung bạo. Nay ta phải thử voi báu này.’ Rồi thì, sáng sớm, khi mặt trời sắp mọc, Chuyển luân Thánh vương liền cưỡi voi báu này dạo khắp bốn biển, giáo hoá nhân dân. Chuyển luân Thánh vương thành tựu voi báu như vậy.”

Tỳ-kheo lại bạch Thế Tôn:

“Chuyển luân Thánh vương thành tựu ngựa báu như thế nào?”

Thế Tôn nói:

“Khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, ngựa báu bay từ phía Tây đến, lông màu xanh đậm, lông đuôi có ánh đỏ, đi không lắc lư, **[732b]** có thể bay trên hư không, không có gì trở ngại. Thấy vậy, lòng rất vui mừng: ‘Ngựa báu này thật là kỳ lạ. Nay phải sai khiến nó. Thể tánh khôn và lạnh, không có bạo chứng. Ta phải thí nghiệm ngựa báu này.’ Rồi Chuyển luân

Thánh vương liền cởi ngựa báu này đi khắp bốn châu thiên hạ, dạy dỗ nhân dân rồi trở về nơi chỗ ấy trị vì. Nay các Tỳ-kheo, Chuyển luân Thánh vương thành tựu ngựa báu như vậy.”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Lại thành tựu ngọc báu như thế nào?”

Thế Tôn bảo:

“Ở đây, Tỳ-kheo, khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, lúc đó ngọc báu từ phương Đông bay đến, có tám góc, bốn mặt có ánh sáng, dài một thước sáu tấc. Chuyển luân Thánh vương thấy vậy, liền tự nghĩ: ‘Ngọc báu này rất kỳ lạ, ta phải thử nó.’ Rồi vào lúc nửa đêm, Chuyển luân Thánh vương tập hợp bốn bộ binh, đem ma-ni báu này gắn vào đầu ngọn cờ cao. Lúc đó, ánh sáng chiếu mười hai do tuần trong đất nước ấy. Bấy giờ, nhân dân trong thành thấy ánh sáng này, mọi người bảo nhau rằng: ‘Giờ mặt trời đã mọc, hãy lo liệu việc nhà.’ Chuyển luân Thánh vương ngồi trên điện, nhìn khắp nhân dân rồi trở vào trong cung. Sau đó, Chuyển luân Thánh vương đem ma ni này cất vào trong cung; cả trong ngoài đều sáng khắp, không đâu là không sáng. Nay Tỳ-kheo, Chuyển luân Thánh vương thành tựu ngọc báu này như vậy.

Bấy giờ, Tỳ-kheo bạch Phật:

“Chuyển luân Thánh vương thành tựu người nữ báu như thế nào?”

Thế Tôn nói:

“Tỳ-kheo, nên biết, khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, tự nhiên hiện ngọc nữ xuất báu này, dung mạo xinh đẹp, mặt như màu hoa đào, không cao, không thấp, không trắng, không đen, tánh tình nhu hòa, không hung bạo, hơi miệng có mùi hương hoa sen, thân phát mùi hương chiên đàn, thường theo hầu hạ Thánh vương, không quên thời khắc, thường tỏ ra hòa nhã vui cười nhìn vua. Nay Tỳ-kheo, Chuyển luân Thánh vương thành tựu ngọc nữ như vậy.”

Tỳ-kheo lại bạch Phật rằng:

“Chuyển luân Thánh vương thành tựu cư sĩ báu như thế nào?”

Thế Tôn bảo:

“Ở đây, này Tỳ-kheo, khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời liền có cư sĩ báu xuất hiện ở thế gian, không cao, không thấp, thân thể màu hồng, tài cao, trí tốt, không việc gì không suốt, lại đạt thiên nhân thông. Bấy giờ, cư sĩ đi đến chỗ vua tâu với vua rằng, ‘Cúi [732c] mong Thánh vương sống lâu vô cùng! Nếu vua muốn cần vàng, bạc, châu báu gì, thần sẽ cung cấp hết thảy.’ Cư sĩ dùng thiên nhân quán sát nơi có kho báu và nơi không có kho báu, đều thấy tất cả. Vua có cần báu gì, tùy thời cung cấp. Khi ấy, Chuyển luân Thánh vương muốn thử cư sĩ báu kia, liền dẫn cư sĩ này qua sông, chưa đến bờ bên kia, liền nói với cư sĩ rằng, ‘Nay ta cần vàng, bạc, châu báu. Hãy làm sao có ngay bây giờ.’ Cư sĩ đáp, ‘Đến trên bờ trước, thần sẽ cung cấp.’ Chuyển luân Thánh vương nói, ‘Nay ta cần báu ở đây, chứ không cần khi đến trên bờ.’ Khi ấy, cư sĩ liền quỳ xuống, chấp tay hướng xuống nước, tức thì bảy báu trong nước liền vọt lên. Bấy giờ, Chuyển luân Thánh vương bảo trưởng giả, ‘Thôi, Thôi, Cư sĩ! Không cần báu nữa.’ Nay các Tỳ-kheo, Chuyển luân Thánh vương thành tựu cư sĩ báu như vậy.”

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

“Chuyển luân Thánh vương thành tựu điển binh báu như thế nào?”

Thế Tôn bảo:

“Ở đây, Tỳ-kheo, khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời liền có điển binh báu tự nhiên hiện đến, thông minh, cái thế, biết trước tình người, thân thể hồng hào, đi đến chỗ Chuyển luân Thánh vương, tâu Thánh vương: ‘Cúi mong Thánh vương cứ tự nhiên hưởng lạc thú. Nếu Thánh vương muốn cần binh chúng, tiền thoái đúng lúc, thần sẽ cung cấp ngay.’ Rồi điển binh báu theo ý vua, tập họp binh chúng ở cạnh

vua. Bây giờ, Chuyển luân Thánh vương muốn thử diễn binh báu, liền tự nghĩ: ‘Hãy tập hợp binh chúng của ta ngay bây giờ!’ Lập tức binh chúng liền ở ngoài cửa vua. Nếu ý muốn Chuyển luân Thánh vương khiến binh chúng đứng yên, liền đứng yên; muốn tiến thì, liền tiến. Nay Tỳ-kheo, Chuyển luân Thánh vương thành tựu diễn binh báu như vậy.

“Tỳ-kheo nên biết, Chuyển luân Thánh vương thành tựu bảy báu này như vậy.”

Bây giờ, Tỳ-kheo kia bạch Thế Tôn:

“Thế nào là Chuyển luân Thánh vương thành tựu bốn thần túc, được nhiều thiện lợi?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Ở đây, Chuyển luân Thánh vương tướng mạo đoan chánh, hiếm có trên đời, hơn hẳn người thường. Giống như thiên tử kia, không ai sánh kịp. Đó gọi là Chuyển luân Thánh vương thành tựu thần túc thứ nhất này.

“Lại nữa, Chuyển luân Thánh vương thông minh, cái thể, không gì không điều luyện; là bậc hùng mãnh trong người. Bây giờ, không ai hơn trí huệ phong phú của Chuyển luân Thánh vương này. Đó gọi là (Chuyển luân Thánh vương) thành tựu thần túc thứ hai.

[733a] “Lại nữa Tỳ-kheo, Chuyển luân Thánh vương không hề có bệnh tật; thân thể khoẻ mạnh, mọi thứ đồ ăn thức uống tự nhiên tiêu hoá, không lo các chứng đại tiểu tiện. Đó gọi là Chuyển luân Thánh vương thành tựu thần túc thứ ba.

“Lại nữa Tỳ-kheo, Chuyển luân Thánh vương thọ mạng rất dài, tuổi thọ không thể tính. Tuổi thọ con người lúc ấy không ai hơn tuổi thọ Chuyển luân Thánh vương. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là Chuyển luân Thánh vương thành tựu thần túc thứ tư này.

“Nay Tỳ-kheo, đó gọi là Chuyển luân Thánh vương có bốn thần túc.”

Tỳ-kheo kia lại bạch Phật:

“Sau khi Chuyển luân Thánh vương mạng chung, sẽ sanh nơi nào?”

Thế Tôn nói:

“Chuyển luân Thánh vương, sau khi mạng chung, sẽ sanh lên trời Tam thập tam, thọ mạng ngàn tuổi. Vì sao vậy? Vì tự thân Chuyển luân Thánh vương không sát sanh, lại dạy người khác khiến không sát sanh; tự mình không trộm cướp, lại dạy người khác khiến không trộm cướp; tự mình không dâm dật, lại dạy người khác khiến không dâm dật; tự mình không nói dối, lại dạy người khác khiến không nói dối; tự mình hành pháp thập thiện, lại dạy người khác hành pháp thập thiện.

“Các Tỳ-kheo, nên biết, Chuyển luân Thánh vương nhờ công đức này, sau khi mạng chung, sanh lên trời Tam thập tam.”

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia liền tự nghĩ:

“Chuyển luân Thánh vương thật đáng được hâm mộ. Muốn nói đó là con người, lại chẳng phải là người; nhưng kỳ thật chẳng phải là trời mà lại thi hành việc trời, hưởng thụ lạc thú vi diệu, không đoạ ba đường dữ. Nếu hôm nay ta dừng mãnh giữ giới, chắc sẽ có phước để đời tương lai được làm Chuyển luân Thánh vương, không thích hay sao?”

Bấy giờ, Thế Tôn biết được những ý nghĩ trong tâm Tỳ-kheo kia, bảo tỳ-kheo kia:

“Ở trước Như Lai, đừng có ý nghĩ như vậy. Vì sao vậy? Chuyển luân Thánh vương tuy thành tựu bảy báu, có bốn thần túc không ai sánh kịp, nhưng vẫn không thoát khỏi ba đường dữ là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Vì sao vậy? Vì Chuyển luân Thánh vương không đắc bốn thiên, bốn thần túc, không chứng đắc bốn đế. Vì nhân duyên này, sau lại đoạ vào ba đường dữ. Thân người rất khó được, gặp phải tám nạn, muốn thoát ra rất khó; sinh ở chính giữa nước cũng lại không dễ; muốn có bạn lương thiện cũng lại không phải dễ; muốn cùng thiện tri thức gặp nhau cũng lại không dễ; muốn theo học đạo trong giáo

pháp Như Lai cũng lại khó gặp; Như Lai xuất hiện thật không thể gặp; giáo pháp được giảng dạy cũng khó gặp như vậy; hiểu bốn đế và bốn phi thường, thật khó mà được nghe. Chuyển luân Thánh vương cũng không được cứu cánh bốn pháp này.

“Này Tỳ-kheo, nếu khi Như Lai xuất hiện ở đời, khi ấy có bảy báu này xuất hiện ở thế gian; đó là bảy báu giác chi của Như Lai, dẫn đến cứu cánh vô biên, chỗ trời người khen ngợi.

“Này Tỳ-kheo, nay khéo tu phạm hạnh, ngay hiện thân này sẽ chấm dứt được biên tế khổ, thì cần gì đến bảy báu của Chuyển luân Thánh vương?

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia nghe những lời dạy của Như Lai như vậy, ở tại nơi vắng vẻ tư duy đạo pháp, vì mục đích mà thiện gia nam tử sở dĩ cạo bỏ râu tóc xuất gia học đạo, tu chánh nghiệp vô thượng, để như thật biết rằng, sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh đời sau. Bấy giờ, Tỳ-kheo kia thành A-la-hán.

Tỳ-kheo kia sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9²⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, tôn giả Đòng Chân Ca-diếp³⁰ ở trong vườn Trú ám,³¹ nước Xá-vệ.

Bấy giờ, vào nửa đêm, Ca-diếp kinh hành. Khi ấy có vị trời đến chỗ Ca-diếp, ở giữa hư không nói với Ca-diếp:

“Tỳ-kheo nên biết, ngôi nhà³² này ban đêm bốc khói, ban ngày bị lửa cháy³³. Có người Bà-la-môn nói với một người có trí:

²⁹ Tham chiếu Pāli, M. 23 Vammika (R. i. 142).

³⁰ Đòng Chân Ca-diếp 童真迦葉. Pāli: Kumārakassapa. Xem Trường, kinh 7 (Tệ-tú); D. 23. Pāyāsi.

³¹ Trú ám viên. Pāli: Andhavana, khu rừng ở phía nam Xá-vệ.

³² Pāli: *vammika*, gò mối.

‘Giờ ông hãy cầm đao đục núi³⁴. Khi đang đục núi tất sẽ thấy một đồ gánh³⁵ thì hãy nhổ nó lên. Rồi ông đục lại núi; khi đang đục núi tất sẽ thấy núi. Giờ hãy hãy bỏ núi. Ông lại đục núi; khi đang đục núi tất thấy con ễnh ương. Bây giờ ông hãy bỏ³⁶ con ễnh ương. Ông lại đục núi; khi đang đục núi sẽ thấy đồng thịt. Thấy đồng thịt, hãy bỏ nó. Bây giờ ông lại đục núi; khi đang đục núi sẽ gặp cái gông. Thấy cái gông, hãy bỏ nó. Bây giờ, ông lại đục núi; khi đục núi sẽ thấy hai con đường.³⁷ Khi thấy hai đường, hãy bỏ nó. Bây giờ ông lại đục núi; khi đục núi sẽ thấy cành cây. Thấy cành cây, hãy bỏ nó. Bây giờ ông lại đục núi; khi đục núi sẽ thấy con rồng.³⁸ Thấy con rồng rồi, chớ nói gì với nó, hãy lo tự quy mạng,³⁹ và để yên nó đó.⁴⁰

“Này Tỳ-kheo! Hãy suy nghĩ kỹ nghĩa này. Nếu không hiểu thì lập tức đến thành Xá-vệ, đến chỗ Thế Tôn hỏi điều này. Nếu Như Lai có dạy điều gì thì khéo nhớ nghĩ mà thực hành. Vì sao vậy? Vì hiện tại tôi cũng không thấy có người, sa-môn, bà-la-môn, [733c] Ma hoặc Thiên ma nào có thể hiểu nghĩa này, trừ Như Lai và đệ tử Như Lai, hoặc nghe từ tôi⁴¹.”

³³ Pāli: *divā pajjalati*, ban ngày rực sáng.

³⁴ Hán: tạc sơn 鑿山. Bản Pāli: cầm gươm mà đào gò mồi lên.

³⁵ Hán: phụ vật 負物. Pāli: thấy cái then cửa (*laṅgī*).

³⁶ Pāli: *ukkhīpa*. hãy lấy lên. Hán hiểu là *nikkhipa*, hãy để xuống.

³⁷ Hán: nhị đạok. Pāli: *dvidhāpatha*, đường đi có hai lối.

³⁸ Pāli: *nāga*. có thể hiểu là rắn (thần), cũng có thể là rồng.

³⁹ Pāli: *namo karohi nāgassa*, hãy đánh lễ (xưng nam-mô) con rắn.

⁴⁰ Thứ tự các vật đào được trong Hán dịch khác với bản Pāli. Có ba vật không đồng nhất được giữa Hán và Pāli. Hán: núi, cái gông, cành cây. Pāli: *caṅgavāra* (cái bát), *kumma* (con rùa), *asisūna* (dao mổ bò).

⁴¹ Hán: nhược tùng ngã văn 若從我聞. Hán có thể dịch sai, So sanh Pāli (định cú): *ito vā pana sutvā*, hoặc nghe từ đó; tức những ai nghe từ Phật hay đệ tử của Phật. Nhưng tiếng Phạn ít khi dùng từ nhân xưng, nên Hán dịch tự tiện thêm từ “tôi” vào. Tham chiếu, *Trung 25* (tr. 584c29): 唯有如來。如來弟子或從此聞。

Ca-diếp bảo vị thiên:

“Việc này thật hay!”

Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn; đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Ca-diếp hỏi Thế Tôn:

“Nay con muốn hỏi nghĩa Như Lai. Những điều vị trời nói, ý nghĩa nhắm đến cái gì? Vì sao nói nhà này ban đêm bốc khói, ban ngày lửa cháy? Tại sao nói là Bà-la-môn? Tại sao nói là người trí? Lại nói đực núi, ý nghĩa này nhắm đến cái gì? Nói về con dao, con cũng không hiểu. Tại sao nói là đồ gánh? Lại nói về núi, nghĩa này thế nào? Tại sao lại nói con ềnh ương? Tại sao lại nói đồng thịt? Tại sao lại nói cái gông? Tại sao nói hai con đường? Cành cây, nghĩa nó thế nào? Tại sao nói là con rỗng?”

Thế Tôn bảo:

“Nhà tức là hình thể do sắc bốn đại tạo thành, nhận huyết mạch cha mẹ dần dần lớn lên, thường được nuôi dưỡng bằng thức ăn không để thiếu thốn, là pháp phân tán. Ban đêm có khói là chỉ cho tâm niệm của các loài chúng sanh. Ban ngày lửa cháy là chỉ cho hành động do thân, miệng, ý đã tạo. Bà-la-môn là A-la-hán. Người trí là người học.⁴² Đực núi là chỉ tâm tinh tấn. Con dao chính là chỉ trí huệ. Đồ gánh là năm kết sử.⁴³ Núi là kiêu mạn.⁴⁴ Con ếch là chỉ tâm sân hận. Đồng thịt là chỉ tham dục. Cái gông chỉ năm dục.⁴⁵ Hai đường là chỉ nghi ngờ. Cành cây là vô minh.⁴⁶ Rỗng là chỉ Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh

⁴² Học nhân 學人, chỉ Thánh giả hữu học.

⁴³ Pāli: Bát đưng (*caṅgavāra*, Hán?) chỉ năm triền cái (*pañca nīvaraṇānaṃ*).

⁴⁴ Pāli: không có.

⁴⁵ Pāli: con dao mổ (*asisūna*) chỉ năm dục (*pañca kāmagaṇānaṃ*).

⁴⁶ Pāli: then cửa (*laṅgī*) chỉ vô minh (*āvijjā*).

giác.⁴⁷ Những lời vị thiên kia nói, nghĩa nó như vậy. Nay người hãy suy nghĩ cho kỹ, không lâu sẽ dứt sạch hữu lậu.”

Sau khi vâng lời Như Lai dạy, Ca-diếp ở nơi vắng vẻ mà tự tu hành, vì mục đích mà thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc xuất gia học đạo, tu phạm hạnh, biết như thật rằng, sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh đời sau. Bây giờ, Ca-diếp thành A-la-hán.

Ca-diếp sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10⁴⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại Ca-lan-đà trong vườn Trúc, thành La-duyệt, cùng chúng đại Tỳ kheo năm trăm Tỳ-kheo vị. Mãn Nguyệt Tử⁴⁹ cũng dẫn theo [734a] năm trăm Tỳ-kheo an cư ở sanh quán.⁵⁰

Bây giờ, sau khi kiết hạ chín mươi ngày ở thành La-duyệt, Thế Tôn đi du hoá trong nhân gian dần dần đến vườn cây Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Các Tỳ-kheo phân tán trong nhân gian cũng đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên.

Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

“Các người hạ an cư ở đâu?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Chúng con hạ an cư tại quê nhà.”

Thế Tôn bảo:

“Trong số các Tỳ kheo các người an cư tại sanh quán, ai là người sống với hạnh a-lan-nhã, lại hay khen ngợi a-lan-nhã, tự

⁴⁷ Pāli: chỉ Tỳ kheo lậu tận (*khīṇāsavassetam bhikkhuno*).

⁴⁸ Pāli, M. 24 Rathavinīta (R. i. 146). Hán, *Trung*, kinh 9.

⁴⁹ Mãn Nguyệt Tử. Pāli: Puṇṇa Mantāniputta.

⁵⁰ Puṇṇa Mantāniputta quê ở Donavatthu, gần Kapilavatthu.

hành khát thực, lại khuyến khích người khiến hành khát thực không mất thời nghỉ, tự đáp y vá nhiều mảnh,⁵¹ lại khuyến khích người khiến đáp y vá nhiều mảnh, tự tu tri túc, lại cũng ca ngợi hạnh tri túc, tự mình sống ít ham muốn, cũng lại ca ngợi hạnh ít ham muốn, tự thích nơi nhàn tĩnh, lại khuyến khích người khác ở nơi nhàn tĩnh; tự giữ hạnh ấy, lại khuyến khích người khác khiến giữ hạnh ấy, tự thân giới thanh tịnh đầy đủ, lại khuyến khích người khác khiến tu giới ấy, tự thân thành tựu tam-muội, lại khuyến khích người khác khiến hành tam-muội, tự thân thành tựu trí huệ, lại dạy người khác khiến hành trí huệ, tự thân thành tựu giải thoát, lại khuyến khích người khác khiến hành giải thoát, tự thân thành tựu giải thoát tri kiến⁵², lại khuyến khích người khác khiến hành pháp này, tự thân cò thể giáo hoá không biết chán đủ, nói pháp không lười mỏi?”

Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Tỳ-kheo Mãn Nguyệt Tử ở trong chúng Tỳ-kheo này kham nhận giáo hoá. Tự thân tu hạnh a-lan-nhã, cũng lại khen ngợi hạnh a-lan-nhã, tự thân mặc y vá, ít ham muốn, biết đủ, tinh tấn, dũng mãnh, khát thực, thích ở nơi vắng vẻ, thành tựu giới, tam-muội, trí huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến*, lại khuyến khích người khác khiến hành pháp này, tự mình có thể giáo hoá, nói pháp không biết chán đủ.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói pháp vi diệu cho các Tỳ-kheo nghe. Sau khi nghe pháp xong, các Tỳ-kheo ngồi lại một lát, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu Phật ba vòng và ra đi.

Trong lúc ấy, cách Thế Tôn không xa, Xá-lợi-phất ngồi kiết già, chánh thân chánh ý, buộc niệm trước mặt. Khi ấy, Xá-lợi-phất [734a] suy nghĩ như vậy: “Hôm nay Mãn Nguyệt Tử được nhiều thiện lợi. Vì sao vậy? Các Tỳ-kheo phạm hạnh khen ngợi đức kia và Thế Tôn lại xác nhận lời này, cũng không

⁵¹ Bổ nạp y 補納衣, đây chỉ y phân tảo.

⁵² Để bản: giải thoát kiến tuệ.

phản đối. Ngày nào ta sẽ cùng vị ấy được gặp nhau và đàm luận với vị ấy?”

Bấy giờ, tại quê hương mình, Mãn Nguyên Tử giáo hoá đã xong, sau đó đi giáo hoá trong nhân gian, lần hồi đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Thế Tôn thứ tự nói pháp cho nghe. Mãn Nguyên Tử sau khi nghe pháp xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân rồi ra đi, lấy ni-sư-đàn vắt trên vai hữu, đi đến trong vườn Trú ám.

Khi ấy, có một Tỳ-kheo từ xa trông thấy Mãn Nguyên Tử lấy ni-sư-đàn vắt trên vai hữu, đi đến trong vườn kia. Thấy vậy, ông liền đến chỗ Xá-lợi-phất, bạch rằng.⁵³

“Thế Tôn thường khen ngợi Mãn Nguyên Tử. Thầy ấy vừa đến chỗ Như Lai nghe Phật nói pháp, nay đang đi vào trong rừng. Tôn giả nên biết thời thích hợp.”

Sau khi nghe Tỳ-kheo ấy nói, Xá-lợi-phất liền từ chỗ ngồi đứng dậy, lấy ni-sư-đàn vắt lên vai phải và đi đến trong khu rừng kia.

Bấy giờ, Mãn Nguyên Tử ngồi kiết già dưới một bóng cây. Xá-lợi-phất cũng lại ngồi kiết già tư duy ở dưới một bóng cây. Sau đó, Xá-lợi-phất liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến chỗ Mãn Nguyên Tử. Đến nơi, sau khi cùng hỏi thăm nhau, rồi ngồi qua một bên. Xá-lợi-phất hỏi Mãn Nguyên Tử:

“Thế nào, Mãn Nguyên Tử, có phải do⁵⁴ Thế Tôn mà ngài làm đệ tử tu phạm hạnh không?”

Mãn Nguyên Tử đáp:

⁵³ Đoạn này có thể do Hán dịch tự thêm thắt, vì mâu thuẫn với đoạn cuối, theo đó, Xá-lợi-phất cho tới khi kết thúc luận đọ mới nhận ra người đối thoại là Mãn Nguyên Tử. Sự kiện này phù hợp với tường thuật của Pāli, và Trung A-hàm.

⁵⁴ Biện cách 7 của Phạm ngữ đây dịch thành *sở do*, thay vì *sở y*. Nên hiểu: (chúng ta) ở nơi Thế tôn, hay nương nơi Thế tôn (sở y), mà tu phạm hạnh. Như vậy để có mạch lạc với những hỏi và câu trả lời đoạn sau.

“Đúng vậy, đúng vậy.”

Xá-lợi-phất lại hỏi:

“Lại có phải nhân bởi⁵⁵ Thế Tôn mà được tu giới thanh tịnh⁵⁶ không?”

Mãn Nguyệt Tử nói:

“Không phải.”

Xá-lợi-phất nói:

“Có phải do tâm thanh tịnh⁵⁷ nên nương nơi Như Lai mà tu phạm hạnh không?”

Mãn Nguyệt Tử đáp:

“Không phải.”

Xá-lợi-phất nói:

“Có phải vì kiến thanh tịnh nên nương nơi Như Lai mà tu phạm hạnh không?”

Mãn Nguyệt Tử đáp:

“Không phải”

Xá-lợi-phất nói:

“Thế nào, có phải vì không do dự⁵⁸ mà được tu phạm hạnh không?”

Mãn Nguyệt Tử đáp:

“Không phải.”

Xá-lợi-phất nói:

⁵⁵ Biến cách 7, Hán dịch thành sở do, nên câu hỏi trở thành vô lý. Nên hiểu: “có phải (chúng ta) nương nơi Thế tôn (sở y, biến cách số 7) mà tu phạm hạnh ...?”

⁵⁶ Pāli: *sīlavisuddhattham*, (có phải) vì mục đích giới thanh tịnh?

⁵⁷ Pāli: *cittavisuddhattham*, vì mục đích tâm thanh tịnh.

⁵⁸ Pāli: *kaṅkhāvitaraṇavisuddhattham*, độ nghi tịnh, vì mục đích sự thanh tịnh do vượt qua hoài nghi.

“Có phải do hành tích thanh tịnh⁵⁹ mà được tu phạm hạnh không?”

Mãn Nguyên Tử đáp:

“Không phải.”

Xá-lợi-phất nói:

“Thế nào, có phải vì trí thanh tịnh ở trong đạo⁶⁰ mà được tu phạm hạnh không?”

Mãn Nguyên Tử đáp:

“Không phải.”

Xá-lợi-phất nói:

“Thế nào, có phải vì trí kiến thanh tịnh [734c] mà được tu phạm hạnh không?”

Mãn Nguyên Tử đáp:

“Không phải.”

Xá-lợi-phất nói:

“Những câu hỏi vừa rồi của tôi, ‘Có phải ở nơi Như Lai mà được tu phạm hạnh không?’ Thầy lại đáp tôi rằng: ‘Đúng vậy.’ Tôi lại hỏi: ‘Có phải do trí tuệ, tâm thanh tịnh, đạo tri kiến thanh tịnh, được tu phạm hạnh không?’ Thầy lại nói: ‘Không phải.’ Vậy vì sao thầy ở nơi Như Lai mà được tu phạm hạnh?”

Mãn Nguyên Tử đáp:

“Nghĩa⁶¹ giới thanh tịnh là để khiến tâm thanh tịnh. Nghĩa* tâm thanh tịnh là để khiến kiến thanh tịnh. Nghĩa* kiến thanh

⁵⁹ Pāli: *paṭipadāñānadassanavisuddhattham*, đạo tích kiến tịnh, vì mục đích thanh tịnh của tri kiến về phương pháp hành trì. Thứ tự trong bản Pāli, mục đích này ở sau đạo phi đạo kiến tịnh.

⁶⁰ Pāli: *maggāmaggañānadassanavisuddhattham*, đạo phi đạo kiến tịnh, vì mục đích thanh tịnh về sự thấy rõ đâu là Thánh đạo và đâu là không phải. Xem cht. 59 trên.

⁶¹ Hán: nghĩa, nên hiểu là “mục đích.” Pāli: *attham*.

tịnh là để khiến không do dự thanh tịnh. Nghĩa* không do dự thanh tịnh là để khiến hành tích thanh tịnh. Nghĩa* hành tích thanh tịnh là để khiến đạo thanh tịnh. Nghĩa* đạo thanh tịnh là để khiến tri kiến thanh tịnh. Nghĩa* tri kiến thanh tịnh là để khiến nhập nghĩa Niết-bàn.⁶² Đó gọi là ở nơi Như Lai mà được tu phạm hạnh.”

Xá-lợi-phát hỏi:

“Nghĩa thầy nói hôm nay nhắm về đâu?”

Mãn Nguyên Tử nói:

“Nay tôi sẽ đưa ra thí dụ để giải thích nghĩa này. Người trí nhờ thí dụ mà hiểu nghĩa đó, người trí tự ngộ. Giống như hôm nay vua Ba-tu-nặc đi từ thành Xá-vệ đến nước Bà-kì, khoảng giữa hai nước bố trí bảy chiếc xe. Bảy giờ, vua Ba-tu-nặc ra khỏi thành, lên chiếc xe thứ nhất, đến chiếc thứ hai; lên chiếc thứ hai, bỏ chiếc thứ nhất lại; đi về trước một lát, lại lên chiếc thứ ba và bỏ chiếc thứ hai lại; đi về trước một lát, lại lên chiếc thứ tư và bỏ chiếc thứ ba lại; đi về trước một lát, lại lên chiếc thứ năm và bỏ chiếc thứ tư lại; đi về trước một lát, lại lên chiếc thứ sáu và bỏ chiếc thứ năm lại; đi về trước một lát, lại lên chiếc thứ bảy và bỏ chiếc thứ sáu lại để vào nước Bà-kì. Bảy giờ, vua Ba-tu-nặc đã đến trong cung, nếu có người hỏi: ‘Hôm nay Đại vương đi cỗ xe nào đến cung này?’ thì vua ấy sẽ đáp thế nào?”

Xá-lợi-phát đáp:

“Nếu có người hỏi thì sẽ đáp như vậy: ‘Tôi ra khỏi thành nước Xá-vệ, trước lên xe thứ nhất đến xe thứ hai; lại bỏ xe thứ hai, lên xe thứ ba; lại bỏ xe thứ ba, lên xe thứ tư; lại bỏ xe thứ tư, lên xe thứ năm; lại bỏ xe thứ năm, lên xe thứ sáu; lại bỏ xe thứ sáu, lên xe thứ bảy đến nước Bà-kỳ. Vì sao vậy? Vì tất cả nhờ xe trước đến xe thứ hai, lần lượt làm nhân cho nhau đến được nước kia.’ Nếu có người hỏi thì nên trả lời như vậy.”

⁶² Pāli: *nāṇadassanavisuddhi yāvadeva anupādāparinibbānatthā*, tri kiến thanh tịnh là vì mục đích vô dư Niết-bàn (không còn chấp thủ).

Mãn Nguyên Tử đáp:

“Nghĩa* giới thanh tịnh cũng lại như [735a] vậy. Do tâm thanh tịnh mà được kiến thanh tịnh; do kiến thanh tịnh mà đạt được trừ do dự; do nghĩa không do dự mà đạt được hành tích thanh tịnh; do nghĩa hành tích thanh tịnh mà đạt được đạo thanh tịnh; do nghĩa đạo thanh tịnh mà đạt được tri kiến thanh tịnh; do nghĩa tri kiến thanh tịnh mà đạt được nghĩa Niết-bàn, do đó mà ở nơi Như Lai được tu phạm hạnh. Vì sao vậy? Vì nghĩa giới thanh tịnh là tướng chấp thủ⁶³, nhưng Như Lai dạy khiến trừ chấp thủ*. Nghĩa tâm thanh tịnh cũng là tướng chấp thủ, nhưng Như Lai dạy trừ chấp thủ cho đến nghĩa tri kiến cũng là chấp thủ. Như Lai dạy trừ chấp thủ cho đến Niết-bàn, do đó mà ở nơi Như Lai được tu phạm hạnh. Nếu chỉ vì giới thanh tịnh mà nương nơi Như Lai tu phạm hạnh, thì ngay kẻ phạm phu cũng sẽ diệt độ.⁶⁴ Vì sao vậy? Vì kẻ phạm phu cũng có giới pháp này.⁶⁵ Thế Tôn đã dạy, theo thứ lớp thành đạo mà đến được Niết-bàn giới, chẳng phải chỉ có giới thanh tịnh mà đến được diệt độ. Giống như có người muốn lên trên lầu bảy tầng, phải theo thứ bậc mà đi lên. Nghĩa giới thanh tịnh cũng lại như vậy; dần dần mới đến tâm. Do tâm mà đạt đến kiến. Do kiến mà đạt đến không do dự. Do không do dự mà đạt đến hành tích thanh tịnh. Do hành tích thanh tịnh mà đến được đạo. Do đạo thanh tịnh mà đạt đến tri kiến. Do tri kiến mà đạt đến Niết-bàn.”

Bấy giờ, Xá-lợi-phất liền khen:

⁶³ Nguyên hán: thọ nhập chi mạo 受入之貌.

⁶⁴ Đoạn dịch hán này tối nghĩa. So sanh Pāli: Xá-lợi-phất hỏi, “Phải chăng giới thanh tịnh là Niết-bàn không còn chấp thủ?” cho đến “tri kiến thanh tịnh là Niết-bàn không còn chấp thủ?” Mãn Nguyên Tử đều trả lời không phải. Nhưng ngoài các pháp được hỏi đó cũng không có pháp nào để đến Niết bàn. Nếu không, phạm phu cũng đạt đến Niết-bàn, vì phạm phu không có những pháp đó.

⁶⁵ Câu này Hán dịch rõ ràng sai. Vì các pháp mà Xá-lợi-phất vừa hỏi nhất định không thể có nơi phạm phu. Xem cht. 64 trên.

“Lành thay, lành thay, nghĩa này được nói thật khéo léo. Thầy tên là gì? Các Tỳ-kheo phạm hạnh gọi thầy hiệu gì?”

Mãn Nguyên Tử nói:

“Tôi tên là Mãn Nguyên Tử. Họ mẹ là Di-đa-na-ni.⁶⁶”

Xá-lợi-phất nói:

“Lành thay, lành thay, Mãn Nguyên Tử! Trong pháp Hiền thánh thật không ai sánh bằng thầy; trong lòng chứa đựng cam lồ, lại ban phát vô cùng. Nay tôi đã hỏi nghĩa rất sâu, thầy đều đã giải đáp tất cả. Cho dù các vị phạm hạnh đội thầy trên đầu mà đi khắp thế gian, cũng không thể báo đáp được ơn này. Những ai đến thân cận, hỏi han, người ấy sẽ được nhiều thiện lợi. Nay tôi cũng được lợi nhiều nhờ sự chỉ giáo đó.”

Mãn Nguyên Tử đáp:

“Lành thay, lành thay, như những lời thầy nói! Thầy tên là gì? Các Tỳ-kheo gọi thầy là gì?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Tôi tên Ưu-ba-đề-xá. Mẹ tên xá-lợi. Các Tỳ-kheo gọi tôi là xá-lợi-phất.”

[735b] Mãn Nguyên Tử nói:

“Hôm nay tôi cùng đã bàn luận với bậc Đại nhân. Vậy mà trước đó tôi không biết vị Đại tướng⁶⁷ của pháp đến nơi này! Nếu tôi biết tôn giả xá-lợi-phất đến đây thì không dám cùng biện luận đối đáp như vậy. Nhưng tôn giả hỏi nghĩa rất sâu này, nên tiếp theo đó tôi đã giải đáp.

“Lành thay, xá-lợi-phất! Vị Thượng thủ trong các đệ tử của Phật, thường an trú với pháp vị cam lồ. Dù cho các vị phạm hạnh đội tôn giả xá-lợi-phất trên đầu mà đi khắp thế gian, từ

⁶⁶ Di-đa-na-ni 彌多那尼. Skt. Maitrāyaṇi, nhưng Pāli: Mantāni.

⁶⁷ Nguyên Hán: đại chủ 大主. Xá-lợi-phất được xưng tụng là vị Đại tướng quân của Chánh pháp.

năm này qua năm khác, cũng không thể báo đáp được ơn ấy chút nào. Ở đây, có chúng sanh nào đến hỏi thăm, thân cận tôn giả, người ấy sẽ có được nhiều lợi. Chúng tôi cũng được lợi nhiều.”

Bây giờ, hai hiền giả đàm luận với nhau trong khu ấy ấy như vậy.

Sau khi hai vị nghe điều đã được nói, đều hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt

*Đẳng pháp và Trú độ,
Dụ nước và thành quách,
Thức, Quân-đầu, hai luân,
Bà-mật và bảy xe.⁶⁸*

⁶⁸ Bản Hán, hết quyển 43.

40 . PHẨM BẢY NGÀY

KINH SỐ 1¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, sau giờ ăn, các Tỳ-kheo tập trung ở giảng đường Phổ hội bàn luận như vậy: “Núi Tu-di này rất là rộng lớn, các núi khác không thể sánh, hết sức kỳ lạ, cao rộng hùng vĩ. Như vậy mà không bao lâu nữa sẽ bị tan rã, không còn sót thứ gì. Các núi lớn khác tựa vào núi Tu-di, cũng sẽ tan rã.”

Bấy giờ, Thế Tôn bằng thiên nhĩ nghe các Tỳ-kheo bàn luận như vậy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ giảng đường kia và ngồi xuống. Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

“Các người ở đây đang bàn luận những gì? Đang định làm gì?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Chúng con tụ tập ở đây luận về pháp sự kia. Những điều vừa được thảo luận đều đúng như pháp.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, **[735c]** Tỳ-kheo! Các người xuất gia cần phải phải thảo luận chánh pháp. Nhưng cũng không bỏ sự im lặng của Hiền Thánh. Vì sao vậy? Khi các Tỳ-kheo tụ tập một chỗ thì nên làm hai việc. Nhưng gì là hai? Một là luận bàn như pháp; hai là im lặng như Thánh Hiền. Các người làm hai việc này, luôn luôn được an ổn, không mất thời nghỉ. Vừa rồi, các người đã luận nghĩa như pháp những gì vậy?”

Các Tỳ-kheo đáp:

¹ Pāli, A. VII. 62 Suriya (R. iv.99), D. 27 Aggāñña.

“Hôm nay, các Tỳ-kheo tụ tập tại giảng đường này để luận nghĩa như vậy: ‘Thật là kỳ lạ, núi Tu-di này hết sức cao rộng, nhưng núi Tu-di này như vậy không bao lâu sẽ bị tan rã. Các núi Thiết vi ở bốn phía cũng sẽ bị tan rã như vậy.’ Vừa rồi chúng con tụ tập ở đây bàn luận như pháp vậy.”

Thế Tôn bảo:

“Các người có muốn nghe sự biến chuyển đưa đến bại hoại của cảnh giới thế gian này không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Nay là lúc thích hợp, cúi xin Thế Tôn hợp thời giảng nói, để cho chúng sanh được tâm giải thoát.”

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người hãy khéo suy nghĩ và ghi nhớ luôn trong lòng.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, Thế Tôn.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng theo lời Phật dạy.

Thế Tôn bảo:

“Núi Tu-di thật rộng lớn, không núi nào có thể sánh bằng. Tỳ-kheo, nên biết, núi Tu-di nhô khỏi mặt nước cao tám vạn bốn ngàn do tuần và chìm dưới nước sâu cũng tám vạn bốn ngàn do tuần. Núi Tu-di được tạo nên do bốn loại báu là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly. Lại có bốn góc cũng được tạo thành do bốn loại báu là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly. Thành vàng, quách bạc; thành bạc, quách vàng; thành thủy tinh, quách lưu ly; thành lưu ly, quách thủy tinh. Trên núi Tu-di có năm loại trời cư trú ở đó, đều do túc duyên mà sống nơi này. Những gì là năm? Trong thành bạc kia có trời Tế cước² cư trú; trong thành vàng kia có trời Thi-lợi-sa³ cư trú; trong thành thủy tinh kia có trời Hoan

² Tế cước 細脚. Có lẽ *Câu-xá 11* (tr. 59c2) gọi là Kiên thủ 堅手 (Skt. Karoṭapāṇi).

³ Thi-lợi-sa 尸利沙.

duyệt⁴ cư trú; trong thành lưu ly kia có trời Lực thịnh⁵ cư trú. Giữa thành vàng và bạc có Tì-sa-môn Thiên vương cư trú cùng với số lượng Dạ-xoa không thể đếm xuể. Giữa thành vàng và thủy tinh có Tì-lưu-bác-xoa Thiên vương cư trú cùng với các Long thần. Giữa thành thủy tinh và lưu ly có Tì-lưu-lặc-xoa Thiên vương cư trú. Giữa thành lưu ly và vàng có Đề-đâu-lại-tra Thiên vương cư trú .

“Tỳ-kheo, nên biết, [736a] dưới núi Tu-di có A-tu-la cư trú. Khi A-tu-la muốn đánh nhau với trời Tam thập tam thì trước cùng đánh nhau với trời Tể cước. Nếu thắng, tiến đến thành vàng cùng đánh nhau với trời Thi-lợi-sa. Khi đã thắng trời Thi-lợi-sa, lại đến thành thủy tinh cùng đánh nhau với trời Hoan duyệt. Thắng rồi, chúng tiến đến thành lưu ly. Thắng đây rồi, chúng đánh nhau với trời Tam thập tam.⁶

“Tỳ-kheo, nên biết, trời Tam thập tam cư trú trên đỉnh núi Tu-di, ngày đêm phát ra ánh sáng; tự chiếu sáng cho nên như vậy. Nương vào núi Tu-di mà mặt trời, mặt trăng trôi đi. Nhật thiên tử có thành quách dài rộng năm mươi một do tuần. Nguyệt thiên tử có thành quách dài rộng ba mươi chín do tuần. Ngôi sao lớn nhất dài rộng một do tuần, sao nhỏ nhất dài rộng hai trăm bộ. Đỉnh núi Tu-di từ đông sang tây, từ nam đến bắc, dài rộng tám vạn bốn nghìn do tuần. Gần núi Tu-di, phía nam có núi Đại thiết vi⁷ dài rộng dài tám vạn bốn nghìn dặm, cao tám

⁴ Hoan duyệt 歡悅. Có lẽ *Câu-xá 11* nói là Hằng kiều 恒橋 (Skt. Sadāmatta, nhưng đây đọc là Sadāmanas).

⁵ Lực thịnh 力盛. Có lẽ *Câu-xá 11* là Trì man (Skt. Māladhara, nhưng đây đọc là Baladhara).

⁶ Pāli, Jā. i. 204: Đế Thích đặt năm vòng đại bảo vệ cung thành Tam thập tam, từ dưới chân Tu-di đi lên: Nāga (Rồng), Garuḍa (Kim sí điểu), Kumbhaṇḍa (Cưu-bàn-trà), Yakkha (Dạ-xoa), và Tứ thiên vương.

⁷ Thiết vi 大鐵圍. SDkt. (Mahā)Xakravāḍa. Pāli: Cakkavāḍa. Các núi bao quanh Tu-di, xem *Trưởng*, kinh 29 Thế ký, phẩm Diêm-phù-đề. *Câu-xá 11*,

vạn dặm. Thêm nữa, ngoài núi này có núi Ni-di-đà⁸ bọc quanh núi ấy, cách núi Ni-di-đà lại có núi tên là Khur-la,⁹ cách núi này lại còn có núi tên Ti-sa,¹⁰ cách núi này lại còn có núi tên Mã đầu,¹¹ lại có núi tên Ti-na-da, kể núi Ti-na-da¹² lại có núi tên Thiết vi, Đại thiết vi.

“Chính giữa núi Thiết vi có tám địa ngục lớn, mỗi¹³ địa ngục có mười sáu ngục phụ.¹⁴ Núi Thiết vi này giúp ích rất nhiều cho Diêm-phù-đề-lý-địa. Nếu không có núi Thiết vi này, Diêm-phù-đề-lý-địa thường là nơi hôi thối. Bên ngoài núi Thiết vi có núi Hương tích;¹⁵ cạnh đó có tám vạn bốn ngàn voi chúa trắng sinh sống nơi này. Mỗi con có sáu ngà được trang sức bằng vàng, bạc. Trong núi ấy có tám vạn bốn ngàn hang, các voi ấy cư trú ở đó. Con voi tối thượng được tạo bởi vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly. Thích Đề-hoàn Nhân thường tự thân cỡi nó. Chuyên luân Thánh vương cỡi voi nhỏ nhất. Cạnh núi Hương tích có ao nước Ma-đa, sinh toàn hoa sen uru-bát, hoa câu-mâu-đầu; những con voi kia nhỏ rể ăn. Cạnh ao nước Ma-đa có núi tên Ưu-xà-già-la. Núi này sanh ra đủ loại cây cỏ, chim, thú, sâu bọ, hổ báo đều nương vào núi này mà ở, có nhiều người đắc thần thông cũng đều sống ở đây. Kế đó lại có núi tên Bàn-trà-bà, tiếp lại có núi tên Kỳ-xà-quật. **[736a]** Đây là chỗ y cứ của mà Diêm-phù-lý-địa.

phẩm iii Thế gian. Thứ tự được kể trong bản Hán dịch này không phù hợp với các tài liệu dẫn trên.

⁸ Ni-di-đà 尼彌陀山, Skt. Nimindhara. Pāli: Nemindhara.

⁹ Khur-la 佉羅. Skt. Khadiraka. Pāli: karavīka.

¹⁰ Ti-sa 俾沙. Skt. īśādhara. Pāli: īsadhara.

¹¹ Mã đầu 馬頭. Skt. Aśvakarṇa; Pāli: Assakaṇṇa.

¹² Tỳ-na-da 毘那耶. Skt. , Pāli: Vinataka.

¹³ Đề bản: nhị ; có lẽ *nhất nhất* bị chép nhầm.

¹⁴ Hán: cách tử 隔子.

¹⁵ Hương tích 香積. *Câu-xá 11* (tr. 58a20): Hương túy 香醉. Skt. Gandhamadāna.

“Các Tỳ-kheo nên biết, cho đến một lúc, khi thế gian này sắp băng hoại, trời không mưa, những lúa mạ đã gieo không tăng trưởng, các con sông suối nhỏ đều bị khô cạn, tất cả các hành đều qui về vô thường, không tồn tại lâu.

“Tỳ-kheo nên biết, hoặc có lúc bốn sông lớn như Hằng hà, Tu-đầu, Tử-đà, Bà-xoa cũng lại khô cạn không còn gì sót lại. Cũng vậy Tỳ-kheo, vô thường trăm lần biến đổi chính là vậy.

“Tỳ-kheo, cho đến một lúc, khi thế gian này có hai mặt trời xuất hiện, lúc ấy các loại cây cối thảo mộc đều điêu tàn. Cũng vậy Tỳ-kheo, vô thường biến dịch, không được tồn tại lâu dài. Lúc ấy, nước các nguồn suối nhỏ đều khô cạn. Tỳ-kheo, nên biết, khi hai mặt trời xuất hiện, nước trong bốn biển lớn tất cả đều khô cạn đến cả trăm do tuần, dần dần đến bảy trăm do tuần, nước tự nhiên khô.

“Tỳ-kheo, nên biết, khi ba mặt trời xuất hiện ở thế gian, nước bốn biển lớn trong vòng ngàn do tuần, tự nhiên khô cạn, dần dần cho đến bảy ngàn do tuần, nước tự nhiên khô cạn.

“Tỳ-kheo, nên biết, khi bốn mặt trời xuất hiện, nước bốn biển lớn chỉ còn sâu khoảng một ngàn do tuần. Như vậy, Tỳ-kheo, tất cả các hành đều vô thường không tồn tại lâu dài được.

“Tỳ-kheo, cho đến một lúc, khi thế gian có năm mặt trời xuất hiện, lúc ấy nước trong bốn biển lớn chỉ còn bảy trăm do tuần nước, dần dần còn lại một trăm do tuần. Tỳ-kheo, nên biết, khi năm mặt trời xuất hiện, nước biển chỉ còn một do tuần; dần dần nước khô không còn gì hết. Khi năm mặt trời xuất hiện, nước chỉ còn bảy thước. Khi năm mặt trời xuất hiện, nước biển khô hết không còn gì. Tỳ-kheo, nên biết, tất cả các hành đều vô thường, không tồn tại lâu dài được.

“Tỳ-kheo, cho đến một lúc, khi sáu mặt trời xuất hiện, mặt đất dày sáu vạn tám ngàn do tuần này đều bốc khói hết. Núi Tu-di cũng dần dần bị sụp lở. Khi sáu mặt trời xuất hiện, ba ngàn đại thiên quốc độ này đều băng hoại. Giống như người thợ gốm

nung đồ gốm. Lúc ấy, ba ngàn đại thiên quốc độ cũng lại như vậy, lửa cháy bùng bùng, lan khắp nơi.

“Tỳ-kheo, nên biết, khi sáu mặt trời xuất hiện, tám địa ngục lớn cũng bị tiêu diệt, nhân dân qua đời. Năm loại trời nương vào núi Tu-di cũng mạng chung. Trời Tam thập tam, trời Diêm thiên, cho đến trời Tha hoá [736c] tự tại cũng mạng chung; cung điện đều trống. Khi sáu mặt trời xuất hiện, núi Tu-di và ba ngàn đại thiên quốc độ đều trống không, không còn gì. Như vậy, Tỳ-kheo, các hành đều vô thường, không tồn tại lâu dài được.

“Tỳ-kheo, nên biết, cho đến một lúc, khi bảy mặt trời xuất hiện, bảy giờ đất tuy dày sáu vạn tám ngàn do tuần và ba ngàn đại thiên quốc độ đều bốc lửa. Khi bảy mặt trời xuất hiện, núi Tu-di này dần dần tan hoại, trăm ngàn do tuần tự nhiên sụp lở hoàn toàn không còn gì, cũng không còn thấy mây may khói bụi, huống gì là thấy tro!

“Khi ấy, cung điện trời Tam thập tam cho đến trời Tha hoá tự tại đều bốc lửa. Lửa bốc cháy nơi này cho đến trên Phạm thiên. Các thiên tử mới sinh ở thiên cung kia, vì xưa nay không thấy kiếp thiêu, nên khi thấy ánh lửa bốc cháy này trong lòng kính hãi, lo bị lửa đốt. Song những vị thiên tử sống lâu, đã từng thấy kiếp thiêu liền đến an ủi những thiên tử mới sanh: ‘Các ông chớ có lo sợ. Lửa này hoàn toàn không thể lan đến nơi này.’

“Tỳ-kheo, nên biết, khi bảy mặt trời xuất hiện, từ nơi này đến sáu trời Dục giới, cho đến ba ngàn đại thiên quốc độ, đều thành tro bụi, cũng không còn dấu vết hình chất. Như vậy, Tỳ-kheo, tất cả các hành đều vô thường, không thể bảo tồn lâu, đều đưa đến hoại diệt. Bảy giờ, nhân dân qua đời, sinh về quốc độ khác, hoặc sinh lên trời. Chúng sanh nào trong địa ngục, nếu tội trước đã hết thì sinh lên trời, hoặc quốc độ khác. Nếu chúng sanh địa ngục kia chưa hết tội thì lại dời đến quốc độ khác.

“Tỳ-kheo, nên biết, khi bảy mặt trời xuất hiện, không còn dấu vết ánh sáng mặt trời, mặt trăng và tinh tú. Khi ấy mặt trời mặt

trắng đã diệt, không còn ngày và đêm. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là vì quả báo nên đưa đến tan rã này.

“Tỳ-kheo, nên biết, khi thành tựu kiếp trở lại, cho đến một lúc lửa tự nó tắt mất, trong hư không nổi lên mây lớn, dần dần mưa xuống. Khi ấy, ba ngàn đại thiên quốc độ này đều ngập nước. Nước dâng lên cõi Phạm thiên.

“Tỳ-kheo, nên biết, bảy giờ nước này dần dần ngưng lại và tự tiêu hết. Lại có cơn gió khởi lên tên là Tuỳ lam, thổi nước này tụ lại một chỗ. Lúc bảy giờ, gió này lại thổi dậy một ngàn núi Tu-di, một ngàn núi Kì-di-đà,¹⁶ một ngàn núi Ni-di-đà, một ngàn núi Khu-la, một ngàn núi Y-sa, một ngàn núi Tỳ-na, một ngàn núi Thiết vi, một ngàn núi Đại thiết vi. Lại sinh tám ngàn địa ngục, [737a] lại sinh một ngàn núi Mã đầu, một ngàn núi Hương tích, một ngàn núi Bàn-trà-bà, một ngàn núi Ưu-xà-già, một ngàn cõi Diêm-phù-đề, một ngàn cõi Cù-da-ni, một ngàn cõi Phát-vu-đãi, một ngàn cõi Uất-đơn-việt. Lại sinh nước một ngàn biển, lại sinh một ngàn cung Tứ thiên vương, một ngàn trời Tam thập tam, một ngàn Diêm thiên, một ngàn trời Đâu-suất, một ngàn trời Hoá tự tại, một ngàn trời Tha hoá tự tại.

“Tỳ-kheo, nên biết, cho đến một lúc, nước rút, đất bày trở lại. Khi ấy trên đất tự nhiên có lớp chất béo đất,¹⁷ rất thơm ngon hơn cả cam lồ. Nên biết chất béo đất kia có mùi vị giống như rượu ngọt bồ đào.

“Tỳ-kheo, nên biết, cho đến một lúc, các vị trời Quang âm nói với nhau: ‘Chúng ta xuống Diêm-phù-đề để xem mặt đất kia khi phục hồi trở lại.’ Thiên tử Quang âm xuống đến thế gian, thấy trên mặt đất có béo đất này liền dùng ngón tay quét đưa vào miệng mà ăn thử. Khi ấy, thiên tử ăn nhiều béo đất nên không còn oai thần và ánh sáng nữa, thân thể trở nên nặng mà

¹⁶ Kì-di-đà 祇彌陀; có thể chép dư.

¹⁷ Địa phi 地肥. Xem *Trường 6* (kinh 5 Tiểu duyên, tr. 37b27); *Trung 39* kinh 154 (tr. 674b24). Pāli, D 27 Aḅāṅṅa (R.iii. 85).

sanh ra xương thịt, mất thần túc không còn bay được. Thiên tử nào ăn ít béo đất thì thân thể không nặng, cũng không mất thần túc, có thể bay lại trên hư không.

“Lúc ấy, những thiên tử mất thần túc đều cùng nhau than khóc, nói với nhau: ‘Nay chúng ta thật là cùng khổ, lại mất thần túc, phải ở lại thế gian, không thể trở lên trời lại được.’ Rồi họ ăn chất béo đất này, và để ý nhan sắc nhau. Khi ấy, thiên tử nào có nhiều dục ý thì trở thành thành người nữ, rồi làm tình dục cùng nhau vui thích.

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là lúc thế gian mới hình thành có pháp dâm này lưu truyền thế gian, là thường pháp tối sơ, khi người nữ xuất hiện ở đời; cũng lại là pháp xưa chẳng phải mới ngày nay.

“Lúc ấy, các vị trời Quang âm khác thấy các thiên tử đoạ lạc liền đến quở trách rằng: ‘Vì sao các ông lại làm hạnh bất tịnh này.’ Lúc này, các chúng sanh lại tự nghĩ: ‘Chúng ta phải tìm cách nào để có thể nghỉ đêm với nhau mà mọi người không thấy.’ Dần dần chúng làm nhà cửa để tự che thân thể. Này Tỳ-kheo, đó gọi là do nhân duyên này mà ngày nay có nhà cửa.

“Tỳ-kheo, nên biết, cho đến một lúc chất béo đất tự nhiên lần xuống đất, sau đó sanh ra lúa gạo rất tươi sạch, cũng không có vỏ ngoài, hết sức thơm ngon khiến người ăn được mập trắng. Sáng thu hoạch, chiều lại sinh; chiều thu hoạch, sáng lại sinh. Này Tỳ-kheo, bấy giờ mới có tên lúa gạo này xuất hiện.

[737b] “Tỳ-kheo, cho đến một lúc nhơn dân biếng nhác, không chuyên cần sinh hoạt. Có một người suy nghĩ: ‘Vì sao ngày nào ta cũng phải gặt hái lúa thóc này. Nên thu một lần cho cả hai ngày.’ Người đó liền đi thu hoạch lúa một lần cho hai ngày.

“Bấy giờ, nhân dân lần lượt mang thai, và do đó có sự sanh đẻ.

“Một lúc nọ, có một chúng sanh bảo chúng sanh kia: ‘Chúng ta cùng đi gặt lúa.’ Người kia đáp: ‘Tôi đã lấy lương thực đủ cho hai ngày.’ Người này nghe xong bèn nghĩ nghĩ: ‘Ta phải chừa

lượng thực bốn ngày.’ Người ấy liền lo lượng thực đủ bốn ngày. Lại có chúng sanh nói với chúng sanh ấy rằng: ‘Chúng ta cùng ra ngoài thâu lúa.’ Người này đáp: ‘Tôi đã lấy lương thực bốn ngày.’ Người kia nghe rồi liền nghĩ như vậy: ‘Ta phải lo lương thực tám ngày.’ Nó liền lo chứa thức ăn tám ngày. Do vậy, lúa kia không sinh trở lại. Bấy giờ, mọi người suy nghĩ như vậy: ‘Thế gian có tai họa lớn. Giờ lúa thóc này không như xưa nữa. Nay phải phân chia lúa thóc này.’ Tức thì chúng phân chia lúa thóc. Lúc ấy, có chúng sanh suy nghĩ như vậy: ‘Giờ ta hãy giấu lúa thóc mình. Nên ăn trộm lúa thóc người khác.’ Rồi chúng sanh ấy giấu lúa thóc mình, ăn trộm lúa thóc người khác. Chủ kia bắt gặp nó ăn trộm lúa thóc, liền nói với nó: ‘Sao ông lấy lúa thóc của tôi? Giờ tha tội ông, sau này chớ tái phạm.’ Bấy giờ, thế gian bắt đầu có tâm trộm cắp này. Lúc này, lại có chúng sanh nghe lời này rồi liền nghĩ như vậy: ‘Giờ ta hãy giấu lúa thóc mình. Nên trộm lúa thóc người khác.’ Rồi, chúng sanh ấy liền cất vật của mình mà lấy vật người khác. Người chủ kia thấy vậy, nói với nó: ‘Sao ông lại lấy lúa thóc tôi?’ Nhưng người kia im lặng không đáp. Lúc ấy, chủ vật liền giơ nắm tay đánh: ‘Từ nay về sau chớ có xâm lấn nữa!’ Bấy giờ, mọi người dân nghe chúng sanh trộm lẫn nhau, bèn tụ tập và cùng bàn bạc: ‘Thế gian có phi pháp này, chúng trộm lẫn nhau. Nay phải lập người giữ ruộng để giữ gìn ruộng. Có chúng sanh kia thông minh tài giỏi nên lập làm chủ ruộng.’ Rồi họ bầu chọn chủ ruộng mà nói rằng: ‘Các vị nên biết, thế gian có sự trộm cắp phi pháp này. Nay ông hãy giữ ruộng, chúng tôi sẽ trả công cho. Những người dân nào đến lấy trộm lúa thóc người khác, hãy trị tội họ.’ Bấy giờ chủ ruộng được lập.

“Tỳ-kheo, nên biết, người giữ ruộng kia bấy giờ [737c] được gọi là dòng sát-lợi, đều là pháp xưa chẳng phải pháp bây giờ.”

Rồi Thế Tôn liền nói kệ này:

*Dòng sát-lợi bắt đầu,
Đứng đầu trong các họ.
Người thông minh tài giỏi,*

Được trời người kính đãi.

“Bấy giờ, có người kia xâm phạm vật người khác, nó liền bị sát-lợi bắt trị phạt. Nhưng người ấy lại không sửa đổi lỗi mà vẫn tái phạm. Chúa sát-lợi ra lệnh làm đao trượng, bắt người kia mà bêu đầu. Bấy giờ thế gian bắt đầu có sự sát sanh này. Khi ấy, mọi người dân nghe giáo lệnh này: ‘Nếu có ai trộm cướp lúa thóc người khác, Chua sát-lợi sẽ bắt giết.’ Tất cả sợ hãi, lông tóc đều dựng đứng.

“Có người dựng am cỏ, ở trong ấy toạ thiền, tu phạm hạnh, nhất quyết xả bỏ gia nghiệp, vợ con thế thiếp. Độc cư nhàn tịnh quyết chí tu phạm hạnh. Nhân từ đó về sau có dòng họ bà-la-môn. Bấy giờ liền có hai dòng họ xuất hiện ở đời.

“Tỳ-kheo, nên biết, thời bấy giờ do trộm cắp nên có sát sanh; do sát nên có đao trượng.

“Bấy giờ, chúa sát-lợi bố cáo nhân dân: ‘Người nào đẹp đẽ, tài cao, sẽ được giáo thống lĩnh nhân dân này.’ Lại bố cáo: ‘Nếu người dân nào trộm cắp sẽ bị trừng trị.’ Sau đó liền có dòng họ tỳ-xá này xuất hiện ở đời.

“Bấy giờ, có nhiều chúng sanh nghĩ như vậy: ‘Nay mọi người sát hại nhau, đều là do nghề nghiệp mà ra. Nay ta phải lui tới khắp nơi để mưu tự nuôi sống.’ Khi ấy liền có dòng họ Thủ-đà-la xuất hiện ở đời.”

Rồi Thế Tôn liền nói kệ này:

Đầu tiên dòng sát-lợi;

Kế đến bà-la-môn;

Thứ ba là tỳ-xá;

Tiếp nữa dòng thủ-đà.

Có bốn dòng dôi này,

Dần dần sanh lẫn nhau,

Đều từ thân trời đến,

Và cùng một sắc da.

“Tỳ-kheo, nên biết, khi có tâm sát sanh, trộm cắp này, nên không còn có lúa thóc tự nhiên này nữa. Bây giờ, có năm loại hạt giống, một là hạt từ rễ, hai là hạt từ thân, ba [738a] là hạt từ cành, bốn là hạt từ hoa, năm là hạt từ quả và sinh những loại hạt giống khác. Đó gọi là năm loại giống, đều do gió thổi từ các quốc độ nơi khác đến, được dùng để trồng, lấy đó để tự nuôi sống.

“Như vậy, Tỳ-kheo, thế gian có điềm báo này liền có sanh, già, bệnh, chết, cho đến khiến cho ngày nay có thân năm thủ uẩn này, không dứt được biên tế khổ.

“Đó gọi là sự biến đổi lúc kiếp thành bại của thế giới mà Ta nói cho các người. Những điều mà chư Phật Thế Tôn cần làm, nay Ta đã nói hết cho các người. Hãy vui sống nơi chỗ nhàn tĩnh, nên nhớ nghĩ ngôi thiên, chớ sinh giải đãi. Nay không tinh thành, sau hối hận vô ích. Đây là những lời dạy dỗ của Ta.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2¹⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở tại Ca-lan-đà trong vườn Trúc, tại thành La-duyet, cùng chúng đại Tỳ-kheo năm trăm vị.

Bây giờ, vua nước Ma-kiệt-đà là A-xà-thế ở giữa quần thần nói rằng:

“Nước Bạt-kỳ rất thịnh vượng, dân chúng đông đúc. Ta sẽ chinh phạt để thu phục nước ấy.”

Rồi vua A-xà-thế bảo bà-la-môn Bà-lợi-ca¹⁹ rằng:

“Ông hãy đến chỗ Thế Tôn, xưng tên họ ta mà hỏi thăm Thế Tôn, đánh lễ, thưa sự rồi thưa: ‘Vua A-xà-thế bạch Thế Tôn,

¹⁸ Pāli, A.VII. 20 Vassakāra (R. iv. 16), *Trường 3* kinh 2; *Trung 35* kinh 142.

¹⁹ Bà-lợi-ca 婆利迦. Pāli: Vassakāra.

vua có ý muốn chinh phạt nước Bạt-kỳ, không biết có được không?’ Nếu Như Lai có dạy gì, ông hãy nhớ kỹ rồi về nói lại cho ta. Vì sao vậy? Như Lai không có nói hai lời.”

Bà-la-môn vâng lệnh vua, đến chỗ Thế Tôn, thăm hỏi rồi ngồi qua một bên. Bà-la-môn bạch Phật rằng:

“Vua A-xà-thế kính lạy Thế Tôn, thưa sự, hỏi thăm.”

Rồi lại bạch:

“Ý muốn vua muốn công phạt nước Bạt-kỳ, trước hết đến hỏi Phật, không biết có được không?”

Bấy giờ, Bà-la-môn kia lấy y che kín đầu, chân mang giày ngựa voi, hông đeo kiếm bén, không nên vì ông nói pháp.

Khi ấy, Thế Tôn bảo A-nan:

“Nếu nhân dân nước Bạt-kỳ tu bảy pháp, quyết không bị giặc cướp bên ngoài tiêu diệt. Những gì là bảy? Nếu nhân dân nước Bạt-kỳ tập hợp lại một chỗ không phân tán, sẽ không bị nước khác phá hoại. Đó gọi là pháp thứ nhất không bị giặc cướp bên ngoài phá hoại.

“Lại nữa, A-nan, nếu người nước Bạt-kỳ trên dưới hoà [738b] thuận, nhân dân nước Bạt-kỳ sẽ không bị người ngoài cầm giữ. Đây A-nan, đó gọi là pháp thứ hai không bị giặc cướp bên ngoài phá hoại.

“Lại nữa, A-nan, nếu người nước Bạt-kỳ không tà dâm, đả sát người nữ khác, đó gọi là pháp thứ ba không bị giặc ngoại xâm phá hoại.

“Lại nữa, A-nan, nếu người nước Bạt-kỳ không đem việc nơi này truyền đến nơi kia, cũng lại không đem việc nơi kia truyền đến nơi này, đó gọi là pháp thứ tư không bị giặc cướp bên ngoài phá hoại.

“Lại nữa, A-nan, nếu người nước Bạt-kỳ cúng dường sa-môn, Bà-la-môn, thừa sự, kính lễ đồng phạm hạnh, đó gọi là pháp thứ năm không bị giặc cướp bên ngoài phá hoại.

“Lại nữa, A-nan, nếu người nước Bạt-kỳ không tham đắm của báu người khác, đó gọi là pháp thứ sáu không bị giặc cướp bên ngoài phá hoại.

“Lại nữa, A-nan, nếu người nước Bạt-kỳ đều cùng một lòng, hướng²⁰ đến miếu thần, mà chuyên tinh ý mình, sẽ không bị giặc cướp bên ngoài phá hoại. Đó gọi là pháp thứ bảy không bị giặc ngoại xâm phá hoại.

“A-nan, đó gọi là người Bạt-kỳ tu bảy pháp này, quyết không bị giặc cướp bên ngoài phá hoại.”

Khi ấy, bà-la-môn bạch Phật:

“Giả sử người nước Bạt-kỳ thành tựu chỉ một pháp thôi, còn không thể hoại, huống chi đến bảy pháp thì làm sao hoại nổi? Đầy đủ thay, Bạch Thế Tôn. Nhưng việc nước đa đoan, con muốn trở về.”

Bà-la-môn liền từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

Sau khi bà-la-môn đi được một lát, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói bảy pháp không thối chuyển, các người hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ!”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thưa vâng, Thế Tôn!”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

“Sao gọi là bảy pháp không thối chuyển? Tỳ-kheo, nên biết, nếu Tỳ-kheo cùng tập hợp lại một chỗ, đều cùng hoà thuận, trên dưới chăm sóc nhau, tiến dần lên trên, tu các pháp lành không thối chuyển, không để cho Ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ nhất.

²⁰ Bản Hán: bất hướng 不向. Nghi chép dư chữ bất. Tham chiếu, *Trung 35*, ibid.

“Lại nữa, chúng Tăng hoà hợp, thuận theo giáo pháp, tiến dần lên trên không thối chuyển, không để Ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ hai.

“Lại nữa, Tỳ-kheo không bận rộn công việc, không huân tập nghiệp đời, tiến dần lên trên, không để cho Ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ ba.

“Lại nữa, Tỳ-kheo không tụng đọc sách tạp, trọn [738c] ngày sách tấn tinh ý tiến dần lên trên, không để cho Ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ tư.

“Lại nữa, Tỳ-kheo siêng tu pháp, trừ khử ngũ nhiễm, thường tự cảnh tỉnh, tiến dần lên trên, không để cho Ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ năm.

“Lại nữa, Tỳ-kheo không học toán thuật, cũng không khuyến khích người khác học, thích chỗ yên tĩnh, tu tập pháp, tiến dần lên trên, không để cho Ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ sáu.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khởi tưởng tất cả thế gian không đáng ưa thích, tập hạnh thiền, kham nhẫn pháp giáo, tiến dần lên trên, không để cho Ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ bảy.

“Tỳ-kheo thành tựu bảy pháp này, hoà thuận với nhau, Ma không thể tùy tiện.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ này:

*Trừ bỏ mọi nghiệp đời,
Không tư duy loạn tưởng.
Nếu không hành như vậy,
Không thể được tam-muội.*

*Người hay ưa thích pháp;
Phân biệt nghĩa pháp ấy;
Tỳ-kheo ưa hạnh này,
Sẽ dẫn đến tam-muội.*

“Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu bảy pháp này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo :

“Nay, Ta sẽ nói về bảy sử,²¹ các người hãy ghi nhớ kỹ.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, Thế Tôn!”

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy.

Thế Tôn nói:

“Những gì là bảy? Một là sử tham dục, hai là sử sân hận, ba là sử kiêu mạn, bốn là sử ngu si, năm là sử nghi, sáu là sử tà kiến, bảy là sử tham đắm thế gian.²² Tỳ-kheo, đó gọi là có bảy sử này khiến chúng sanh, mãi mãi ở nơi tối tăm, thân bị trói buộc, trôi lăn mãi ở thế gian không có lúc dừng, cũng không thể biết cội nguồn của sanh tử. Giống như hai con trâu một đen, một trắng cùng chung một cái ách, cùng lôi kéo nhau không thể xa rời nhau. Chúng sanh này cũng như vậy, [739a] bị tham dục sử, vô minh sử này trói buộc không thể lìa nhau, năm sử còn lại cũng đuổi theo. Năm sử đuổi theo thì bảy sử cũng vậy. Nếu kẻ

²¹ Thất sử 七使; tức 7 tùy miên. Cf. Pāli, A. iv. 9: *sattannaṃ, anusayānaṃ*, có 7 tùy miên.

²² Pāli: *kāmarāga*, dục tham; *paṭigha*, sân; *ditṭha*, kiến; *vicikiccha*, nghi; *māna*, mạn; *bhavarāga*, hữu tham; *avijja*, vô minh.

phàm phu bị bảy sử này trôi buộctrôi lăn mãi trong sanh tử không được giải thoát, không thể biết nguồn gốc khổ.

“Tỳ-kheo, nên biết, do bảy sử này mà có ba đường dữ địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Do bảy sử này nên không thể vượt qua được cảnh giới tệ ma. Nhưng pháp bảy sử này lại có bảy phương thuốc. Những là bảy? Sử tham dục, dùng niệm giác chi để trị. Sử sân hận, dùng trạch pháp giác chi để trị. Sử tà kiến, dùng tinh tấn giác chi để trị. Sử tham đắm thế gian, dùng hỷ giác chi để trị. Sử kiêu mạn dùng khinh an* giác chi để trị. Sử nghi, dùng định giác chi để trị. Sử vô minh, dùng xả* giác chi để trị. Tỳ-kheo, đó gọi là dùng bảy giác chi để trị bảy sử ấy.

“Tỳ-kheo, nên biết, xưa khi Ta chưa thành Phật, còn đang thực hành Bồ-tát hạnh, ngồi dưới bóng cây, suy nghĩ như vậy: ‘Chúng sanh Dục giới bị những gì trôi buộctrôi?’ Lại nghĩ: ‘Chúng sanh này bị bảy sử cuốn trôi trong sanh tử, mãi không được giải thoát. Nay Ta cũng bị bảy sử này trôi, không giải thoát được.’ Rồi Ta lại nghĩ: ‘Lấy gì để trị bảy sử này?’ Ta lại suy nghĩ: ‘Bảy sử này nên dùng bảy giác chi để trị. Ta hãy tư duy về bảy giác chi.’ Khi tư duy bảy giác chi, tâm dứt sạch hữu lậu, liền được giải thoát. Sau jhi thành Đạo Vô thượng chánh chơn, trong bảy ngày ngồi kiết già, Ta tư duy thêm nữa bảy giác chi này. Cho nên, các Tỳ-kheo, muốn dứt trừ bảy sử thì phải tu tập pháp bảy giác chi.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo :

“Có bảy hạng người đáng thờ, đáng kính, là phước điền vô thượng thế gian. Những ai là bảy hạng người? Một là hành từ, hai là hành bi, ba là hành hỷ, bốn là hành xả*, năm là hành không, sáu là hành vô tướng, bảy là hành vô nguyện. Đó gọi là bảy hạng người đáng thờ, đáng kính, là [739b] phước điền vô thượng thế gian. Vì sao vậy? Vì có chúng sanh nào hành bảy pháp này thì ở trong hiện pháp được quả báo.”

Khi ấy, A-nan bạch Thế Tôn :

“Vì sao không nói Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, Phật mà lại nói bảy pháp này?”

Thế Tôn nói:

“Bảy hạng người, hành từ, v.v, hành của họ cùng với Tu-đà-hoàn cho đến Phật không giống nhau. Tuy cúng dường Tu-đà-hoàn cho đến Phật cũng không được báo hiện tiền; nhưng cúng dường bảy hạng người này, ở hiện đời được báo. Cho nên, A-nan, cần phải nỗ lực dũng mãnh để thành tựu bảy pháp này. A-nan, hãy học điều này như vậy.”

A-nan sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành .

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở tại ao Di hâu, Tỳ-xá-ly, cùng chúng đại Tỳ-kheo gồm năm trăm vị .

Bấy giờ, đến giờ khát thực, Thế Tôn đắp y mang bát cùng A-nan vào Tỳ-xá-ly khát thực. Lúc ấy, trong thành Tỳ-xá-ly có trưởng giả tên Tỳ-la-tiên nhiều của lắm báu không thể đếm xuê, nhưng lại tham lam keo kiệt, không có tâm huệ thí, chỉ hưởng phước cũ, không tạo thêm phước mới. Lúc ấy, trưởng giả kia dẫn các thể nữ ở hậu cung ca múa vui đùa với nhau.

Bấy giờ, Thế Tôn đi đến con đường ấy, biết mà vẫn hỏi A-nan:

“Tiếng đờn ca đang nghe phát ra từ nhà nào vậy?”

A-nan bạch Phật:

“Đó là từ nhà của trưởng giả Tỳ-la-tiên.”

Phật bảo A-nan:

“Sau bảy ngày nữa, trưởng giả này sẽ qua đời, sanh vào địa ngục Thế khốc.²³ Vì sao vậy? Đó là pháp thường. Nếu người nào đoạn hết căn lành, khi mạng chung đều sanh vào địa ngục Thế khốc. Nay trưởng giả này đã hết phước cũ lại không tạo phước mới.”

A-nan bạch Phật:

“Có nhân duyên gì khiến trưởng giả này sau bảy ngày không qua đời không?”

Phật bảo A-nan:

“Không có nhân duyên nào để không qua đời. Những hành vi đã tạo kiếp trước hôm nay đã hết. Điều này không thể tránh khỏi.”

A-nan bạch Phật:

“Có phương cách nào giúp trưởng giả này không sanh vào địa ngục Thế khốc không?”

Phật bảo A-nan:

“Có cách này có thể giúp trưởng giả không vào địa ngục.”

A-nan bạch Phật:

“Nhân duyên nào để trưởng giả không vào địa ngục?”

Phật bảo A-nan:

“Nếu trưởng giả này, cạo bỏ râu tóc, mặt ba pháp y, xuất gia học đạo, thì tránh khỏi [739c] tội này được.”

A-nan bạch Phật:

“Nay con có thể khiến cho trưởng giả này xuất gia học đạo!”

²³ Thế khốc 涕哭; TNM: Đê khốc. Có lẽ tên khác của địa ngục Khiếu hoán 叫喚. Cf. *Trường 19*.

Rồi thì, A-nan từ giả Thế Tôn, đi đến nhà trưởng giả này, đứng ở ngoài cửa. Khi ấy, trưởng giả từ xa trông thấy A-nan đến, liền ra nghênh đón và mời ngồi. A-nan bảo trưởng giả:

“Hiện tôi ở gần bậc Nhất thiết trí, nghe Như Lai báo trước về thân ông, sau bảy ngày nữa thân hoại mạng chung sẽ sinh vào địa ngục Thế khốc.”

Trưởng giả nghe rồi, trong lòng sợ hãi, lông tóc dựng đứng, thưa với A-nan: “Có cách nào giúp trong bảy ngày không qua đời không?”

A-nan đáp:

“Không có cách nào giúp trong bảy ngày thoát khỏi mạng chung.”

Trưởng giả lại bạch:

“Có cách nào giúp con mạng chung không sanh vào địa ngục Thế khốc không?”

A-nan đáp:

“Thế Tôn có dạy như vậy: ‘Nếu trưởng giả cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo, thì không vào trong địa ngục.’ Nay trưởng giả có thể xuất gia học đạo để đến bờ kia.”

Trưởng giả bạch:

“Ngài A-nan, hãy đi trước, tôi sẽ đến ngay.”

Sau đó, A-nan liền ra đi. Trưởng giả tự nghĩ: “Bảy ngày hãy còn xa. Nay ta có thể tự vui thích ngũ dục, sau đó sẽ xuất gia học đạo.”

Hôm sau, A-nan lại đến nhà trưởng giả, nói với trưởng giả:

“Một ngày đã qua, chỉ còn lại sáu ngày, đúng lúc xuất gia!”

Trưởng giả bạch:

“Ngài A-nan, hãy đi trước đi, tôi sẽ theo ngay.”

Nhưng trưởng giả kia vẫn cố không đi. Qua hai ngày, ba ngày cho đến sáu ngày, lúc này A-nan đến nhà trưởng giả bảo trưởng giả:

“Đúng lúc hãy xuất gia, kéo sau hối hận không kịp. Nếu không xuất gia, hôm nay mạng chung sẽ sanh vào trong địa ngục Thế Khốc.”

Trưởng giả bạch A-nan: “Tôn giả hãy đi trước, tôi sẽ theo sau ngay.”

A-nan bảo:

“Trưởng giả, hôm nay ông dùng thân túc gì để đến nơi ấy, mà bảo tôi đi trước? Nay cả hai phải đi cùng lúc.”

Lúc ấy, A-nan dẫn trưởng giả này đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi bạch Phật:

“Trưởng giả này, nay muốn xuất gia học đạo, cúi xin Như Lai cho phép cạo bỏ râu tóc, khiến được học đạo.”

Phật bảo A-nan:

“Nay người hãy đích thân độ cho trưởng giả này.”

Lúc ấy, A-nan vâng lời Phật dạy, liền [740a] cạo bỏ râu tóc cho trưởng giả, dạy cho đắp ba pháp y, cho học chánh pháp. Bấy giờ, A-nan dạy Tỳ-kheo kia rằng:

“Ông hãy nhớ nghĩ tu hành, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng Tỳ-kheo, niệm giới, niệm thí, niệm thiên, niệm tịch tĩnh, niệm an-ban, niệm thân, niệm sự chết. Hãy tu hành pháp như vậy. Đó gọi là Tỳ-kheo. Hành mười niệm này thì lập tức được quả báo lớn, được pháp vị cam lồ.”

Sau khi tu tập pháp như vậy rồi, ngay trong ngày hôm đó, ông ấy mạng chung sanh lên Tứ thiên vương.

Bấy giờ, A-nan liền hoá thiêu thân kia, rồi trở về chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên. Bấy giờ, A-nan bạch Thế Tôn:

“Vừa rồi Tỳ-kheo Tỳ-la-tiên đã qua đời. Ông sanh về nơi nào?”

Thế Tôn bảo:

“Tỳ-kheo này chết sanh lên Tứ thiên vương.”

A-nan bạch Phật:

“Ồ đó mạng chung sẽ sanh nơi nào?”

Thế Tôn bảo:

“Ồ đó mạng chung sẽ sanh lên trời Tam thập tam, rồi lần lượt sanh lên trời Diệm thiên, trời Đâu-suất, trời Hoá tự tại, trời Tha hoá tự tại. Từ đó mạng chung, sanh trở lại cho đến trời Tứ thiên vương. Nay A-nan, đó gọi là Tỳ-kheo Tỳ-la-tiên bảy phen chuyển vòng trong trời người, cuối cùng được làm thân người, xuất gia học đạo, sẽ dứt sạch gốc khổ. Vì sao vậy? Vì vị ấy có lòng tin ở Như Lai.

“A-nan nên biết, cõi Diêm-phù-đề này, nam bắc hai vạn một nghìn do tuần, đông tây bảy nghìn do tuần. Nếu có người cúng dường tất cả người cõi Diêm-phù-đề, phước đó có nhiều không?”

A-nan bạch Phật:

“Thật nhiều, thật nhiều, bạch Thế Tôn.”

Phật bảo A-nan:

“Nếu chúng sanh nào chỉ trong khoảnh khắc, tín tâm không dứt đoạn, tu tập mười niệm, phước kia không thể lường, không có thể đo lường được. Như vậy, A-nan hãy tìm cầu phương tiện tu tập mười niệm.

“A-nan, hãy học điều này như vậy.”

A-nan sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6²⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

²⁴ Pāli, M.2. Sabbāsava (R. i. 6). Hán, *Trung 2*, kinh 10.

“Ta sẽ nói pháp cực diệu, khoáng đầu, giữa, cuối đều thiện xảo, nghĩa lý sâu xa, đầy đủ tu phạm hạnh. Kinh này gọi là ‘pháp thanh tịnh các lậu,’ các người hãy nhớ nghĩ kỹ.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, Thế Tôn!”

Các Tỳ-kheo vâng theo Phật dạy.

Thế Tôn bảo:

[740b] “Sao gọi là pháp sạch các lậu? Hoặc có hữu lậu được đoạn trừ bởi thấy, hoặc có hữu lậu được đoạn trừ bởi thân cận, hoặc có hữu lậu được đoạn trừ bởi viễn ly, hoặc có hữu lậu được đoạn trừ bởi ngu lạc, hoặc có hữu lậu được đoạn trừ bởi oai nghi, hoặc có hữu lậu được đoạn trừ bởi tư duy.²⁵

“Sao gọi là hữu lậu được đoạn trừ bởi thấy? Ở đây, kẻ phàm phu không gặp Thánh nhân, không thuận theo pháp Như Lai, không thể thủ hộ pháp Hiền Thánh, không thân cận thiện tri thức, không từng sự với thiện tri thức; pháp đã được nghe cần tư duy mà không phân biệt; pháp không nên tư duy mà tư duy, khiến cho dục lậu chưa sinh liền sinh, dục lậu đã sinh liền tăng nhiều; hữu lậu chưa sinh liền sinh, hữu lậu đã sinh liền tăng nhiều; vô minh lậu chưa sanh liền sinh, vô minh lậu đã sinh liền tăng nhiều. Đó là pháp không nên tư duy mà tư duy.

²⁵ Bảy loại trong *Trung* kinh 10 và Pāli. Bản Hán này chỉ có sáu: 1. Kiến đoạn 見斷; *Trung* kinh 10, kiến đoạn; Pāli: *dassanā pahātabbā*. 2. Thân cận đoạn 親近斷; *Trung* kinh 10: dụng đoạn; Pāli: *paṭisevanā pahātabbā*. Tư duy đoạn 思惟斷. 3. Viễn ly đoạn 遠離斷. Pāli: *parivajjanā pahātabbā*. 4. Ngu lạc đoạn 娛樂斷. Tư duy đoạn 思惟斷, Pāli: *bhāvanā pahātabbā*. Còn lại, không đồng nhất được: Pāli: *saṃvarā pahātabbā* (phòng hộ đoạn), *adhivāsanā pahātabbā* (kham nhẫn đoạn), *vinodanā pahātabbā* (trừ diệt đoạn).

“Sao gọi là pháp nên tư duy, nhưng không tư duy²⁶? Pháp nên tư duy là do pháp đó mà dục lậu chưa sanh khiến không sinh, dục lậu đã sinh thì liền diệt; hữu lậu chưa sanh khiến không sinh, hữu lậu đã sinh thì liền diệt; vô minh lậu chưa sanh khiến không sanh, vô minh lậu đã sanh thì liền diệt. Đây gọi là pháp nên tư duy mà không tư duy. Điều không nên tư duy mà tư duy, điều nên tư duy lại không tư duy, khiến dục lậu chưa sinh liền sinh, dục lậu đã sinh liền tăng nhiều, hữu lậu chưa sinh liền sinh, hữu lậu đã sinh liền tăng nhiều, vô minh lậu chưa sinh liền sinh, vô minh lậu đã sinh liền tăng nhiều. Người kia khởi lên tư duy như vậy: ‘Có quá khứ lâu xa hay không? Ta có thể đã hiện hữu trong quá khứ lâu xa ấy.’ Hoặc lại tư duy: ‘Không có quá khứ lâu xa. Ta hiện hữu trong quá khứ lâu xa hay không? Ai hiện hữu trong quá khứ lâu xa? Có tương lai lâu xa hay không? Ta sẽ hiện hữu trong tương lai lâu xa.’ Hoặc lại nói: ‘Không tương lai lâu xa. Ta sẽ hiện hữu trong tương lai lâu xa hay không? Ai hiện hữu trong tương lai lâu xa? Vì sao có chúng sanh lâu xa này? Chúng sanh lâu xa này từ đâu mà đến? Từ đây mạng chung sẽ sinh về đâu?’ Người kia khởi lên những ý nghĩ chẳng lành này liền khởi lên sáu kiến, lần lượt sinh tướng tà: Thấy rằng có ngã, có kiến này hay không? Thấy rằng không có ngã, có phát sanh kiến này hay không? Thấy rằng vừa có ngã, vừa không ngã, ở trong đó có phát sanh kiến này hay không? Lại do quán sát tự thân khởi lại kiến này: ở nơi chính ta mà không thấy có ta. Lại khởi lên kiến này: ở nơi không có ta mà không thấy không có ta, ở trong đó khởi kiến này. Bây giờ, người kia lại sinh tà kiến này: Ngã đời này cũng là ngã đời sau, tồn tại mãi ở đời không bị tan rã, cũng không biến dịch, lại không đời đời.²⁷ Đó gọi là tụ tà kiến. Tà kiến, tai hoạ, sâu bi,

²⁶ Pāli: *dhammā manasikaraṇīyā ye dhamme na manasi karoti*, pháp cần được tác ý mà không tác ý.

²⁷ Tham chiếu Pāli, sáu kiến chấp về ngã: 1. *atthi me attā*, có tự ngã của tôi; 2. *natthi me attā*, không có tự ngã của tôi; 3. *attanāva attānaṃ sañjānāmi*,

khổ não, đều từ đây sinh, không thể chữa trị, cũng lại không thể loại bỏ, làm tăng gốc khổ. Do đó không phải là hành của sa-môn, đạo Niết-bàn.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, đệ tử Hiền Thánh tu hành pháp kia không mất thứ lớp, khéo biết thủ hộ, từng sự theo thiện tri thức. Vị ấy có thể phân biệt, biết rõ pháp nên tư duy cũng, và cũng biết rõ pháp nào nên tư duy. Vị ấy không tư duy pháp không nên tư duy; tư duy pháp nên tư duy.

“Pháp gì không nên tư duy mà vị ấy không tư duy? Ở đây, các pháp khiến dục lậu chưa sinh bèn sinh, dục lậu đã sinh bèn tăng nhiều; hữu lậu chưa sinh bèn sinh, hữu lậu đã sinh bèn tăng nhiều; vô minh lậu chưa sinh bèn sinh, vô minh lậu đã sinh bèn tăng nhiều. Đây gọi là pháp không nên tư duy.

“Pháp gì nên tư duy mà vị ấy tư duy? Ở đây, các pháp khiến dục lậu chưa sinh khiến không sinh, dục lậu đã sinh liền diệt, hữu lậu chưa sinh khiến không sanh, hữu lậu đã sinh liền diệt, vô minh lậu chưa sinh khiến không sinh, vô minh lậu đã sinh liền diệt. Đây gọi là pháp nên tư duy. Vị ấy cũng không tư duy điều không nên tư duy vị, và tư duy điều nên tư duy. Vị ấy tư duy như vậy, liền diệt ba pháp. Những gì là ba? Thân tà, giới đạo, và nghi.²⁸ Nếu không thấy không biết thì tăng thanh hữu lậu, nếu thấy nghe nghĩ biết thì không tăng hạnh hữu lậu; đã

do chính tôi, tôi nhận biết có tự ngã; 4. *attanāva anattānaṃ sañjānāmi*, do chính tôi, tôi nhận biết không có tự ngã; 5. *anattanāva attānaṃ sañjānāmi*, không do chính tôi, tôi nhận biết có tự ngã; 6. *yo me ayaṃ attā vādo vedeyyo tatra tatra kalyāṇapāpakānaṃ kammānaṃ vipākāṃ paṭisaṃvedeti so kho pana me ayaṃ attā nicco dhuvo sassato avipariṇāmadhammo sassatisamaṃ tatheva ṭhassatī*, tự ngã này của tôi nói, nơi này nơi kia nó cảm thọ báo dị thực của nghiệp thiện ác, cho nên tự ngã này thường tồn, vĩnh cửu, không biến đổi, mãi mãi tồn tại như vậy.

²⁸ Ba kết (Pāli: *tīṇi saṃyojanāni*): Thân tà 身耶, tức (hữu) thân kiến (Pāli: *sakkāyadiṭṭhi*); giới đạo 戒盜, tức giới cấm thủ (Pāli: *silabbataparāmāso*); nghi 疑 (Pāli: *vicikicchā*).

biết, đã thấy thì hữu lậu liền không sinh. Đây gọi là lậu do thấy đoạn được.²⁹

“Sao gọi là lậu được đoạn bằng kham nhẫn³⁰? Ở đây, Tỳ-kheo chịu đựng đói lạnh, cần khổ, gió mưa, ruồi muỗi, lời ác, mạ nhục, thân sinh thống khổ, rất là đau buồn, mạng sắp muốn đứt, mà có thể nhẫn chịu. Nếu không như vậy, liền sinh khổ não. Nếu có thể kham chịu, thì không sinh như vậy. Đây gọi là lậu [741a] được đoạn bởi kham nhẫn*.

“Sao gọi là lậu được đoạn bằng thân cận?³¹ Ở đây, Tỳ-kheo nắm giữ tâm khi nhận y, không vì trang sức mà chỉ muốn giữ gìn thân thể, muốn trừ lạnh nóng, muốn cho gió mưa không chạm vào thân mình; lại che thân thể không để lộ ra ngoài. Lại nữa, nắm giữ tâm theo thời khát thực, không khởi tâm nhiễm đắm, chỉ cốt giữ gìn thân thể khiến cho bệnh cũ được lành, mới không sinh; gìn giữ các hành không cho xúc phạm, an ổn lâu dài mà tu tập phạm hạnh lâu bền ở đời. Lại nắm giữ tâm ý, khi thọ dụng giường ghế, cũng không ham trang trí tốt đẹp, chỉ mong trừ đói lạnh, gió mưa, ruồi muỗi, giữ gìn thân mình để thực hành đạo pháp. Lại nữa, giữ tâm khi thọ dụng thuốc trị bệnh, không sanh tâm nhiễm đắm nơi thuốc trị bệnh kia, chỉ mong cho bệnh tật được trừ khỏi, thân thể được an ổn. Nếu không thọ dụng như vậy thì tai hại của hữu lậu sẽ phát sinh. Nếu thọ dụng như vậy thì tai hại của hữu lậu không sinh. Đây gọi là hữu lậu được đoạn bởi thân cận.

²⁹ Các lậu này, chính yếu là ba kết, được đoạn trừ ở kiến đạo, tức khi thấy bốn Thánh đế. Hán dịch này thiếu mất đoạn nói về thấy bốn Thánh đế, mà trong *Trung* kinh 10 và bản Pāli có nói rõ.

³⁰ Nguyên Hán: cung kính sở đoạn 恭敬所斷; đây nên hiểu là kham nhẫn, theo nội dung được nói (Pāli: *adhivāsana*). Trong liệt kê, không đề cập mục này. Xem cht. 25 trên.

³¹ Thân cận đoạn sở 親近所斷. Pāli: *paṭisevanā pahātabbā* (lậu) được đoạn trừ do thọ dụng. Xem cht. 25 trên.

“Sao gọi là lậu hoặc được đoạn bởi viễn ly?³² Ở đây, Tỳ-kheo trừ bỏ tướng loạn³³ do bởi voi dữ, lạc đà, bò ngựa, hổ sói, chó, rắn, hàm sâu, bờ hiểm, gai góc, sườn cao, bùn lầy; thấy đều nên tránh xa chúng. Chớ từng sự với ác tri thức, cũng lại không gần gũi với người ác, hay tư duy thuần thực không lia khỏi đầu mỗi của tâm. Nếu không giữ gìn³⁴ thì sinh hữu lậu, nếu được giữ gìn thì không sinh hữu lậu. Đây gọi là hữu lậu được đoạn bởi viễn ly.

“Sao gọi là hữu lậu được đoạn bởi ngu lạc?³⁵ Ở đây, Tỳ-kheo sinh tưởng dục mà không xả ly; khởi tưởng sân nhuế cũng không xả ly; lại khởi tưởng tật đố cũng không xả ly. Nếu không xả ly thì sinh hữu lậu, nếu có thể xả ly liền có thể không khởi hữu lậu. Đây gọi là hữu lậu được đoạn bởi ngu lạc.

“Sao gọi là lậu được đoạn nhờ oai nghi?³⁶ Ở đây, Tỳ-kheo khi mắt thấy sắc không khởi tưởng sắc, cũng không khởi tâm nhiễm ô, giữ nhìn nhãn căn đầy đủ, không để khuyết lậu. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân biết mịn láng, ý biết pháp đều không khởi tâm nhiễm ô, cũng không khởi đắm mà giữ gìn ý căn. Nếu không giữ gìn oai nghi mình thì sinh hữu lậu, nếu giữ gìn oai nghi mình thì không có tai hoạn hữu lậu. Đây gọi là lậu được đoạn bởi oai nghi.

“Sao gọi là [741b] lậu được đoạn bởi tư duy? Ở đây, Tỳ-kheo tu niệm giác chi, y vô dục, y không nhiễm ô, y diệt tận mà cầu xuất yếu; tu trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi,

³² Viễn ly sở đoạn 遠離所斷. Pāli: *āsavā parivajjanā pahātabbā*, hữu lậu được đoạn trừ do bởi tránh xa.

³³ Nên hiểu là tránh né những ác thú khi Tỳ-kheo sống trong rừng.

³⁴ Nên hiểu, nếu không tránh xa.

³⁵ Nội dung tương đương với Pāli: đoạn trừ do trừ diệt (*vinodanā*). Từ Hán dịch *ngu lạc* không phù hợp với nội dung. Có lẽ Hán dịch đọc nhầm với từ nào đó.

³⁶ Nội dung tương đương Pāli: đoạn từ do phòng hộ (*samvāra*), tức thủ hộ các căn. Hán hiểu là oai nghi tức các cử chỉ.

khinh an* giác chi, định giác chi, xả* giác chi, y vô dục, y không nhiễm ô, y diệt tận mà cầu xuất yếu. Nếu không tu pháp này thì sinh tai họa hữu lậu. Nếu có thể tu pháp này thì không sinh tai họa hữu lậu. Đây gọi là lậu được đoạn bởi tư duy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, ở nơi Tỳ-kheo mà những gì là hữu lậu được đoạn trừ bởi kiến, liền được đoạn trừ bởi kiến; được đoạn trừ bởi kham nhẫn* liền được đoạn trừ bởi kham nhẫn* , được đoạn trừ bởi thân cận liền thân cận, được đoạn trừ bởi viễn ly liền được đoạn trừ bởi viễn ly, được đoạn trừ bởi oai nghi liền được đoạn trừ bởi oai nghi, được đoạn trừ bởi tư duy liền tư duy. Đó gọi là Tỳ-kheo đầy đủ tất cả oai nghi có thể đoạn ái kết, xả ái dục, vượt qua bốn bậc lưu, dần dần thoát khổ. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là pháp trừ hữu lậu.

“Nhưng gì mà Chư Phật Thế Tôn cần làm, vì từ niệm đối với tất cả chúng sanh, nay Ta cũng đã làm xong. Các người nên luôn luôn vui thích chỗ vắng, ở dưới bóng cây, chuyên cần tinh tấn, chớ có giải đãi. Hiện tại không nỗ lực, sau hối hận cũng vô ích. Đây là những lời dạy dỗ của Ta.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.³⁷

KINH SỐ 7³⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở bên bờ sông A-du-xà,³⁹ cùng chúng đại Tỳ-kheo gồm năm trăm vị.

Lúc ấy, Đại Quân-đầu⁴⁰ đang ở tại chỗ nhàn tịnh, tự nghĩ: “Có nghĩa này, mà thường tăng thêm công đức, hay không lý

³⁷ Bản Hán, hết quyển 34.

³⁸ Tham chiếu, Hán, *Trung 2*, kinh 7.

³⁹ A-dũ-xà giang thủy 阿踰闍江水. Có lẽ đồng nhất Pāli, Ayojjhā, tên một vương quốc bên bờ sông Hằng. Cf. *Tây vực ký 5* (tr. 896b04): A-dũ-dā 阿踰陀國 (Skt. Ayodhyā).

này?” Rồi Quân-đầu liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, và ngồi qua một bên. Bấy giờ Quân-đầu bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, vừa rồi, khi ở chỗ nhàn tĩnh, con tự nghĩ: ‘Có lý này hay không, là những gì được làm cho [741c] chúng Tăng được tăng thêm công đức?’ Nay con hỏi Thế Tôn, cúi xin dạy cho.”

Thế Tôn bảo:

“Có thể được tăng ích công đức.”

Quân-đầu bạch Phật:

“Thế nào là được tăng thêm công đức?”

Thế Tôn đáp:

“Có bảy sự kiện tăng ích, phước kia không thể kể được, cũng không ai có thể tính đếm được. Những gì là bảy? Ở đây, con trai thiện gia, hoặc con gái thiện gia, tạo dựng Tăng già-lam nơi chưa từng tạo dựng. Phước này không thể kể.

“Lại nữa, Quân-đầu, thiện nam, thiện nữ đem giường ghé cúng đường Tăng già-lam kia, cùng Tăng Tỳ-kheo, này Quân-đầu, đây là phước thứ hai không thể kể hết.

“Lại nữa, Quân-đầu, thiện nam, thiện nữ đem thức ăn cúng đường Tăng Tỳ-kheo kia; này Quân-đầu, đó là phước thứ ba không thể tính hết.

“Lại nữa, Quân-đầu, thiện nam, thiện nữ đem áo che mưa cúng đường Tăng Tỳ-kheo kia, này Quân-đầu, đó là công đức thứ tư, phước kia không thể lường.

“Lại nữa, Quân-đầu, con trai, con gái thiện gia đem thuốc cúng đường Tăng Tỳ-kheo kia, này Quân-đầu, đó là phước thứ năm không thể tính hết.

⁴⁰ Đại Quân-đầu 大均頭. Pāli: Mahā-Cunda.

“Lại nữa, Quân-đầu, thiện nam thiện nữ đào giếng tốt nơi hoang dã, này Quân-đầu, đó là công đức thứ sáu cũng không thể tính hết.

“Lại nữa, Quân-đầu, thiện nam, thiện nữ nào làm nhà dọc đường cho người qua lại có chỗ nghỉ đêm, này Quân-đầu, đó là công đức thứ bảy không thể tính xiết.

“Này Quân-đầu, đó gọi là pháp bảy công đức, phước kia không thể đo lường. Khi đi, hoặc ngồi, ngay đến khiến mạng chung, phước kia cũng theo sau như bóng theo hình, phước đức ấy không thể tính hết để có thể nói có bao nhiêu phước. Cũng như nước biển lớn, không thể dùng thăng đấu để đong được để nói có bao nhiêu nước. Bảy công đức này cũng vậy, phước ấy không hạn lượng. Cho nên, Quân-đầu, thiện nam, thiện nữ hãy tìm cầu phương tiện thành tựu bảy công đức này.

“Quân-đầu, hãy học điều này như vậy.”

Quân-đầu sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người hãy tu hành, niệm tưởng về sự chết, tư duy về tưởng chết.”

Khi ấy, có một Tỳ-kheo đang ngồi ở chỗ kia, bạch Thế Tôn:

[742a] “Con thường tu hành tư duy tưởng về sự chết.”

Thế Tôn bảo:

“Người tư duy tu hành tưởng về sự chết thế nào?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Con tư duy về tưởng chết rằng: ‘Ý sẽ còn sống bảy ngày nữa, nên tư duy bảy giác chi, để ở trong pháp Như Lai được nhiều

lợi ích, sau khi chết không hồi hận.’ Thế Tôn, con tư duy về tưởng chết như vậy.”

Thế Tôn bảo:

“Thôi, Thôi, Tỳ-kheo! Đây chẳng phải hành về tưởng chết. Đây gọi là pháp phóng dật.”

Lại có Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Con có thể tu hành về tưởng chết.”

Thế Tôn bảo:

“Ngươi tu hành tư duy về tưởng chết thế nào?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Con suy nghĩ: ‘Ý sẽ còn sống sáu ngày nữa, tư duy Chánh pháp Như Lai, rồi sau đó mạng chung. Như vậy mới có sự tăng ích.’ Con tư duy tưởng chết như vậy.”

Thế Tôn bảo:

“Thôi, thôi, Tỳ-kheo! Đó cũng là pháp phóng dật, chẳng phải tư duy về tưởng chết.”

Các Tỳ-kheo bạch Phật: Ý sẽ tồn tại năm ngày, hoặc nói bốn ngày, hoặc nói ba ngày, hai ngày, một ngày.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thôi, thôi, Tỳ-kheo! Đây cũng là pháp phóng dật chẳng phải tư duy về tưởng chết.”

Lúc ấy, lại có Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Con có thể kham nhận tu hành về tưởng chết.”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Đến giờ khát thực, con đắp y mang bát, vào thành Xá-vệ khát thực, rồi ra khỏi thành Xá-vệ, trở về nơi ở, vào trong tịnh thất, tư duy về bảy giác chi mà mạng chung. Đây là tư duy về tưởng chết.”

Thế Tôn bảo:

“Thôi, thôi, Tỳ-kheo! Những điều mà Tỳ-kheo các người mới đều là hành phóng dật, chẳng phải là tu hành pháp tướng chết.”

Lúc ấy, Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu ai có thể như Tỳ-kheo Bà-ca-lợi⁴¹, đó gọi là tư duy về tướng chết. Tỳ-kheo ấy có thể khéo tư duy về tướng chết, nhằm tởm thân này là bất tịnh ghê tởm. Tỳ-kheo tư duy về tướng chết, phải buộc ý trước mắt, tâm không di động, niệm số đếm hơi thở ra vào, đồng thời tư duy về bảy giác chi, như vậy ở trong pháp Như Lai mới được nhiều lợi ích. Vì sao vậy? Hết thảy các hành đều rỗng lặng, cái sanh và cái diệt đều như huyễn hoá, không có chơn thật. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy ở trong hơi thở ra vào tư duy về tướng chết để [743b] thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, buồn rầu, khổ não.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, vua Ba-tu-nặc ra lệnh quần thần:

“Hãy nhanh chóng chuẩn bị xe lông chim. Ta muốn đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ thăm hỏi.”

Sau đó, đại vương ra khỏi thành, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Như Lai đang thuyết pháp cho vô số chúng đang vây quanh. Lúc ấy, có bảy Ni-kiền

⁴¹ Bà-ca-lợi 婆伽利, tức trên kia, kinh 10 phẩm 46, phiên âm là Bà-ca-lê 婆迦梨. Pāli: Vakkali.

Từ, lại có bảy người lỏa hình, lại có bảy bà-la-môn Đen⁴², lại có bảy bà-la-môn lỏa hình, đi qua cách Thế Tôn không xa.

Lúc ấy, vua Ba-tu-nặc thấy những người này đi qua cách Thế Tôn không xa, liền bạch Phật:

“Xem những người này đi qua trông không dừng, đều là thiếu dục tri túc, không có gia nghiệp. Nay trong những vị A-la-hán ở thế gian này, những người này là tối thượng thủ. Vì sao vậy? Ở giữa mọi người, họ là những người rất là khổ hạnh, không tham lợi dưỡng.”

Thế Tôn nói:

“Đại vương hoàn toàn chưa biết chân A-la-hán. Không phải vì hình thể lỏa lồ mà gọi là A-la-hán. Đại vương, nên biết, đó đều chẳng phải là hành chân thật. Nên nhớ nghĩ quan sát sự biến đổi từ xa xưa đến nay, rồi lại nên quán ai đáng thân thì biết thân, ai đáng gần thì biết gần. Vì sao vậy? Thời quá khứ lâu xa có bảy bà-la-môn, cùng học một chỗ, tuổi đã suy sụp, lấy cỏ làm y phục, ăn rau quả, sinh các tà kiến. Họ đều nghĩ như vậy: ‘Chúng ta trì pháp khổ hạnh này để sau làm vua nước lớn. Hoặc cầu làm Thích, Phạm, Tứ thiên vương.’

Bấy giờ, có vị Thiên sư A-tu-đà⁴³ vốn là tổ phụ của các bà-la-môn ấy, biết những ý nghĩ trong tâm các bà-la-môn kia, liền biến mất khỏi Phạm thiên, hiện đến chỗ bảy bà-la-môn. Lúc ấy, Thiên sư A-tu-đà bỏ phục sức cõi trời, hiện hình bà-la-môn, kinh hành ở đất trống. Bảy bà-la-môn từ xa trong thấy A-tu-đà kinh hành, ai nấy đều nổi sân nhuế mà nói rằng: ‘Đây là người đấm dục nào mà đi trước những đồng phạm hạnh chúng ta? Nay phải chú thuật cho nó tiêu thành tro.’ Bảy bà-la-môn này liền lấy tay bụm nước rảy lên bà-la-môn này và chú rằng: ‘Giờ ngươi hãy mau biến thành tro bụi.’ Nhưng bà-la-môn càng tức

⁴² Hắc phạm chí 黑梵志?

⁴³ Cf. Pāli, M. 93 Assalāyana (R. ii. 155): Asita Devala. Hán, *Trung 37*, kinh 151 (tr. 665c05).

giận thì nhan sắc của Thiên sư A-tư-đà càng xinh đẹp. Vì sao vậy? Vì tâm từ hay [742c] diệt sân. Lúc ấy, bảy bà-la-môn tự nghĩ: ‘Cấm giới của ta đã bị suy giảm hay sao mà chúng ta càng nổi giận thì người ấy càng xinh đẹp thêm?’ Rồi bảy bà-la-môn liền nói với vị Thiên sư rằng:

*Là trời? Càn-thát-bà?
La sát? hay quỷ thần?
Thật sự người tên gì?
Chúng tôi đều muốn biết.*

“Thiên sư A-tư-đà liền nói kệ đáp rằng:

*Chẳng phải trời, Đạp-hòa,
La sát hay quỷ thần
Mà ta đây chính là
Thiên sư A-tư-đà*

“Tôi biết ý nghĩ của các ông nên từ cõi trời Phạm thiên bay xuống đây. Phạm thiên cách đây rất xa. Thiên đế Thích cũng vậy. Dùng khổ hạnh để làm Chuyển luân Thánh vương còn không được, huống gì là làm Đế Thích, Phạm thiên hay Tứ thiên vương.

“Lúc ấy, Thiên sư A-tư-đà liền nói kệ:

*Trong tâm đầy niệm tưởng,
Mà ngoại hình tối tàn.
Nhưng siêng tu chánh kiến
Mới xa lìa ác đạo.
Giữ tâm cho thanh tịnh,
Thân, miệng cũng như vậy;
Xa lìa các niệm ác;
Chắc chắn sẽ sanh thiên.*

“Lúc ấy, bảy bà-la-môn hỏi: ‘Ngài có thật là Thiên sư không?’ Thiên sư A-tư-đà đáp: ‘Đúng vậy. Nhưng không phải do lỗi hình mà được sanh thiên. Vì tất tu khổ hạnh ấy mà được sanh lên trời Phạm thiên. Cũng chẳng phải phơi bày thân thể hay làm ngàn ấy khổ hạnh mà được sanh nơi ấy. Nhưng nếu có thể

thu nhiếp tâm ý không cho lay động thì được sanh thiên. Không thể sanh nơi ấy bằng cách mà các ông đang làm.’

“Này Đại vương, quán sát ý nghĩa này, không phải do lõa hình mà gọi là A-la-hán. Kẻ phạm phu không thể phân biệt được ai là bậc Chân nhân, nhưng bậc Chân nhân thì có thể phân biệt do hành vi được làm nào là phạm phu. Lại nữa, kẻ phạm phu không thể biết hành của của phạm phu; duy chỉ bậc Chân nhân mới biết hành của phạm phu. Đại vương, nên biết, do phương tiện mà biết rằng điều đó đã có từ trước lâu xa rồi, chứ không phải mới ngày nay. Đại vương, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ, vua Ba-tu-nặc bạch Thế Tôn rằng:

“Nhưng điều Như Lai dạy rất là hay, người đời chẳng thể hiểu nổi. Nhưng việc nước quá [743a] nhiều, con xin cáo về.”

Phật bảo vua:

“Vua hãy biết thời”

Vua đứng dậy, đánh lễ sát đất rồi ra đi.

Bấy giờ, vua Ba-tu-nặc nghe Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10⁴⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở vườn Ny-câu-lâu thuộc nước Ca tỳ la vệ của dòng họ Thích, cùng chúng đại Tỷ-kheo gồm năm trăm vị .

Bấy giờ, sau khi ăn, Thế Tôn từ vườn Ni-câu-lâu đến trong xóm Tì-la-da-trí⁴⁵ và ngồi dưới một gốc cây. Lúc ấy, Chấp Trượng, người họ Thích,⁴⁶ ra khỏi thành Ca tỳ la việt, đến chỗ Thế Tôn, rồi đứng im lặng.

⁴⁴ Pāli, M. 18 Madhupiṇḍika (R. i. 108). Hán, *Trung 28*, kinh 115.

⁴⁵ Tỳ-da-la-trí tụ 毘羅耶致聚. Pāli: *beluvalaṭṭhikāya mūle*, (ngôi) dưới gốc cây *beluvaṭṭhika*, một loại trúc. *Trung* kinh 115: trong một ngôi chùa của họ Thích, trong rừng trúc 竹林釋迦寺中.

⁴⁶ Chấp Trượng Thích chúng 執杖釋種. Pāli: Daṇḍapāṇipi Sakko.

Sau đó, Cháp Trọng Thích hỏi Thế Tôn rằng: “Sa môn dạy dỗ điều gì? Bàn luận những gì?”

Thế Tôn bảo: “Bà-la-môn nên biết, điều mà Ta luận thì trời rộng, quỷ thần không thể theo kịp,⁴⁷ chẳng dính mắc thế gian, cũng chẳng trụ trong thế gian.⁴⁸ Điều mà Ta luận là như vậy.”

Khi ấy, Cháp Trọng Thích lắc đầu, thờ dài, rồi bỏ đi. Sau đó, Như Lai đứng dạy trở về tinh xá.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Vừa rồi, khi Ta đang ngồi trong vườn, có Cháp Trọng Thích đến gặp ta và hỏi ta rằng: ‘Sa môn luận những gì?’ Ta đáp: ‘Điều mà Ta luận chẳng phải là điều mà chư thiên và thế gian có thể theo kịp, cũng chẳng dính mắc thế gian, cũng chẳng trụ trong thế gian. Điều mà Ta luận là như vậy.’ Lúc ấy, Cháp Trọng Thích nghe xong liền bỏ đi.”

Lúc ấy, có một Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

“Thế nào là không dính mắc thế gian cũng không trụ ở thế gian?”

Thế Tôn bảo:

“Điều mà Ta luận hoàn toàn không dính mắc thế gian, cũng như nay được giải thoát khỏi tham dục, dứt trừ sự nghi ngờ của

⁴⁷ Hán: phi ... sở năng cập ... 所能及. Pāli: *yathāvadī... na kenaci loke viggayha tiṭṭhati, yathā ca pana kāmehi viṣaṃyuttaṃ viharantaṃ taṃ brāhmaṇaṃ akathaṃkathim chinnakukkuccaṃ bhavābhava vūtaṇhaṃ saññā nānuseṇti*, “điều mà Ta nói, không phải để tranh luận với bất cứ ai trong thế gian này; điều mà Ta nói là như bà-la-môn sống an trú mà không bị trôi buộc bởi các dục, không hoài nghi, đoạn trừ ác tác, không còn khát ái nơi hữu và phi hữu, không có các tướng tiềm phục.” Chỗ này Hán dịch thiếu một đoạn, nhưng được thấy trong tường thuật tiếp theo. Tham chiếu, *Trung kinh* 115 (tr. 0603b18).

⁴⁸ Dịch sát Hán. Có lẽ từ Phạn văn tương đương Pāli: *na kenaci loke viggayha tiṭṭhati* : “không tồn tại để tranh chấp (*viggayha*) với bất cứ ai trong thế gian”, nhưng bản Hán đọc là *na kenaci loke viggayha tiṭṭhati*, “không tồn tại để đắm chìm (*viggayha*) trong thế gian.”

dòng họ Thích,⁴⁹ không có các tướng.⁵⁰ Điều mà Ta luận là như vậy.”

Nói xong, Thế Tôn liền đi vào tịnh thất.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo nói với nhau: “Vừa rồi, Thế Tôn nói tóm lược ý nghĩa của luận ấy, mà ai có thể giảng rộng nghĩa này?”

Rồi các Tỳ-kheo nói với nhau: “Thế Tôn thường ca ngợi tôn giả Đại Ca-chiên-diên. Chỉ có Ca-chiên-diên có thể giảng rộng ý nghĩa này.”

Sau đó, các Tỳ-kheo nói với Ca-chiên-diên rằng:

“Vừa rồi Như Lai đã giảng tóm tắt ý nghĩa ấy. Cúi xin Tôn giả hãy giảng rộng thêm, phân biệt rõ ràng từng việc cho mọi người được hiểu.”

Ca-chiên-diên đáp:

“Ví dụ như có một người [743b] đi ra khỏi làng để tìm lõi cây. Vừa thấy cây to, người ấy liền đốn ngã lấy cành lá mang đi mà bỏ cây lại. Hôm nay các vị cũng như vậy. Các vị đã bỏ Như Lai mà đi tìm lõi cây nơi cành lá. Nhưng Như Lai nhìn thấy tất cả, không đâu không cùng khắp. Ngài soi sáng thế gian, là Đạo sư của Trời Người. Như Lai là chủ chân thật của pháp. Các vị phải tùy theo thời gian thích hợp, tự nhiên sẽ được Như Lai giải thích cho ý nghĩa này.”

Lúc ấy, các Tỳ-kheo đáp:

“Tuy Như Lai là chủ chân thật của pháp, sẽ diễn rộng nghĩa ấy. Nhưng Tôn giả đã được Thế Tôn ghi nhận, có khả năng nói rõ nghĩa ấy.”

Ca-chiên-diên nói:

“Vây các vị hãy lắng nghe và ghi nhớ kỹ, tôi sẽ giảng nói phân biệt nghĩa ấy.”

⁴⁹ “Của dòng họ Thích”, cụm từ này có thể được chép dư trong Bản Hán. Xem cht. 47 trên.

⁵⁰ Xem cht. 47 trên.

Các Tỳ-kheo đáp: “Thưa vâng.”

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

Ca-chiên-diên nói: “Luận mà hôm nay Như Lai nói đến, không phải là điều mà trời rồng, quỷ thần có thể theo kịp, không dính mắc, cũng không trụ thế gian, nhưng ta được giải thoát đối với chúng, dứt sạch nghi ngờ không còn do dự. Như chúng sanh ngày nay ưa thích tranh đấu, kiện tụng, khởi các loạn tướng. Lại nữa, Như Lai nói, Ta không sanh tâm đắm nhiễm trong đó; đó là kết sử tham dục, kết sử sân nhuế, tà kiến, ham muốn thế gian, kết sử kiêu mạn, kết sử nghi, kết sử vô minh, và do đó đưa đến đau khổ vì dao gậy, mà tranh đấu kiện tụng với người, phát sanh bao nhiêu hành vi bất thiện, phát sanh loạn tướng.

“Khi mắt thấy sắc mà sanh ra thức tướng, nhân ba sự ấy mà có xúc⁵¹. Do có xúc* nên có thọ*. Do có thọ* nên có giác tri. Do có giác tri nên có tưởng. Do có tưởng nên suy lường; từ đó mà có các niệm dính mắc nơi tướng.⁵² Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý biết pháp mà sanh ra thức tướng, nhân ba sự ấy mà có xúc. Do có xúc* nên có thọ*. Do có thọ* nên có giác tri. Do có giác tri nên có tưởng. Do có tưởng nên suy lường; từ đó mà có các niệm dính mắc nơi tướng. Đó là kết sử tham dục, kết sử sân nhuế, tà kiến, ham muốn thế gian, kết sử kiêu mạn, kết sử nghi ngờ, kết sử vô minh, gây ra tai biến đao gậy và bao nhiêu tai biến khác không thể tính hết.

“Nếu có ai nói không có mắt, không có sắc mà lại có xúc*, điều đó không đúng. Nếu có ai nói không có xúc* mà có [743c] thọ* thì cũng không đúng. Nếu nói không có thọ* mà có tưởng

⁵¹ Nguyên Hán: cánh lạc 更樂. Đây là định nghĩa về xúc. Định cú Pāli: *cakkuñca... paṭicca rūpe ca uppajjati cakkhuvīññāṇaṃ tinnāṃ sanati phasso*, duyên nơi mắt và sắc, thức con mắt khởi lên. Tổ hợp ba này (gồm mắt, sắc, và thức) là xúc.

⁵² Pāli: *yam vitakketi taṃ papañceti*, do tầm mà có hý luận.

thì cũng không đúng. Nếu có ai nói không có tai, không có tiếng; không có mũi, không có mùi; không có lưỡi, không có vị; không có thân, không có sự xúc chạm; không có ý, không có pháp, mà nói là có thức, thì cũng không có lý. Nếu có ai nói không có xúc* mà có thọ* thì cũng không đúng. Nếu nói không có thọ* mà có tướng thì cũng không đúng. Nếu có ai nói, có mắt, có sắc và ở trong đó phát sanh ra thức, điều đó hợp lý. Nếu nói có tai, tiếng; mũi, hương; lưỡi, vị; thân, sự tron láng; ý, pháp, và ở trong đó phát sanh ra thức, điều đó hợp lý. Các vị nên biết, do nhân duyên này nên Thế Tôn nói: ‘Điều mà Ta luận, không phải là điều mà trời, người, Ma, Thiên ma có thể theo kịp; không chấp trước thế gian, không trụ ở thế gian, nhưng Ta lại giải thoát khỏi tham dục, chấm dứt nghi ngờ, không còn do dự.’ Vì lý do này Thế Tôn nói nghĩa ấy. Nếu ai chưa thông suốt thì hãy đến gặp Thế Tôn hỏi lại nghĩa ấy. Như Lai có dạy điều gì, hãy ghi nhớ mà phụng hành.”

Nghe Ca-chiên-diên giảng xong, các Tỳ-kheo không nói là đúng, cũng không nói là sai, mà tức thời đứng dậy, nói với nhau: “Chúng ta hãy đem ý nghĩa này đến hỏi Thế Tôn. Thế Tôn có dạy điều gì, sẽ theo đó mà phụng hành.”

Rồi thì, số đông các Tỳ-kheo đến gặp Thế Tôn, đánh lễ sát đất, rồi ngồi qua một phía, đem việc lúc nãy bạch với Thế Tôn.

Bấy giờ, Như Lai nói với các Tỳ-kheo rằng:

“Tỳ-kheo Ca-chiên-diên thông minh, biện tài, đã giảng rộng nghĩa ấy. Nếu các ông đến hỏi Ta điều đó, thì Ta cũng giảng cho các ông như vậy mà thôi.”

Lúc ấy, A-nan đang đứng sau Như Lai. A-nan liền bạch Phật rằng:

“Ý nghĩa của kinh này rất sâu sắc. Giống như có người đi đường gặp cam lồ⁵³ liền lấy ăn. Thật hết sức thơm ngon, ăn

⁵³ Trung kinh 115: mật hoàn 蜜丸, cục mật ong. Pāli: *madhupiṇḍikam*.

không biết chán. Ở đây cũng như vậy, thiện nam, thiện nữ nghe kinh này sẽ không hề biết chán.”

A-nan lại hỏi:

“Kinh này tên là gì và phụng hành ra sao?”

Phật bảo A-nan:

“Kinh này tên là ‘Pháp vị cam lồ.’⁵⁴ Hãy ghi nhớ và phụng hành.”

Bấy giờ, A-nan nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

⁵⁴ Cam lộ pháp vị 甘露法味. *Trung* kinh 115: Mật hoàn dụ 蜜丸喻. Pāli: *madhupiṇḍika-pariyāyo*.

41. PHẨM CHỚ SỢ

KINH SỐ 1¹

[744a2] Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Ny-câu-lâu thuộc nước Ca-tỳ-la-vê của dòng họ Thích, cùng chúng đại Tỳ-kheo gồm năm trăm vị.

Lúc ấy, Thích Ma-ha-nam đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát đất, ngồi qua một phía, rồi bạch Thế Tôn rằng:

“Tự thân con nghe Như Lai có dạy như vậy, thiện nam, thiện nữ nào đoạn trừ ba kết sử thành Tu đà hoàn, gọi là bất thối chuyển, ắt thành đạo quả, không còn tìm cầu đến các ngoại đạo dị học, cũng không xét đến các thuyết mà người khác nói. Không có trường hợp nào mà không phải như vậy.

“Nhưng khi con thấy bò, ngựa, lạc đà hung dữ, thì con sợ hãi đến rợn tóc gáy và nghĩ rằng: Nếu hôm nay mà ta gặp phải tai nạn này chắc sẽ qua đời và sẽ sanh về đâu?”

Thế Tôn bảo Ma-ha-nam :

“Chớ sợ, Ma-ha-nam! Giả sử hôm nay mạng chung, ông sẽ không đoạ vào ba đường dữ. Vì sao vậy? Có ba thứ dẫn đến tiêu diệt. Ba thứ ấy là: như có người do tham đắm dục mà phát sanh não loạn, lại có tâm làm hại người khác.² Nếu không có tâm tham dục này thì sẽ không có tâm sát hại, ở trong đời hiện tại không phát sanh khổ não. Những ai có pháp ác, bất thiện, thì sẽ tự hại mình. Nếu không có pháp ấy thì không bị nhiều loạn, không có sầu ưu. Cho nên, này Ma-ha-nam, ba ý nghĩa này cho thấy các pháp ác thì đoạ xuống dưới, các pháp lành thì nổi lên trên. Cũng như thả hủ bơ bị vào trong nước, rồi đập vỡ; các mảnh sành liền chìm xuống còn bơ thì nổi lên trên.

¹ Pāli, S. 55. 21. Mahānāma (R. v. 369); Pāli, M. 12 Cūḷadukkhakkhandha (R. i. 19). Hán, *Tạp* (Việt) kinh 1291.

² Cf. Pāli, M. 12 Cūḷadukkhakkhandha (R. i. 19): *lobho, doso, moho cittassa upakkilesa' ti*. tham, sân, si, là cấu uế của tâm.

Ở đây cũng vậy, các pháp ác bất thiện thì chìm xuống, các pháp lành thì nổi lên. Ma-ha-nam, nên biết, ngày xưa khi chưa thành Phật đạo,³ Ta siêng tu khổ hạnh suốt sáu năm tại Ưu-lu-ti, không ăn thức ăn ngon. Thân thể ốm gầy giống như là người trăm tuổi, đều do không ăn mà ra. Khi Ta định đứng dậy, liền bị té xuống đất. Lúc ấy, Ta lại suy nghĩ: nếu Ta bị chết lúc ấy thì sẽ sanh về đâu? Và ta nghĩ rằng: Nếu hôm nay Ta chết thì sẽ không đọa ác đạo, nhưng ý nghĩa không phải là từ vui đến vui, mà là từ khổ đến vui.

“Sau đó, Ta sống trong hang Tiên nhân,⁴ có nhiều Ni-kiền tử đang học đạo ở đấy. Lúc ấy, có Ni-kiền tử đưa tay chỉ mặt trời, phơi thân ngoài nắng để học đạo. [744b] Có người ngồi chồm hỏm để học đạo. Bấy giờ, Ta đến chỗ họ, nói với họ rằng: ‘Vi sao các ông không ngồi mà lại dơ tay, kiễng chân vậy?’ Ni-kiền tử nói: ‘Cù-đàm, nên biết, trước kia Thầy tôi đã làm việc bất thiện, sợ dĩ chúng tôi khổ hạnh là để diệt tội ấy.’⁵ Nay phơi bày thân thể tuy hơi nhục, nhưng tội ấy sẽ được diệt trừ. Cù-đàm, nên biết, hành diệt hết thì khổ cũng diệt hết; khổ diệt hết thì hành cũng diệt hết.⁶ Khổ, hành dứt hết thì đạt đến Niết bàn.’

“Khi ấy, Ta nói với các Ni-kiền tử rằng: ‘Việc ấy không đúng. Không phải do hành diệt hết mà khổ diệt hết; cũng không phải do khổ diệt hết và hành diệt hết mà đạt Niết bàn. Giả sử khổ hành diệt hết mà đạt đến Niết bàn, điều đó đúng; nhưng không

³ Tường thuật tương tự, Cf. M. 14. *ibid.*

⁴ Tiên nhân quật 仙人窟. Pāli: Isigila; tường thuật tương tự, cf. M. 14, *ibid.*

⁵ Có lẽ Hán dịch bị nhảy sót nên đoạn văn hơi vô lý. Tham chiếu Pāli, *ibid.*: *nigaṇṭho nātaputto, sabbaññū...so evamāha pubbe pāpakammaṅkatam, taṃ imāya kaṭukāya dukkarakārikāya nijjiretha*, “Ni-kiền Tử, là đấng toàn trí, đã nói như vậy: bằng sự khổ hạnh khắc liệt này, các người sẽ trừ diệt ác nghiệp đã làm trước kia.”

⁶ Đối chiếu Pāli: *kammakkhayā dukkhakkhayo*, nghiệp dứt sạch, nên khổ dứt sạch.

thể từ lạc mà dẫn đến vui.’⁷ Ni-kiền tử nói: ‘Vua Tần-tì-sa-la do từ vui mà dẫn đến lạc, có gì là khổ?’ Khi ấy, Ta lại nói với Ni-kiền tử rằng: ‘Cái vui của vua Tần-tì-sa-la làm sao bằng cái lạc của Ta?’ Ni-kiền tử nói: ‘Cái vui của vua Tần-tì-sa-la hơn cái lạc của ông.’ Ta lại nói với Ni-kiền tử rằng: ‘Vua Tần-tì-sa-la có thể như Ta ngồi kiết già bảy ngày bảy đêm không lay động⁸ được không? Hoặc ngồi kiết già sáu, năm, bốn, ba, hai cho đến một ngày được không?’ Ni-kiền tử đáp: ‘Không được, thưa Cù-đàm.’ Thế Tôn bảo: “ Ta có thể ngồi kiết già mà thân hình không lay động*. Thế nào, Ni-kiền tử, vậy ai lạc hơn?’ Ni-kiền tử đáp: ‘Sa môn Cù-đàm lạc hơn.’

“Này Ma-ha-nam, hãy do phương tiện này mà biết rùng, lạc không thể đến từ lạc, mà lạc phải đến từ từ khổ. Này Ma-ha-nam giống như hai bên làng có ao nước lớn, dài rộng một do tuần, chứa đầy nước. Nếu có người đến đó lấy một giọt nước; này Ma-ha-nam, giọt nước đó nhiều hay nước trong hồ nhiều hơn?”⁹

Ma-ha-nam nói: “Nước trong hồ nhiều; chẳng phải một giọt nước nhiều.”

Thế Tôn bảo:

“Ở đây cũng như vậy, đệ tử Hiền Thánh đã vĩnh viễn chấm dứt các khổ, chỉ còn lại (một ít khổ) cũng như một giọt nước mà thôi. Người chứng quả thấp nhất trong chúng của Ta trải qua

⁷ Trong bản Pāli, điều này là phát biểu của nhóm Ni-kiền tử: *na... sukkena sukham adhigantam, dukkhena kho sukham adhigantabbam (...) bimbisāro sukham adhigaccheyya*, “lạc không thể đạt được bằng lạc; lạc phải đạt được bằng khổ. (Nếu không như vậy,) vua Bimbisara có thể đạt được lạc.” Đây là lý luận cho lối tu khổ hạnh của Ni-kiền tử mà Phật bác bỏ. Hán dịch sai lầm cho là quan điểm của Phật.

⁸ Pāli, thêm chi tiết: suốt bảy ngày bảy đêm an trú với cảm thọ duy nhất là lạc (*ekanta-sukham paṭisaṃvedī vāharitum*).

⁹ Xem Tập 5, kinh 109. Pāli, S. 13.2. Pokkharanī.

không quá bảy lần sanh, bảy lần chết nữa thì dứt sạch gốc khổ; nếu dững mãnh, tinh tấn thì đạt đến Gia gia¹⁰ rồi đắc đạo.”

Rồi Thế Tôn lại nói thêm pháp [744c] vi diệu cho Ma-ha-nam nghe. Sau khi nghe pháp xong, ông đứng dậy ra về.

Bấy giờ Ma-ha-nam nghênhhùng điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Tôn giả Na-già-bà-la ở trong thành Lộc dã.

Bấy giờ, có một Bà-la-môn tuổi đã già nua, vốn có đôi chút quen biết đối với Tôn giả Na-già-bà-la. Lúc ấy, Bà-la-môn đó đến chỗ Tôn giả Na-già-bà-la, đánh lễ rồi ngồi qua một phía.

Bà-la-môn nói với Tôn giả Na-già-bà-la rằng:

“Ngài là người sung sướng nhất trong những người sung sướng.”

Tôn giả Na-già-bà-la nói:

“Vì sao ông nói tôi là người sung sướng nhất trong những người sung sướng?”

Bà-la-môn đáp:

“Trong vòng bảy ngày, bảy đứa con trai của tôi đều chết. Chúng đều dững mãnh, tài cao, trí huệ, khó có ai sánh kịp. Trong vòng sáu ngày gần đây, mười hai người giúp việc qua đời. Họ đều là những người giúp việc siêng năng. Trong vòng năm ngày, bốn anh em tôi qua đời. Họ có nhiều nghề, làm gì cũng giỏi. Bốn ngày gần đây, cha mẹ tôi đã gần trăm tuổi bỏ tôi mà lìa đời. Ba ngày gần đây, hai người vợ xinh đẹp hiếm có trên đời của tôi đã chết. Lại nữa trong nhà có tám hàm châu báu, hôm qua tìm mãi không thấy. Những khổ não mà tôi đang gặp không thể tính hết. Còn tôn giả thì đã vĩnh viễn xa lìa tai

¹⁰ Gia gia, thứ sáu trong 18 bậc hữu học. Xem *Trung 30*, kinh 127.

hoạ đó, không còn lo buồn, sống an vui với đạo pháp. Vì lý do đó tôi mới nói ngài là người sung sướng nhất trong những người sung sướng.”

Lúc ấy, Tôn giả Na-già-bà-la bảo bà-la-môn ấy rằng:

“Sao ông không tìm phương tiện cho những người ấy không qua đời.”

Bà-la-môn đáp:

“Tôi cũng làm nhiều phương tiện để không chết, không bị mất của, lại tùy thời bố thí, tạo các công đức, tế tự chư thiên, cúng dường các bà-la-môn trưởng lão, thủ hộ chư thần, tụng các chú thuật, lại có thể xem tinh tú, chế thuốc thang, bố thí đồ ăn uống ngon lành cho những người nghèo khổ. Những việc như vậy kể ra không hết nhưng lại không thể cứu mạng sống của họ.”

Bấy giờ, Tôn giả Na-già-bà-la liền nói kệ:

*Thuốc thang và chú thuật,
Y phục, đồ ăn uống;
Tuy cho nhưng vô ích,
Vấn ôm lấy khổ đau.*

[745a] *Giả sử cúng tế thần,
Hương hoa và tắm gội.
Suy tính nguồn gốc này,
Không thể chữa trị được.*

*Giả sử cho các vật,
Tinh tấn giữ phạm hạnh,
Suy tính nguồn gốc này,
Không thể chữa trị được.*

Bà-la-môn hỏi:

“Phải làm cách nào để thoát khỏi tai hoạ khổ não này?”

Tôn giả Na-già-bà-la liền nói kệ:

*Gốc ân ái, vô minh,
Phát sanh các khổ não.*

*Diệt sạch các thứ ấy,
Thì không còn khổ não.*

Nghe xong, bà-la-môn ấy liền nói kệ:

*Tuy già chẳng ngại già,
Hành sự như đệ tử;
Xin xuất gia học đạo
Để thoát tai nạn này.*

Rồi thì, Tôn giả Na-già-bà-la trao cho ông ba y, cho ông ấy xuất gia học đạo và bảo với ông ấy rằng:

“Ông nay là Tỳ-kheo. Hãy quán sát thân này từ đầu đến chân; xét sem tóc, lông, móng, răng, từ đâu mà đến, hình hài, da thịt, xương, tuỷ, ruột, bao tử, từ đâu mà đến. Nếu từ bỏ đây, thì sẽ đi về đâu? Vì vậy, Tỳ-kheo chớ có lo nghĩ nhiều về sự khổ não của thế gian, mà phải quán sát trong lỗ chân lông này, tìm phương tiện thành tựu bốn đế.

Bấy giờ, Tôn giả Na-già-bà-la liền nói kệ:

*Trừ tướng, chớ lo nhiều;
Không lâu được pháp nhãn.
Hành vô thường, như điện
Không gặp phước lớn này.*

*Quán từng lỗ chân lông,
Nguồn gốc của sanh diệt.
Hành vô thường, như điện.
Bồ thí hướng Niết bàn.*

Sau khi nghe giảng xong, Tỳ-kheo già ấy ngồi ở nơi vắng vẻ tư duy về mục đích mà thiện nam tử ấy cạo bỏ râu tóc xuất gia học đạo với lòng tin kiên cố, tu phạm hạnh vô thượng, biết như thật rằng, sanh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, đã làm những việc cần làm, không còn thọ thai trở lại. Bấy giờ, Tỳ-kheo ấy liền đắc quả A-la-hán.

Có vị thiên môn là bạn cũ của Tỳ-kheo ấy, thấy vị ấy thành A-la-hán, liền đến chỗ Tôn giả Na-già-bà-la đứng trên hư không mà [745b] nói kệ rằng:

*Đã đắc giới cụ túc,
Ở nơi vắng vẻ ấy.
Đắc đạo, tâm không chấp;
Trừ sạch nguồn gốc ác.*

Lúc ấy, vị thiên đó rải hoa trời cúng dường tôn giả rồi biến mất.

Bấy giờ, Tỳ-kheo ấy và vị thiên nghe những điều Tôn giả Na-già-bà-la nói, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3¹¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Hãy quán bảy xứ thiện, lại xét bốn pháp,¹² ở trong ngay trong đời này được gọi là thượng nhân. Nay Tỳ-kheo, thế nào là quán bảy xứ thiện? Ở đây, Tỳ-kheo đem tâm từ rải khắp một phương, hai phương, ba phương, bốn phương, bốn hướng và phương trên dưới cũng đều như vậy, làm cho tâm từ tràn đầy khắp thế gian. Với tâm bi, hỷ, xả*, không, vô tướng, nguyện cũng lại như vậy.¹³ Các căn đầy đủ, ăn uống điều độ, thường tự giác ngộ; Tỳ-kheo quán bảy pháp như vậy.

“Tỳ-kheo, xét bốn pháp như thế nào? Ở đây, Tỳ-kheo quán thân nơi nội thân, trừ khử sầu ưu, thân niệm xứ; quán thân nơi

¹¹ Tham chiếu Pāli, S. 22.; 57. Sattaṭṭhāna (R. iii. 62). Hán, *Tap* (Việt) kinh 42.

¹² *Tap* (Việt) kinh 42: thất xứ thiện, tam chủng quán nghĩa 七處善種觀義. Pāli, S.22: *sattaṭṭhānakusalo, tividhāpaparikkhī*.

¹³ Xem kinh 3, phẩm 30.

ngoại thân, thân niệm xứ; quán thân nơi ngoại thân, thân niệm xứ. Quán thọ nơi nội thọ thọ*, thọ niệm xứ; quán thọ nơi ngoại thọ*, thọ niệm xứ; quán tâm nơi nội tâm, tâm niệm xứ; quán tâm nơi ngoại tâm, tâm niệm xứ; trừ khử sầu ưu, không còn các khổ hoạn. Quán pháp nơi nội pháp, pháp niệm xứ; quán pháp nơi ngoại pháp, pháp niệm xứ; quán pháp nơi nội ngoại pháp, pháp niệm xứ. Tỳ-kheo, hãy quan sát bốn pháp như vậy.

“Này Tỳ-kheo, quán bảy xứ thiện và xét bốn pháp ấy, ở ngay trong đời này là bậc thượng nhân. Vì vậy, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu bảy xứ thiện và xét bốn pháp ấy. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Ni-câu-lâu, nước Ca-tỳ-la-vệ, giữa những người họ Thích cùng đại chúng Tỳ-kheo gồm năm trăm vị.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát đất rồi ngồi qua một phía. Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

“Chúng con muốn đến phương Bắc để du hoá.”

[745c] Thế Tôn nói:

“Nên biết thời.”

Rồi Thế Tôn lại hỏi các Tỳ-kheo:

“Các người đã từ già Tỳ-kheo Xá-lợi-phất chưa?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Chưa, bạch Thế Tôn.”

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các ông hãy đến từ già Tỳ-kheo Xá-lợi-phất. Vì sao vậy? Tỳ-kheo Xá-lợi-phất thường xuyên giáo giới cho những đồng phạm hạnh, thuyết pháp không hề mệt mỏi.

Rồi Thế Tôn nói pháp vi diệu cho các Tỳ-kheo nghe. Các Tỳ-kheo sau khi nghe pháp xong, rời khỏi chỗ ngồi, đánh lễ sát chân Thế Tôn, nhiễu Phật ba vòng, rồi ra đi.

Lúc ấy, Xá-lợi-phất đang ở một tháp miếu của những người họ Thích. Các Tỳ-kheo đến chỗ Xá-lợi-phất, chào hỏi, rồi ngồi qua một phía. Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Xá-lợi-phất rằng:

“Chúng tôi muốn đến phương bắc du hoá trong nhân gian. Nay xin từ già Tôn giả¹⁴.”

Xá-lợi-phất nói:

“Này các Thầy, nên biết, nhân dân, sa-môn, bà-la-môn ở phương Bắc đều thông minh, trí huệ khó ai bì. Nếu có người muốn thử, để hỏi các vị rằng, ‘Chư Hiền có chủ trương gì?’ Các Thầy sẽ trả lời như thế nào?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Nếu có ai đến hỏi, chúng tôi sẽ trả lời bằng nghĩa lý này: ‘Sắc là vô thường. Cái gì vô thường, cái đó là khổ. Cái gì khổ, cái đó là vô ngã. Vô ngã là không. Do không, vô ngã nên chúng rỗng không. Đó là điều mà người trí quán sát. Thọ, tưởng, hành, thức, cũng vậy, là vô thường, khổ, không, vô ngã. Những gì là không, vì nó vô ngã nên không. Đó là điều mà người trí học. Năm uẩn này đều rỗng không, vắng lặng. Những gì tụ hội bởi nhân duyên, đều sẽ tiêu diệt, không tồn tại lâu dài. Con đường tám nhánh cùng tu với bảy chi. Những điều mà Tôn Sư của chúng tôi dạy chính là như vậy.’ Nếu có người sát-lợi, bà-la-môn hay nhân dân đến hỏi, chúng tôi sẽ trả lời với nghĩa lý như vậy.”

Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo rằng:

¹⁴ Trong bản: Thế Tôn.

“Các Thầy hãy kiên trì tâm ý, chớ có khinh suất.”

Bấy giờ, Xá-lợi-phất nói pháp vi diệu đầy đủ cho các Tỳ kheo nghe. Các Tỳ kheo nghe xong, rời chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

Khi số đông các Tỳ-kheo đi chưa bao xa, Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

“Nhu thế nào là thực hành con đường tám nhánh và pháp bảy chi?”

Số đông các Tỳ-kheo bạch Xá-lợi-phất rằng:

“Chúng tôi từ xa đến đây là để nghe ý nghĩa ấy. Xin hãy giảng cho chúng tôi.”

Xá-lợi-phất [746a] đáp:

“Các vị hãy lắng nghe và ghi nhớ kỹ. Tôi sẽ nói.”

Các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

Xá-lợi-phất nói:

“Ai nhất tâm niệm chánh kiến, tức là niệm giác chi không rời loạn. Chánh tư duy,¹⁵ là nhất tâm niệm hết thấy các pháp, tức là pháp giác chi. Chánh ngữ,¹⁶ là thân, ý tinh tấn, tức là tinh tấn giác chi. Chánh nghiệp,¹⁷ là hết thấy các pháp được sanh, tức là hỷ giác chi. Chánh mạng,¹⁸ là biết đủ đối với tài sản Hiền Thánh, xả xả bỏ tài sản thế tục, nhẹ nhàng thân thể, tức là khinh an* giác chi. Chánh tinh tấn,¹⁹ là chứng đắc bốn Thánh đế, trừ sạch các kết sử, tức là định giác chi. Chánh niệm,²⁰ là quán sát bốn niệm xứ,²¹ thân không bèn chắc, thấy đều rõ

¹⁵ Đẳng trị 等治.

¹⁶ Đẳng ngữ.

¹⁷ Đẳng nghiệp.

¹⁸ Đẳng mạng.

¹⁹ Đẳng phương tiện.

²⁰ Đẳng niệm.

²¹ Bốn ý chi.

không, vô ngã, tức là xả* giác chi. Chánh tam muội,²² là đạt được những gì chưa đạt, độ thoát những gì chưa độ thoát, chứng đắc những gì chưa chứng đắc.²³

“Nếu có người đến hỏi rằng, ‘Như thế nào là tu tám đạo và bảy pháp ấy,’ các Thầy hãy trả lời như vậy. Vì sao vậy? Bởi vì Tỳ-kheo nào tu tám đạo và bảy pháp này, tâm liền được giải thoát khỏi hữu lậu.

“Tôi nhắc lại cho các Thầy rõ, Tỳ-kheo nào tu hành tư duy con đường tám nhánh và bảy pháp này, Tỳ-kheo ấy liền thành tựu hai quả không nghi ngờ gì. Hoặc chứng quả A-la-hán. Vả, hãy gác qua việc đó. Nếu không thể tu tập nhiều, nhưng trong một ngày mà tu hành con đường tám nhánh và bảy pháp này, phước báo không thể tính hết. Hoặc đắc A-na-hàm hoặc A-la-hán.²⁴

“Vì vậy, các Thầy phải tìm cầu phương tiện tu hành con đường tám nhánh và bảy pháp này, nhất định sẽ chứng đắc đạo không có gì nghi ngờ.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe những điều Xá-lợi-phất nói, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ..

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Ca-diếp:

²² Đăng tam-muộ.

²³ Hán dịch sót: định giác ý (giác chi).

²⁴ Việt dịch sát. Nhưng Hán dịch đoạn này lộn xộn. Nói theo thứ tự: tu tám Thánh đạo và bảy giác chi trong 7 năm, hoặc chỉ trong 7 ngày, cho đến một ngày, có thể chứng một trong hai quả: hoặc A-la-hán ngay trong đời này, hoặc nếu còn hữu dư, chứng A-na-hàm, tái sinh Tịnh cư thiên và nhập Niết-bàn trên đó.

“Nay ông đã cao tuổi, ý lực không còn trẻ khỏe, hãy nhận y áo và đồ ăn của các gia chủ.”

Ca-diếp bạch Phật rằng:

“Con không thể nhận y áo và đồ ăn của họ. Nay với con, mặc y vá mảnh này, và tùy thời khát thực, không còn an lạc nào hơn. Vì sao vậy? Trong tương lai sẽ có các Tỳ-kheo thân thể yếu ớt, tâm tham y đẹp, thức ăn ngon, nên giảm sút toạ thiền, không kham hành khổ hạnh, nhưng người ấy lại nói, ‘Quá khứ trong thời Phật, các Tỳ-kheo cũng nhận sự cung thỉnh của người, nhận y áo, thức ăn. Vì sao chúng ta không làm theo Thánh nhân ngày xưa?’ Do tham đắm y áo, thức ăn, họ sẽ [746b] cỡi bỏ y phục làm bạch y, khiến cho các vị Thánh hiền không còn oai thần, chúng bốn bộ dần dần suy giảm. Thánh chúng đã giảm bớt thì tháp miếu Phật cũng sẽ bị huỷ hoại. Tháp miếu Phật bị huỷ hoại cho nên kinh sách bị thất lạc. Lúc ấy, chúng sanh không còn tinh quang. Do không còn tinh quang nên tuổi thọ rất ngắn. Bây giờ, chúng sanh sau khi mạng chung đều đọa vào ba đường dữ. Cũng như ngày nay, chúng sanh tạo phước nhiều nên đều được sanh thiên; chúng sanh trong tương lai vì tạo tội nhiều nên đều đọa địa ngục.”

Thế Tôn nói:

“Lành thay, lành thay, Ca-diếp! Ông đã làm nhiều lợi ích, làm ruộng phước và bạn lành của mọi người. Ca-diếp, nên biết, hơn một ngàn năm sau khi Ta nhập Niết bàn sẽ có Tỳ-kheo sút giảm thiền định, không còn thực hành pháp đầu đà, cũng không có đắp y vá mảnh và đi khát thực, chỉ thích nhận y áo, thức ăn do trưởng giả mang lại. Không còn ai sống dưới gốc cây, tại chỗ nhàn tĩnh, mà chỉ ưa trang sức phòng xá. Cũng không dùng đại tiểu tiện làm thuốc,²⁵ mà chỉ thích các loại

²⁵ Địa tiểu tiện được 大小藥. Dịch ý của từ hủ lạn được 腐爛藥, loại thuốc quy định cho Tỳ kheo. Pāli: *pūtimatta*, cũng được hiểu là nước nước đại quý. Nhưng ngữ nguyên của từ này không rõ ràng.

được thảo rất ngon ngọt. Hoặc ở đây lại tham đắm tài sản, tiếc lẫn phòng xá, thường xuyên tranh chấp với nhau. Lúc bấy giờ, đàn-việt thí chủ, dốc lòng chí tín Phật pháp, ưa hành huệ thí, không tiếc lẫn tài vật. Đàn-việt thí chủ ấy sau khi mạng chung thấy đều sanh lên trời. Nhưng Tỳ kheo lười biếng thì vào địa ngục.

“Nhu vậy, Ca-diếp, hết thấy các hành là vô thường, không tồn tại dài lâu.

“Lại nữa, Ca-diếp, nên biết, trong đời tương lai có Tỳ kheo tuy cạo đầu những vẫn hành theo nghiệp thế tục; tay trái ẵm con trai, tay phải ẵm con gái; lại cầm đàn, sáo mà khát thực trên đường phố. Lúc ấy, thí chủ đàn việt còn thọ phước vô cùng huống gì ngày nay những người khát thực đều tu hành chân chánh.

“Này Ca-diếp, tất cả các hành đều vô thường, không thể tồn tại lâu dài.

“Ca-diếp nên biết, trong tương lai, sa môn Tỳ-kheo sẽ xả bỏ con đường tám nhánh và bảy pháp này, cũng như Pháp bảo mà ngày hôm nay Ta đã tích tụ trong ba a-tăng-kỳ kiếp. Trong tương lai, các Tỳ-kheo khát thực để tự nuôi sống bằng sự ca hát giữa đám đông. Đàn-việt thí chủ cho cơm cho chúng Tỳ kheo đó mà còn được phước, huống là ngày nay mà không được phước sao? Nay Ta đem pháp này giao cho Tỳ-kheo Ca-diếp và A-nan. Vì sao vậy? Hôm nay, Ta đã gần tám mươi tuổi. Không bao lâu nữa Như Lai sẽ diệt độ. Nay [746c] đem Pháp bảo giao phó cho hai người. Hãy ghi nhớ đọc tụng, lưu truyền ở thế gian, đừng để đoạn tuyệt. Nếu ai ngăn cản ngôn giáo của Thánh nhân, người ấy sẽ đoạ vào biên địa. Hôm nay ta đã giao phó Kinh pháp cho ông, đừng để bị thất thoát.”

Lúc ấy, Ca-diếp và A-nan liền rời khỏi chỗ ngồi, quỳ xuống chấp tay, bạch Thế Tôn rằng:

“Vì sao lại đem giáo Pháp giao phó cho hai con mà không giao cho vị khác? Lại nữa, trong chúng Như Lai, các vị có thần

thông bậc nhất không thể đếm hết, sao Như Lai không phó chúc cho các vị đó?”

Thế Tôn bảo Ca-diếp rằng:

“Trên trời, trong loài người, ta không thấy người nào có thể thọ trì Pháp bảo sánh với Ca-diếp và A-nan. Trong chúng Thanh văn cũng không có ai vượt hơn được hai người này. Chư Phật trong quá khứ cũng có hai người thọ trì kinh pháp như Ca-diếp và A-nan ngày nay, rất là hy hữu. Vì sao vậy? Tỳ-kheo hành đầu đà trong thời Phật quá khứ, khi Pháp còn thì vị ấy còn, khi Pháp diệt vị ấy cũng mất. Tỳ-kheo Ca-diếp của Ta ngày nay lưu lại ở thế gian cho đến khi Phật Di-lặc ra đời rồi mới nhập diệt. Do đó Tỳ-kheo Ca-diếp hơn các Tỳ-kheo thời quá khứ. Còn Tỳ-kheo A-nan vì sao lại hơn các thị giả của chư Phật quá khứ? Thị giả của chư Phật quá khứ nghe các Ngài giảng sau đó mới hiểu; nhưng Tỳ-kheo A-nan ngày nay Như Lai chưa nói đã hiểu; Như Lai không nói cũng đều biết hết. Do bởi nhân duyên này Tỳ-kheo A-nan hơn các thị giả của chư Phật quá khứ.

“Vì vậy, hôm nay Ta giao phó Pháp bảo cho Ca-diếp và A-nan, đừng để bị khuyết giảm.”

Rồi Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Hết thấy hành vô thường.

Có sanh ắt có diệt.

Không sanh thì không chết.

Diệt ấy đệ nhất lạc.

Bây giờ, Đại Ca-diếp và A-nan nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.²⁶

²⁶ Bản Hán, hết quyển 35.

42 . PHẨM TÁM NẠN

KINH SỐ 1¹

[747a07] Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Kẻ phàm phu không nghe, không biết thời tiết mà pháp được thuyết. Tỳ-kheo, nên biết, có tám thời tiết mà lúc đó con người không nghe, không được tu hành. Những gì là tám?”

“Khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp, dẫn đến Niết-bàn, sở hành của Như Lai, nhưng chúng sanh này ở trong địa ngục nên không nghe, không thấy. Đó gọi là nạn thứ nhất.

“Khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp, nhưng chúng sanh này ở trong loài súc sanh nên không nghe, không thấy. Đó gọi là nạn thứ hai.

“Lại nữa, khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp, nhưng chúng sanh này ở trong loài ngạ quỷ nên không nghe, không thấy. Đó gọi là nạn thứ ba.

“Lại nữa, khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp, nhưng chúng sanh này sanh lên trời Trường thọ nên không nghe, không thấy. Đó gọi là nạn thứ tư.

“Lại nữa, khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp, nhưng chúng sanh này sanh ở biên địa, phỉ báng Hiền Thánh, tạo các tà nghiệp. Đó gọi là nạn thứ năm.

“Lại nữa, khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp dẫn đến Niết-bàn, chúng sanh này tuy sinh ở trung tâm đất nước, nhưng sáu căn không đầy đủ, cũng lại không phân biệt được pháp thiện ác. Đó gọi là nạn thứ sáu.

¹ Pāli, A. III. 29 Akkhaṇa (R. iv. 225). Hán, *Trung 29*, kinh 124.

“Lại nữa, khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp đạt đến Niết-bàn, chúng sanh này sinh ở trung tâm đất nước, tuy sáu căn lại hoàn toàn, không có thiếu sót; nhưng chúng sanh này tâm thức tà kiến, cho rằng không có người cho, không có vật bố thí, không có người nhận, không có quả báo thiện ác, không có đời này, đời sau, cũng không có cha mẹ; đời không có sa-môn, bà-la-môn nào thành tựu được A-la-hán, tự thân chúng ngộ mà và an trú. Đó gọi là nạn thứ bảy.

“Lại nữa, [747b] Như Lai không xuất hiện ở đời, không nói giáo pháp dẫn đến Niết-bàn, dẫu chúng sanh này sinh ở trung tâm đất nước, đầy đủ sáu căn, có thể thọ nhận giáo pháp, thông minh tài giỏi, nghe pháp liền hiểu, tu hành chánh kiến, tin có vật bố thí, có người bố thí, có người nhận, có báo thiện ác, có đời này, đời sau, đời có sa-môn, bà-la-môn, tu chánh kiến, tác chứng đắc A-la-hán. Đó gọi là nạn thứ tám, khiến đồng phạm hạnh không thể tu hành. Tỳ-kheo, đó gọi là có tám nạn này, khiến phạm hạnh không thể tu hành.

“Ở đây, Tỳ-kheo, có một pháp thời tiết mà người phạm hạnh có thể tu hành. Một ấy là gì? Ở đây, Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp đạt đến Niết-bàn, mà người này sinh ở trung tâm đất nước, thể trí biện thông, đối vật đều sáng tỏ, tu hành chánh kiến, có thể phân biệt pháp thiện ác, tin có đời này, đời sau, đời có sa-môn, bà-la-môn tu chánh kiến, tác chứng, đắc A-la-hán. Đó gọi là một pháp khiến người phạm hạnh có thể tu hành, đắc đến Niết-bàn.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Tám nạn chẳng một loại,
Khiến người không đắc đạo.
Như nay thời hiện tại,
Thế gian rất khó gặp.

Nên hãy học chánh pháp,
Chớ mất cơ hội này.
Nhớ lại về quá khứ,*

*Đã từng sinh địa ngục;
Nên đoạn trừ, vô dục,
Mà tư duy chánh pháp.
Lâu dài trong thế gian,
Không khi nào dứt tuyệt;*

*Nên đoạn trừ, vô dục,
Mà tư duy chánh pháp.
Đoạn hẳn nguồn sinh tử
Lâu dài trong thế gian.*

*Nay đã được thân người,
Phân biệt pháp chánh chơn.
Những người không đắc quả
Tất sống trong tám nạn.*

*Nay nói có tám nạn,
Yếu hạnh của Phật pháp.
Một nạn vẫn nguy kịch,
Như ván nổi ngoài biển.*

*Tuy sẽ lìa một nạn,
Dẫu cho có lý này;
Nếu lìa một, bốn đế,
Vĩnh viễn là chánh đạo.*

*Cho nên phải chuyên tâm
Tư duy lý vi diệu;*

[747c]

*Chỉ thành nghe chánh Pháp
Đạt đến chỗ vô vi.*

“Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện xa lìa nơi tám nạn, chớ mong ở trong đó.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ:

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có tám địa ngục lớn. Những gì là tám? Một địa ngục Hoàn hoạt, hai địa ngục Hắc thăng, ba địa ngục Đẳng hại, bốn địa ngục Thế khốc, năm địa ngục Đại thế khốc, sáu địa ngục A-tỳ, bảy địa ngục Viêm, tám địa ngục Đại viêm.”²

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Hoàn hoạt và Hắc thăng,
Đẳng hại và Thế khốc
Ngũ nghịch ngục A-tỳ
Địa ngục Viêm, Đại viêm.*

*Đó là tám địa ngục
Trong ấy không thể ở
Đều do gốc hạnh ác
Mười sáu lớp ngăn quanh.*

*Còn trên ngục sắt kia
Bị lửa thường thiêu đốt;
Trần ngập một do tuần,
Lửa cháy dậy hừng hực.*

*Bốn thành bốn cửa ngõ
Ở trong rất bằng phẳng
Lại dùng sắt làm thành
Ván sắt che trên đó.*

² Xem *Trường 19*, kinh 30 Thế ky, phẩm “Địa ngục.” Cf. Pāli, Jā v. 266, 271: Sañjīva, Kālasutta, Saṅgha, Jalaroruva, Dhūmaroruva, Mahāvīci, Tapana, Mahātapana.

“Đây là do duyên tội báo chúng sanh, khiến chúng sanh kia chịu khổ vô cùng, máu thịt tiêu hết, chỉ còn có xương.

“Vì những duyên có gì gọi là địa ngục Hoàn hoạt? Những chúng sanh kia thân hình trắng đơ, không cử động, bị khổ bức bách không thể di chuyển, thân thể không còn máu thịt. Lúc đó, chúng sanh nói với nhau: ‘Chúng sanh sống lại!’ Khi ấy, chúng sanh kia tức thì sống lại. Do nhân duyên này nên gọi là địa ngục Hoàn hoạt.

“Lại vì nhân gì mà gọi là địa ngục Hắc thừng? Vì chúng sanh kia hình thể gân, mạch, đều hoá thành dây, để cưa vào thân. Cho nên gọi là địa ngục Hắc thừng.

“Lại vì nhân duyên gì gọi là địa ngục Đẳng hại? Lúc ấy, chúng sanh kia tụ tập lại một chỗ, đã chém đầu mà giấy lát sống trở lại. Vì nhân duyên này [748a] gọi là địa ngục Đẳng hại.

“Lại vì nhân duyên gì gọi là địa ngục Thế khốc? Chúng sanh kia đã đoạn mất căn lành, không còn sót chút lông tóc, ở trong địa ngục kia chịu vô số khổ não, ở đó kêu gào oán hận, tiếng kêu không dứt. Vì nhân duyên này nên gọi là địa ngục Thế khốc.

“Lại vì nhân duyên gì gọi là địa ngục Đại thế khốc? Chúng sanh kia ở trong địa ngục chịu vô lượng khổ sở, không thể tính hết. Ở trong đó kêu gào, đấm ngực, tự tát vào mặt, đồng thanh gào thét. Vì nhân duyên này gọi là địa ngục Đại thế khốc.

“Lại vì nhân duyên gì gọi là địa ngục A-tỳ? Các loài chúng sanh giết hại cha mẹ, phá hoại tháp Phật, gây đấu loạn chúng Tăng, hành theo tà kiến điên đảo, tương ưng với tà kiến, không thể chữa trị. Vì vậy cho nên gọi là địa ngục A-tỳ.

“Lại vì nhân duyên gì gọi là địa ngục Viêm? Các loài chúng sanh trong địa ngục kia, thân thể bốc khói, thấy đều tan rã. Cho nên gọi là địa ngục Viêm.

“Lại vì nhân duyên gì gọi là địa ngục Đại viêm? Các chúng sanh trong địa ngục này đều không thấy sót lại cái gì của tội nhân. Cho nên gọi là địa ngục Đại viêm.

“Tỳ-kheo, đó là vì nhân duyên này mà gọi tên tám địa ngục lớn. Mỗi một địa ngục có mười sáu ngục nhỏ.³ Tên chúng là địa ngục Ưu-bát, địa ngục Bát-đầu, địa ngục Câu-mâu-đầu, địa ngục Phân-đà-lợi, địa ngục Vị-tăng-hữu, địa ngục Vĩnh vô, địa ngục Ngu hoặc, địa ngục Súc tỵ, địa ngục Dao sơn, địa ngục Thang hỏa, địa ngục Hỏa sơn, địa ngục Khô hà, địa ngục Kinh cực, địa ngục Phất thi, địa ngục Kiếm thọ, địa ngục Nhiệt thiết hoàn.⁴

Như vậy, mười sáu ngục nhỏ này không thể ước tính hết, khiến chúng sanh kia sinh trong địa ngục. Hoặc có chúng sanh phá huỷ chánh kiến, phỉ báng Chánh pháp mà tránh xa, sau khi mạng chung sẽ sinh vào trong địa ngục Hoàn hoại.

“Những chúng sanh nào ham thích sát sinh, sẽ sinh vào trong địa ngục Hắc thăng.

“Những chúng sanh giết mổ bò, dê và các loại khác, sau khi mạng chung sinh vào trong địa ngục Đẳng hại.

“Những chúng sanh lấy của không cho, ăn trộm vật của người khác, sau khi mạng chung sinh vào trong địa ngục Thế khốc.

“Những chúng sanh thích dâm dật, lại nói dối, sau khi mạng chung sinh vào trong địa ngục Đại thế khốc.

³ Nguyên habns: cách tử 隔子.

⁴ Tên các địa ngục, đồng nhất Pāli: Ưu-bát (Uppala), Bát-đầu (Paduma), Câu-mâu-đầu (Kumuda), Phân-đà-lợi (Puṇḍarīka), Vị-tăng-hữu (Abbuda; bản Hán đọc là Abbhuta), Vĩnh vô (Nirabbuda; Bản Hán đọc là Nibbhuta), Ngu hoặc (Ababa; bản Hán đọc là Bala?), Súc tỵ (?), Dao sơn (Khuradhāra), Thang hỏa (Kukkuḷa), Hỏa sơn (?), Khô hà (Khārodakanadī), Kinh cực (Sattisūla), Phất thi (Gūṭha), Kiếm thọ (Asipattavana), Nhiệt thiết hoàn (?).

“Những sanh giết hại cha mẹ, phá hoại chùa tháp, gây đầu loạn Thánh [748b] chúng, phỉ báng Thánh nhân, hành theo tà kiến điên đảo, sau khi mạng chung sinh vào trong địa ngục A-tỳ.

“Những chúng sanh nghe lời ở đây truyền đến nơi kia, nghe nơi kia truyền đến nơi này, cầu người phương tiện, sau khi mạng chung sinh vào trong địa ngục Viêm.

“Lại có chúng sanh gây loạn hai bên, tham lam của người, khởi tâm ganh tị, trong lòng nghi kỵ, sau khi mạng chung sinh vào trong địa ngục Đại viêm.

“Nếu có chúng sanh tạo các tạp nghiệp, sau khi mạng chung sinh vào mười sáu địa ngục nhỏ đó. Bấy giờ, ngục tốt hành hạ chúng sanh kia khổ sở khôn lường, hoặc bị chặt tay, hoặc chặt chân, hoặc chặt tay chân, hoặc xẻo mũi, hoặc cắt tai mũi, hoặc lấy gỗ ván ép lên, hoặc lấy cỏ nhét vào bụng, hoặc lấy tóc treo ngược, hoặc lột da, hoặc cắt thịt, hoặc xẻ làm hai phần, hoặc may dính trở lại, hoặc xẻ làm năm, hoặc dùng lửa nung một bên, hoặc rưới nước sôi nóng chảy lên, hoặc phanh thây làm năm, hoặc kéo dài thân, hoặc dùng búa bèn chặt đầu mà gây lát sống trở lại, chỉ khi nào những tội đã tạo ra ở nhơn gian trả hết, sau đó mới ra khỏi.

“Bấy giờ, ngục tốt bắt chúng sanh kia dùng chùy lớn đập nát thân thể nó, hoặc róc xương gân. Lại rượt đuôi cho lên cây kiếm, rồi lại rượt đuôi cho xuống, rồi sau đó có chim mỏ sắt đến mổ; lại bắt trói chặt năm chi, không được động đậy; lại đem bỏ vào trong vạc nước sôi lớn, dùng thêm chia sắt hại thân, khi gió thổi qua, thân kia sống lại như cũ. Lúc ấy, ngục tốt lại bắt chúng sanh lên núi đao, núi lửa, không cho dùng nghỉ. Ở trong đó chịu khổ không thể nào nói hết, chỉ khi nào những tội đã tạo ra ở nhơn gian trả hết, sau đó mới ra khỏi.

“Bấy giờ, người có tội không chịu nổi đau khổ, lại tìm vào trong địa ngục tro nóng chịu vô lượng khổ đau. Từ trong đó ra, lại vào trong địa ngục gai nhọn chích ngược, ở trong ấy gió thổi đến đau đớn không thể tả. Từ trong đó ra, lại vào trong địa

ngực phần nóng. Trong địa ngục phần nóng lúc ấy, có loại trùng nhỏ xíu ăn xương thịt nó. Khi ấy, chúng sanh không kham chịu khổ đau, lại dời đến địa ngục cây kiếm, thân thể thương tổn, đau không thể chịu đựng nổi.

“Khi ấy, ngục tốt bảo với chúng sanh kia: ‘Các người từ đâu đến?’ Tội nhân đáp: ‘Bọn chúng tôi cũng [747c] không biết là từ đâu lại?’ Lại hỏi: ‘Sẽ đi về đâu?’ Đáp: ‘Cũng lại không biết đến chỗ nào.’ Lại hỏi: ‘Muốn gì?’ Đáp: ‘Chúng tôi đói khát quá.’ Ngục tốt liền lấy viên sắt nóng bỏ vào miệng tội nhân, thiêu chín thân thể, đau đớn không thể chịu nổi. Chỉ khi nào trả hết những tội trước kia đã tạo ra, sau đó mới mạng chung. Lúc ấy, tội nhân lại trải qua bao nhiêu địa ngục, ở trong đó chịu khổ hàng ngàn vạn năm, sau đó mới ra.”

“Tỳ-kheo, nên biết, bấy giờ vua Diêm-la tự nghĩ: ‘Những chúng sanh nào mà thân, miệng, ý hành ác, phải chịu hết những tội như vậy. Những chúng sanh mà thân, miệng, ý hành thiện, những người như vậy đều sẽ sinh về trời Quang âm.’”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Người ngu thường nhờn nhờn
Như trời Quang âm kia.
Người trí thường lo sợ
Giống như ở địa ngục.*

“Bấy giờ, này Tỳ kheo, giáo lệnh của vua Diêm-la được nghe: ‘Ước mong ngày nào ta diệt hết những tội đã tạo ra xưa kia, để mạng chung ở đây, được thọ hình người, sinh ở trung tâm đất nước, theo thiện tri thức, cùng gặp cha mẹ dốc lòng tin Phật pháp, được xuất gia học đạo ở trong chúng Như Lai, ngay trong đời hiện tại mà dứt sạch hữu lậu, thành vô lậu. Nay ta nói lại lần nữa với các người, hãy cố gắng dụng tâm để lìa xa tám nạn, được sanh tại trung tâm đất nước, gặp được thiện tri thức, được tu phạm hạnh, được thành chánh quả như ước nguyện.’”

“Này các Tỳ-kheo, thiện nam, thiện nữ nào muốn lia tám địa ngục lớn và mười sáu ngục nhỏ, phải tìm cầu phương tiện tu tám chánh đạo.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Nại thị,⁶ thành Tỳ-xá-ly, cùng năm trăm Tỳ-kheo, lần hồi đi du hoá trong nhân gian.

Lúc ấy, Thế Tôn quay lại nhìn thành Tỳ-xá-ly rồi nói bài kệ này:

[749a] *Nay ngắm Tỳ-xá-ly
Sau không ngắm lại nữa
Cũng không vào lại nữa
Nơi đó, sẽ từ biệt.*

Lúc ấy, nhân dân trong thành Tỳ-xá-ly nghe bài kệ này, trong lòng sầu ưu, đi theo sau Thế Tôn, ai ai cũng đều rơi lệ, nói với nhau:

“Không bao lâu nữa Như Lai sẽ diệt độ, thế gian sẽ mất ánh sáng.”

Thế Tôn bảo:

“Thôi, thôi! Các người chớ ôm lòng sầu ưu. Vật phải chịu hủy hoại mà muốn nó không bị hủy hoại, không hề có lý này. Trước đây, Ta đã có nói, do bốn sự mà được tác chứng. Ta cũng đã dạy cho chúng bốn bộ bốn sự này. Những gì là bốn?”

⁵ Cf. D. 18. Mahāparinibbāsa; No 135; No 136; No 1(2).

⁶ Nại thị 奈氏, để bản chép nhầm là Nại kỳ 奈祇. Pāli: Ambapālivana, khu rừng của kỹ nữ Ambapāli (Nại nữ) cúng cho Phật. Cf. *Trường 2* (tr. 13b19 tt); Pāli, M. 18 (R.ii. 95). Từ đây trở đi, tương thuật đoạn đường cuối cùng của Phật đi đến rừng tịch diệt.

Tất cả hành là vô thường, đó gọi là pháp thứ nhất. Tất cả hành là khổ, đó gọi là pháp thứ hai. Tất cả hành vô ngã, đó gọi là pháp thứ ba, Niết-bàn là diệt tận, đó là pháp thứ tư. Như vậy, không bao lâu nữa Như Lai sẽ diệt độ. Các người nên biết gốc bốn pháp này, hãy giải giảng ý nghĩa đó cho khắp tất cả chúng sanh.”

Bấy giờ, Như Lai muốn cho nhân dân thành Tỳ-xá-ly quay trở về, liền hoá ra một hố lớn. Như Lai đưa các Tỳ-kheo sang bờ kia. Nhân dân nước ấy ở lại bên bờ này. Rồi Thế Tôn ném bát của mình lên hư không cho nhân dân ấy, lại nói rằng:

“Các người khéo cúng dường bát này. Cũng nên cúng dường pháp sư tài giỏi thì mãi mãi sẽ được phước vô lượng.”

Sau khi cho họ bát mình rồi, Thế Tôn liền đến nước Câu-thi-na-kiệt.⁷

Lúc ấy, hơn năm trăm người Lực sĩ⁸ ở nước Câu-thi-na-kiệt tập hợp lại một chỗ, bàn luận với nhau:

“Chúng ta cùng nhau làm việc kỳ lạ để sau khi mạng chung, vang danh cùng khắp, con cháu cùng truyền: ‘Ngày xưa, các Lực sĩ Câu-thi-na-kiệt có sức mạnh không ai bì.’”

Sau đó, họ lại nghĩ: “Nên làm công đức gì?”

Bấy giờ, cách nước Câu-thi-na-kiệt không xa có tảng đá vuông lớn, dài một trăm hai mươi bộ, rộng sáu mươi bộ. “Chúng ta hãy dựng đứng nó lên.” Họ dùng hết sức lực để dựng nó, nhưng không thể dựng được. Không lay động nổi, huống gì là nâng lên.

Lúc đó, Thế Tôn liền đi đến chỗ họ, nói rằng:

⁷ Câu-thi-na-kiệt 拘尸那竭. Pāli: Kusinārā. Bản kinh này nhảy tắt. *Trường* 2, 3 và Pāli M.18, từ Tỳ-xá-ly, Phật đi qua nhiều chỗ rồi cuối cùng mới đến Câu-thi-na; tại đây Phật sẽ nhập diệt.

⁸ Lực sĩ 力士, danh từ riêng chỉ bộ tộc chứ không phải danh từ chung; phiên âm là Mạt-la 末羅. Một trong các bộ tộc lớn thời Phật, lãnh địa là thành Câu-thi-na và Ba-bà. Pāli: Mallā, với hai thủ phủ Pāvā và Kusinārā.

“Các đồng tử, các cậu muốn làm gì?”

Các đồng tử bạch Phật:

“Vừa rồi, chúng con có bàn như vậy: ‘Chúng ta sẽ đòi tảng đá này đi, để được vang danh đời đời. Thi công từ đó [749b] đến nay đã bảy ngày, nhưng không thể làm cho tảng đá này chuyển động.’”

Phật bảo các đồng tử:

“Các cậu có muốn Như Lai dựng tảng đá này đứng dậy không?”

Các đồng tử đáp:

“Nay chính là lúc thích hợp, cúi xin Thế Tôn đặt lại tảng đá này.”

Khi ấy, Thế Tôn liền dùng bàn tay phải nâng khối đá này đặt lên bàn tay trái, rồi ném lên hư không. Tảng đá ấy lên đến Phạm thiên.

Lúc ấy, các người Lục sĩ Câu-thi-na-kiệt không thấy tảng đá nữa, bèn bạch Thế Tôn:

“Nay tảng đá đi đâu? Giờ tất cả chúng con đều không thấy.”

Thế Tôn bảo:

“Tảng đá đã lên đến Phạm thiên.”

Các đồng tử bạch Phật:

“Khi nào tảng đá này sẽ trở lại trên Diêm-phù-lợi-địa?”

Thế Tôn bảo:

“Nay ta sẽ đưa ra ví dụ. Người trí nhờ thí dụ sẽ tự hiểu. Nếu có người lên đến Phạm thiên, cầm tảng đá này ném xuống cõi Diêm-phù-địa, thì mười hai năm mới đến. Nhưng nay do cảm ứng oai thần Như Lai, nó sẽ trở lại ngay bây giờ.”

Sau khi Như Lai nói lời này xong, giây lát tảng đá rơi trở lại. Giữa hư không mưa xuống hàng trăm loại hoa trời. Bảy giờ, hơn năm trăm các đồng tử kia, từ xa nhìn thấy tảng đá rơi

xuống, mọi người đều chạy tán loạn, không ai đứng yên chỗ cũ.

Phật bảo các đồng tử:

“Chớ có sợ hãi. Như Lai biết lúc nào thích hợp.”

Khi ấy, Thế Tôn duỗi tay trái, từ xa đón tảng đá ấy đặt vào bàn tay phải, rồi dựng đứng nó lên. Lúc ấy, ba ngàn đại thiên thế giới chân động sáu cách, các trời thần diệu giữa hư không rải các loại hoa sen ưu-bát. Lúc ấy, năm trăm đồng tử đều khen là thật kỳ lạ, hiếm có, oai thần của Như Lai thật không gì có thể sánh kịp. Tảng đá này dài một trăm hai mươi bộ, rộng sáu mươi bộ, mà Như Lai có thể dùng một tay để đặt để nó.

Năm trăm đồng tử bèn bạch Phật rằng:

“Như Lai dùng lực gì để dời tảng đá này? Dùng sức thần túc, hay dùng sức trí tuệ để đặt lại tảng đá này?”

Phật bảo các đồng tử:

“Ta không dùng sức thần túc, cũng không dùng sức trí tuệ. Nay Ta dùng sức cha mẹ cho để đặt lại tảng đá này.”

Các đồng tử bạch Phật:

“Không rõ Như Lai dùng sức cha mẹ, là nghĩa thế nào?”

Thế Tôn bảo:

“Nay Ta sẽ đưa ra một thí dụ. Người trí nhờ thí dụ sẽ tự hiểu. Các đồng tử, sức mười con lạc đà không bằng sức của một [749c] con voi thường. Lại nữa, sức mười con lạc đà và một con voi thường không bằng sức của một con voi Ca-la-lặc.⁹ Lại nữa, sức của mười con lạc đà, một con voi thường và sức voi Ca-la-lặc không bằng sức của một con voi Cưu-đà-diên.¹⁰ Giả sử ngay sức mười con lạc đà, một con voi thường cho đến sức con voi Cưu-đà-diên không bằng sức của một con voi Bà-ma-

⁹ Ca-la-lặc. Cf. *Trung 36* (tr. 656c17): gia-la-lê 加羅梨. Pāli: kālārikā, M. i. 178.

¹⁰ Cưu-đà-diên 鳩陀延. Pāli (?).

na.¹¹ Lại tính sức con voi này không bằng sức một con voi Ca-nê-lưu.¹² Lại tính hết sức những con voi trên lại không bằng sức một con voi Ưu-bát.¹³ Lại tính sức bao nhiêu voi trên lại không bằng sức một con voi Câu-mâu-đà. Lại gom bao nhiêu sức các voi trên, lại không bằng sức một con voi Phân-đà-lợi. Lại gom tính hết những con voi trên đó, lại không bằng sức một con Hương tượng.¹⁴ Lại tính hết sức những con trên gộp lại không bằng sức một con Ma-ha-na-cực.¹⁵ Lại tính gom tất cả sức lực trên, lại không bằng sức một vị Na-la-diên.¹⁶ Lại tính gộp tất cả sức trên cũng không bằng sức một Chuyển luân Thánh vương. Lại tính tất cả sức trên hợp lại cũng không bằng sức một vị A-duy-việt-trí.¹⁷ Lại tính gộp tất cả sức trên lại cũng không bằng sức của một vị Bồ-tát bồ xứ. Lại gộp tất cả sức trên lại cũng không bằng sức của một vị Bồ-tát ngồi dưới bóng cây Đạo thọ. Lại gộp tất cả sức trên lại cũng không bằng sức của thân thể cha mẹ di truyền của Như Lai. Nay Ta đã dùng sức ấy để đăt lại tảng đá này.”

Lúc ấy, năm trăm đồng tử lại bạch Thế Tôn:

“Lực thần túc của Như Lai thì thế nào?”

Thế Tôn bảo:

¹¹ Bà-ma-na. *Trung 36*: bà-hòa-ngổ 婆惹瑠. Pāli, ibid.: vāmanikā.

¹² Ca-nê-lưu 迦泥留. *Trung 36*: gia-lê-ngổ 加梨瑠. Pāli: Pāli, ibid.: kaṇeru (?).

¹³ Ưu-bát (Pāli: *uppala*), câu-mâu-đà (Pāli: *kumuda*), phân-đà-lợi (Pāli: *punḍarīka*), đều là tên các loại sen.

¹⁴ Hương tượng 香象; cf. *Câu-xá 27* (tr. 140c9); Skt. *gandhahastin*, *gandhagaja*.

¹⁵ Ma-ha-na-cực 摩訶那極. *Câu-xá 27*: Ma-ha-nặc-kiện 摩訶諾健. Pāli, ibid. *mahānāga*.

¹⁶ Na-la-diên 那羅延. *Câu-xá 27* (tr.). Skt. Nārāyaṇa, tên một vị trời.

¹⁷ A-duy-việt-trí 阿維越致. Skt. *avaiartika*, Bồ tát Bất thối chuyển.

“Trước đây Ta có đệ tử tên Mục-kiền-liên có thần túc bậc nhất. Lúc ấy, Ta cùng vị ấy du hoá ở trong thôn Trúc viên Tỳ-la-nhã.¹⁸ Lúc ấy, trong nước này đang đói kém, nhân dân ăn thịt lẫn nhau, xương trắng đầy đường. Người xuất gia học đạo khát thực khó được. Thánh chúng gầy ốm, sức lực hư cạn. Lại nữa, nhân dân trong làng đều đói khát, lại cũng không nơi nương cậy. Mục-kiền-liên, bấy giờ đến chỗ Ta bạch với Ta: ‘Nay Tỳ-la-nhã này rất là đói kém, không nơi nào khát thực được. Nhân dân khốn khổ, không còn đường sống. Con tự thân nghe từ Như Lai những lời dạy này: phần dưới đất này có chất béo đất rất thơm ngon. Cúi xin Thế Tôn cho phép đệ tử lật lớp béo đất này lên trên để nhân dân này có được thứ ăn và khiến Thánh chúng cũng được [750] khí lực sung mãn.’ Khi ấy, Ta bảo Mục-liên: ‘Các côn trùng mềm yếu trong đất sẽ được để ở đâu?’ Mục-liên bạch: ‘Một tay con sẽ hoá ra giống như đất này, và một tay sẽ lật ngược lớp mỡ đất này, khiến những côn trùng mềm yếu đều ở yên tại chỗ của chúng.’ Bấy giờ, Ta lại bảo Mục-liên: ‘Ông muốn lật đất này lên bằng tâm thức gì?’ Mục-liên bạch: ‘Nay con lật đất này lên giống như người lực sĩ lật một lá cây, không có gì khó khăn.’ Lúc ấy, Ta lại bảo Mục-liên: ‘Thôi, thôi, Mục-liên! Không cần lật đất mỡ này. Vì sao vậy? Chúng sanh thấy việc này, sẽ sinh lòng sợ hãi, lông tóc đều rụng đứng, tháp miếu của chư Phật cũng sẽ bị hư hoại.’ Mục-liên lại bạch với Phật: ‘Cúi xin Thế Tôn cho phép Thánh chúng đến Uất-đan-viết khát thực.’ Phật bảo Mục-liên: ‘Trong đại chúng này, những người không có thần túc sẽ làm sao đến đó khát thực?’ Mục-liên bạch Phật: ‘Những người không có thần túc, con sẽ đưa đến đất ấy.’ Phật bảo Mục-liên: ‘Thôi, thôi, Mục-liên! Thánh chúng cần gì phải đến đó khát thực? Vì sao vậy? Đòi tương lai cũng sẽ có lúc đói kém như vậy, khát

¹⁸ Tỳ-la-nhã thôn Trúc viên 毘羅若竹園村. Chuyện được kể trong *Tứ phần I* (tr. 569a10): Phật trú dưới gốc cây na-lân-la-tân-mạn-chu-đà-la (Pāli: Naḷerupicumanda) trong thôn Tỳ-la-nhã (Pāli: Verañja).

cầu khó được, người không nhan sắc. Lúc ấy các trưởng giả bà-la-môn sẽ nói với Tỳ-kheo: ‘Sao các ông không đến Uất-đan-việt khát thực? Ngày xưa các đệ tử họ Thích có thần túc, gặp lúc đói kém, đều cùng nhau đến Uất-đan-việt khát thực để tự nuôi sống. Ngày nay đệ tử Thích ca không có thần túc, cũng không có hành vi oai thần của Sa-môn.’ Rồi coi thường Tỳ-kheo, khiến cho các cư sĩ trưởng giả kia đều sinh tâm kiêu mạn, mắc vô lượng tội. Mục-kiền-liên, nên biết, vì nhân duyên này, các chúng Tỳ-kheo không nên đến hết đó khát thực.’

“Các đồng tử, nên biết, thần túc của Mục-liên có oai đức của nó như vậy. Tính sức thần túc của Mục-liên tràn khắp ba ngàn đại thiên thế giới, không có một khe hở, nhưng không bằng một phần hàng trăm, ngàn, ức, vạn lần sức thần túc của Thế Tôn; không thể dùng thí dụ để so sánh. Thần túc của Như Lai, oai đức không thể đo lường được.”

Các đồng tử bạch Phật:

“Sức trí huệ của Như Lai thì thế nào?”

Thế Tôn bảo:

“Trước đây, ta cũng có đệ tử tên Xá-lợi-phất là bậc nhất trong hàng có trí huệ. Như một biển lớn dài rộng tám vạn bốn ngàn do tuần, nước đầy trong đó. Lại có núi [750a] Tu-di cao tám vạn bốn ngàn do tuần, chìm vào nước cũng như vậy. Diêm-phù-ly-địa, nam đến bắc là hai vạn một ngàn do tuần; đông sang tây là bảy ngàn do tuần. Nay lấy chúng để so sánh. Dùng nước trong bốn biển lớn làm mực; lấy núi Tu-di làm giấy; lấy cỏ cây hiện có Diêm-phù-địa làm bút; lại khiến người trong cả ba ngàn đại thiên thế giới đều viết, để tả hành nghiệp trí huệ của Tỳ-kheo Xá-lợi-phất. Song, các đồng tử nên biết, nước mực trong bốn biển lớn cạn, bút hết, người dần dần mạng chung, cũng không thể khiến trí huệ Tỳ-kheo Xá-lợi-phất cạn kiệt hết. Cũng vậy, các đồng tử, trong các đệ tử của ta, trí tuệ bậc nhất không ai vượt hơn trí huệ Xá-lợi-phất. Tính trí huệ Tỳ-kheo Xá-lợi-phất có thể biến khắp ba ngàn đại thiên thế

giới không có một khe hở, nhưng muốn so với trí huệ của Như Lai thì gấp trăm, nghìn, ức, vạn lần, không thể thí dụ đề so sánh. Sức trí huệ Như Lai chúng là như vậy.”

Các đồng lại bạch Phật:

“Còn có sức nào hơn các sức này không?”

Thế Tôn bảo:

“Cũng có sức này vượt trên các sức này. Đó là gì? Đó chính là sức mạnh của vô thường. Nửa đêm hôm nay, Như Lai ở giữa song thọ, bị lực vô thường dắt đến diệt độ.”

Lúc ấy, các đồng đều cùng rơi lệ than:

“Như Lai diệt độ sao chóng vậy! Thế gian sắp mất con mắt!”

Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Quân-trà-la Hệ Đầu¹⁹ là con gái trưởng giả Bà-la-đà. Tỳ-kheo-ni này tự nghĩ: “Ta nghe Thế Tôn không bao lâu nữa sẽ diệt độ, song số ngày đã hết. Giờ ta phải đến chỗ Thế Tôn để hầu thăm.” Tỳ-kheo ni này ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, đến chỗ Thế Tôn.²⁰ Từ xa, bà trông thấy Như Lai dẫn các Tỳ-kheo và năm trăm đồng tử đang đi đến rừng Song thọ. Khi ấy, Tỳ-kheo ni đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, bạch Thế Tôn:

“Con nghe Thế Tôn sắp diệt độ, không còn ở đời bao lâu.”

Thế Tôn nói:

“Đúng vào nửa đêm hôm nay Như Lai sẽ diệt độ.”

Tỳ-kheo-ni bạch Phật:

¹⁹ Quân-trà-la Hệ Đầu 君荼羅繫頭. Pāli: Kuṇḍalakesā. Bà nguyên tên là Bhaddā, trước đó theo Ni-kiền từ tu khổ hạnh, tóc bà bị quăn, nên có biệt danh là Kuṇḍalakesā (Tóc Quăn). Sau khi tranh luận với Xá-lợi-phất, bà trở thành Tỳ-kheo ni và đắc quả A-la-hán. Trên kia, kinh 5 phẩm 5, tên bà được phiên âm là Bạt-đà Quân-đà-la 拔陀軍陀羅.

²⁰ Theo các nguồn Pāli, từ Vesāli (Tỳ-xá-ly) đến Kusinārā khoảng 19 do-tuần.

“Nay con xuất gia học đạo, lại không kết quả như sở nguyện mà Thế Tôn đã bỏ con diệt độ. Cúi xin Thế Tôn nói pháp vi diệu cho con được như sở nguyện.”

Thế Tôn bảo:

“Nay cô hãy tư duy về nguồn gốc của khổ.”

Tỳ-kheo ni lại bạch Phật:

“Thật khổ, bạch Thế Tôn! Thật khổ, bạch [750c] Như Lai!”

Thế Tôn bảo:

“ Cô quán sát ý nghĩa gì mà nói là khổ?”

Tỳ-kheo ni bạch Phật rằng:

“Sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, sầu bi não khổ, oán tắng hội khổ, ân ái biệt ly khổ. Tóm lại mà nói năm thủ uẩn là khổ. Bạch Thế Tôn, con đã quán nghĩa này như vậy, cho nên bảo là khổ.”

Tỳ-kheo-ni sau khi tư duy nghĩa này, liền ngay ở trên chỗ ngồi đạt được ba đạt trí.²¹ Lúc ấy, Tỳ-kheo ni bạch Phật:

“Con không thể kham thấy Thế Tôn diệt độ. Cúi xin cho phép con diệt độ trước.”

Lúc ấy, Thế Tôn im lặng chấp nhận.

Tỳ-kheo ni liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, ở trước Phật, thân bay lên hư không, làm mười tám phép biến hoá, hoặc đi, hoặc ngồi, hoặc kinh hành, thân phát ra khói lửa, vọt lên hạ xuống tự do không có gì trở ngại, hoặc phun ra nước lửa đầy khắp hư không. Sau khi biến hoá đủ cách như vậy rồi, liền ở trong Niết-bàn giới vô dư mà diệt độ. Ngay lúc bà diệt độ, tám vạn thiên tử được mắt pháp thanh tịnh.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Trong các Thanh văn của Ta, Tỳ-kheo ni có trí huệ nhanh nhạy đứng đầu chính là Tỳ-kheo-ni Quân-trà-la.”²²

²¹ Ba đạt trí 三達智, tức ba minh.

Lúc ấy, Thế Tôn bảo A-nan:

“Người đến giữa song thọ trái chỗ nằm cho Như Lai.”

Đáp:

“Thưa vâng, Thế Tôn!”

Theo lời Phật dạy, A-nan đến giữa song thọ, trái tòa cho Như Lai, rồi trở về chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, bạch Thế Tôn:

“Con đã trái tòa xong, đầu về hướng bắc. Cúi xin Thế Tôn biết thời.”

Thế Tôn liền đến giữa song thọ, vào chỗ đã trái tòa sẵn. Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn:

“Vì có nhân duyên Như Lai bảo trái chỗ nằm xoay đầu về hướng bắc?”

Phật bảo A-nan:

“Sau khi ta diệt độ, Phật pháp sẽ ở Bắc Thiên-trúc. Vì nhân duyên này nên khiến trái tòa hướng bắc.”

Lúc ấy, Thế Tôn phân biệt²³ ba y.

A-nan bạch Phật:

“Vi sao hôm nay Như Lai phân biệt ba y?”

Phật bảo A-nan:

“Ta vì đàn-việt thí chủ trong đời tương lai nên phân biệt y này. Vì muốn cho những người kia hưởng phước này nên ta phân biệt y như vậy.”

²² Cf. A. i. 25: *khippābhiññānam yadidaṃ bhaddā kuṇḍalakesā*, đệ nhất thăng trí nhạy bén là Bhaddā Kuṇḍalakesā.

²³ Phân biệt, từ dịch khác của tác tịnh 作淨. Pāli: *kappakata*; Vin. iv. 286: *samaṇacīvaram nāma kappakatena vuccati*, y của sa-môn là y đã được tác tịnh (phân biệt). Y mới của Tỳ kheo trước khi dùng cần được hợp pháp hóa (xác nhận sở hữu hợp pháp) bằng cách chấm một điểm ở góc (điểm tịnh 點淨, Pāli: *kappabindu*). Cf. *Tứ phần 16* (tr. 676c14.); *Căn bản 16* (T23n1442, tr. 711a28).

Bấy giờ, trong chốc lát, từ miệng Thế Tôn phát ra ánh sáng năm màu, chiếu khắp mọi nơi. Lúc ấy, A-nan lại bạch Phật:

“Vi nhân duyên gì hôm nay từ miệng của Như Lai phát ra **[751a]** ánh sáng năm màu?”

Thế Tôn bảo:

“Vừa rồi, Ta nghĩ như vậy: ‘Khi chưa thành đạo, ở trong địa ngục lâu dài, nuốt hòn sắt nóng, hoặc ăn cây cỏ để nuôi thân tứ đại; hoặc làm la, lừa, lạc đà, voi, ngựa, heo, dê, hoặc làm ngựa quỳ nuôi bốn đại; hoặc sinh làm thân người,²⁴ mang hình chịu nạn thọ thai, hoặc hưởng phước trời ăn cam lồ tự nhiên. Nay Ta đã thành Như Lai, dùng căn lực ngộ đạo mà thành thân Như Lai. Vì nhân duyên này nên miệng phát ra ánh sáng năm màu.’”

Một lát sau, từ miệng Như Lai lại phát ra ánh sáng vi diệu hơn ánh sáng trước. Lúc ấy, A-nan bạch Thế Tôn:

“Vi nhân duyên gì Như Lai lại phát ra ánh sáng hơn ánh sáng trước?”

Thế Tôn bảo:

“Vừa rồi Ta tự nghĩ: ‘Chư Phật Thế Tôn trong quá khứ khi diệt độ thì pháp để lại không tồn tại lâu dài trên đời.’ Ta suy nghĩ lại: ‘Bằng phương tiện nào để pháp của ta tồn tại lâu dài ở đời?’ Thân Như Lai là thân kim cang, ý muốn nghiền nát thân này như hạt cải cho lưu bố trên thế gian, khiến những đàn-việt có lòng tin đời tương lai, tuy không thấy hình tượng Như Lai, nhưng chọn lấy đống cúng dường, nhờ duyên phước lành này sẽ sinh vào nhà bốn giai cấp, nhà Tứ thiên vương, trời Tam thập tam, trời Diệm-ma, trời Đâu-thuật, trời Hoá tự tại, trời Tha hoá tự tại. Nhờ phước lành này mà sanh vào cõi dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, hoặc lại đắc đạo Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật hoặc thành Phật đạo. Vì nhân duyên này nên phát ra ánh sáng này như vậy.”

²⁴ Cụm từ này sót trong đề bản. Đây y theo bản TNM thêm vào.

Lúc ấy, Thế Tôn tự thân gập tăng-già-lê thành bốn lớp, nằm nghiêng qua hông phải, hai bàn chân chồng lên nhau. Lúc ấy, tôn giả A-nan thương khóc rơi nước mắt, không thể tự chế, lại tự trách mình chưa được thành đạo, còn bị kết sử trói buộc, mà nay Thế Tôn đã bỏ mình diệt độ, sẽ nương tựa vào ai?

Lúc ấy, Thế Tôn biết nhưng vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo A-nan đang ở đâu?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Tỳ-kheo A-nan đang ở sau giường Như Lai, buồn khóc rơi lệ, không thể tự chế, lại tự trách đã không thành Đạo, lại chưa dứt sạch kết sử, mà nay Thế Tôn đã bỏ mình Niết-bàn.”

Lúc ấy, Thế Tôn bảo A-nan:

“Thôi! Thôi! A-nan, chớ có sầu ưu. Phàm vật ở đời đáng phải tan rã, muốn cho không biến đổi thì việc này không thể, cần nỗ lực tinh tấn nhớ tu tập chánh pháp, như vậy không bao lâu cũng sẽ hết gốc khổ, thành hạnh vô lậu. Thời quá khứ, các Như Lai Chánh đẳng Chánh giác²⁵ cũng có thị giả như vậy. Giả sử hằng sa chư Phật trong tương lai cũng sẽ có thị giả như Tỳ-kheo A-nan.

“Chuyển luân Thánh vương có bốn pháp hiếm có. Sao gọi là bốn? Ở đây, khi Chuyển luân Thánh vương đi ra khỏi nước, nhân dân thấy, không một ai không vui vẻ. Bây giờ, Chuyển luân Thánh vương có dạy điều gì thì những ai nghe không một ai không vui mừng, nghe những lời dạy này không biết chán. Bây giờ, Chuyển luân Thánh vương im lặng. Giả sử người dân thấy vua im lặng thì cũng lại hoan hỷ. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là bốn Pháp hiếm có của Chuyển luân Thánh vương.

“Tỳ-kheo, nên biết, nay A-nan cũng có bốn pháp hiếm có. Sao gọi là bốn? Giả sử Tỳ-kheo A-nan im lặng đến giữa đại chúng, nếu có ai thấy, không ai không vui vẻ. Giả sử Tỳ-kheo A-nan

²⁵ Đề bản: Đa-tát a-kiệt a-la a-tam-da-tam-phật.

có nói điều gì; ai nghe những lời này cũng đều vui vẻ. Giả sử A-nan im lặng thì cũng như vậy. Nếu Tỳ-kheo A-nan đi vào trong bốn chúng như sát-lợi, bà-la-môn, quốc vương, cư sĩ, họ đều vui vẻ, sinh lòng cung kính, nhìn mà không biết chán. Giả sử Tỳ-kheo A-nan có nói những điều gì thì người nghe dạy pháp cũng nghe không biết chán. Đây các Tỳ-kheo, đó gọi là bốn pháp hiếm có của Tỳ-kheo A-nan.”

Lúc ấy, A-nan bạch Thế Tôn:

“Nên giao thiệp với người nữ như thế nào, khi mà đến giờ Tỳ-kheo đắp y, cầm bát, khát thực từng nhà nhà để tạo phước cho chúng sanh?”

Phật bảo A-nan:

“Chớ có nhìn họ. Nếu có nhìn thì chớ có nói chuyện. Nếu nói chuyện thì phải chuyên tâm ý.”

Lúc ấy, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Chớ giao du người nữ;
Cũng chớ có trò chuyện.
Ai có thể xa lìa,
Thì tránh được tám nạn.²⁶*

[751c7] “Nên đối xử với Tỳ-kheo Xa-na như thế nào?”²⁷

Thế Tôn bảo:

“Cần phải trừng phạt bằng pháp phạm-đàn²⁸.”

A-nan bạch Phật:

“Trùng phạt bằng pháp phạm-đàn là thế nào?”

²⁶ Bản Hán, hết quyển 36.

²⁷ Tỳ kheo Xa-na 車那比丘, cũng thương âm là Xa-nặc. *Trường 4*, tr. 26a19, phạm đàn 梵壇. Pāli: Channa. Nguyên quân hầu của Thái tử, tính tình ương bướng không chịu các Tỳ kheo khuyên bảo.

²⁸ Phạm pháp 梵法, hay nói đủ là Phạm-đàn, biện pháp trừng phạt Tỳ kheo bằng mặc tẩn: không ai được phép quan hệ, nói chuyện, với Tỳ kheo bị phạt phạm-đàn. Pāli: brahmadāṇa.

Thế Tôn bảo:

“Không được nói chuyện gì cùng Tỳ-kheo Xa-na, không nói điều tốt, cũng không nói xấu. Tỳ-kheo này cũng không được nói chuyện gì với ông.”

A-nan bạch Phật:

“Nếu tỳ kheo ấy vẫn không chịu phục tùng, tội ấy há không nặng thêm sao?”

Thế Tôn bảo:

“Chỉ không nói chuyện tức là trừng phạt bằng phạm-đàn. Nhưng nếu vẫn không sửa đổi, cần phải đưa ra giữa chúng để mọi người cùng quyết định trục xuất,²⁹ không cho thuyết giới chung, cũng không được tham dự pháp hội.”

Lúc ấy, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Muốn trả lại oán thù,
Cho kẻ oán gia kia,
Thường nhớ chớ nói chuyện;
Ác này không đi quá.³⁰*

Lúc ấy, nhân dân Câu-thi-na-kiệt nghe Như Lai sắp diệt độ vào nửa đêm nay. Lúc này nhơn dân cả nước liền đi đến rừng Song thọ. Đến rồi, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, nhân dân bạch Thế Tôn:

“Nay nghe Như Lai sắp diệt độ, chúng con phải làm gì để biểu lộ sự tôn kính?”

Lúc ấy, Thế Tôn quay lại nhìn A-nan. A-nan liền tự nghĩ: “Hôm nay thân thể Như Lai mệt mỏi, muốn sai ta chỉ bày cách thức cho họ.”

Rồi A-nan quỳ gối phải sát đất chắp tay bạch Thế Tôn:

²⁹ Tăng tác pháp yết-ma ha trách đối với tỳ kheo ương bướng. Tỳ kheo bị phạt này sẽ không được tham dự các pháp yết-ma của Tăng. Xem *Tứ phần*, đã dẫn.

³⁰ Trường A-hàm, và Pāli tương đương, không có bài kệ này.

“Hôm nay có hai dòng họ, một tên là Bà-a-đà, một tên là Tu-bạt-đà³¹ đến quy y Như Lai Thánh chúng. Cúi xin Thế Tôn cho phép họ làm Ưu-bà-tắc, từ đây về sau không sát sanh nữa.

Lại có người tên Đê-xa, người thứ hai tên Ưu-ba-đê-xa. Lại có người tên Phậ-xá, người thứ hai tên Kê-đầu.³² Những người này đều đến quy y Như Lai. Cúi xin Thế Tôn nhận họ làm Ưu-bà-tắc, từ nay về sau không sát sanh nữa, vâng giữ năm giới.

Lúc ấy, Thế Tôn thuyết pháp rộng rãi cho họ. Sau đó bảo họ trở về. Bấy giờ, chúng năm trăm người Ma-la liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu Phật ba vòng rồi lui đi. Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan:

“Những đệ tử chúng ngộ cuối cùng của Ta chính là năm trăm Ma-la ở Câu-thi-na-kiệt.

Bấy giờ, bà-la-môn Tu-bạt từ nước kia³³ đi đến Câu-thi-na-kiệt. Từ xa trông thấy năm trăm người này, liền hỏi:

“Các vị từ đâu đến?”

Năm trăm người đáp:

“ Tu-bạt, nên biết, hôm nay Như Lai sẽ diệt độ giữa cây song thọ.”

Lúc ấy, Tu-bạt liền tự nghĩ:

“Như Lai xuất hiện ở đời, rất là khó gặp. Sự xuất thế của Như Lai lâu lâu mới có. Như hoa ưu-đàm-bát, ức kiếp mới xuất hiện. Nay ta có những pháp chưa được thông tỏ, còn ít nhiều hồ

³¹ Bà-a-đà 婆阿陀 và Su-bạt-đà 須拔陀, có lẽ Pāli: Bhadda và Subhadda. Nhưng cả hai không thấy đề cập trong Trường A-hàm và Pāli tương đương vào dịp này.

³² Đê-xa 帝奢, Ưu-ba-đê-xa 優波帝奢, Phậ-xá 佛舍, Kê-đầu 雞頭: tên những cư sỹ cuối cùng này không thấy đề cập trong Trường A-hàm và Pāli tương đương.

³³ Đề bản: bi quốc 彼國; đây chỉ Vương quốc của người Ma-la (Pāli: malla). Ba bản Tống-Nguyên-Minh: từ nước Ba-ba 波波. Pāli: Pāva, một trong hai thị trấn của người Ma-la, Câu-thi-na (Kusinārā) và Ba-ba (Pāva).

nghi. Chỉ có Sa-môn Cù-đàm kia có thể giải thích hồ nghi cho ta. Nay ta hãy đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm kia mà hỏi nghĩa này.”

Rồi bà-la-môn Tu-bạt đến chỗ Song thọ, đến chỗ A-nan, thưa A-nan:

“Tôi nghe hôm nay Thế Tôn sẽ diệt độ; không biết có thật vậy không?”

A-nan đáp:

“Thật có việc này”

Tu-bạt bạch:

“Song hôm nay tôi còn có hồ nghi. Cúi xin cho phép tôi bạch Thế Tôn lời này: Mọi người không rõ những điều Lục sư nói. Tôi có thể biết những điều Sa-môn Cù-đàm nói chăng?”³⁴

A-nan nói:

“Thôi! Thôi! Tu-bạt, chớ có quấy nhiễu Như Lai!”

Ba lần như vậy. Ông lại thưa với A-nan:

“Như Lai xuất thế rất là khó gặp. Như hoa Ưu-đàm-bát, lâu lâu mới có. Như Lai cũng vậy, lâu lâu mới xuất hiện. Nay tôi xét thấy Như Lai có khả năng giải thích những hồ nghi cho tôi. Nay, ý nghĩa mà tôi muốn hỏi, thật không đủ lời để nói. Bây giờ A-nan lại không cho tôi đến thưa hỏi Thế Tôn. Lại nghe Như Lai có thể thấy xa đến vô cùng, có thể thấy khoảng trước đến vô cực, mà hôm nay tôi vẫn không được tiếp nhận.”

Ngay khi ấy, Thế Tôn bằng thiên nhãn, từ xa nghe Tu-bạt bàn với A-nan như vậy. Thế Tôn bảo A-nan:

“Thôi, thôi, A-nan! Chớ ngăn bà-la-môn Tu-bạt. Vì sao vậy? Ông ấy đến hỏi nghĩa, thật có nhiều lợi ích. Nếu Ta nói pháp, ông ấy sẽ được độ thoát.”

³⁴ *Trường 4*, tr. 25a20 : Có sáu Tôn sư. Sa-môn Cù-đàm có thể biết rõ thuyết của họ chăng? Pāli, D. ii. 152: Có sáu vị Tôn sư, tự tuyên bố là đã giác ngộ. Có thật họ đã giác ngộ?

A-nan bèn bảo Tu-bạt:

“Lành thay, lành thay! Nay Như Lai đã cho phép ông vào trong hội pháp.”

Sau khi nghe những lời ấy rồi, Tu-bạt vui mừng hơn hờ không xiết kể. Tu-bạt đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, Tu-bạt bạch Thế Tôn:

“Nay con có điều muốn hỏi, cúi xin Thế Tôn cho phép.”

Lúc ấy, Thế Tôn bảo Tu-bạt:

“Nay chính đúng lúc, nên có thể hỏi.”

Lúc ấy, Tu-bạt bạch Phật:

“Các Sa-môn khác, thừa Cù-đàm, biết các toán thuật, hơn hẳn nhiều người. Đó là Bất-lan Ca-diếp, A-di-sử, Cù-da-lâu, Chi-hưu Ca-chiên, Tiên-tỷ-lô-trì, Ni-kiền Tử.³⁵ Những hạng Tông sư như vậy có biết việc ba đời không? Hay là không rõ? Trong Lục sư kia lại có ai hơn được Như Lai không?”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo:

“Thôi, thôi, Tu-bạt! Chớ nên hỏi điều đó. Phiền gì phải hỏi có ai hơn Như Lai không? Song hôm nay Ta ngay trên chỗ ngồi này, sẽ nói pháp cho Ông. Hãy ghi nhớ kỹ.”

Tu-bạt bạch Phật:

“Nay, con sẽ hỏi nghĩa lý sâu xa. Bấy giờ là lúc thích hợp, cúi xin Thế Tôn hãy nói.”

Thế Tôn bảo:

“Lúc Ta mới học đạo, năm hai mươi chín tuổi, vì muốn độ mọi người. Cho đến năm hai mươi lăm tuổi,³⁶ học ở trong ngoại đạo. Từ đó đến nay, Ta không thấy ai là Sa-môn, Bà-la-môn. Trong các đại chúng nào mà không có tám đạo Hiền thánh thì ở

³⁵ Xem kinh 11 phẩm 38.

³⁶ Đề bản: ba mươi lăm. Tống-Nguyên-Minh: hai mươi lăm. Kể từ xuất gia, cho đến sáu năm khổ hạnh.

đó không có bốn quả Sa-môn. Nay Tu-bạt, đó gọi là thế gian trống rỗng, không có ai là chân nhân đắc đạo. Rong đạo Hiền thánh nào có pháp Hiền thánh thì ở đó có bốn kết quả Sa-môn. Vì sao vậy? Sở dĩ có bốn kết quả Sa-môn là do có tám phẩm đạo Hiền thánh. Nay Tu-bạt, nếu như Ta mà không đắc Đạo Vô thượng Chánh chơn, ấy là do không có tám phẩm đạo Hiền thánh. Do có tám phẩm đạo Hiền thánh nên Ta mới thành Phật đạo. Cho nên, Tu-bạt, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu đạo Hiền Thánh.”

Tu-bạt bạch Phật:

“Con cũng rất muốn ưa nghe tám phẩm đạo Hiền Thánh, cúi xin Thế Tôn giảng nói.”

Thế Tôn bảo:

“Tám đạo Hiền Thánh là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh mạng, chánh nghiệp, chánh tinh tấn, chánh niệm, Chánh định³⁷. Nay Tu-bạt, đó gọi là tám phẩm đạo Hiền thánh.”

Lúc ấy, Tu-bạt ngay trên chỗ ngồi đắc pháp nhãn tịnh. Bấy giờ, Tu-bạt đi đến nói với A-nan:

“Nay tôi đã được thiện lợi. Ước Thế Tôn cho phép tôi làm Sa-môn.”

A-nan đáp:

“Ông hãy tự đến chỗ Thế Tôn mà thỉnh cầu làm Sa-môn.”

Tu-bạt bèn đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi bạch Thế Tôn:

“Cúi xin Thế Tôn cho phép con làm Sa-môn.”

Bấy giờ, Tu-bạt liền thành Sa-môn, thân mặc ba Pháp y. khi Tu-bạt ngược nhìn dung nhan Thế Tôn, liền ngay trên chỗ ngồi tâm được giải thoát khỏi hữu lậu.

³⁷ Đê bản: Đẳng kiến, Đẳng tri, Đẳng ngữ, Đẳng mạng, Đẳng nghiệp, Đẳng phương tiện, Đẳng niệm, Đẳng tam muội.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan:

“Đệ tử cuối cùng của Ta chính là Tu-bạt.”

Lúc ấy, Tu-bạt bạch Phật:

“Con nghe, nửa đêm nay Thế Tôn sẽ Bát Niết-bàn. Cúi xin Thế Tôn cho phép con Niết-bàn trước. Con không kham chịu thấy Như Lai diệt độ trước.”

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng chấp nhận. Vì sao vậy? Vì đệ tử chứng ngộ cuối cùng của hàng sa chú Phật Thế Tôn quá khứ đều Bát Niết-bàn trước, sau đó Như Lai mới diệt độ. Đó là thường pháp của chư Phật Thế Tôn, chẳng phải mới ngày nay. Lúc ấy, Tu-bạt thấy Thế Tôn đã hứa khả, liền đến trước Như Lai, chánh thân chánh ý, buộc niêm trước mặt, ở trong vô dư Niết-bàn giới mà diệt độ. Lúc ấy, cõi đất này chấn động sáu cách.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Hết thấy hành vô thường.

Có sanh thì có chết.

Không sanh thì không chết.

Tịch tĩnh là an lạc.³⁸

Lúc ấy, Thế Tôn bảo A-nan:

“Từ nay về sau hãy bảo các Tỳ-kheo, khi giao tiếp, không được gọi nhau là “bạn”³⁹, mà hãy xưng bậc lớn là “Tôn giả”, bậc nhỏ xưng là “Hiền giả”. Hãy xem nhau như anh em. Từ nay về sau không được xưng tên do cha mẹ đặt.”⁴⁰

³⁸ Hán: thử diệt thị tối lạc. So sanh Pāli: *tesaṃ vūpasamo sukho*, sự tịnh chí (tịch tĩnh) của chúng (sinh diệt) là an lạc.

³⁹ Hán: khanh bộc 卿僕. Pāli, khi Phật tại thế, các Tỳ kheo, không kể lớn nhỏ, đều gọi nhau là “*āvuso*” mà Hán thường dịch là “Hiền giả.”

⁴⁰ Pāli. D. ii. 254: Tỳ kheo Thượng tọa (*Thera*) gọi Tỳ kheo niên thiếu bằng tên (*nāma*) hay họ (*gotta*), hay Hiền giả (*āvuso*: này bạn). Tỳ kheo niên thiếu gọi Tỳ kheo Thượng tọa là Đại đức (*bhante*) hay Trưởng lão (*āyusamā*).

Lúc ấy, A-nan bạch Thế Tôn:

“Nay, như các Tỳ-kheo phải tự xưng danh hiệu thế nào?”

Thế Tôn bảo:

“Tỳ-kheo nhỏ gọi Tỳ-kheo lớn là Trưởng lão. Tỳ-kheo lớn gọi Tỳ-kheo nhỏ bằng tên họ. Lại, các Tỳ-kheo muốn đặt tên thì phải y vào Tam bảo. Đó là lời dạy bảo của Ta.”

A-nan sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4⁴¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Lộc uyển,⁴² nước Xá-vệ, cùng với năm trăm Tỳ-kheo .

Lúc ấy, A-tu-la Ba-ha-la⁴³ và thiên tử Mâu-đề-luân⁴⁴ phi thời⁴⁵ đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Lúc ấy, Như Lai hỏi a-tu-la rằng:

“Các người rất thích biển lớn phải không?”

A-tu-la bạch Phật:

“Rất thích, chẳng phải là không thích”

Thế Tôn bảo:

“Biển cả có pháp kỳ lạ gì, [753a01] mà các người thấy rồi, lại vui thích ở trong đó?”

A-tu-la bạch Phật:

⁴¹ Pāli tương đương, A. viii. 19 Asurinda. Hán, No 26(35).

⁴² Lộc dã uyển 鹿野苑, không rõ ở đâu tại Xá-vệ. No 26(35): Phật ở tại Tỳ-lan-nhã 鞞蘭若, trong vườn Hoàng lô 黃蘆園. Pāli, ibid.: *verañjāyaṃ, nalerupucimandamūle*.

⁴³ Ba-ha-la A-tu-luân 波呵羅阿須倫 No 26 (35): Bà-la-la A-tu-la vương Mâu-lê-giá A-tu-la tử 婆羅邏阿修羅王牟梨遮阿修羅子, tên một người, nhưng trong bản Hán dịch này đọc là hai. Pāli, ibid.: Pahārado asurindo.

⁴⁴ Mâu-đề-luân thiên tử 牟提輪天子, xem cht. 43 trên.

⁴⁵ No 26 (35): đến vào lúc đêm gần tàn.

“Biển cả có tám pháp hiếm có nên các a-tu-la thích nó. Những gì là tám? Biển cả rất sâu rộng. Đó gọi là pháp hiếm có thứ nhất.

“Lại nữa, biển cả có đức thần này: bốn sông lớn, mỗi sông có năm trăm nhánh khi đổ vào biển liền mất tên cũ. Đó gọi là pháp hiếm có thứ hai.

“Lại nữa, biển cả đều cùng một vị. Đó gọi là pháp hiếm có thứ ba.

“Lại nữa, trong biển cả thủy triều lên xuống đúng giờ. Đó gọi là pháp hiếm có thứ tư.

“Lại nữa, biển cả là nơi ở của các loài quý thần; các loài có hình, không loài nào không ở trong ấy. Đó gọi là pháp hiếm có thứ năm.

“Lại nữa, biển cả dung chứa loài có hình cực lớn; hình hàng trăm do tuần đến hình bảy ngàn do tuần cũng không trở ngại. Đó gọi là pháp hiếm có thứ sáu.

“Lại nữa, trong biển cả sản xuất nhiều loại trân báu khác nhau, xa cừ, mã não, trân châu, hổ phách, thủy tinh, lưu ly. Đó gọi là pháp hiếm có thứ bảy.

“Lại nữa, đáy biển có cát bằng vàng, lại có núi Tu-di do bốn loại châu báu tạo thành. Đó gọi là pháp hiếm có thứ tám. Đây gọi là tám pháp hiếm có khiến cho các A-tu-la vui thích ở trong ấy.”

Bấy giờ, A-tu-la bạch Phật:

“Trong Pháp Như Lai có gì kỳ đặc khiến các Tỳ-kheo vui thích ở trong ấy?”

Phật bảo A-tu-la:

“Có tám pháp hiếm có khiến các Tỳ-kheo vui thích ở trong đó. Sao gọi là tám? Trong pháp của Ta đầy đủ giới luật, không có hành phóng dật. Đó gọi là pháp hiếm có thứ nhất, các Tỳ-kheo thấy rồi vui thích ở trong đó, như biển cả kia rất sâu và rộng.

“Lại nữa, trong pháp của Ta có bốn chủng tánh. Ở trong pháp Ta làm Sa-môn, họ không còn giữ tên họ cũ, mà đặt lại tên khác.⁴⁶ Giống như biển lớn kia, bốn sông lớn đều đổ vào biển mà cùng một vị, không còn có tên khác. Đó gọi là pháp hiếm có thứ hai.

“Lại nữa, trong pháp của Ta, cấm giới được chế lập lần lượt tiếp nối nhau, không vượt thứ tự.⁴⁷ Đó gọi là pháp hiếm có thứ ba.

“Lại nữa, pháp của Ta đều cùng một vị, đó là vị tám phẩm đạo Hiền thánh.⁴⁸ Đó gọi là pháp hiếm có thứ tư, như biển cả kia đều cùng một vị.

“Lại nữa, trong pháp của Ta sung mãn mọi pháp khác nhau: Đó là bốn chánh đoạn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám chánh đạo.⁴⁹ Các Tỳ-kheo thấy rồi, vui thích ở trong đó. Như biển lớn kia các vị thần cư trú trong ấy. Đó gọi là pháp hiếm có thứ năm.

“Lại nữa, trong pháp của Ta có các loại châu báu như: niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi⁵⁰. Đó gọi là pháp hiếm có thứ sáu, các Tỳ-kheo thấy rồi, vui thích ở trong đó, như biển cả sản sinh các loại châu báu.

“Lại nữa, trong pháp của Ta, các chúng sanh cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo, ở trong vô dư Niết-bàn giới

⁴⁶ No 26(35): xả bỏ tên họ cũ, đồng gọi là “sa-môn.”

⁴⁷ No 26(35): Trong Chánh Pháp Luật này, sự tu học tiến dần từ cạn đến sâu.

⁴⁸ Chánh pháp luật của Phật đều đồng một vị: vị vô dục, vị giác ngộ, vị tịch tĩnh, vị đạo. Pāli, ibid.: *ayam dhammavinayo ekaraso, vimuttiraso*, chánh pháp luật này chỉ một vị: vị giải thoát.

⁴⁹ Nguyên Hán: bát chân trực hành 八真直行.

⁵⁰ Để bản: niệm giác ý, pháp giác ý, tinh tấn giác ý, hỷ giác ý, xả giác ý, định giác ý, hộ giác ý.

mà diệt độ; nhưng pháp Ta không có tăng giảm. Như biển cả kia, các sông đổ vào mà vẫn không có tăng giảm. Đó gọi là pháp hiếm có thứ bảy, các Tỳ-kheo thấy rồi, vui thích ở trong đó.

“Lại nữa, trong pháp của Ta có định kim cương, có định diệt tận, định nhất thiết quang minh, định vô sanh⁵¹, các loại định không thể tính hết,⁵² các Tỳ-kheo thấy rồi, vui thích ở trong đó; như dưới đáy biển cả kia có cát vàng. Đó gọi là pháp hiếm có thứ tám, các Tỳ-kheo thấy rồi, vui thích ở trong đó.

“Ở trong pháp của Ta có tám pháp vị tăng hữu này, các Tỳ-kheo rất tự vui thích ở trong đó.”

Lúc ấy, A-tu-la bạch Thế Tôn:

“Như trong pháp của Như Lai, giả sử có một pháp hiếm có thì cũng hơn tám pháp hiếm có trong biển kia, gấp trăm, gấp ngàn lần, không thể so sánh, đó chính là bát đạo Hiền thánh. Lành thay! Thế Tôn đã nói những điều này.”

Bấy giờ, Thế Tôn lần lượt nói cho họ nghe về bố thí, trì giới, sanh thiên, dục là tướng bất tịnh, là hữu lậu, là họa lớn, giải thoát là pháp vi diệu. Sau khi Thế Tôn đã thấy tâm ý họ khai mở, như những gì chư Phật Thế Tôn thường thuyết pháp, Ngài nói hết cho họ về Khô, tập, diệt, đạo.

Lúc này, A-tu-la liền tự nghĩ: ‘Đáng ra có năm đế, nay Thế Tôn chỉ nói bốn đế cho mình. Cho chư thiên thì nói năm đế!’

Trong lúc ấy, vị thiên tử liềm ngay trên chỗ ngồi mà được pháp nhãn thanh tịnh.

A-tu-la bạch Thế Tôn:

“Lành thay! Thế Tôn đã nói những điều này. Nay con muốn trở về chỗ ở.”

⁵¹ Nguyên hán: bất khởi tam-muội 不起三昧.

⁵² No 26(35), thay các định (tam-muội) nà bằng các Thánh quả, A-la-hán cho đến Tu-đà-hoàn.

Thế Tôn bảo:

“Nên biết hợp thời.”

A-tu-la rời chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật, rồi theo đường mà đi.

Lúc ấy, thiên tử bảo A-tu-la:

“Những gì ông đã nghĩ hôm nay thật là không tốt! Nghĩ rằng: ‘Sao Như Lai vì chư thiên nói năm đế, vì ta nói bốn đế?’ Vì sao vậy? Vì chư Phật Thế Tôn không bao giờ nói hai lời, chư Phật không bao giờ bỏ chúng sanh, nói pháp cũng không biết mệt mỏi, nói pháp cũng lại vô tận, cũng lại không lựa người mà nói pháp, mà nói pháp với tâm bình đẳng. Chỉ có bốn đế là Khổ, Tập, Diệt, Đạo, nay ông chớ có nghĩ vậy mà đổ lỗi Như Lai nói có năm đế.”

A-tu-la đáp:

“Nay tôi đã tạo việc không tốt, tự sẽ sám hối. Tôi phải đến chỗ Như Lai để hỏi nghĩa này.”

A-tu-la và Thiên tử sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5⁵³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn cây Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Trời đất chấn động mạnh là do tám nhân duyên. Những gì là tám? Tỳ-kheo, nên biết, đất Diêm-phù-ly này nam bắc dài hai vạn, một ngàn do tuần, đông tây bảy ngàn do tuần, dày sáu vạn tám ngàn do tuần, nước dày tám vạn bốn ngàn do tuần, lửa dày tám vạn bốn ngàn do tuần, dưới tầng lửa có tầng gió dày sáu

⁵³ A.viii. 70 Bhūmicāla. Hán, No 26(36).

vạn tám ngàn do tuần, dưới tầng gió có bánh xe kim cương, xá lợi của chư Phật trong quá khứ đều ở trong đó.

“Tỳ-kheo, nên biết, hoặc có lúc gió lớn chính động, lửa cũng động; lửa đã động thì nước liền động; nước đã động thì đất liền động. Đó gọi là nhân duyên thứ nhất khiến đất động mạnh.

“Lại nữa, Bò-tát từ cung trời Đâu-suất giáng thần vào trong thai mẹ, lúc ấy mặt đất cũng động mạnh. Đó gọi là nhân duyên thứ hai khiến đại địa động.

“Lại nữa, khi Bò-tát giáng thần ra khỏi thai mẹ, lúc ấy trời đất động mạnh. Đó gọi là nhân duyên thứ ba khiến đất động mạnh.

“Lại nữa, Bò-tát xuất gia học đạo, thành Vô thượng Chánh chơn, Đẳng chánh giác, lúc đó trời đất động mạnh. Đó gọi là nhân duyên thứ tư khiến đất động mạnh.

“Lại nữa, khi Như Lai nhập vô dư Niết-bàn giới mà diệt độ, lúc đó trời đất động mạnh. Đó là nhân duyên thứ năm khiến đất động mạnh.

“Lại nữa, có Tỳ-kheo có thần túc lớn, tâm được tự tại, tùy ý hành vô số biến hoá, hoặc phân thân thành cả trăm ngàn, rồi trở lại thành một, phi hành trên hư không, xuyên qua vách đá, vọt lên lặn xuống tự [754a01] tại, quán đất không có tướng đất, rõ tất cả đều rỗng không, lúc này đất động mạnh. Đó gọi là nhân duyên thứ sáu khiến đất động mạnh.

“Lại nữa, chư thiên có thần túc lớn, thần đức vô lượng. Từ nơi ấy mạng chung, sinh vào cõi kia; nhờ phước hạnh đời trước nên các đức đầy đủ, bỏ hình trời cũ, được làm Đế Thích, hoặc làm Phạm thiên vương, lúc ấy đất động mạnh. Đó gọi là nguyên nhân thứ bảy khiến đất động mạnh.

“Lại nữa, nếu chúng sanh nào khi mạng chung hết phước; lúc ấy, các quốc vương không thích nước mình, nên họ công phạt lẫn nhau, hoặc chết vì đói thiếu, hoặc chết vì đao, kích, lúc ấy trời đất động mạnh. Đó gọi là nhân duyên thứ tám khiến đất động mạnh.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6⁵⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, tôn giả A-na-luật du hành tại nơi mà bốn Phật đã từng cư trú.

Lúc ấy, A-na-luật ở nơi vắng vẻ, suy nghĩ: “Trong các đệ tử của Thích-ca Văn Phật, những vị thành tựu giới đức, trí tuệ đều nương vào giới luật, được nuôi lớn trong chánh pháp này. Trong các Thanh văn, người nào giới luật không đầy đủ, những vị ấy đều xa lìa chánh pháp, không tương ưng với giới luật. Nay như hai pháp này, giới và văn, pháp nào hơn? Nay ta đem gốc nhân duyên này đến hỏi Như Lai, việc này như thế nào?”

A-na-luật lại suy nghĩ: “Pháp này là sở hành của người biết đủ, chẳng phải là sở hành của người không biết chán đủ; là sở hành của người ít muốn, chẳng phải là sở hành của người nhiều ham muốn. Pháp này là sở hành của người thích nơi vắng vẻ, chẳng phải sở hành của người ở nơi ồn ào. Pháp này là sở hành của người tri giới, chẳng phải sở hành của người phạm giới. Là sở hành của người có định, chẳng phải sở hành của người động loạn. Là sở hành của người trí huệ, chẳng phải là sở hành của người ngu. Là sở hành của người nghe nhiều, chẳng phải sở hành của người ít nghe.”

Rồi A-na-luật suy nghĩ: “Ta hãy đến chỗ Thế Tôn để hỏi về nghĩa này, về tám điều suy niệm của bậc đại nhơn này.”

Bấy giờ, Thế Tôn đang ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá Vệ.

Trong thời gian ấy, vua Ba-tu-nặc thỉnh Phật và Tăng Tỳ-kheo hạ an cư chín mươi ngày.

⁵⁴ Pāli, A.viii. 30 Anurudha. Hán, No 26(74). No 46.

Rồi thì, A-na-luật dẫn năm trăm Tỳ-kheo du hóa trong nhân gian, lần hồi đi đến nước Xá-vệ, đến chỗ Như Lai, đánh lễ sát chân Phật và ngồi qua một bên. Lúc ấy, A-na-luật bạch Thế Tôn:

“Ồ nơi vắng vẻ, con đã suy nghĩ nghĩa này: Giới và văn; trong hai pháp này, pháp nào hơn?”

Thế Tôn liền nói kệ này cho A-na-luật:

*Nay ông khởi hồ nghi:
Giới hơn, hay văn hơn?
Giới luật hơn hẳn kinh,
Điều đó, có gì nghi?*

“Vì sao vậy? A-na-luật, nên biết, Tỳ-kheo nào thành tựu giới, vị ấy đắc định. Đã đắc định, liền được trí huệ. Đã có trí huệ, liền được đa văn. Đã được đa văn, liền được giải thoát. Đã đã giải thoát, sẽ ở trong vô dư Niết-bàn giới mà diệt độ. Do đây mà biết giới là hơn hết.”

Khi ấy, A-na-luật nói với Thế Tôn về tám điều suy niệm của bậc đại nhân. Phật bảo A-na-luật:

“Lành thay, lành thay, A-na-luật! Những điều nay ông nghĩ chính là những điều bậc đại nhân tư duy. Ít muốn, biết đủ, ở nơi vắng vẻ, thành tựu giới, thành tựu tam-muội, thành tựu trí huệ, thành tựu giải thoát, thành tựu đa văn. Nay A-na-luật, ông hãy xác lập ý, tư duy về tám điều suy niệm của bậc đại nhân. Thế nào là tám? Đây là pháp sở hành của người tinh tấn, chẳng phải là sở hành của người biếng nhác. Vì sao vậy? Vì Ta nhờ sức tinh tấn mà siêu việt, thành Phật trước, còn Bồ-tát Di-lặc phải trải qua ba mươi kiếp mới thành Vô thượng Chánh chơn Đẳng chánh giác.

“A-na-luật, nên biết, Chư Phật Thế Tôn đều giống nhau, cũng đồng giới luật, giải thoát, trí huệ không có gì khác; cũng đồng không, vô tướng, vô nguyện, có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân mình, nhìn không biết chán, với đỉnh đầu không thể nhìn thấy. Tất cả những việc trên đều giống

nhau, chỉ có tinh tấn là không đồng. Trong chư Phật Thế Tôn ở quá khứ và vị lai, Ta là vị tinh tấn bậc nhất. Cho nên, này A-na-luật, ở đây tám điều suy niệm của bậc đại nhân này là hơn hết, là tôn là quý, không thể so sánh. Giống như do sữa mà có lạc, do lạc mà có tô, do tô mà có đề-hồ; nhưng ở trong đó, đề-hồ lại là không có gì so sánh. Ở đây cũng vậy, trong điều tám suy niệm của bậc Đại nhân, niệm tinh tấn là hơn hết, thật không gì để so sánh.

“Cho nên, này A-na-luật, phải phụng hành tám điều suy niệm của bậc đại nhân. Và cũng nên phân biệt nghĩa của nó cho chúng bốn bộ. Nếu tám điều suy niệm của bậc đại nhân được lưu truyền ở đời, đệ tử Ta đều sẽ thành đạo Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Vì sao vậy? Vì pháp của Ta là sở hành của người ít muốn, chẳng phải là sở hành của người muốn nhiều; pháp của Ta là sở hành của người biết đủ, chẳng phải là sở hành của người không biết đủ. Pháp của Ta là sở hành của người ở nơi vắng vẻ, chẳng phải là sở hành của người ở chốn đông người. Pháp của Ta là sở hành của người trì giới, chẳng phải là sở hành của người phạm giới. Pháp của Ta là sở hành của người có định, chẳng phải là sở hành của người động loạn. Pháp của Ta là sở hành của người trí, chẳng phải là sở hành của người ngu. Pháp của Ta là sở hành của người nghe nhiều, chẳng phải là sở hành của người ít nghe. Pháp của Ta là sở hành của người tinh tấn, chẳng phải là sở hành của người biếng nhác. Cho nên, này A-na-luật, chúng bốn bộ hãy tìm cầu phương tiện hành tám điều suy niệm của bậc đại nhân.

“Này A-na-luật, cần phải học điều này như vậy.”

A-na-luật sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7⁵⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có tám chúng, các người nên biết. Những gì là tám? Chúng Sát-lợi, chúng Bà-la-môn, chúng Trưởng giả, chúng Tứ thiên vương, chúng trời Tam thập tam, chúng Ma, chúng Phạm thiên.

“Tỳ-kheo, nên biết, khi xưa Ta đã từng vào trong chúng Sát-lợi để cùng thăm hỏi, đàm luận, trong đó không có ai ngang bằng Ta. Ta đi một mình, không bạn lữ, không ai cùng hàng; Ta ít muốn biết đủ, ý nghĩ không tán loạn, thành tựu giới, thành tựu tam-muội, thành tựu trí huệ, thành tựu giải thoát, thành tựu đa văn, thành tựu tinh tấn.

“Ta lại nhớ, khi đến trong chúng Bà-la-môn, chúng Trưởng giả, chúng Sa-môn, chúng Tứ thiên vương, chúng trời Tam thập tam, chúng Ma, chúng Phạm thiên cùng thăm hỏi, bàn luận. Ta đi một mình, không bạn lữ, không ai cùng hàng; ở trong đó, Ta tối tôn, không ai sánh ngang; ít muốn, biết đủ, ý không tán loạn, thành tựu giới, thành tựu tam muội, thành tựu trí huệ, thành tựu giải thoát, thành tựu đa văn, thành tựu tinh tấn.

“Khi ấy, Ta ở trong tám bộ chúng, đi một mình, không bạn lữ, làm cây lọng lớn cho các chúng sanh. Bấy giờ, tám bộ chúng không ai có thể thấy [55a01] đánh, cũng không dám nhìn dung nhan, huống là cùng luận nghĩa. Vì sao vậy? Vì Ta cũng không thấy có ai trong chúng Trời, Người, Ma, Ma thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, có thể thành tựu tám pháp này, trừ Như Lai còn không kể. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện hành tám pháp này.

“Các Tỳ-kheo, cần phải học điều này như vậy.”

⁵⁵ Pāli, A.viii. 69 Parisā. *Trưởng* kinh 2.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trưởng giả Cấp Cô Độc⁵⁶ đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn bảo trưởng giả:

“Trong nhà trưởng giả có bố thí rộng rãi không?”

Trưởng giả bạch Phật:

“Bần gia bố thí suốt ngày đêm trong bốn cổng thành, chợ lớn, trong nhà, đường đi, cùng Phật và Tăng Tỳ-kheo. Đó là tám nơi bố thí. Như vậy, Thế-tôn, tùy chỗ cần của họ, cần áo bố thí áo, cần thức ăn bố thí thức ăn, hay trân bảo trong nước, quyết không trái nghịch. Nói chung y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men trị liệu bệnh, tất cả đều cung cấp cho họ. Cũng có chư thiên đến chỗ con, ở giữa hư không bảo con: ‘Hãy phân biệt tôn ti, người này trì giới, người này phạm giới; cho đây thì được phước, cho kia không quả báo.’ Nhưng tâm con chân chánh không có đây, kia, không khởi tâm thêm bớt, rải lòng từ bình đẳng đối với tất cả chúng sanh. Các chúng sanh nương vào mạng căn mà hình tồn tại, có thức ăn thì tồn tại, không có thức ăn thì mạng không cứu được. Bố thí cho hết thầy chúng sanh thì được vô lượng phước báo, hưởng quả báo ấy không có tăng giảm.”

Phật bảo trưởng giả:

“Lành thay, lành thay, Trưởng giả! Người bố thí bình đẳng thì phước tối tôn đệ nhất. Nhưng tâm chúng sanh thì lại có hơn, có kém. Bố thí cho người trì giới thì hơn người phạm giới.”

⁵⁶ A-na-bàn-đề.

Lúc ấy, thiên thần trong hư không vô cùng hoan hỷ, liền nói bài kệ này:

*Phật nói thí có chọn,
Kẻ ngu có tặng giảm.
Cầu ruộng phước tốt kia,
Đâu qua Chúng Như Lai.*

“Nhưng những điều Thế Tôn dạy nay thật là hay thay! Bồ thí người tri giới hơn người phạm giới.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo:

“Nay Ta sẽ nói cho ông nghe về chúng Hiền thánh. Hãy nên ghi nhớ kỹ và ghi nhận trong lòng. Hoặc có trường hợp bồ thí ít mà được phước nhiều; hoặc bồ thí nhiều được phước nhiều.”

Trưởng giả Cấp Cô Độc bạch Phật:

“Cúi xin Thế Tôn diễn bày nghĩa kia. Sao gọi là bồ thí ít mà được phước nhiều? Sao gọi là thí nhiều được phước nhiều?”

Phật bảo trưởng giả:

“Hương A-la-hán, đấc A-la-hán; hương A-na-hàm, đấc A-na-hàm; hương Tu-đà-hàm, đấc Tu-đà-hàm; hương Tu-đà-hoàn, đấc Tu-đà-hoàn. Nay Trưởng giả, đó gọi là chúng Hiền thánh. Ở đó, thí ít được mà phước nhiều, thí nhiều được phước nhiều.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Người thành tựu bốn hương,
Người thành tựu bốn quả:
Đó là chúng Hiền thánh.
Bồ thí được nhiều phước.*

“Chư Phật Thế Tôn trong quá khứ lâu xa cũng có chúng Hiền thánh này như Ta hôm nay không khác. Giả sử chư Phật Thế Tôn trong vị lai xuất hiện ở đời, cũng có chúng Hiền Thánh như vậy. Cho nên, Trưởng giả hãy cúng dường chúng Hiền thánh với tâm vui vẻ.”

Lúc ấy, Thế Tôn nói pháp vi diệu cho ông trưởng giả, xác lập trong địa vị bất thối chuyển. Trưởng giả sau khi nghe pháp xong, vô cùng hoan hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, nhiễu Phật ba vòng, rồi lui đi.

Trưởng giả Cấp Cô Độc sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9⁵⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu thiện nam, thiện nữ nào dùng của cải bố thí thì thu được tám công đức. Những gì là tám? Một là bố thí đúng thời, chẳng phải phi thời. Hai là bố thí trong sạch, chẳng phải là ô uế. Ba là tự tay ban phát, chẳng sai người khác. Bốn là thệ nguyện bố thí, không tâm kiêu. Năm là bố thí giải thoát,⁵⁸ không trông chờ quả báo. Sáu là bố thí cầu tịch diệt, không cầu sanh thiên. Bảy là bố thí cầu ruộng tốt, không bố thí nơi đất hoang. Tám là đem công đức này bố thí cho chúng sanh, không tự vì mình. Tỳ-kheo, thiện nam, thiện nữ nào đem của cải bố thí thì, sẽ được tám công đức như vậy.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Người trí tùy thời thí,
Không có tâm keo kiệt.*

[755c] *Những công đức đã tạo
Đều đem bố thí người.*

*Thí này là hơn hết,
Được chư Phật khen ngợi.*

⁵⁷ Pāli, A.viii. 37 Sappurisa.

⁵⁸ Giải thoát huệ thí 解脱惠施; Pāli: *muttacāga*, giải thoát thí, bố thí một cách rộng rãi, hào phóng.

*Hiện đời hưởng quả kia;
Qua đời hưởng phước trời.*

“Cho nên, Tỳ-kheo ai muốn cầu quả báo kia nên hành tám việc này. Báo kia vô lượng, không thể kể hết, sẽ được châu báu cam lồ, dần dần đưa đến diệt độ.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về con đường đưa đến địa ngục và con đường hướng đến Niết-bàn, hãy ghi nhớ kỹ chớ để quên sót.”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thưa vâng, Thế Tôn!”

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Phật bảo Tỳ-kheo:

“Thế nào là con đường đưa đến địa ngục và con đường hướng đến Niết-bàn? Tà kiến là đường đến địa ngục, chánh kiến là con đường hướng Niết-bàn. Tà tư duy⁵⁹ là đường đến địa ngục, chánh tư duy⁶⁰ là con đường hướng Niết-bàn. Tà ngữ là đường đến địa ngục, chánh ngữ là con đường hướng Niết-bàn. Tà nghiệp là đường đến địa ngục, chánh nghiệp là con đường hướng Niết-bàn. Tà mạng là đường đến địa ngục, chánh mạng là con đường hướng Niết-bàn. Tà tinh tấn là đường đến địa ngục, chánh tinh tấn là con đường hướng Niết-bàn. Tà niệm là đường đến địa ngục, chánh niệm là con đường hướng Niết-bàn.

⁵⁹ Đề bản: Tà trị.

⁶⁰ Đề bản: Chánh trị

Tà định là đường đến địa ngục, chánh định là con đường hướng Niết-bàn. Nay các Tỳ-kheo, đó gọi là con đường đưa đến địa ngục, con đường hướng đến Niết-bàn.

“Những gì chư Phật Thế Tôn đã cần nói, nay Ta cũng đã hoàn tất. Các người hãy ở nơi vắng vẻ, ngồi dưới bóng gốc cây, niệm hành thiện pháp, chớ có biếng nhác. Nay không siêng thực hành, sau hối hận không kịp.”

“Các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

*Phi thời, địa ngục, đao,
Trời, Tu-luân, đất động,
Tám niệm đại nhân, chúng
Thiện nam tử thí, đao.⁶¹*

⁶¹ Bản hán, hết quyển 37.

43 . PHẠM THIÊN TỬ MÃ HUYẾT HỎI TÁM CHÍNH

KINH SỐ 1¹

[756a07] Tôi nghe như vậy.

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Khi thiên tử Mã Huyết,² vào lúc giữa đêm,³ đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân Phật, rồi đứng qua một bên, bạch Thế Tôn:

“Vừa rồi, con có ý nghĩ như vậy: ‘Trên mặt đất có thể đi bộ qua hết thế giới này được không?’ Nay con xin hỏi Thế Tôn có thể bằng đi bộ để đi đến tận cùng thế giới này không?”⁴

Thế Tôn bảo:

“Nay ông với ý nghĩa nào mà hỏi điều này?”

Thiên tử bạch Phật:

“Ngày xưa, có một lần con đến chỗ Phạm thiên Bà-già.⁵ Phạm thiên thấy con từ xa đến, liền nói với con: ‘Hoan nghinh, Thiên tử Mã Huyết! Nơi này là cõi vô vi, không sanh, không già, không bệnh, không chết, không bắt đầu, không kết thúc, không sàu ưu, khổ não.’⁶ Khi ấy, con suy nghĩ nghĩ: ‘Đây có phải là

¹ A. iv. 45 Rohitassa. Hán, *Tap* (Việt) kinh 1221.

² Mã Huyết thiên tử 馬血天子. *Tap* (Việt) kinh 1221: Xích Mã thiên tử 赤馬天子. Pāli: Rohitasso devaputto.

³ Nguyên Hán: phi nhân chi thời, thời gian sinh hoạt của loài phi nhân. *Tap* ibid.: sau giữa đêm. Pāli: *abhikkantāya rattiyā*.

⁴ *Tap* ibid.: “Có thể vượt qua biên tế của thế giới này để đi đến chỗ không sinh, không già, không chết chăng?” Pāli: *yattha nu kho, bhante, na jāyati na jīyati na mīyati na cavati na upapajjati, sakkā nu kho so, bhante, gamanena lokassa anto ñātum vā daṭṭhum vā pāpuṇitum vā’ ti?*

⁵ Bà-già Phạm thiên 婆伽梵天 (Pl.: Baka Brahmā). *Tap* ibid. Bà-cú Phạm thiên 婆句梵天.

⁶ No 99(1195), tr. 324b04.

con đường dẫn đến Niết-bàn? Vì sao vậy? Vì trong Niết-bàn không có sanh, già, bệnh, chết, sầu ưu, khổ não. Đó là chỗ tận cùng của thế giới. Nếu đó đúng là chỗ tận cùng của thế giới thì có thể đi bộ qua thế gian.”

Thế Tôn bảo:

“Vây thần túc của ông như thế nào?”

Thiên tử bạch Phật:

“Giống như lực sĩ giỏi thuật bắn, mũi tên bay đi mà không bị cản. Ở đây đức thần túc của con cũng không bị chướng ngại như vậy.”

Thế Tôn bảo rằng:

“Nay Ta hỏi ông, tùy theo sở thích mà trả lời. Giống như có bốn người nam giỏi thuật bắn tên. Bốn người bắn về bốn hướng. Nếu có người đi đến, với ý muốn thu hết tên bốn hướng, khiến không rơi xuống đất. Thế nào, Thiên tử, người này rất là mau lẹ phải không, mới có thể khiến cho tên không rơi xuống đất? Thiên tử, nên biết, trước khi mặt trời, mặt trăng lên, có vị thiên tử đi bộ nhanh. Ông đi lại, tiến dừng, còn nhanh chóng hơn người gom tên này. Nhưng cung điện mặt trời, mặt trăng đi còn lẹ hơn cả người gom tên và vị thiên tử này. Tính gom sự mau lẹ của người kia, vị thiên tử, cùng cung điện mặt trời mặt trăng, vẫn không bằng sự mau lẹ của trời Tam thập tam. Tính sự mau lẹ của trời Tam thập tam không bằng sự mau lẹ của trời Diêm. Thần túc mà các chư Thiên có được như vậy đều không bằng nhau. Giả sử nay ông có thần túc này như các vị thiên kia, từ kiếp này sang kiếp khác cho đến trăm kiếp, ông cũng không thể nào đi đến chỗ tận cùng của thế giới. Vì sao vậy? Vì phương vực địa giới không thể tính toán được.

“Thiên tử, nên biết, vào đời quá khứ lâu xa, Ta từng làm vị tiên tên Mã Huyết giống tên như ông, ái dục đã sạch, bay giữa hư không không gì ngăn ngại. Khi ấy, thần túc của Ta khác với mọi người, trong khoảnh khắc búng ngón tay, đã có thể thu

những mũi tên từ bốn hướng này khiến không cho rơi xuống. Lúc ấy, do có thần túc này nên Ta suy nghĩ: ‘Nay Ta có thể bằng thần túc này đi đến tận cùng mé bờ thế giới hay không?’ Ta liền đi khắp thế giới nhưng không thể đến chỗ tận cùng bờ cõi của nó. Sau khi qua đời, ta liền tiên tu đức nghiệp mà thành Phật đạo. Dưới cây thọ vương, ngồi ngay thẳng tư duy về những việc làm đã từng trải xưa kia. Trước kia vốn là Tiên non, đã dùng thần đức này mà vẫn không thể đến chỗ tận cùng mé bờ của nó. Vậy phải dùng thần lực gì để đến chỗ cứu cánh tận cùng của nó? Bây giờ Ta lại suy nghĩ: ‘Cần phải nương vào tám phẩm đạo Hiền thánh, sau đó mới đạt đến chỗ tận cùng biên tế sanh tử.’

“Những gì là tám phẩm đạo Hiền thánh? Đó là, chánh kiến, chánh tư duy*, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn*, chánh niệm và chánh định*. Thiên tử, lại nữa, nên biết, đó gọi là tám phẩm đạo Hiền thánh, khiến đạt đến chỗ tận cùng biên tế của thế giới. Hằng sa chư Phật trong quá khứ đã đạt đến chỗ tận cùng của thế giới, tất cả đều bằng tám phẩm đạo Hiền thánh này để đạt cứu cánh thế giới. Giả sử chư Phật trong tương lai mà xuất hiện, cũng sẽ bằng tám phẩm đạo Hiền thánh này để đạt đến chỗ tận cùng biên tế.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói bài kệ này:

*Chân bước không cứu cánh
Đến tận cùng thế giới.
Mặt đất rộng vô cùng,
Thần túc chẳng thể vượt.*

*Kẻ phàm ý giả tưởng,
Khởi mê hoặc trong đó.
Không rõ pháp chơn chánh,
Trôi lăn trong năm đường.*

*Tám phẩm đạo Hiền thánh,
Lấy đó làm thuyền bè,
Sở hành của chư Phật,*

Đạt cùng tận thế gian.

*Giả sử Phật tương lai,
Di Lạc cùng tất cả,
Cũng bằng tám phẩm đạo
Đến tận cùng thế giới.*

*Cho nên, người có trí
Tu đạo Hiền thánh này,
Ngày đêm hành tu tập,
Liên đến chỗ vô vi.*

Thiên tử Mã Huyết sau khi nghe Như Lai nói tám phẩm đạo Hiền thánh, liền ở trên chỗ ngồi dứt sạch trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Lúc ấy, thiên tử liền đánh lễ sát đất, nhiễu Phật ba vòng rồi lui đi. Ngay ngày hôm ấy, thiên tử kia liền dùng đủ loại hoa trời rải lên Như Lai, rồi nói kệ này:

*Trôi lăn mãi sanh tử,
Muốn đi tận thế giới.
Tám phẩm đạo Hiền thánh,
Không biết lại không thấy.*

*Nay con đã kiến đế,
Lại nghe tám phẩm đạo,
Liên được tận bờ mé,
Nơi Chư Phật đã đến.*

Thế Tôn ẩn khả những điều thiên tử kia nói. Thiên tử kia thấy Thế Tôn đã ẩn khả, liền đánh lễ sát chân Thế Tôn rồi lui đi.

Thiên tử kia sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2⁷

Tôi nghe như vậy:

⁷ Pāli, A. viii. 41 Saṃkhitta.

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói trai pháp tám quan của Hiền thánh.⁸ Các người hãy ghi nhớ kỹ, tùy hỷ mà phụng hành.”

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

“Sao gọi là trai pháp tám quan? Một là không sát sanh, hai là không lấy của không cho, ba là không dâm dục, bốn là không nói dối, năm là không uống rượu, sáu là không ăn phi thời, bảy là không nằm ngòai trên giường cao rộng, tám là tránh xa việc đờn ca xướng hát và xoa hương thơm vào mình. Tỳ-kheo, đó gọi là trai pháp tám quan của Hiền thánh.”

Lúc ấy, Ưu-ba-y bạch Phật:

“Tu hành trai pháp tám quan như thế nào?”

Thế Tôn bảo:

“Này Ưu-ba-ly, thiện nam, thiện nữ vào ngày thứ 8, 14, 15⁹ đến chỗ Sa-môn hoặc Tỳ-kheo trưởng lão, tự xưng tên họ rằng, ‘Con từ sáng đến tối,¹⁰ như A-la-hán, giữ tâm không di động, không dùng dao gậy gia hại chúng sanh, ban vui khắp tất cả. Nay con thọ trai pháp, nhất thiết không vi phạm, không khởi tâm sát. Con tu tập [757a01] giáo pháp Chân nhân kia, không trộm cắp, không dâm dục, không nói dối, không uống rượu, không ăn quá ngòai, không ngòai chỗ cao rộng, không tập ca múa xướng hát và thoa hương vào mình.’ Nếu người có trí tuệ, hãy nói như vậy. Nếu là người không có trí huệ, nên dạy nói như vậy.

⁸ Bát quan trai pháp 八關齋法. Pāli: *aṭṭhaṅgasamannāgato uposatho*.

⁹ Mỗi nửa tháng.

¹⁰ Nguyên Hán: tụng triều chí mộ 從朝至暮; Hán dịch không chính xác. Nên hiểu: từ sáng cho đến hết đêm, tức đến sang hôm sau.

“Lại nữa, Tỳ-kheo kia nên chỉ dạy từng điều một, đừng để sai sót, cũng đừng để vượt quá. Lại nên dạy cho phát thệ nguyện.”

Ưu-ba-ly bạch Phật:

“Nên phát nguyện như thế nào?”

Thế Tôn bảo:

“Người ấy nguyện rằng: ‘Nay con bằng trai pháp tám quan này sẽ không đoạ địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cũng không rơi vào nơi tám nạn, không ở biên địa, không rơi vào nơi tệ ác, không theo tri thức ác; con phụng sự cha mẹ chân chánh không có tà kiến, sanh vào trung bộ, được nghe pháp thiện, tư duy phân biệt, thành tựu pháp tùy pháp; đem công đức trai pháp này nhiếp lấy pháp lành của tất cả chúng sanh; đem công đức này bố thí cho họ giúp cho người kia thành Đạo Vô thượng Chánh chơn; đem phước của thệ nguyện này bố thí để thành tựu ba thừa khiến cho không bị thối lui giữa chừng. Lại đem trai pháp tám quan này để học Phật đạo, Bích-chi-phật đạo, A-la-hán đạo. Những người học chánh pháp ở các thế giới cũng đều tập theo nghiệp này. Giả sử trong tương lai, khi Phật Di-lặc xuất hiện ở đời, Như Lai Chí chơn Đẳng chánh giác, người nào gặp hội kia thì sẽ được độ ngay. Khi Phật Di Lặc xuất hiện ở đời, có ba hội Thanh văn. Hội đầu có chín mươi sáu ức chúng Tỳ-kheo. Hội thứ hai có chín mươi bốn ức chúng Tỳ-kheo. Hội thứ ba có chín mươi hai ức chúng Tỳ-kheo, đều là A-la-hán các lậu đã sạch. Cũng gặp vua cùng giáo thọ sư của đất nước kia.’ Dạy như vậy, không để cho thiếu sót.”

Ưu-ba-ly bạch Thế Tôn:

“Nếu thiện nam, thiện nữ kia tuy trì trai tám quan nhưng không phát thệ nguyện, há không được công đức lớn hay sao?”

Thế Tôn bảo:

“Tuy được phước kia, nhưng phước không đáng nói. Vì sao vậy? Nay Ta sẽ nói.

“Trong đời quá khứ, có vua tên là Bảo Nhạc cai trị bằng pháp, không có tà vậy, thống lãnh cõi Diêm phù đề này. Bảy giờ, có Phật tên Bảo Tạng Như Lai, Chí chơn Đẳng chánh giác, Minh Hạnh Túc*, Thiện Thệ* Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự trượng phu*, Thiên Nhơn Sư, Phật Thế Tôn* xuất hiện ở đời. Vua kia có người con gái tên Mâu-ni, dung mạo đặc thù, mặt như màu hoa đào, đều do đời trước cúng dường chư Phật mà được như vậy. Bảy giờ, Phật kia cũng có ba hội chúng. Hội đầu tiên gồm chúng một ức sáu vạn tám ngàn Tỳ-kheo. Hội thứ nhì gồm chúng một ức sáu vạn Tỳ-kheo. Hội thứ ba gồm chúng một ức ba vạn Tỳ-kheo, đều là A-la-hán các lậu hoặc đã sạch.

“Khi ấy, Phật kia thuyết pháp như vậy cho các đệ tử: ‘Các Tỳ-kheo, hãy nhớ nghĩ toạ thiền, chớ có biếng nhác. Lại hãy tìm cầu phương tiện tụng tập kinh, giới.’ Thị giả của Phật kia tên là Mãn Nguyên, đa văn đệ nhất, như Tỳ-kheo A-nan đa văn tối thắng hôm nay của Ta. Lúc ấy, Tỳ-kheo Mãn Nguyên kia bạch Phật Bảo Tạng: ‘Có những Tỳ-kheo các căn ám độn, cũng không siêng năng đối với pháp thiền định, lại cũng không tụng tập, Thế Tôn đặt họ vào nhóm nào?’

“Phật Bảo Tạng bảo: ‘Nếu có Tỳ-kheo nào các căn ám độn, không thể hành pháp thiền, nên tu ba nghiệp pháp thượng nhân. Thế nào là ba? Toạ thiền, tụng kinh, khuyến hóa.’ Như vậy, Phật kia thuyết pháp vi diệu cho các đệ tử như thế.

“Bảy giờ, có Tỳ-kheo trưởng lão không thể tu hành pháp thiền. Tỳ-kheo ấy suy nghĩ nghĩ: ‘Nay ta tuổi già yếu, không thể tu pháp thiền kia. Vậy ta nên thỉnh nguyện hành pháp khuyến trợ.’ Lúc ấy, Tỳ-kheo trưởng lão kia vào trong thành Dã mã xin dầu mè đốt đuốc, hàng ngày đến cúng dường Như Lai Bảo Tạng, khiến cho ánh sáng không dứt.

“Khi ấy, Công chúa Mâu-ni thấy Tỳ-kheo trưởng lão này đi khắp các nẻo đường để cầu xin, liền hỏi: ‘Tỳ-kheo, hôm nay thầy cầu xin vật gì vậy?’ Tỳ-kheo đáp: ‘Công chúa, nên biết, tuổi tôi đã già yếu, không thể hành pháp thiền, cho nên cầu xin

dầu để cúng dường Phật, thấp sáng liên tục cho Phật.’ Công chúa khi nghe danh hiệu Phật, vui mừng hơn hờ không thể tự chế, bạch với Tỳ-kheo trưởng lão: ‘Tỳ-kheo, thầy chớ cầu xin ở nơi khác. Chính tôi sẽ cung cấp, cúng dường hết cả dầu lẫn đèn.’

“Từ đó, Tỳ-kheo trưởng lão nhận sự bố thí của cô ấy, hàng ngày lấy dầu cúng dường Như Lai Bảo Tạng và nguyện đem công đức này hồi hướng Đạo Vô thượng Chánh chơn, miệng tự nói rằng: ‘Con tuổi đã già yếu, các căn lại chậm lụt, không có trí huệ để tu thiền, xin nhờ công đức này mà khỏi đọa vào ác thú, trong tương lai được gặp Thế Tôn giống như Như Lai Bảo Tạng ngày nay, gặp Thánh chúng như Thánh chúng ngày nay, thuyết pháp cũng như ngày nay.’ Như Lai Bảo Tạng biết được tâm niệm của Tỳ-kheo ấy liền mỉm cười, miệng phát ra ánh sáng năm màu và nói rằng: ‘Trải qua vô số a-tăng-kỳ kiếp nữa ông sẽ thành Phật, hiệu là Như Lai Đăng Quang, Chí chơn đẳng chánh giác.’ Bấy giờ, Tỳ-kheo trưởng lão hết sức vui mừng, thân tâm kiên cố, ý không thối chuyển, vẻ mặt rạng rỡ khác với ngày thường.

“Khi thấy Tỳ-kheo ấy có nhan sắc khác thường, công chúa Mâu-ni liền hỏi: ‘Hôm nay nhan sắc của thầy cực kỳ vi diệu, rạng rỡ khác với ngày thường. Có điều gì đặc ý chăng?’ Tỳ-kheo đáp: ‘Công chúa nên biết, vừa rồi, tôi đã được Như Lai rưới nước cam lộ lên đánh đầu.’ Công chúa Mâu-ni hỏi, ‘Như Lai rưới nước cam lồ lên đánh là như thế nào?’ Tỳ-kheo đáp: ‘Tôi được Như Lai Bảo Tạng thọ ký rằng qua vô số a-tăng-kỳ kiếp trong tương lai tôi sẽ thành Phật, hiệu là Như Lai Đăng Quang, Chí chơn đẳng chánh giác, nên thân tâm tôi kiên cố, ý không thối chuyển. Công chúa, tôi đã được Như Lai ấy thọ ký như vậy.’ Công chúa hỏi: ‘Đức Phật ấy có thọ ký cho tôi không?’ Tỳ-kheo trưởng lão đáp: ‘Tôi cũng không biết Ngài có thọ ký cho cô hay không?’

“Sau khi nghe Tỳ-kheo nói, công chúa liền đi cõ xe lộng lẫy* đến chỗ Như Lai Bảo Tạng, đánh lễ sát chân Ngài rồi ngồi qua một phía, và bạch Phật rằng: ‘Nay con là thí chủ thường cúng dầu, nhưng Thế Tôn không thọ ký, mà thọ ký Tỳ-kheo kia.’ Như Lai Bảo Tạng đáp: ‘Phát tâm cầu nguyện còn được phước khó lường, huống gì là đem của cải bố thí.’ Công chúa Mâu-ni nói: ‘Nếu Như Lai không thọ ký cho con thì con sẽ tự đoạn mạng căn.’ Bảo Tạng Như Lai đáp: ‘Phàm mang thân người nữ thì không thể mong làm Chuyển luân Thánh vương, không thể mong làm Đế Thích, không thể mong làm Phạm Thiên, không thể mong làm Ma vương, cũng không thể mong làm Như Lai.’ Công chúa hỏi, ‘Con nhất định không thể thành đạo Vô thượng hay sao?’ Phật Bảo Tạng đáp: ‘Có thể. [758a01] Nay Mâu-ni nữ, cô có thể thành đạo Vô thượng Chánh chơn. Nhưng, công chúa nên biết, vô số a-tăng-kỳ kiếp trong tương lai có Phật xuất thế, là thiện tri thức của cô. Vị Phật ấy sẽ thọ ký cho cô.’ Khi ấy, công chúa bạch Phật rằng: ‘Người nhận thanh tịnh, còn thí chủ thì ưế trước hay sao?’ Phật Bảo Tạng bảo: ‘Điều Ta nói ở đây là tâm ý thanh tịnh, phát nguyện kiên cố.’ Công chúa nói xong, liền đứng dậy, đánh lễ sát đất, nhiễu Phật ba vòng rồi ra đi.

“Ưu-ba-ly, nên biết, qua vô số a-tăng-kỳ kiếp, Phật Đấng Quang mới xuất hiện ở đời, hoá độ nước lớn Bát-đầu-ma, có chúng Tỳ-kheo gồm mười sáu vạn tám ngàn người vây quanh, được nhà vua và nhân dân đến cúng dường. Lúc ấy, trong nước có vua tên Đề-bà-duyên-na trị đời đúng pháp, thống lãnh cảnh giới Diêm phù này.

“Bấy giờ, vua thỉnh Phật và chúng Tỳ-kheo thọ thực. Vào buổi sáng, Phật Đấng Quang đắp y cầm bát, dẫn các Tỳ-kheo nào thành. Trong lúc ấy, có bà-la-môn tên Di-lặc,¹¹ dung mạo tuấn tú, một mình nổi bật trên tất cả đại chúng, y như Phạm thiên;

¹¹ Đoạn dưới gọi là Ma-nạp 摩訶, thiếu niên Bà-la-môn.

tụng đọc thông suốt các bộ kinh, hiểu rõ các bộ sách và các chú thuật, thông suốt thiên văn địa lý; không thứ gì không biết. Khi từ xa trông thấy Phật Đăng Quang có dung mạo đặc biệt hiếm có trên đời, các căn vắng lặng, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, trang nghiêm thân, ông ấy liền sanh tâm hoan hỷ, phát sanh thiện tâm, suy nghĩ rằng: “Trong sách có nói Như Lai xuất hiện ở đời là việc rất khó gặp, lâu lắm mới có một lần. cũng như hoa Ưu đàm lâu lắm mới nở. Ta cần phải đến xem thử.”

“Bà-la-môn bèn tự tay cầm năm bông hoa đến chỗ Thế Tôn, và nghĩ rằng, ‘Ai có ba mươi hai tướng, người ấy được gọi là Phật.’ Ông đem năm nhánh hoa rải lên thân Như Lai, và tìm ba mươi hai tướng nhưng chỉ thấy ba mươi tướng, còn hai tướng nữa thì không thấy, tức thì trong lòng hồ nghi rằng, vì sao ta quan sát Thế Tôn mà không thấy tướng lưỡi dài và tướng mã âm tàng. Ông ấy liền nói kệ:

*Nghe có ba hai tướng
Của bậc Đại trượng phu.
Nay không thấy hai tướng.
Có đủ tướng hảo chăng?*

*Thiếu tướng mã âm tàng,
Trình khiết không dâm chăng?
Không thấy tướng lưỡi dài,
Liếm tai, che khắp mặt.*

*Mong hiện tướng cho thấy,
Để con sạch nghi ngờ.
Xin cho con được thấy
Tướng mã âm và lưỡi.*

“Khi ấy, Phật Đăng Quang liền nhập định, khiến cho bà-la-môn thấy hai tướng đó. Phật Đăng Quang lại hiện tướng lưỡi rộng dài liếm đến hai tai và phóng ra ánh sáng lớn. Ánh sáng ấy sau đó trở vào đỉnh đầu. Khi bà-la-môn thấy Như Lai có đầy đủ ba mươi hai tướng, hết sức vui mừng, nói rằng: ‘Cúi nguyện Thế Tôn xem xét, con xin dâng lên Như Lai năm bông hoa này và

xin đem thân này cúng dường Thế Tôn.’ Sau khi vị ấy phát nguyện, năm bông hoa liền biến thành đài báu trên không trung hết sức vi diệu, có bốn trụ, bốn cổng; thấy có đài lưới ngọc; vị ấy rất vui mừng, lại phát nguyện rằng: ‘Xin cho trong tương lai con được làm Phật như Phật Đấng Quang. Đệ tử đi theo cũng y như vậy.’

“Biết những ý nghĩ trong tâm bà-la-môn, Phật Đấng Quang liền mỉm cười. Theo thường pháp của chư Phật Thế Tôn, nếu khi thọ ký Thế Tôn mỉm cười thì miệng phát ra ánh sáng năm màu, chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Khi ánh sáng đã chiếu ba nghìn đại thiên thế giới thì ánh sáng mặt trời mặt trăng không còn. Sau đó, ánh sáng trở vào trên đỉnh. Nếu lúc Như Lai thọ ký làm Phật thì ánh sáng nhập vào trên đỉnh. Nếu lúc thọ ký Bích-chi-phật thì ánh sáng từ miệng phát ra rồi vào lại trong miệng.¹² Nếu thọ ký Thanh văn thì ánh sáng nhập vào vai. Nếu thọ ký sanh thiên thì lúc ấy ánh sáng nhập vào trong cánh tay. Nếu thọ ký sanh làm người thì lúc ấy ánh sáng nhập vào hai bên hông. Nếu thọ ký sinh ngạ quỷ thì ánh sáng vào nách. Nếu thọ ký sinh súc sanh thì ánh sáng vào đầu gối. Nếu thọ ký sinh địa ngục thì ánh sáng vào gót chân.

“Lúc ấy, Bà-la-môn thấy ánh sáng vào đỉnh, vui mừng hơn hờ không xiết kể, liền trái tóc lên đất và nói lời này: ‘Nếu Như Lai không thọ ký cho con thì ngay chỗ này con tự đoạn các căn.’ Phật Đấng Quang biết những ý nghĩ trong tâm Bà-la-môn Phật Đấng Quang, liền bảo: ‘Ông hãy mau đứng dậy. Đời vị lai Ông sẽ thành Phật, hiệu Thích-ca Văn Như Lai, Chí chơn đấng chánh giác.’

“Ma-nạp sau khi nghe Phật thọ ký, sinh lòng hơn hờ không xiết kể, liền ngay nơi đó mà đắc biến hiện tam-muội, vọt lên hư không cách mặt đất bảy nhẫn, chấp tay hướng về Như Lai Đấng Quang.

¹² Co bản chép là nhĩ 耳: lỗ tai.

“Này Ưu-ba-ly, Ông chớ có nhận xét ai khác. Tỳ-kheo trưởng lão vào thời Như Lai Bảo Tạng lúc bảy giờ, không ai khác mà chính là Như Lai Đấng Quang lúc ấy. Còn công chúa Mâu-ni lúc chính là Ta lúc bảy giờ. Lúc ấy, Như Lai Bảo Tạng đã đặt tên hiệu cho Ta là Thích-ca Văn. Nay Ta vì nhân duyên ấy nên nói trai pháp tám quan này. Hãy phát thệ nguyện. Không nguyện thì không quả. Vì sao vậy? Nếu người nữ kia phát thệ nguyện, ngay kiếp ấy thành tựu sở nguyện đó. Nếu Tỳ-kheo trưởng lão không phát thệ nguyện, thì trọn không thành Phật đạo. Phước của thệ nguyện không thể ghi kể, dẫn đến chỗ cam lồ diệt tận.

“Này Ưu-ba-ly, Ông hãy học điều này như vậy.”

Ưu-ba-ly sau khi nghe những điều Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3¹³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại nước Ma-kiệt, gần bên bờ sông,¹⁴ cùng năm trăm chúng đại Tỳ-kheo, .

Bảy giờ, Thế Tôn thấy giữa dòng sông có một khúc gỗ lớn bị nước cuốn trôi, liền ngồi dưới một gốc cây bên bờ sông. Bảy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người có thấy khúc gỗ bị nước cuốn trôi không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch, chúng con có thấy!”

Thế Tôn bảo:

“Nếu khúc gỗ này không vướng bờ này, không vướng bờ kia, không chìm giữa dòng, không bị tấp lên bờ, không bị người vớt, không bị phi nhân vớt, không bị dòng nước xoáy, không bị

¹³ Pāli, Dārukhandha, S. iv. 179.

¹⁴ Pāli: Phật ở bên bờ sông Hằng (Gaṅgā), địa phận Kosambi.

mục rã, nó sẽ trôi dần đến biển. Vì sao vậy? Vì biển là nguồn gốc của các dòng sông. Tỳ-kheo, các người cũng như vậy. Nếu không không đắm bờ này, không đắm bờ kia, không chìm giữa dòng, không tấp lên bờ, không bị người bắt giữ, không bị phi nhân bắt giữ, cũng không bị nước xoáy, cũng không bị mục rã, dần dần các người sẽ xuôi đến Niết-bàn. Vì sao vậy? Xuôi đến Niết-bàn là chánh kiến,¹⁵ chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn*, chánh niệm, chánh định. Đó là nguồn gốc của Niết-bàn.”

Bấy giờ, có người chăn bò tên Nan-đà¹⁶ đang đứng chống gậy. Người chăn bò từ xa nghe những lời nói như vậy, bèn đi lần đến chỗ Thế Tôn mà đứng. Bấy giờ người chăn bò bạch Thế Tôn:

“Nay con cũng không vướng bờ này, không vướng [759a01] bờ kia, không chìm giữa dòng, không tấp lên bờ, không bị người vớt, chẳng bị phi nhân vớt, không bị dòng nước xoáy, cũng chẳng mục rã, dần dần xuôi về Niết-bàn. Cúi xin Đức Thế Tôn cho phép con ở trong đạo này được làm sa môn.”

Thế Tôn bảo:

“Người hãy trả bò cho chủ rồi sau đó mới được làm sa môn.”

Người chăn bò Nan-đà thưa:

“Những con bò này nhớ ghé con, nên chúng nó tự sẽ về nhà. Cúi xin Thế Tôn cho phép con đi theo đạo này.”

Thế Tôn bảo:

“Những con bò này tuy sẽ tự trở về nhà, nhưng ông cần phải về giao lại cho chủ.”

¹⁵ Pāli: *nibbānaninnā, bhikkhave, sammāditthi nibbānapoṇā nibbānapabbhārā*”ti, “xuôi về Niết-ban, nghiêng về phía Niết bàn, dốc về về Niết-bàn, là chánh kiến.”

¹⁶ Nan-đà (mục ngư nhân) 牧牛人難陀. Pāli: Nando gopālako.

Lúc ấy, người chăn bò vâng lời Phật dạy, trở về giao bò, rồi trở lại chỗ Phật, bạch Thế Tôn:

“ Nay con đã giao bò. Cúi xin Thế Tôn cho phép con làm sa môn.”

Như Lai liền chấp thuận ông làm sa-môn, thọ giới cụ túc.

Có một Tỳ-kheo khác bạch Thế Tôn:

“Sao gọi là bờ này? Sao gọi là bờ kia? Thế nào là chìm giữa dòng? Thế nào là tấp lên bờ? Thế nào là bị người bắt giữ? Thế nào là bị phi nhân bắt giữ? Thế nào là bị dòng nước xoáy? Thế nào là bị mục rã?”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Bờ này là chỉ thân. Bờ kia là thân diệt tận. Chìm giữa dòng là dục ái. Tấp lên bờ là năm dục. Bị người bắt giữ là, như có thiện gia nam tử phát thệ nguyện này: ‘Do phước lành công đức này tôi sẽ làm vua nước lớn, hoặc làm đại thần.’ Bị phi nhân bắt giữ là, như có Tỳ-kheo phát nguyện như vậy: ‘Tôi sẽ sinh lên trời Tứ thiên vương mà hành phạm hạnh. Nay ta đem công đức nguyện sanh về các cõi trời.’ Đó gọi là bị phi nhân bắt giữ. Bị dòng nước xoáy, đó là tà nghi. Mục rã là tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định. Đó là mục rã.”

Bấy giờ, Tỳ-kheo Nan-đà ở tại chỗ vắng vẻ, tự khắc cần tu tập, vì mục đích mà thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo, tu phạm hạnh vô thượng, cho đến, tự biết rằng, sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh đời sau nữa. Ông ở ngay trên chỗ ngồi thành A-la-hán.

Nan-đà sau khi nghe những gì nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4¹⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại Ca-lan-đà, Trúc viên, thành La-duyệt, cùng năm trăm Tỳ-kheo.

Lúc ấy, Đề-bà-đạt-đâu* đã mất thần túc. Thái tử A-xà-thế mỗi ngày sai đem năm trăm nôi cơm cúng dường ông. Khi các Tỳ-kheo nghe Đề-bà-đạt-đâu đã mất thần túc, lại được A-xà-thế cúng dường, cùng nhau dẫn đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Bảy giờ, các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Đề-bà-đạt-đâu oai lực rất lớn, nay được vua A-xà-thế cúng dường mỗi ngày năm trăm nôi cơm.”

Thế Tôn nghe những lời này rồi, bèn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người chớ dấy lên ý tưởng này, ham lợi dưỡng của Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đâu. Kẻ ngu kia vì lợi dưỡng này sẽ tự diệt vong. Vì sao vậy? Ở đây Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đâu sẽ không đạt kết quả như ước nguyện đối với mục đích xuất gia học đạo.

“Tỳ-kheo, nên biết, như có người ra khỏi làng xóm, tay cầm búa bén, đi đến cây lớn, ý mong muốn trước hết là mong cây lớn, nhưng khi kịp đến cây kia thì chỉ mang cành lá trở về.¹⁸ Nay Tỳ-kheo này cũng như vậy, vì tham đắm lợi dưỡng. Vì lợi dưỡng này, tự khen mình trước mọi người, chê bai người khác, nên những việc làm của Tỳ-kheo không đạt kết quả như sở nguyện. Người ấy vì lợi dưỡng này nên không tìm cầu phương tiện khởi tâm đồng mãn như người kia tìm không được lõi cây,¹⁹ bị người trí vứt bỏ.

“Giả sử có Tỳ-kheo sau khi được lợi dưỡng, không tự khen, lại không chê bai người khác; nhưng có lúc lại đến người khác tự khoe rằng: ‘Tôi là người trì giới. Kia là kẻ phạm giới.’ Những

¹⁷ Pāli, Saropama, M. i. 192.

¹⁸ Nên hiểu: tìm lõi cây. Cf. Pāli: *sāratthiko sārāgavesī*.

¹⁹ Trong bản: cầu bảo 求寶. Chép nhầm, nên sửa lại là cầu thật 求實.

sở nguyện của Tỳ-kheo cũng không được kết quả, như người bỏ gốc mang cành²⁰ về nhà. Người trí thấy vậy bèn nói: ‘Người này chỉ mang cành về nhà mà không biết được lỗi.’ Ở đây, Tỳ-kheo cũng như vậy, vì có được lợi dưỡng, vâng giữ giới luật, gồm tu phạm hạnh và thích tu ta-muội. Vì ấy do tâm tam-muội này mà tự khen với người khác: ‘Nay tôi đắc định. Người khác không đắc định.’ Những pháp cần làm của Tỳ-kheo này cũng không được kết quả.

“Cũng như có người muốn tìm lỗi cây, đi đến cây lớn mong được lỗi cây, bỏ cành lá cây, lấy gốc mang gốc về. Người trí thấy vậy, nói rằng: ‘Người này được riêng phần gốc.’ Nay Tỳ-kheo cũng vậy, phát sinh lợi dưỡng, nhưng vâng giữ giới luật, không tự khen, lại chẳng chê bai người khác. Tu hành tam-muội cũng như vậy, lần lượt hành trí huệ. Ở trong pháp này, trí huệ là bậc nhất. Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đâu ở trong pháp này đã không được trí huệ, tam muội, cũng không đầy đủ pháp giới luật.”

Có Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Vì sao gọi Đề-bà-đạt-đâu kia không hiểu pháp giới luật? Ông đó có thần đức, thành tựu các hành, có trí huệ này, vì sao gọi là không hiểu pháp giới luật? Có trí huệ thì có tam-muội, có tam-muội thì có giới luật.”

Thế Tôn bảo:

“Pháp giới luật là việc thường của thế tục, thành tựu tam-muội cũng là việc thường của thế tục. Thần túc phi hành cũng là việc thường của thế tục. Chỉ thành tựu trí huệ, đó là pháp trên hết.”

Lúc ấy, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Do thiên được thần túc,
Không rút ráo đi lên;
Không được bờ vô vi*

²⁰ Nên hiểu: bỏ qua lỗi cây, chỉ mang lấy cành.

Lại rơi vào năm dục.

*Trí tuệ là tối thượng,
Không ưu, không gì lo,
Cứu cánh được chánh kiến,
Cắt đứt cõi sanh tử.*

“Tỳ-kheo, nên biết, do phương tiện này mà biết Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đâu không hiểu pháp giới luật, cũng không hiểu hành trí tuệ và tam-muội. Tỳ-kheo, các người chớ có tham đắm lợi dưỡng như Đề-bà-đạt-đâu. Phạm người lợi dưỡng đoạ vào cõi ác, không đến cõi lành. Nếu đắm lợi dưỡng liền tập tà kiến, lia chánh kiến, tập tà tư duy, lia chánh tư duy, tập tà ngữ, lia chánh ngữ, tập tà nghiệp, lia chánh nghiệp, tập tà mạng, lia chánh mạng, tập tà tinh tấn*, lia chánh tinh tấn, tập tà niệm, lia chánh niệm, tập tà định, lia chánh định. Cho nên, Tỳ-kheo chớ khởi tâm lợi dưỡng, chế phục khiến không khởi. Đã khởi tâm lợi dưỡng, hãy tìm cầu phương tiện mà diệt nó.

“Các Tỳ-kheo, cần phải học điều này như vậy.”

Khi Phật nói pháp vi diệu này, hơn sáu mươi Tỳ-kheo xả bỏ pháp phục, sống đời bạch y. Lại có sáu chục Tỳ-kheo khác tâm giải thoát khỏi hữu lậu, các trần cấu sạch, được pháp nhãn thanh tịnh.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay ta sẽ nói ví dụ thuyền bè. [760a01] Các người hãy suy nghĩ kỹ và ghi nhớ trong tâm.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, Thế Tôn.” Các Tỳ-kheo vâng theo lời Phật dạy.

Thế Tôn bảo:

“Thế nào là ví dụ thuyền bè? Khi các người đi đường bị giặc bắt giữ, cần làm chủ tâm ý, không khởi niệm ác, phải khởi tâm từ, bi, hỷ, xả* tràn đầy khắp mọi nơi, vô lượng, vô hạn không thể tính đếm. Giữ tâm phải như đất; giống như đất này vừa nhận vật sạch, vừa nhận vật dơ, phân tiêu ô uế, đều nhận hết; nhưng đất không khởi tâm tăng giảm, không nói: ‘Đây tốt, đây xấu.’ Nay sở hành các người cũng phải như vậy. Nếu bị giặc cướp bắt giữ, chớ sanh ác niệm, không khởi tâm tăng giảm, cũng như đất, nước, lửa, gió, xấu cũng nhận, tốt cũng nhận, đều không tâm tăng giảm; hãy sanh tâm từ bi hỷ xả* đối với hết thảy chúng sanh. Vì sao vậy? Vì pháp hành thiện còn phải bỏ huống chi pháp ác mà có thể tập hành sao?

“Nhu có người gặp chỗ có tai nạn đáng sợ, muốn vượt qua chỗ nạn đến nơi yên ổn, tùy ý rong ruổi tìm nơi an ổn. Người ấy gặp sông lớn, rất sâu rộng, cũng không có cầu thuyền để có thể qua đến bờ bên kia được, mà nơi đang đứng thật là đáng sợ. Bờ kia là vô vi. Bấy giờ, người kia liền suy nghĩ: ‘Sông này rất sâu rộng. Ta hãy gom góp cây gỗ, cỏ, lá kết thành một chiếc bè để vượt qua. Nhờ bè này mà từ bờ này đến được bờ kia.’ Bấy giờ người kia, liền thu thập cây gỗ, cỏ lá kết bè vượt qua, từ bờ này đến bờ kia. Người kia đã vượt qua bờ kia, lại nghĩ: ‘Chiếc bè này đối với ta có nhiều lợi ích. Nhờ chiếc bè này cứu được nguy nan, từ nơi đáng sợ đến chỗ an lành. Ta không bỏ bè này. Hãy mang theo bên mình.’ Thế nào, Tỳ-kheo, người kia đã đến nơi rồi, có nên mang bè theo bên mình? Hay không nên?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Không nên, bạch Thế Tôn. Sở nguyện người kia đã đạt kết quả, thì mang chiếc bè theo làm gì?”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thiện pháp còn phải xả, huống gì là phi pháp.”

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo bạch với Thế Tôn:

"Sao gọi là pháp còn phải xả huống là phi pháp? Chúng con há chẳng phải nhờ pháp mà học đạo hay sao?"

Thế Tôn bảo:

"Y kiêu mạn diệt kiêu mạn, mạn mạn, tăng thượng (quá) mạn,²¹ tự mạn, tà kiến mạn, [760b] mạn trung mạn, tăng thượng mạn.²² Bằng không mạn diệt mạn mạn, diệt tăng tăng thượng quá mạn.²³ Bằng chánh mạn, diệt tà mạn, tăng thượng mạn, diệt hết bốn mạn. Xưa kia, khi Ta chưa thành Phật đạo, ngồi dưới gốc thọ vương, suy nghĩ như vậy: 'Trong dục giới, ai là cao trọng nhất để Ta sẽ hàng phục. Trong cõi dục này, trời và người, không ai không bị hàng phục.' Rồi Ta lại tự nghĩ: 'Nghe có tỳ ma Ba-tuần. Ta sẽ chiến đấu với chúng. Do hàng phục Ba-tuần, nên tất cả chư thiên cao quý đều bị hàng phục.' Lúc ấy, Tỳ-kheo, Ta mỉm cười trên chỗ ngồi, khiến cảnh giới ma Ba tuần đều chấn động. Giữa hư không nghe tiếng nói kệ:

Bỏ pháp Chân Tịnh vương,²⁴

Xuất gia học cam lồ;

Dù có thế nguyện rộng:

Dọn trống ba đường ác.

Nay ta họp binh chúng,

²¹ Nguyên hán: tăng thượng mạn, trùng lặp với mạn thứ bảy. Đây nên đọc là tăng thượng quá mạn, tức mạn quá mạn kể trong *Câu-xá*.

²² Kiêu mạn, mạn mạn, tăng thượng mạn, tự mạn, tà kiến mạn, mạn trung mạn, tăng thượng mạn 憍慢 慢慢 增上慢 自慢 邪見慢慢 中慢 增上慢; bảy mạn, xem *Câu-xá 19* (tr. 101a12): mạn, quá mạn, mạn quá mạn, ngã mạn, tăng thượng mạn, ty mạn, tà mạn 一慢 二過慢 三慢 過慢 四我慢 五增上慢 六卑慢 七邪慢. Bản hán liệt kê trên, trùng lặp tăng thượng mạn nhưng thiếu mạn quá mạn.

²³ Nguyên Hán: vô mạn; có lẽ chép nhầm.

²⁴ Chân Tịnh vương 真淨王, tức vua Tịnh Phạn (Pāli. Suddhodhana). Xem kinh 5, phẩm 24.

*Xem mặt sa-môn kia.
Nếu y không theo ta;
Năm chân liệng ngoài biển.*²⁵

“Lúc bấy giờ, Tệ ma Ba-tuần vô cùng thịnh nộ, bảo đại tướng Su Tử rằng, ‘Hãy nhanh chóng tập hợp bốn bộ binh chúng đi công phạt Sa-môn. Lại xem ông ấy có thể lực gì mà dám chiến đấu với ta?’ Khi ấy Ta lại suy nghĩ: ‘Giao chiến với phạm phu mà còn không im lặng, hưởng gì là với hạng cường hào của cõi Dục ư? Dù sao Ta cũng cần phải cạnh tranh với chúng.’

“Các Tỳ-kheo, khi ấy Ta bận áo giáp nhân từ, tay cầm cung tam-muội, tên trí huệ, chờ đợi đâm đại quân kia. Bấy giờ, Tệ ma, đại tướng và mười tám ức binh chúng, tướng mạo khác nhau như vượn, khỉ, sư tử, đi đến chỗ Ta. Trong đó, chúng La-sát hoặc một thân nhiều đầu, hoặc vài chục thân chung một đầu, hoặc hai vai có ba cổ, ngay tim có miệng; hoặc có một tay, hoặc có [760b20c] hai tay, hoặc có bốn tay; hoặc hai tay nâng đầu, miệng ngậm xác rắn, hoặc trên đầu bốc lửa, miệng phun ra lửa, hoặc hai tay vạch miệng, muốn nuốt chừng phía trước, hoặc vạch bụng hướng nhau, tay cầm đao kiếm, vai vác giáo mác, hoặc cầm chày cối, hoặc gánh núi vác đá, gánh vác cây lớn, hoặc hai chân chống lên trời đầu chúc xuống đất, hoặc cỡi voi sư tử, hổ, sói, trùng độc, hoặc đi bộ đến, hoặc bay trên không. Ma Ba-tuần dẫn binh chúng như vậy vây quanh đại thọ.

“Ma Ba-tuần ở bên trái Ta, nói với Ta rằng, ‘Sa-môn đứng dậy ngay!’ Tỳ-kheo, khi ấy Ta im lặng không đáp. Ba lần như vậy.

“Ma nói với ta, ‘Sa-môn có sợ ta không?’ Ta bảo, ‘Ta nắm giữ tâm, không sợ hãi điều gì.’

“Ma Ba-tuần nói, ‘Sa-môn có thấy chúng bốn bộ của ta không? Ông chỉ có một mình, không có binh khí, đao trượng, trọc đầu, thân thể phơi trần, chỉ khoác ba y này, mà lại nói: Ta không sợ gì!’ Ta bèn nói Ma Ba tuần bài kệ này:

²⁵ Bản Hán, hết quyển 38.

*Giáp nhân, cung tam-muội,
Tay cầm tên trí tuệ,
Phước nghiệp là binh chúng,
Ta sẽ phá quân ông.*

“Ma Ba tuần lại nói với Ta, ‘Ta làm nhiều điều ích lợi cho Sa-môn. Sa-môn nếu không nghe lời ta, lập tức ta làm cho hình hài ông tan mất thành tro. Lại nữa, Sa-môn tướng mạo đẹp đẽ, tuổi tráng thịnh đáng yêu, xuất xứ từ Chuyển luân vương dòng sát-lợi. Hãy kíp rời nơi này mà vui hưởng ngũ dục. Ta sẽ đưa ông lên làm Chuyển luân Thánh vương.’ Ta liền bảo Ba-tuần, ‘Những điều người nói là vô thường biến dịch, không thể tồn tại lâu dài, cần liả bỏ, chẳng phải là điều ta ham muốn.’

“Tệ ma Ba tuần lại hỏi ta, ‘Sa-môn, nay ông cầu mong điều gì, chí nguyện vật gì?’ Ta đáp, ‘Điều ta mong là nơi chốn không sợ hãi, yên ổn, tịch tĩnh trong thành Niết-bàn, để dẫn những chúng sanh trôi nổi sanh tử, chìm đắm trong khổ não này về đường chính.’

“Ma nói Ta, ‘Giờ nếu Sa-môn không kíp rời khỏi chỗ ngồi, ta sẽ nắm chân ông ném vào biển.’

Ta bảo Ba tuần, ‘Ta nhận thấy trên trời dưới đất, Ma hoặc Thiên ma, người hoặc phi nhơn, cùng chúng bốn bộ của ông, không ai có thể làm lay động một sợi lông Ta.’ Ma nói với Ta, ‘Sa-môn, nay muốn giao chiến với [761a01] ta hay chẳng?’ Ta đáp, ‘Ta đang nghĩ đến giao chiến.’ Ma hỏi ta, ‘Kẻ địch của ông là những ai?’ Ta đáp, ‘Chính là kiêu mạn, như tăng thượng mạn, tự mạn, tà mạn, mạn trong mạn.’ Ma hỏi Ta, ‘Ông diệt các mạn này vì mục đích gì?’ Ta đáp, ‘Ba-tuần, nên biết, có từ tam-muội, bi tam-muội, hỷ tam-muội, xả* tam-muội, không tam-muội, vô nguyện tam-muội, vô tướng tam-muội. Do từ tam-muội mà thành tựu bi tam-muội. Do bi tam-muội mà đắc hỷ tam-muội. Do hỷ tam-muội mà đắc xả tam-muội. Do xả tam-muội mà đắc không tam-muội. Do không tam-muội mà đắc vô nguyện tam-muội. Do vô nguyện tam-muội mà đắc vô

tướng tam-muội. Do lực tam-muội này mà Ta chiến đấu với ông. Hành diệt thì khổ diệt. Khổ diệt thì kết sử diệt. Kết sử diệt thì đạt đến Niết-bàn.’

“Ma nói với Ta, ‘Sa-môn, pháp được diệt bởi pháp chăng?’ Ta đáp, ‘Pháp cần được diệt bởi pháp.’ Ma lại hỏi Ta, ‘Thế nào là diệt pháp bởi?’ Ta nói, ‘Chánh kiến được diệt bởi tà kiến; tà kiến diệt được diệt chánh kiến; chánh tư duy* diệt tà tư duy*, tà tư duy* diệt chánh tư duy*, chánh ngữ diệt tà ngữ, tà ngữ diệt chánh ngữ; chánh nghiệp diệt tà nghiệp, tà nghiệp diệt chánh nghiệp; chánh mạng diệt tà mạng, tà mạng diệt chánh mạng; chánh tinh tấn* diệt tà tinh tấn*, tà tinh tấn* diệt chánh tinh tấn*; chánh niệm diệt tà niệm, tà niệm diệt chánh niệm; chánh định diệt tà định, tà định diệt chánh định.’

“Ma nói với Ta, ‘Mặc dù Sa-môn có nói vậy, nhưng trường hợp này khó chấp nhận. Ông đứng dậy nhanh lên, đừng để ta ném xuống biển.’

“Bấy giờ, Ta lại nói với Ma Ba-tuần, ‘Người trước kia làm phước chỉ với một lần bố thí mà nay được làm Ma vương Dục giới. Xưa kia Ta đã tạo công đức không thể kể hết. Nay những lời nói của người mới thật là khó chấp nhận.’ Ma Ba-tuần đáp, ‘Những phước mà ta đã làm, ở đây ông làm chứng. Còn Ông tự xưng rằng đã tạo ra vô số phước, ai là người làm chứng?’

“Tỳ-kheo, khi ấy Ta liền duỗi cánh tay phải, dùng ngón tay chỉ xuống đất, nói với Ma Ba-tuần, ‘Những công đức Ta đã làm, đất chứng biết.’ Khi Ta vừa nói lời này, thần Đất từ dưới đất vọt lên, chấp tay bạch, ‘Bạch Thế Tôn, con xin làm chứng biết.’ Thần đất nói lời này xong, Ma Ba-tuần sầu ưu khổ não, liền biến mất.

“Tỳ-kheo, hãy bằng phương tiện này mà biết rằng, pháp còn diệt huống gì là phi pháp. Ta trong thời gian dài đã nói kinh

‘Nhất giác dụ’²⁶ cho các người, không ghi văn của nó, huống gì là hiểu rõ nghĩa nó.²⁷ Vì sao vậy? Vì pháp này sâu huyền, vị Thanh văn, Bích-chi-phật nào tu pháp này thì được công đức lớn, được đến chỗ vô vi cam lồ. Vì sao nó được dụ là nương bề? Có nghĩa là nương mạn diệt mạn. Mạn đã diệt hết thì không còn các niệm tưởng nào loạn nữa. Giống như da chồn hoang được thuộc kỹ, dùng tay cuộn lại không gây tiếng động, không chỗ nào cứng. Đây cũng như vậy, nếu Tỳ-kheo nào hết kiêu mạn, không còn gì tăng giảm. Cho nên, nay Ta bảo các người, giả sử ai bị giặc bắt giữ, chớ sanh ác niệm, phải đem tâm từ ban khắp mọi nơi, giống như da cục mềm kia, trong lâu dài sẽ đạt đến chỗ vô vi. Các Tỳ-kheo, cần phải suy nghĩ như vậy.”

Khi Phật nói pháp này, ba ngàn thiên tử dứt sạch bụi trần, ngay trên chỗ ngồi được mắt pháp thanh tịnh; sáu mươi Tỳ-kheo khác cởi bỏ pháp phục, trở về đời sống bạch y; sáu mươi Tỳ-kheo khác diệt tận các lậu, tâm giải thoát,²⁸ được mắt pháp thanh tịnh.

Các Tỳ-kheo sau nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6²⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại miếu thần, bên bờ sông Hằng,³⁰ nước Ma-kiệt, cùng với năm trăm Tỳ-kheo.

²⁶ Nhất giác dụ kinh 一覺喻經, Tống-Nguyên-Minh: ‘Duyên nhất giác dụ kinh 一覺喻經.’ Chưa rõ kinh thuộc bộ nào. Hoặc giả, Skt.: *ekabuddhi*, tên một cá được kể trong truyện ngụ ngôn *Pañcatantra*.

²⁷ Dịch sát, nhưng chưa rõ ý.

²⁸ Nguyên Hán; lậu tận ý giải 漏盡意解, chính xác, nên hiểu: diệt tận các lậu, vô lậu, tâm giải thoát. Định cú Pāli: *āsavāṇṇ khayā anāsavaṃ cetovimuttiṃ*.

²⁹ Pāli, Gopālaka, M. i. 225. Hán, *Tap* (Việt) kinh 908.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Cũng như người chăn bò Ma-kiệt³¹ ngu si ít trí, muốn đưa đàn bò từ bờ này sông Hằng sang bờ kia, nhưng không chịu dò xem chỗ cạn sâu bờ bên này, bên kia, mà lừa bò xuống nước. Trước tiên, cho qua những con bò gầy, và những con bê còn nhỏ. Ở giữa dòng nước, chúng hết sức yếu đuối không thể đến bờ kia được. Tiếp lại cho qua những con bò trung bình không mập không gầy. Chúng cũng không qua được, mà ở giữa dòng chịu khổ não. Cuối cùng cho qua những con bò khỏe mạnh nhất nhất, cũng bị mắc khốn ở giữa dòng.³² Nay, Tỳ-kheo trong chúng của Ta cũng lại như vậy. Tâm ý ám độn không có trí sáng, không phân biệt đường đi sanh tử, không phân biệt cầu, thuyền của Ma. Muốn vượt qua dòng sanh tử mà không tập tu pháp cấm giới, liền bị Ma Ba-tuần chi phối. Tìm cầu Niết-bàn mà theo tà đạo để mong được diệt độ, rốt cuộc không được kết quả, tự tạo tội nghiệp, lại đẩy người khác sa đọa vào tội lỗi.

“Cũng như người chăn bò Ma-kiệt thông tuệ nhiều trí, ý muốn đưa bò từ bờ này sang bờ kia. Trước hết thăm dò nơi sâu, cạn, rồi đưa những con bò khỏe mạnh nhất đến bờ kia trước.³³ Kế đó [761c] đưa những con bò trung bình không mập không ốm, cũng sang được đến bờ bên kia. Kế đến đưa những con gầy nhất cũng vượt qua không xảy ra việc gì. Những con bê còn

³⁰ Thần kỳ Hằng thủy 神祇恒水. Pāli: tại làng Ukkacelā, bên bờ sông Hằng, vương quốc Vajji. *Cela*, trong bản Hán là *cetiya*: linh miếu (thần kỳ).

³¹ Ma-kiệt mục ngưu nhân 摩竭牧牛人. Pāli: *māgadhako gopālako*, người chăn bò người xứ Māgadha.

³² Hán dịch thiếu chính xác. Nên hiểu: vì không quan sát và chọn bờ để qua, khiến cho cả bò khô cũng bị nước nhận chìm. Xem nội dung được giải thích đoạn sau.

³³ Hán dịch thiếu chính xác. Nên hiểu: đưa các con bò lớn và khỏe đi trước để cản dòng xiết cho các con bò yếu nương theo mà vượt qua.

nhỏ³⁴ theo sau cùng mà được qua sang an ổn. Tỳ-kheo, ở đây cũng vậy, Như Lai khéo quán sát đời này đời sau, quán sát biển sanh tử, con đường đi của Ma. Tự mình bằng bát chánh đạo mà vượt qua hiểm nạn sanh tử, lại bằng đường này để độ người chưa được độ.

“Cũng như con bò chính dẫn đầu, một con đi đúng thì những con khác đều đi theo. Đệ tử của Ta cũng như vậy, sạch hữu lậu, thành vô lậu, tâm giải thoát, trí huệ giải thoát, ở trong hiện pháp tự thân tác chứng mà tự an trú, vượt cảnh giới Ma đến chỗ vô vi.

“Cũng như con bò khỏe mạnh kia vượt qua sông Hằng đến được bờ bên kia. Hàng Thanh văn của Ta cũng như vậy, đoạn năm hạ phần kết, thành A-na-hàm, ở trên kia mà bát Niết-bàn, không còn trở lại cõi này nữa, qua cảnh giới ma đến chỗ vô vi.

“Cũng như những con bò trung bình không mập không ốm, qua được sông Hằng không có gì trở ngại. Đệ tử của Ta cũng lại như vậy, đoạn trừ ba kết, dâm, nộ, si mỏng, thành Tu-đà-hàm, trở lại đời này một lần nữa, rồi tận cùng mé khổ, qua cảnh giới Ma đến chỗ vô vi.

“Cũng như những con bò gầy kia dẫn theo những con bê qua được dòng sông Hằng kia. Đệ tử của Ta cũng lại như vậy, đoạn trừ ba³⁵ kết, thành Tu-đà-hoàn, tất đến chỗ được độ, qua cảnh giới Ma, thoát khỏi nạn sanh tử.

“Cũng như những con bê nhỏ kia theo mẹ lội qua được. Đệ tử của Ta cũng lại như vậy, tùy tín hành,³⁶ tùy pháp hành,³⁷ đoạn trừ các sự trói buộc của Ma, đến chỗ vô vi.”³⁸

³⁴ Tiểu độc tùng mẫu 小犢從母, chính xác là những con bê mới sinh nhưng Hán dịch không tìm ra từ để dịch. Pāli: *vacchako taruṇako tāvadeva jātako*.

³⁵ Trong bản không có. Y Tổng-Nguyên-Minh thêm vào cho đủ nghĩa.

³⁶ Trì tín 持信; đây chỉ hạng tùy tín hành, hạng Dự lưu độn căn. Pāli: *saddhānusārino*.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Bị Ma vương bắt giữ
Không vượt bờ sinh tử.
Như Lai đã suốt cùng,
Trí soi tỏ thế gian.³⁷
Điều chư Phật tỏ ngộ,
Bà-la-môn không hiểu rõ.
Còn trong bờ sanh tử,
Lại độ người chưa độ.
Nay năm hạng người này,⁴⁰
Còn lại không thể kể,
Muốn thoát nạn sanh tử,
Thấy nhờ oai lực Phật.*

“Cho nên, Tỳ-kheo, hãy chuyên tâm mình, sông không phóng dật, tìm cầu phương tiện thành tựu tám đạo phẩm Hiền thánh. Nương vào đạo Hiền thánh sẽ có thể vượt khỏi biển sanh tử. Vì sao vậy? Như người chăn bò ngu si kia, chính là [762a01] bà-la-môn ngoại đạo, tự chìm trong dòng sanh tử, lại đẩy người khác đắm vào trong tội. Nước sông Hằng kia tức là biển sanh tử. Người chăn bò thông tuệ kia chính là Như Lai, đã vượt hiểm nạn sanh tử do tám đạo phẩm của Hiền thánh. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu Bát Thánh Đạo.

³⁷ Phụng pháp 奉法; đây chỉ hạng tùy pháp hành, hạng Dự lưu lợi căn. Pāli: *dhammānusārino*.

³⁸ Pāli: *tepi tiriyam māraṣṣa sotam chetvā sotthinā pāraṃ gamissanti*, cắt ngang dòng nước của Ma, qua bờ bên kia an toàn.

³⁹ Pāli: *ayaṃ loko paro loko, jānatā suppakāsito; yañca mārena sampattam, appattam yañca maccunā*, bậc Trí giả (Phật) đã minh giải rõ ràng đời này, đời sau, nơi nào Ma đến được, nơi nà không đến được.

⁴⁰ Năm hạng người, năm bậc Thánh kể trên: A-la-hán, A-na-hàm, Tỳ-đà-hàm, Tu-đà-hoàn, Tùy tìnd hành và tùy pháp hành; dụ với đàn bò gồm năm hạng của người chăn bò.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Sau khi các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7⁴¹

Tôi nghe như vậy.

Một thời, đức Phật ở trong vườn lê của Kỳ-bà-già⁴² tại thành La-duyệt, cùng với một nghìn hai trăm năm mươi đệ tử, đều là A-la-hán, các lậu hoặc đã sạch, thấu suốt sáu thông, chỉ trừ một người là Tỳ-kheo A-nan.

Bấy giờ, vào ngày 15 tháng 7, ngày thọ tuế,⁴³ vua A-xà-thế, vào lúc nửa đêm sao sáng đã xuất hiện, nói với phu nhân Nguyệt Quang⁴⁴:

“Hôm nay là ngày rằm, trăng tròn sáng quá, nên làm gì?”

Phu nhân đáp:

“Hôm nay là ngày rằm, là ngày thuyết giới, nên đàn ca, tự mình hưởng thụ năm dục.”

Vua nghe xong những lời này mà không hài lòng. Vua lại hỏi thái tử Ưu-đà-da:⁴⁵

“Đêm nay, thật trong sáng, nên làm gì?”

Thái tử Ưu-đà-da bạch vua:

⁴¹ Pāli: Samaññaphala, D. i. 48. Hán No 1(27), 22.

⁴² Kỳ-bà-già lê viên 耆婆伽梨園. No 1(27): Kỳ-bà đồng tử Am-bà viên 耆舊童子菴婆園. Pāli: *jīvakassa komārabhaccassa ambavane*, trong vườn Xoài của Y sỹ nhi Kỳ-bà.

⁴³ Pāli: *tadahuposathe pannarase komudiyācātumāsiniyā*, ngày bố tát, ngày 15, tháng Kattika, sau mùa hạ an cư.

⁴⁴ Nguyệt Quang Phu nhân 月光夫人; không rõ Pāli.

⁴⁵ Ưu-đà-da thái tử 優陀耶太子. Pāli: Udayabhaddo kumāro, nhưng không được đề cập trong đoạn này.

“Như nửa đêm nay thật trong sáng, nên tập hợp bốn loại binh đi chinh phạt ngoại địch các nước khác nào chưa hàng phục.”

Sau khi vua A-xà-thế nghe những lời này xong, cũng lại không vừa ý, lại hỏi thái tử Vô Úy.⁴⁶

“Như nay, đêm thật trong sáng, nên làm những gì?”

Vương tử Vô Úy đáp:

“Nay Bất-lan Ca-diếp,⁴⁷ rành về các toán số, biết cả về thiên văn địa lý, được mọi người tôn ngưỡng, có thể đi đến hỏi ông về những nghi nạn này, vị ấy sẽ nói lý rất vi diệu cho Tôn vương, hoàn toàn không có điều gì ngưng trệ.”

Sau khi nghe xong những lời này, cũng không vừa ý, vua lại hỏi đại thần Tu-ni-ma:⁴⁸

“Như đêm nay, thật trong sáng, nên làm những gì?”

Tu-ni-ma tâu vua rằng:

“Như nửa đêm nay, thật là trong sáng. Gần đây không xa có A-di-sửy⁴⁹ hiểu biết rộng, xin Đại vương đến hỏi những điều nghi ngờ.”

Vua nghe xong những lời này, cũng không vừa ý, lại hỏi Bà-la-môn Bà-sa⁵⁰:

“Như nửa đêm nay, thật là trong sáng, nên làm những gì?”

Bà-la-môn đáp:

⁴⁶ Vô Úy Vương tử 無畏王子. Pāli: Abhaya-kumāra; anh em dị bào của A-xà-thế; cũng không được đề cập trng đoạn này. Hán có thể nhầm, vì Vương tử Vô Úy là Phật tử, chắc không khuyên Vua đi phòng đạo với ngoại đạo.

⁴⁷ Bất-lan Ca-diếp 不蘭迦葉. No 1 (27): Bà-la-môn Vũ xá đề nghị Bất-lan Ca-diếp. Pāli: Pūraṇo kassapo.

⁴⁸ Tu-ni-ma 須尼摩. No 1(27): Tu-ni-đà 須尼陀. Pāli: một Đại thần không nêu tên, *aññataropi kho rājāmacco*.

⁴⁹ A-di-sửy (chuyên) 阿夷耑. No 1(27): Điền Tác đề nghị. Pāli: Ajita Kesakambala.

⁵⁰ Bà-sa 婆沙.

“Như nay ngày mười lăm, thật là trong sáng. Gần đây không xa có Cù-da-lâu,⁵¹ cúi xin Đại vương đến đó hỏi nghĩa này.”

Sau khi nghe những lời này xong, cũng không hợp ý mình, vua lại hỏi Bà-la-môn Ma-đặc⁵² rằng:

“Như nửa đêm nay, thật là trong sáng, nên làm việc gì?”

Bà-la-môn đáp:

“Đại vương nên biết, gần đây không xa có Ba-huru Ca-diên,⁵³ cúi xin đại vương đến hỏi sự tình ông ấy.”

Vua nghe những lời này xong cũng không hợp ý, lại hỏi điển binh Sách-ma⁵⁴: “Như nửa đêm nay, thật là trong sáng, nên làm những gì?”

Sách-ma đáp:

“Gần đây không xa có Tiên-tất Lô-tri⁵⁵ rành về thuật toán số, có thể đến đó hỏi đạo nghĩa.”

Vua nghe những lời này xong, cũng không hợp ý mình, lại bảo đại thần Tồi Thắng⁵⁶ rằng:

“Như nay ngày mười lăm, thật là trong sáng, nên làm những gì?”

Tồi Thắng tâu vua rằng:

“Nay có Ni-kiên Tử⁵⁷ đọc rộng các kinh, là tối thượng trong các thầy, cúi xin đại vương đến đó hỏi đạo nghĩa.”

⁵¹ Cù-da-lâu 瞿耶樓; do Tu-ni-đà đề nghị. Pāli: Makkhali Gosāla.

⁵² Ma-đặc 摩特.

⁵³ Ba-huru Ca-diên 彼休迦旃. No 1(27): do viên tướng giữ cửa tên Già-la伽羅守門將 đề nghị. Pāli: Pakudha-Kaccāyana.

⁵⁴ Sách-ma điển binh 索摩典兵師, vị tướng chỉ huy quân đội.

⁵⁵ Tiên-tất Lô-tri 先畢盧持. No 1(27) Ưu-đà-di Mạn-đề Tử 優陀夷漫提子 đề nghị Pāli: Sañjaya-Belaṭṭhi-putta.

⁵⁶ Tồi Thắng 最勝.

⁵⁷ Ni-kiên Tử 尼捷子. Vương tử Vô Úy đề nghị. Pāli: Nigaṇṭha Nāta-putta.

Vua nghe những lời này xong, không hạp ý, bèn suy nghĩ: ‘Những người này đều là những kẻ ngu muội, không phân biệt chon quy, không có phương tiện thiện xảo.’

Bấy giờ, vương tử Kỳ-bà-già đang đứng bên trái vua. Vua quay lại hỏi Kỳ-bà-già rằng:

“Nhu nửa đêm nay, thật là trong sáng, nên làm những gì?”

Kỳ-bà-già liền quỳ trước vua tâu rằng:

“Hiện Như Lai đang du hóa ở gần đây không xa, trong vườn của hạ thần,⁵⁸ dẫn theo một nghìn hai trăm năm mươi Tỳ kheo. Cúi xin Đại vương đến đó hỏi đạo nghĩa. Vì Như Lai là ánh sáng, là mặt trời, không có điều gì bẻ tắt, thông suốt việc ba đời, không gì là không thấu suốt. Chính Ngài sẽ giảng nói sự ấy cho Vua, những hồ nghi của Vua sẽ tự nhiên sáng tỏ.”

Sau khi nghe những lời Kỳ-bà-già, vua A-xà-thế vui mừng hơn hở, phát sanh tâm thiện, liền khen Kỳ-bà-già rằng:

“Lành thay, lành thay! Vương tử⁵⁹ khéo nói lời này. Vì sao vậy? Hiện thân tâm ta đang thật là bức sứt, vì vô có đã bắt giết Phụ vương. Lâu nay ta lúc nào cũng tự suy nghĩ, ai có thể tỏ ngộ tâm ý ta? Nay những lời Kỳ-bà-già vừa nói thật hợp ý ta. Kỳ diệu thay, nghe đến tiếng Như Lai, ta tự nhiên bừng tỉnh.”

Lúc ấy, Vua hướng về Kỳ-bà-già nói kệ này:

*Đêm nay trăng cực sáng;
Tâm ý không được tỏ.
Các khanh mỗi người nói ,
Nên đến ai hỏi đạo.

Bát-lan, A-di-sử,
Ni-kiền, đệ tử Phạm:*

⁵⁸ Nguyên Hán: Bàn tụ viên 貧聚園; xem cht. 42 trên.

⁵⁹ Vương tử 王子. Pāli: Komārabhacca, người được Vương tử (kumāra) nuôi dưỡng (Số giải Pāli: *kumārena bhatoti komārabhacco*). Hán dịch có thể nhầm, vì Kỳ-bà là y sĩ của Vua chứ không phải là Vương tử (con vua).

*Bọn họ, không thể cậy,
Không thể giúp được gì.*

*Đêm nay thật cực sáng,
Trăng tròn không tỳ vết;
Nay hỏi Kỳ-bà-già
Nên đến ai hỏi đạo.*

Lúc ấy, Kỳ-bà-già trả lời vua bằng bài kệ:
*Nghe âm thanh nhu nhuyễn,
Thoát khỏi cá ma-kiệt.
Mong đúng thời đến Phật,
Nơi vĩnh viễn không sợ.*

Vua lại đáp bằng bài kệ:
*Trước đây ta đã làm
Việc vô ích cho Phật:
Hại con Phật chân chánh
Tên là Tần-bà-sa.⁶⁰
Nay hết sức hổ thẹn,
Mặt mũi nào gặp Phật?
Vì sao nay ông bảo
Khiến ta đi gặp Người?*

Kỳ-bà-già lại trả lời vua bằng bài kệ:
*Chư Phật không kia, đây;
Kết sử đã trừ hẳn;
Tâm bình đẳng không hai;
Đó là nghĩa Phật pháp.

Nếu dùng hương chiên đàn,
Thoa lên tay phải Phật;
Cầm dao chặt tay trái,
Tâm không sanh tăng giảm.

Nhu thương con La-vân,*

⁶⁰ Tần-bà-sa 頻婆娑, vua cha của A-xà-thế; là Phật tử nhiệt thành.

*Con duy nhất, không hai.
Tâm đối với Đê-bà,
Oán thân không có khác.*

*Nguyện Đại vương khuất tất,
Đến thăm gặp Như Lai.
Nghỉ ngơi sẽ được dứt,
Chớ có điều e ngại.*

Rồi Vua A Xà Thế bảo vương tử* Kỳ-bà-già rằng:

“Vây ông hãy nhanh chóng chuẩn bị năm trăm con voi đực và năm trăm con voi cái, đốt năm trăm ngọn đèn.”

Kỳ-bà-già đáp:

“Vâng, thưa Đại vương!”

Vương tử* Kỳ-bà-già liền chuẩn bị một ngàn con voi, và đốt năm trăm ngọn đèn, rồi đến trước tâu vua rằng:

“Xe cộ đã chuẩn bị xong, Vua biết đúng thời!”

Lúc ấy, vua A-xà-thế dẫn theo những người tùy tùng đến trong vườn lê, giữa đường lại sinh lòng sợ hãi, toàn thân lông dựng đứng, quay qua bảo vương tử* Kỳ-bà-già rằng:

“Nay ta không bị ông gạt đó chứ? [76301] Không đem ta nạp cho kẻ thù chứ?”

Kỳ-bà-già tâu vua:

“Thật sự không có lý này. Cúi xin Đại vương tiến lên trước tí nữa. Như Lai cách đây không xa.”

Bấy giờ, vua A-xà-thế trong lòng còn lo sợ, hỏi lại Kỳ-bà-già rằng:

“Ta không bị người dụ hoặc chăng? Ta nghe nói Như Lai dẫn đầu một nghìn hai trăm năm mươi đệ tử, sao giờ không nghe một tiếng động?”

Kỳ-bà-già đáp:

“Đệ tử Như Lai thường nhập định, không có loạn tướng. Cúi xin Đại vương hãy tiến tới trước chút nữa.”

Vua A-xà-thế liền xuống xe, đi bộ qua cổng, đến trước giảng đường, rồi đứng im lặng quán sát Thánh chúng, và quay sang hỏi Kỳ-bà-già rằng:

“Như Lai hiện đang ở đâu?”

Bấy giờ, tất cả Thánh chúng đều nhập hỏa quang tam-muội chiếu sáng khắp giảng đường kia, không đâu không sáng. Khi ấy, Kỳ-bà-già lập tức quỳ xuống, đưa tay phải chỉ hướng Như Lai và nói:

“Như Lai đang ngồi chính giữa, như mặt trời phá tan mây.”

Vua A-xà-thế nói với Kỳ-bà-già rằng:

“Thật kỳ diệu thay, Thánh chúng này tâm định đến như vậy! Vì do duyên gì lại có ánh sáng này?”

Kỳ-bà-già tâu vua:

“Do sức tam-muội mà phát ra ánh sáng.”

Vua lại bảo:

“Như hôm nay ta quán sát Thánh chúng, thấy rất là yên lặng. Mong cho thái tử Ưu-đà-da của ta cũng nên vô vi yên lặng như vậy.”

Rồi vua A-xà-thế lại chấp tay tự giới thiệu:

“Cúi xin Thế Tôn soi xét đến.”

Thế Tôn bảo:

“Xin chào Đại vương!”

Vua nghe tiếng nói của Như Lai trong lòng hết sức hoan hỷ. Ông lên gặp Như Lai, tự nói Vương hiệu.

Bấy giờ, vua A-xà-thế đi đến trước Phật, năm vóc gieo xuống đất, đặt hai tay lên chân Như Lai, tự xưng tên hiệu, và nói rằng:

“Cúi xin Thế Tôn rủ lòng thương tưởng nhận sự hối lỗi của con. Phụ vương vô tội mà con đã bắt giết. Cúi xin nhận sự sám

hỏi, từ đây con sửa đổi lỗi lầm quá khứ, tu dưỡng điều tương lai.”

Thế Tôn bảo:

“Nay thật đúng thời, thích hợp để hối lỗi, đừng để sai sót. Phạm người sống ở đời, ai biết tự sửa đổi lỗi lầm của mình, người đó được gọi là thượng nhân. Pháp của Ta rất là rộng lớn, nên trong đó hợp thời sám hối.”

Vua bèn đánh lễ sát chân Như Lai, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, vua bạch Phật:

“Con có điều muốn hỏi. Cúi xin Như Lai cho phép, con mới dám hỏi.”

Phật bảo vua:

“Có nghi nan, hợp thời cứ hỏi.”

Vua bạch Phật:

“Đời này tạo phước có lãnh thọ báo ứng hiện tại chăng?”⁶¹

Phật bảo vua:

“Xưa nay Vua đã từng hỏi ai đạo nghĩa này chưa?”

Vua bạch Phật:

“Trước đây con đã từng đem ý nghĩa này hỏi người khác. Con đã hỏi Bất-lan Ca-diếp rằng ‘Thế nào, Bất-lan Ca-diếp, đời này tạo phước có lãnh thọ báo ứng hiện tại chăng?’ Bất-lan Ca-diếp đáp con rằng: ‘Không có phước, không có bố thí, không báo thiện ác đời này đời sau; trong đời không có người thành tựu

⁶¹ Hán dịch này không hết ý. Tham khảo, No 1(27): Người làm các doanh nghiệp, nhận được kết quả nay trong hiện tại. Người tu đạo, có nhận được báo ứng hện tại không? Pāli: *ditṭheva dhamme sandiṭṭhikam sāmāññaphalaṃ paññāpetun’ī?* Có kết quả thiết thực của sa-môn ngay trong đời này chăng?

A-la-hán.⁶² Bây giờ, con đang hỏi về sự thọ lãnh kết quả báo ứng, vị ấy trả lời là không. Như có người hỏi ý nghĩa của đũa, lại được trả lời bằng lý của mâm, nay Bất-lan Ca-diệp cũng như vậy. Lúc ấy, con tự nghĩ: ‘Bà-la-môn này đã không soi tỏ cho ta. Ý nghĩa mà nhà Vua thuộc dòng hào tộc hỏi, người này tìm cách dẫn báo việc khác.’ Bạch Thế Tôn, lúc ấy con muốn chém đầu ông ấy liền. Vì không chấp nhận lời ông ấy nói nên con khiến đuổi đi.

“Rồi con đến chỗ A-di-sùý hỏi về ý nghĩa này. A-di-sùý nói với con rằng: ‘Nếu ở bên trái sông⁶³ giết hại chúng sanh, gây vô số tội thì cũng không có tội, không có quả báo xấu.’⁶⁴ Bạch Thế Tôn, lúc ấy con lại tự nghĩ: ‘Ta hỏi về ý nghĩa thọ báo đời này, người ấy bèn đem việc giết hại trả lời ta. Giống như có người hỏi ý nghĩa của lê lại được trả lời bằng mâm.’ Con liền bỏ đi.

“Con lại đến chỗ Cù-da-lâu mà hỏi ý nghĩa này. Người ấy đáp con rằng: ‘Ở bên phải sông⁶⁵ tạo các công đức không thể tính hết, trong trường hợp đó cũng không có báo lành.’⁶⁶ Lúc ấy, con lại tự nghĩ: ‘Ý nghĩa mà nay ta hỏi, rốt cùng không được trả lời hợp lý.’ Con lại bỏ đi.

⁶² No 1(27): thuyết của Mạt-già-le Câu-xá-lê. Đoạn trên, kinh 11, phẩm 38 nói đây là thuyết của A-di-sùý. Hán dịch bắt nhất. Sāmaññaphala, thuyết đoạn diệt (*uccheda*) của Ajita kesakambala.

⁶³ No 1(27): Hằng thủy nam 恒水南, bờ Nam sông Hằng. Sāmaññaphala: *dakkhiṇaṃ cepi gaṅgāya tīraṃ*.

⁶⁴ No 1(27) thuyết của Bất-lan Ca-diệp. Đoạn trên, kinh 11, phẩm 38 nói đây là thuyết của Cù-da-lâu. Sāmaññaphala: thuyết vô nghiệp (*akiriya*: phi hành động) của Pūraṇa Kassapa.

⁶⁵ No 1(27): Hằng thủy bắc ngạn 恒水北岸; trong đoạn về thuyết của Bất-lan Ca-diệp; xem cht. 61 trên.

⁶⁶ Đoạn trên, kinh 11, phẩm 38, nói đây là thuyết của Ba-huru Ca-chiên. Hán dịch bắt nhất.

“Con lại đến chỗ Ba*-huu Ca-diên mà hỏi ý nghĩa này. Người đó đáp: ‘Chỉ có một người ra đời, một người chết, một người qua lại lãnh thọ khổ, vui.’⁶⁷ Lúc ấy, con lại tự nghĩ: ‘Nay những điều ta hỏi về quả báo đời này, bèn đem việc sống chết tương lai đáp.’ Con lại bỏ đi.

“Con đến Tiên-tỳ Lô-trì hỏi ý nghĩa này. Người đó đáp con rằng: ‘Quá khứ đã diệt không sanh trở lại nữa; tương lai chưa đến cũng lại không có; hiện tại không dừng, không dừng tức là biến đổi.’⁶⁸ Con lại tự nghĩ: ‘Điều mà nay ta hỏi là báo đời này, lại được trả lời bằng ba thời; điều này không phù hợp chánh lý.’ Con lại bỏ đi.

“Con lại đến chỗ Ni-kiền Tử mà hỏi nghĩa này: ‘Thế nào, Ni-kiền Tử, đời này làm phước có được thọ báo đời này không?’ Ông đáp con rằng: ‘Chúng sanh bị trói buộc không nhân, không duyên. Chúng sanh thanh tịnh cũng không có nhân, cũng không có duyên.’⁶⁹ Lúc ấy, con lại tự nghĩ: ‘Những Bà-la-môn này thật là ngu muội, không phân biệt được chơn, nguỵ, như người mù không mắt, rốt cùng không trả lời được ý nghĩa của những câu hỏi tựa như đùa cợt với người thuộc dòng Chuyển luân Thánh vương.’ Sau đó con lại bỏ đi.

“Bạch Thế Tôn, nay con hỏi ý nghĩa ấy: ‘Đời này làm phước có nhận hiện báo không?’ Cúi xin Thế Tôn giảng dạy nghĩa ấy.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo:

“Đại vương! Nay Ta hỏi Đại vương, tùy theo sở thích mà trả lời. Đại vương, có hay không những người phụ trách rượu, bếp,

⁶⁷ Hán dịch bất nhất, khác với đoạn trên, xem kinh 11, phẩm 38, thuyết của Ba-huu Ca-chiên.

⁶⁸ Hán dịch tiền hậu bất nhất; xem kinh 11 phẩm 38 trên.

⁶⁹ Cf. Pāli, Sāmaññaphala, thuyết luân hồi tịnh hóa (*samsārasuddhi*) của Makkhali Gosāla.

chấp chương việc thưởng phạt, quản lý tài vật, những người phục dịch?”

Vua bạch Phật :

“ Thưa có.”

“Nếu những người phục dịch ấy làm lưng mệt nhọc qua một thời gian lâu dài, Đại vương có tưởng thưởng họ không?”

Vua bạch Phật:

“Tùy theo công sức mà chu cấp vật dụng, không để có oán trách.”

Phật bảo vua rằng:

“Do phương tiện này mà biết, đời này làm phước được thọ báo hiện tiền. Thế nào, Đại vương, đã ở địa vị cao, thương xót dân đúng lẽ nghĩa, rồi lại còn ban thưởng cho họ nữa không?”

Vua bạch Phật:

“Vâng, bạch Thế Tôn, con cho thức ăn ngon ngọt để nuôi sống, khiến không oán hận.”

Phật bảo vua:

“Do phương tiện này mà biết, người ấy ngày xưa xuất thân thấp hèn, dần dần tích chứa công lao mà được hoan lạc đồng với vua. Vì vậy cho nên, đời này làm phước được thọ báo hiện tại.”

Phật bảo vua:

“Người có công lao ấy, trải qua nhiều năm, đến tâu với vua rằng: ‘Chúng tôi đã lập công lao, vua đã biết rõ. Nay có ước nguyện muốn thỉnh cầu Vua.’ Vua sẽ cho phép không?”

Vua bạch Phật:

“Tùy theo sở nguyện họ, con sẽ không phản đối.”

Phật bảo vua:

“Người có công ấy muốn được phép từ biệt vua, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo, tu hạnh thanh tịnh, Vua cho phép không?”

Vua bạch Phật:

“Vâng, cho phép.”

Phật bảo vua:

“Giả sử vua thấy người ấy đã cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo, đang ở gần Ta, Vua sẽ làm gì?”

Vua bạch Phật:

“Con sẽ tôn kính, cúng dường và tùy thời lễ lạy.”

Phật bảo vua:

“Do phương tiện này mà biết, đời này làm phước thì được thọ báo hiện tiền. Giả sử người có công lao ấy, giữ giới hoàn toàn không có hủy phạm, Vua sẽ làm gì?”

Vua bạch Phật:

“Con sẽ suốt đời cung cấp y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh, không để thiếu thốn.”

Phật [764a1] bảo vua:

“Do phương tiện này mà biết, đời này làm phước thì được thọ báo hiện tiền. Giả sử người ấy lại đã làm Sa-môn, dứt sạch hữu lậu, thành vô lậu, tâm giải thoát, huệ giải thoát, tự thân tác chứng mà tự an trú, biết như thật rằng ‘sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh đời sau nữa’, Vua sẽ làm gì?”

Vua bạch Phật:

“Con sẽ thừa sự, cúng dường suốt đời y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh, không để thiếu thốn.”

Phật bảo vua:

“Do nhờ phương tiện này mà biết, đời này làm phước được thọ báo hiện tiền. Giả sử nếu khi người ấy tuổi thọ đã hết, và bát niết-bàn vào trong Niết-bàn giới vô dư, thì Vua sẽ làm gì?”

Vua bạch Phật:

“Con sẽ xây tháp lớn ở tại ngã tư đường và dùng hương hoa cúng dường, treo tràng phan bảo cái, thừa sự lễ kính. Vì sao vậy? Vì đó là thân trời, chẳng phải là thân người.”

Phật bảo vua:

“Do phương tiện này mà biết, đời này làm phước được thọ báo hiện tiền.”

Vua bạch Phật:

“Nay, con nhờ những thí dụ này mà hiểu rõ. Hôm nay Thế Tôn giảng thêm ý nghĩa này, con từ nay về sau tin nhận ý nghĩa này. Cúi xin Thế Tôn hãy nhận con làm đệ tử, con quy y Phật, Pháp, Tăng Tỳ-kheo. Nay con lại sám hối, vì con đã ngu si nhầm lẫn, Phụ vương vô tội mà bắt giết. Nay đem thân mạng tự quy y. Cúi xin Thế Tôn trừ tội lỗi kia, giảng nói diệu pháp để con mãi mãi được an lạc. Như con tự biết đã tạo những tội báo, không có căn lành.”

Phật bảo vua:

“Có hai hạng người không tội mà mạng chung được sinh lên trời trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay. Sao gọi là hai? Một là người không tạo gốc tội mà tu thiện; hai là người cải hối tội mà mình đã tạo. Đó gọi là hai hạng người khi mạng chung sẽ sanh lên trời không có gì nghi ngờ.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Người làm việc rất ác;
Hối lỗi, chuyển thành nhẹ.
Sám hối không lười nghĩ,
Gốc tội được nhỏ hẳn.*

“Cho nên, Đại vương hãy trị dân đúng pháp, chớ đừng phi pháp. Phạm người theo giáo hóa cai trị, khi chết sẽ được sinh

lên trời, cõi lành. Sau khi mạng chung, danh tiếng sẽ được vang dội khắp bốn phương. Người sau cùng truyền tụng: ‘Xưa có vị Vua lấy chánh pháp [764b] giáo hóa cai trị, không có cong vạy.’ Mọi người xưng tụng nơi sanh của người ấy. Tuổi thọ được thêm, không bị chết yểu. Cho nên, Đại vương hãy phát tâm hoan hỷ hướng về Tam bảo Phật, Pháp, Thánh chúng.

“Đại vương, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ, vua A-xà-thế liền rời chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi lui đi. Vua đi không xa, Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Vua A-xà-thế này nếu không hại phụ vương thì hôm nay đã chứng đắc sơ quả Sa-môn, ở trong hàng bốn đôi tám bậc, cũng đắc tám phẩm đạo của Hiền thánh, trừ bỏ tám ái, vượt tám nạn. Tuy vậy, nay còn được hạnh phúc lớn, được tín tâm vô căn.⁷⁰ Cho nên, Tỳ-kheo, người đã tạo tội hãy tìm cầu phương tiện thành tựu tín tâm vô căn. Trong Ưu-bà-tắc của Ta, người được tín vô căn chính là vua A-xà-thế.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8⁷¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có tám pháp thế gian⁷² theo đó chúng sanh xoay chuyển. Những gì là tám? 1. lợi, 2. hại, 3. vinh, 4. nhục, 5. khen, 6. chê,

⁷⁰ Vô căn tín 無根信. Tín mà không có thiện căn, có tín (hay bốn chứng tịnh, Pāli: *avecca-pasāda*) nhưng không có gốc rễ trong kiến đạo. Xem giải thích của *Tỳ-bà-sa 103*, tr. 536b09.

⁷¹ Pāli, A. viii. 5. Lokaparivattta.

⁷² Thế bát pháp 世八法. Pāli: *aṭṭhime lokadhammā: lābho, alābho, yaso, ayaso, nindā, pasamsā, sukham, dukkham*.

7. khô, 8. lạc. Tỳ-kheo, đó là có tám pháp mà thế gian theo đó xoay chuyển. Các Tỳ-kheo, hãy nên tìm cầu phương tiện trừ tám pháp này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nhu Lai xuất hiện thế gian, lại thành Phật đạo ở thế gian, nhưng không bị tám pháp thế gian lôi cuốn. Giống như hoa sen sinh ra từ bùn lầy, hết sức tươi sạch, không nhiễm nước bùn, được chư thiên yêu kính, ai thấy đều vui vẻ trong lòng. Như Lai cũng lại như vậy, được sanh từ bào thai, ở trong đó được nuôi lớn, được thành thân Phật. Cũng ngọc lưu-ly là loại báu làm sạch nước, không bị bụi nhơ làm nhiễm; Như Lai cũng lại như vậy, cũng sanh ở thế gian, không bị tám pháp thế gian nhiễm đăm. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy nên tinh tấn tu hành tám pháp.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

[764c] Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

bấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có tám hạng người lưu chuyển sinh tử mà không trụ sinh tử. Sao gọi là tám? Hướng Tu-đà-hoàn, đắc Tu-đà-hoàn; hướng Tu-đà-hàm, đắc Tu-đà-hàm; hướng A-na-hàm, đắc A-na-hàm; hướng A-la-hán, đắc A-la-hán. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là có tám hạng người lưu chuyển sinh tử mà không trụ sinh tử. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thoát nạn sinh tử.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

CHÍN PHÁP

44. CHÍN CHÚNG SANH CƯ.

KINH SỐ 1¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có chín nơi cư trú chúng sanh,² là nơi ở của chúng sanh. Những gì là chín? Hoặc có chúng sanh nhiều thân thân khác nhau với nhiều tướng khác. Đó là chỉ cho trời và người.³ Hoặc có chúng sanh có nhiều thân, nhưng một tướng. Đó là chỉ trời Phạm-ca-di xuất hiện đầu tiên.⁴ Hoặc có chúng sanh có một thân với nhiều tướng. Đó là trời Quang âm.⁵ Hoặc có chúng sanh một thân với một tướng. Đó là trời Biến tịnh.⁶ Hoặc có chúng sanh vô lượng không. Đó là trời Không xứ.⁷ Hoặc có chúng sanh vô lượng thức. Đó là trời Thức xứ.⁸ Hoặc có chúng

¹ Pāli, A. IX. 24. Sattāvāsa.

² Cửu chúng sanh cư xứ 九眾生居處. Cf. No 1(9): cửu chúng sanh cư 九眾生居. *Tập dị* 19, tr. 446b14: cửu hữu tình cư 九有情居.

³ *Tập dị*: người và một phần trời. Pāli: *manussā ekacce ca devāekacce ca vinipātikā*, loài người, một phần chư thiên, và chúng sanh trong cõi dữ.

⁴ *Tập dị*: chư thiên trên Phạm chúng thiên trong thời kỳ kiếp sơ. Pāli: *devā brahmakāyikā paṭhamābhiniḥḥattā*.

⁵ Quang âm thiên 光音天. Pāli: *devā ābhassarā*.

⁶ Biến tịnh thiên 遍淨天. Pāli: *devā subhakinḥhā*.

⁷ Không xứ thiên 空處天. Hán dịch này nhảy sót mất một tầng thứ năm. *Tập dị*, hữu tình cư thứ năm: Vô tướng hữu tình thiên 無想有情天, Pāli: *devā asaññasattā*; hữu tình cư thứ sáu, Không vô biên xứ thiên 空無邊處天. Pāli: *ākāsānañcāyatanūpagā*.

⁸ Thức xứ thiên 識處天. *Tập dị*: Hữu tình cư thứ bảy, Thức vô biên xứ thiên 識無邊處天. Pāli: *viññāṇañcāyatanūpagā*.

sanh Vô sở hữu xứ. Đó là trời Vô sở hữu xứ.⁹ Hoặc có chúng sanh có tướng, không tướng. Đó là trời Phi tướng phi phi [765a01] tướng xứ.¹⁰

“Tên gọi của những chỗ được sinh ra có chín. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là chín nơi cư trú của chúng sanh. Các loài quần manh đã từng ở, đang ở, sẽ ở. Cho nên Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thoát ly chín nơi này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta sẽ nói về chín đức của sắc nguyện¹¹, các người hãy suy nghĩ kỹ, nay Ta sẽ diễn giải ý nghĩa này.”

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật giáo giới. Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thế nào là chín đức của sắc nguyện? Tỳ-kheo nên biết, thí chủ đàn-việt phải thành tựu ba pháp; vật được thí cũng phải thành tựu ba pháp; người nhận vật cũng phải thành tựu ba pháp.

⁹ Bất dụng xứ thiên 不用處天. *Tập dị*, hữu tinh cư thứ tám, Vô sở hữu xứ thiên 無所有處天. Pāli: *ākīñcaññāyatanūpagā*.

¹⁰ Hữu tướng vô tướng xứ thiên 有想無想處天. *Tập dị*: Phi tướng phi tướng xứ thiên 非想非非想處天. Pāli: *nevasaññānāsaññāyatanūpagā*.

¹¹ Sắc nguyện 覩願, trên kia dịch là đạt-sắc 達覩, Pāli: *dakkhinā* (Skt. *dakṣiṇā*), thí tụng, bài kệ chú nguyện thí chủ sau khi nhận cúng dường.

“Thế nào là thí chủ đàn-việt kia phải thành tựu ba pháp? Thí chủ đàn-việt này thành tựu tín, thành tựu thệ nguyện, không sát sinh. Đó gọi là thí chủ đàn-việt thành tựu ba pháp.

“Thế nào là vật được thí cũng phải thành tựu ba pháp? Vật được thí này phải thành tựu sắc, thành tựu hương, thành tựu vị. Đó gọi là vật được thí thành tựu ba pháp.

“Thế nào là người nhận vật phải thành tựu ba pháp? Người nhận vật này thành tựu giới, thành tựu trí tuệ, thành tựu tam-muội. Đó gọi là người nhận thí thành tựu ba pháp.

“Như vậy, nếu sự đạt-sản¹² thành tựu chín pháp này, sẽ đưa đến quả báo lớn, đến chỗ cam lồ diệt tận. Phạm ai là thí chủ muốn cầu phước này hãy tìm cầu phương tiện thành tựu chín pháp này.

“Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Để thành tựu chín pháp. Những gì là chín? Mặt gượng,¹³ chịu nhục, tâm tham, keo kiệt, tâm niệm không xả ly, hay quên, ít ngủ, che dấu dâm dật,¹⁴ và không biết đền trả là chín. Tỳ-kheo, đó gọi là thành tựu chín pháp.

¹² Đạt-sản, xem cht. 15 kinh 2 phẩm 33.

¹³ Hán: cường nhan 強顏, mặt gượng làm vui.

¹⁴ Ẩn nặc dâm dật 隱匿 婬泆; có bản chép không có chữ *dâm*. Đoạn dưới chép là dâm dật ẩn (có bản chép *tinh*) nặc 婬泆隱 / 靜匿.

“Tỳ-kheo ác cũng thành tựu chín pháp. Thế nào là chín? Ở đây, Tỳ-kheo ác làm mất gương, chịu nhục, tâm tham, keo kiết, hay quên, ít ngủ, dâm dật che dấu, không biết đền trả, [765b] niệm không xả ly. Đó là chín.

“Thế nào là Tỳ-kheo ác làm mất gương? Ở đây, Tỳ-kheo ác, điều không đáng tìm cầu mà tìm cầu, trái với hạnh Sa-môn. Tỳ-kheo như vậy gọi là mất gương.

“Thế nào là Tỳ-kheo ác chịu nhục? Ở đây, Tỳ-kheo ác ở chỗ các Tỳ-kheo hiền thiện mà tự khen ngợi mình, hủy báng người khác. Tỳ-kheo như vậy gọi là Tỳ-kheo ác chịu nhục.

“Thế nào là Tỳ-kheo sinh tâm tham? Ở đây, Tỳ-kheo thấy tài và vật của người khác đều sinh tâm tham. Đó gọi là tham.

“Thế nào là Tỳ-kheo keo kiết? Ở đây Tỳ-kheo được y bát không cho người dùng chung, thường cất dấu cho riêng mình. Như vậy gọi là keo rết.

“Thế nào là Tỳ-kheo hay quên? Ở đây, Tỳ-kheo ác thường hay để rơi rớt những lời hay, thiện; cũng không tư duy phương tiện, lại luận bàn về chuyện quốc gia binh chiến. Như vậy gọi là Tỳ-kheo ác thành tựu điều hay quên này.

“Thế nào là Tỳ-kheo ác ít ngủ? Ở đây, Tỳ-kheo ác, những pháp cần tư duy mà không tư duy. Như vậy gọi là Tỳ-kheo ác ít ngủ.

“Thế nào là Tỳ-kheo ác che dấu dâm dật? Ở đây, Tỳ-kheo ác che dấu những việc làm, không nói cho người khác, nghĩ rằng, ‘Mong người khác không biết những việc ta làm¹⁵ của ta.’ Như vậy gọi là Tỳ-kheo che dấu những việc làm dâm dật.

“Thế nào là Tỳ-kheo ác không biết đền trả? Ở đây Tỳ-kheo ác không có tâm cung kính, không hầu hạ sư trưởng, và tôn kính những vị đáng quý trọng. Tỳ-kheo ác như vậy gọi là không biết đền trả.

¹⁵ Nguyên Hán: hành dâm 行姪. Tống-Nguyên-Minh: sở hành 所行. Bản khác chép không có chữ *dâm*.

“Nếu Tỳ-kheo ác thành tựu chín pháp này¹⁶, niệm không xả ly, trọn không thành đạo quả. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy suy niệm xả bỏ các pháp ác.

“Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Chim không tước thành tựu chín pháp. Những gì là chín? Ở đây, chim không tước hình dáng xinh đẹp, tiếng kêu trong suốt, bước khoan thai, đi đúng lúc, ăn uống điều độ, thường nghĩ biết đủ, niệm không phân tán, ít ngủ nghỉ, lại cũng ít ham muốn, biết đền trả. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là chim không tước thành tựu chín pháp.

“Tỳ-kheo hiền thiện cũng thành tựu chín pháp. Thế nào là chín? Ở đây, Tỳ-kheo hiền thiện tướng mạo xinh đẹp, tiếng nói trong suốt, bước khoan thai, [765c] hành đúng lúc, ăn uống có điều độ, thường nghĩ biết đủ, niệm không phân tán, ít ngủ nghỉ, ít ham muốn, biết đền trả.

“Sao gọi là Tỳ-kheo hiền thiện tướng mạo xinh đẹp? Tỳ-kheo kia ra, vào, lui, tới, đi, đứng thích hợp, trọn không mất tư cách. Như vậy gọi là Tỳ-kheo hiền thiện tướng mạo đoan chánh.

“Sao gọi là Tỳ-kheo tiếng nói trong suốt? Ở đây, Tỳ-kheo khéo phân biệt nghĩa lý, trọn không lẫn lộn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo tiếng nói trong suốt.

¹⁶ Phần trên chỉ giải thích tám pháp, thiếu “niệm không xả ly 念不捨離.”

“Sao gọi là Tỳ-kheo bước khoan thai? Ở đây, Tỳ-kheo biết đúng thời mà đi, không để mất thứ lớp; lại biết khi đáng tụng thì biết tụng; khi đáng tập thì biết tập; khi đáng im lặng thì biết im lặng; khi nên dậy thì biết dậy. Như vậy gọi là Tỳ-kheo bước khoan thai.

“Sao gọi là Tỳ-kheo hành đúng lúc? Ở đây, Tỳ-kheo khi nên đi thì đi, khi nên đứng thì đứng, tùy thời nghe pháp. Như vậy gọi là Tỳ-kheo hành đúng lúc.

“Sao gọi là Tỳ-kheo ăn uống điều độ? Ở đây, Tỳ-kheo được thức ăn dư còn lại, phân chia cho người, không tiếc những cái mình có. Như vậy gọi là Tỳ-kheo ăn uống điều độ.

“Sao gọi là Tỳ-kheo ít ngủ nghỉ? Ở đây, Tỳ-kheo vào đầu đêm tập tỉnh thức, tập ba mươi bảy phẩm đạo không để rơi rớt, hằng làm thanh tịnh ý bằng kinh hành, khi nằm, khi tỉnh thức; lại vào giữa đêm tư duy pháp sâu xa, đến lúc cuối đêm nằm nghiêng hông phải sát đất, hai chân xếp lên nhau, tư duy về tướng ánh sáng, rồi đứng lên kinh hành mà làm thanh tịnh ý. Như vậy gọi là Tỳ-kheo ít ngủ nghỉ.

“Sao gọi là Tỳ-kheo ít ham muốn, biết đền trả ? Ở đây, Tỳ-kheo thờ phụng Tam Tôn, vâng kính sư trưởng. Như vậy gọi là Tỳ-kheo ít ham muốn, biết đền trả. Như vậy là Tỳ-kheo hiện thiện thành tựu chín pháp, các người hãy niệm tưởng phụng hành.

“Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5¹⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

¹⁷ Pāli, A.viii. 17 Bandha. Hán, No 26(106), kinh Tương.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Người nữ thành tựu chín pháp để trói buộc người nam. Những gì là chín? Ca, múa, kịch,¹⁸ nhạc, cười, khóc, trau chuốt nghi dung,¹⁹ huyền thuật mê hoặc,²⁰ nhan sắc thể hình.²¹ Trong tất cả hình thức ấy, chỉ có xúc²² trói người chặt nhất, gấp trăm nghìn lần, không có gì để so sánh.

“Ở đây Ta thấy ý nghĩa này, xúc* trói người chặt nhất không cho ra thoát khỏi; [766a1] đó là sợi dây buộc chặt người nam vào người nữ. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy niệm tưởng xả bỏ chín pháp này.

“Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6²³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở Ưu-ca-la,²⁴ trong vườn trúc,²⁵ cùng đại chúng năm trăm Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

¹⁸ Nguyên Hán: kỹ伎, trong định cú ca vũ kỹ歌舞伎, chỉ chung các loại ca kịch (Pāli: *naṭa*).

¹⁹ Nguyên Hán: thường cầu phương nghi 常求方宜.

²⁰ Nguyên Hán: tự dĩ huyền thuật 自以幻術.

²¹ Pāli, *ibid.*, tám hình thức người nữ trói buộc người nam: *ruṇṇena*: khóc, *hasitena*: cười, *bhaṇitena*: trò chuyện, *ākappena*: phục sức, *vanabhaṅgena*: hoa quả, *gandhena*: hương, *rasena*: vị, *phassena*: xúc,

²² Nguyên Hán: cánh lạc 更樂.

²³ Tham chiếu Pāli, *Mūlapariyāya*, M. i. 1. Hán, *Trung* kinh 106.

²⁴ Ưu-ca-la 優迦羅. Pāli: *Ukkatṭhā*, một thị trấn thuộc Kosala, gần Himalaya.

²⁵ Pāli: trong rừng Subhaga, dưới gốc cây Sa-la vương.

“Nay Ta sẽ nói pháp vi diệu cho các ông, phần đầu thiện, phần giữa thiện, phần cuối thiện, nghĩa lý sâu nhiệm, tu hành phạm hạnh thanh tịnh. Kinh này gọi là ‘Gốc của tất cả các pháp.’²⁶

Các người nên suy nghĩ kỹ.”

Các Tỳ-kheo thưa:

“Thưa vâng, Thế Tôn!”

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Phật bảo:

“Thế nào là gốc của tất cả các pháp? Ở đây, Tỳ-kheo, người phạm phu không gặp lời dạy của Hiền thánh, cũng không gìn giữ lời dạy của Như Lai, không gần gũi thiện tri thức, không chịu nghe lời dạy của thiện tri thức. Chúng quán sát đất này mà biết như thật rằng, ‘Đây là đất; như thật là đất.’²⁷ Cũng vậy, đây là nước, là lửa, là gió. Bốn thứ này hợp lại thành con người.²⁸ Đó là sự vui thích của người ngu.²⁹ Hoặc Trời tự biết là Trời, thích ở cõi Trời.³⁰ Phạm thiên tự biết là Phạm thiên. Đại Phạm thiên tự biết là Đại Phạm thiên, không ai vượt qua. Trời Quang âm trở lại tự biết do trời Quang âm đến. Trời Biến tịnh tự biết là trời Biến tịnh. Trời Quả thật³¹ tự biết là trời Quả

²⁶ Pāli: *sabbadhammāmulāpariyāyaṃ*, pháp môn căn bản của tất cả các pháp.

²⁷ Pāli: *pathaviṃ pathavito sañjānāti; pathaviṃ pathavito saññatvā pathaviṃ maññati*, ở đất mà có ấn tượng là đất, tự duy là đất.

²⁸ Pāli: *pathaviṃ maññati, pathaviyā maññati, pathavito maññati, pathaviṃ meti maññati*, nó tự duy đất, tự duy về đất, tự duy từ đất, nghĩ rằng “Đất là của ta.” No 26(106): “Nơi đất tưởng là đất, (nghĩ rằng), đất là Thần (ngã), đất là sở hữu của Thần (ngã)...”

²⁹ Pāli: *pathaviṃ abhinandati*, người ấy hoan hỷ đất.

³⁰ Trong bản chép dư chữ thiên. Tham chiếu Pāli: *deve devato sañjānāti*, đối với chư thiên, nó có ấn tượng (tưởng) chư thiên.” Nghĩa các đoạn sau, chuẩn theo đây.

³¹ Quả thật 果實, hoặc Quảng quả thiên. Pāli: *Vepphala*, tầng cao nhất thuộc tứ thiên của phạm phu.

thật mà không làm lẫn. Trời A-tỳ-da-đà³² tự biết là trời A-tỳ-da-đà. Trời Không xứ tự biết là trời Không xứ. Trời Thức xứ tự biết là trời Thức xứ. Trời Vô sở hữu xứ tự biết là trời Vô sở hữu xứ. Trời Phi tướng phi phi tướng xứ tự biết là trời Phi tướng phi phi tướng xứ.

“Thấy, tự biết là thấy; nghe, tự biết là nghe; muốn, tự biết là muốn; trí, tự biết là trí;³³ một loại tự biết là một loại; nhiều loại tự biết là nhiều loại;³⁴ thấy đầy đủ tự biết là thấy đầy đủ; Niết-bàn tự biết là Niết-bàn, ở trong đó mà tự vui thích. Vì sao vậy? Vì chẳng phải là những lời nói của người trí.³⁵

“Thánh đệ tử đến gặp bậc Thánh, vâng thọ pháp người, hầu hạ thiện tri thức, thường thân cận thiện tri thức,³⁶ quán sát đất, thấy đều biết rõ ràng từ đâu đến, cũng không đắm trước vào đất, [766b] không có tâm nhiễm ô. Nước, lửa, gió, cũng như vậy. Người, Trời, Phạm vương, Quang âm, Biến tịnh, Quả thật, trời A-tỳ-da-đà, Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ; thấy, nghe, nhớ, biết; một loại, nhiều loại, cho đến đối Niết-bàn cũng không đắm ở Niết-bàn, không khởi tưởng Niết-bàn. Vì sao vậy? Vì tất cả đều do khéo phân biệt khéo quán sát.

³² A-tỳ-da-đà 阿毘耶陀; theo thứ tự Pāli, sau Vepphala được kể là Abhibhū (Thắng thiên). Có lẽ Skt. Avṛha, Vô phiền thiên, tầng thứ nhất trong 5 Tịnh cư thiên.

³³ Hán: kiến 見... văn 聞... dục 欲.. trí 智; chính xác nên nhiều là kiến, văn giác, trí; xem đoạn dưới. Pāli: *diṭṭham*, cái được thấy; *sutam*, cái được nghe; *mutam*, cái được tri giác; *viññāta*, cái được nhận thức (giác quan).

³⁴ Hán: nhất loại 一類, nhược can loại 若干類. Pāli: *ekattam*, đồng nhất, và *nānattam*, đa thù tính.

³⁵ Pāli: *aparīññātam tassā tivadāmi*, “Ta nói, người ấy không biến tri về (những) cái đó.”

³⁶ Pāli: *yopi so, bhikkhave, bhikkhu sekkho appattamānaso anuttaram yoggakkhamam patthayamāno viharati*, tỳ kheo thuộc bậc hữu học, tâm chưa chứng đắc, đang tìm cầu sự an ổn tối thượng.

“Nếu Tỳ-kheo kia là A-la-hán lậu tận, việc cần làm đã xong, đã đặt gánh nặng xuống, đã dứt sạch nguồn gốc sinh tử, bình đẳng giải thoát.³⁷ Vì ấy có thể phân biệt đất, thấy không khởi tưởng đắm đất. Người, Trời, Phạm vương cho đến Hữu tướng vô tướng xứ, cũng vậy; cho đến đối Niết-bàn, cũng không đắm Niết-bàn, không khởi tưởng Niết-bàn. Vì sao vậy? Vì đều do đã diệt trừ dâm, nô, si mà được như vậy.

“Tỳ-kheo, nên biết, Như Lai, Chí chơn Đẳng chánh giác, đối với đất khéo hay phân biệt, cũng không đắm trước nơi đất, không khởi tưởng về đất. Vì sao vậy? Vì do phá được lưới ái mà được như vậy. Nhân hữu mà có sinh, nhân sinh mà có lão, tử, thảy đều trừ hết.³⁸ Cho nên Như Lai thành Vô thượng Chánh giác.”

Khi đức Phật nói những lời này, các Tỳ-kheo không lãnh thọ những lời dạy này.³⁹ Vì sao? Vì do Ma Ba-tuần làm bế tắc tâm ý.

“Kinh này gọi là: ‘Gốc rễ của tất cả các pháp.’ Nay Ta nói đầy đủ. Những điều mà chư Phật Thế Tôn cần làm, nay Ta đã làm đầy đủ. Các người hãy nghĩ tưởng ở nơi nhàn tĩnh, dưới bóng cây, chánh ý ngòai thiên, tư duy diệu nghĩa. Nay không làm, sau hối vô ích. Đây là những lời giáo giới của Ta.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

³⁷ Hán: bình đẳng giải thoát 平等解脱. Pāli: *sammadaññā vimutto*, bằng chánh trí mà giải thoát.

³⁸ Pāli: *nandī dukkhassa mūlan'ti- iti viditvā 'bhavā jāti bhūtaṣṣa jarāmaṣṣan'ti*, vì biết rằng, hỷ ái là gốc rễ của khổ; do hữu có sanh; và có già, chết đối với sinh vật.”

³⁹ Pāli: *na te bhikkhū ... abhinanduntī*, các tỳ kheo không hoan hỷ. No 26(106): các tỳ kheo hoan hỷ.

Một thời, đức Phật ở Ca-lan-đà, trong vườn trúc, thành La-duyệt, cùng đại chúng năm trăm Tỳ-kheo.

Bấy giờ, trong thành La-duyệt có một Tỳ-kheo mang trọng bệnh, rất khốn khổ, nằm đại tiểu tiện, không thể tự đứng dậy, cũng chẳng có Tỳ-kheo nào đến chăm sóc. Ngày đêm ông xưng danh hiệu Phật: “Sao ta không được Thế Tôn thương tưởng đến?”

Lúc ấy Như Lai bằng thiên nhĩ nghe Tỳ-kheo kia đang than oán kêu la, hướng về Như Lai. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta với các người cùng đi xem xét các phòng, thăm viếng các trú xứ.”

Các Tỳ-kheo thưa:

“Thưa vâng, Thế Tôn!”

Thế Tôn [766c] cùng với các Tăng Tỳ-kheo vây quanh lần lượt đi qua các phòng. Khi ấy Tỳ-kheo bệnh từ xa trong thấy Thế Tôn đến, liền từ chỗ ngồi muốn đứng dậy, mà không thể cử động được. Thế Tôn đến chỗ Tỳ-kheo, bảo rằng:

“Thôi, được rồi, Tỳ-kheo! Chớ cử động. Ta đã có chỗ ngồi dọn sẵn để ngồi.”

Lúc ấy Tỳ-sa-môn Thiên vương biết ý nghĩ của Như Lai, biến mất khỏi thế giới Dạ mã, hiện đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân rồi đứng sang một bên.

Thích Đề-hoàn Nhân biết ý nghĩ trong tâm Như Lai, liền đi đến chỗ Phật.

Phạm thiên vương cũng biết ý nghĩ trong tâm Như Lai, bèn biến mất khỏi Phạm thiên, hiện đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi qua một bên.

Tứ thiên vương cũng biết ý nghĩ trong tâm Như Lai, đi đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên.

Bấy giờ, Phật bảo Tỳ-kheo bệnh:

“Bệnh khổ của người nay có giảm, không tăng thêm chẳng?”

Tỳ-kheo thưa:

“Bệnh khổ của đệ tử có tăng chứ không giảm, rất ít có ai để nhờ cậy.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Người chăm sóc bệnh hiện ở đâu? Người nào đến chăm sóc bệnh?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Con mắc bệnh này, nhưng không người chăm sóc.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Trước kia, khi người chưa bệnh, có đến hỏi thăm hỏi người bệnh không?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Con không hề đến thăm hỏi những người bệnh.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Người ở không được điều ích lợi ở trong chánh pháp. Vì sao? Tất cả do không đến thăm hỏi bệnh. Nay Tỳ-kheo, người chớ lo sợ, Ta sẽ tự thân cấp dưỡng người, không để thiếu thốn. Như Ta nay, trên trời và giữa người, đi một mình không bạn lú, nhưng vẫn có thể chăm sóc tất cả bệnh nhơn; cứu giúp những ai không có người cứu giúp; làm con mắt cho những ai mù tối; cứu chữa những ai tật bệnh.”

Rồi Thế Tôn tự mình dọn các thứ bất tịnh, lại trải tọa cụ cho. Lúc ấy Tỳ-sa-môn Thiên vương cùng Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

“Chúng con sẽ tự mình chăm sóc Tỳ-kheo bệnh này. Như Lai chớ lại nhọc sức.”

Phật bảo chư Thiên:

“Các Ông, thôi đi được rồi, Như Lai sẽ tự biết thời. Như Ta nhớ lại, thừa xưa khi chưa thành Phật đạo, đang tu hạnh Bồ-tát, đã từng xả bỏ mạng căn cho một con chim bồ câu, hướng chỉ ngày nay đã thành Phật đạo mà bỏ Tỳ-kheo này sao? Quyết

không có việc này. Lại nữa, trước kia Thích Đề-hoàn Nhân không chăm sóc Tỳ-kheo bệnh này; Tỳ-sa-môn Thiên vương, Chủ hộ thế, cũng không chăm [767a1] sóc.”

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân cùng Tỳ-sa-môn Thiên vương đều im lặng không đáp.

Bấy giờ, Như Lai tự tay cầm chổi quét dọn đất dơ, rồi trải bày tọa cụ, lại giặt giũ ba pháp y cho ông, nâng đỡ tỳ-kheo bệnh cho ngồi vào trong nước sạch mà tắm gội. Chư Thiên ở trên dùng nước thơm rưới xuống.

Thê tôn sau khi đã tắm gội cho Tỳ-kheo rồi, diu ngồi lại lên giường, tự tay trao thức ăn. Khi Thê Tôn thấy Tỳ-kheo ăn xong, bèn rửa bát và bảo Tỳ-kheo kia:

“Nay ngươi nên xả bệnh ba đời. Vì sao? Tỳ-kheo, nên biết, sinh có sự nguy khốn là ở trong bào thai. Sinh thì có già. Phàm người già, hình suy khí cạn. Nhân già có bệnh. Phàm người bệnh, ngồi nằm rên rỉ, bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh đều đến cùng lúc. Nhân bệnh có chết. Phàm người chết, thân và xác phân ly, nhắm theo đường lành dữ. Nếu ai tội nhiều sẽ vào địa ngục, núi đao rừng kiếm, xe lửa, lò than, ăn uống đồng sôi. Hoặc làm súc sanh, bị người sai sử, ăn toàn rơm cỏ, chịu khổ vô cùng. Lại ở trong vô số kiếp không thể tính đếm làm thân ngựa quỳ, thân dài mười do tuần, cổ nhỏ như cây kim, lại bị nước đồng sôi rót vào miệng. Trải qua vô số kiếp, mới được làm thân người, lại bị đánh đập, tra khảo, không thể kể hết. Lại được sinh lên trời ở trong vô số kiếp, cũng trải qua ân ái, hội họp, lại gặp ân ái biệt ly, tham dục không chán đủ. Khi được đạo Hiền thánh, bây giờ mới lìa khổ.”

“Có chín hạng người lìa được khổ hoạn. Những gì là chín? Hương A-la-hán, đắc A-la-hán; hương A-na-hàm, đắc A-na-

hàm; hướng Tu-đà-hàm, đắc Tu-đà-hàm; hướng Tu-đà-hoàn, đắc Tu-đà-hoàn và, người chủng tánh⁴⁰ là chín.

“Này Tỳ-kheo, Như Lai xuất hiện thế gian được nói là rất khó gặp, thân người khó được, sinh nhằm trung bộ cũng khó được, gặ gỡ thiện tri thức cũng vậy. Nghe pháp được giảng thuyết cũng rất khó. Pháp pháp tương sinh, thật lâu mới có một lần.

“Tỳ-kheo nên biết, nay Như Lai xuất hiện ở thế gian, người được nghe chánh pháp, các căn không thiếu để có thể nghe chánh pháp kia, mà nay không ân cần, sau này hối không kịp. Đây là những lời giáo giới của Ta.”

Bây giờ, Tỳ-kheo bệnh kia sau khi nghe Như Lai dạy, được nhìn rõ tôn nhan, liền ngay trên chỗ ngồi mà đạt được [767b] ba minh, dứt sạch các lậu, tâm giải thoát.⁴¹ Phật bảo Tỳ-kheo:

“Người đã hiểu rõ nguồn gốc của bệnh rồi chưa?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Con đã hiểu rõ căn nguyên bệnh. Xa lìa sinh, già, bệnh, chết này đều là nhờ thần lực của Như Lai gia bị, nhờ bốn vô lượng tâm bao trùm khắp tất cả, không lường, không giới hạn, không thể kể hết. Thân, khẩu, ý trong sạch.”

Đức Thế Tôn sau khi thuyết pháp đầy đủ rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi. Bây giờ Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

“Người hãy đánh kiền chùy, gọi các Tỳ-kheo có mặt tại thành La-duyệt tập trung tất cả tại giảng đường Phổ hội.”

A-nan vâng lời Phật dạy, họp các Tỳ-kheo tại giảng đường Phổ hội, rồi đến trước Phật bạch rằng:

“Các Tỳ-kheo đã họp. Cúi xin Thế Tôn biết thời.”

⁴⁰ Chủng tánh nhân 種性人, đoạn dưới: hướng chủng tánh nhân 向種性人, thấp dưới hướng Tu-đà-hoàn. Pāli, cf. A. iv. tr. 372: *gotrabhū*, hạng phạm phu đang hướng đến Tu-đà-hoàn đạo (Sotāpattimagga). Xem cht. 44 dưới.

⁴¹ Nguyên Hán: ý giải 意解.

Thế Tôn đi đến chỗ giảng đường, ngồi lên chỗ đã dọn sẵn. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người xuất gia học đạo vì sợ quốc vương, giặc cướp chẳng? Hay là, Tỳ-kheo, do bởi tín tâm kiên cố mà tu phạm hạnh vô thượng, muốn được xả ly sinh, già, bệnh, chết, ưu bi, khổ não, và cũng muốn dứt lìa mười hai sự lôi kéo⁴²?”

Các Tỳ-kheo thưa:

“Thật như vậy, Thế Tôn.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Vì mục đích mà các người xuất gia học đạo, cùng một Thầy, hòa một như nước với sữa, nhưng lại không chăm sóc lẫn nhau. Từ nay về sau hãy chăm sóc lẫn nhau. Nếu Tỳ-kheo bệnh nào không có đệ tử, trong chúng hãy cử người theo thứ tự chăm sóc người bệnh. Vì sao? Ngoài đây ra, Ta không thấy nơi nào mà sự bố thí có phước hơn chăm sóc người bệnh. Chăm sóc người bệnh cũng như chăm sóc Ta không khác vậy.”

Rồi Thế Tôn bèn nói kệ này:

*Nếu có cúng dường Ta,
Cùng chư Phật quá khứ;
Phước đức thí cho Ta,
Như nuôi bệnh không khác.*

Thế Tôn sau khi dạy những lời này xong, bảo A-nan:

“Từ nay về sau, các Tỳ-kheo hãy nên chăm sóc lẫn nhau. Nếu có Tỳ-kheo nào biết mà không làm sẽ căn cứ vào pháp luật mà xử trị. Đây là những lời giáo giới của Ta.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

⁴² Hán: thập nhị khiên liên 十二牽連.

KINH SỐ 8⁴³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có chín hạng người đáng kính, đáng quý, cúng dường họ thì được phước. Những gì là chín? Hướng [767c] A-la-hán, đấng A-la-hán; hướng A-na-hàm, đấng A-na-hàm; hướng Tu-đà-hàm, đấng Tu-đà-hàm; hướng Tu-đà-hoàn, đấng Tu-đà-hoàn và người hướng chung tánh⁴⁴ là thứ chín.

“Này các Tỳ-kheo, đó gọi là chín hạng người mà ai cúng dường đến sẽ được phước, trọn không mảy may giảm thiểu.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở Ca-lan-đà, trong vườn trúc, thành La-duyệt, cùng đại chúng năm trăm Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Vương tử Vũ-hô⁴⁵ đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Lúc ấy Vương tử Vũ-hô bạch Thế Tôn:

⁴³ Pāli, A. IX. 10. Ahuneyya.

⁴⁴ Hán: (hướng) chung tánh nhân 向種性人. Pāli: *gotrabhū* giai đoạn chuyển chung tánh, tương đương với phạm phu (*puthujjana*, A. ix. 9), từ phạm phu bước vào Thánh đạo; giai đoạn hiện quán Thánh đế, đủ năng lực để thành bậc hữu học, trong sat-na vô gián sẽ trở thành vị hướng Tu-đà-hoàn. (Sớ giải Pāli: *sotāpattimaggassa anantarapaccayena sikhāpattabalavapissanācittena samamāgato*).

⁴⁵ Nguyên Hán âm: Mãn-hô 滿呼. Hán chép nhầm, cần sửa lại. Pāli tương đương: Uposatha(-kumāra), chuyện kể trong Jātaka iv. 133. Xem kinh 4, phẩm 50.

“Con từng nghe, Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc⁴⁶ cùng bà-la-môn Lô-ca-diên⁴⁷ luận biện với nhau, nhưng Tỳ-kheo này không trả lời được. Con cũng từng nghe, trong chúng đệ tử Như Lai, người có các căn ám độn, không có tuệ sáng, không ai hơn Tỳ-kheo này.

“Trong hàng Ưu-bà-tắc Như Lai ở tại gia, người Cù-đàm họ Thích trong thành Ca-tỳ-la-vệ có các căn ám độn, tình ý bế tắc.”

Phật bảo Vương tử:

“Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc có sức thần túc, được pháp thượng hơn, không học tập theo lối đàm luận của thế gian. Hơn nữa, Vương tử nên biết, Tỳ-kheo này có được diệu nghĩa.”

Vương tử Vũ-hô bạch Thế Tôn:

“Tuy Phật có nói như vậy, nhưng trong ý con vẫn có suy nghĩ này: ‘Sao có thần lực lớn mà không thể biện luận với ngoại đạo dị học?’ Nay con thỉnh Phật cùng Tăng Tỳ-kheo, chỉ trừ một người Chu-lợi-bàn-đặc.”

Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh. Sau khi thấy Thế Tôn đã nhận lời thỉnh rồi, Vương tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Thế Tôn, nhiễu quanh ba vòng rồi lui đi. Liên đêm đó, ông sửa soạn các thứ đồ ăn thức uống ngon ngọt, trải tọa cụ tốt. Sau đó, đến trình đã đúng giờ.

Bấy giờ, Thế Tôn đưa bát cho Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc giữ ở lại sau, rồi dẫn các Tỳ-kheo vây quanh trước sau vào thành La-duyệt, đến chỗ Vương tử kia, mọi người theo thứ lớp mà ngồi. Bấy giờ, Vương tử bạch Thế Tôn:

“Cúi xin Như Lai trao bát cho con. Con sẽ tự tay dâng thức ăn cho Như Lai.”

⁴⁶ Chu-lợi Bàn-đặc 朱利槃特. Xem kinh 12, phẩm 12. Pāli: Cūḷapanthaka.

⁴⁷ Lô-ca-diên 盧迦延. Trên kia, kinh 10 phẩm 17, dịch nghĩa là Thế Điển 世典. Pāli: Lokāyatika.

Phật bảo Vương tử:

“Bát ở chỗ Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc, không mang đến đây.”

Vương tử bạch Phật:

“Cúi xin Thế [768a1] tôn sai một Tỳ-kheo đến lấy bát lại.”

Phật bảo Vương tử:

“ Ông hãy tự mình đến đó lấy bát của Như Lai mang lại đây.”

Bấy giờ Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc hóa làm năm trăm cây hoa. Dưới mỗi cây đều có Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc ngồi. Vương tử sau khi nghe Phật dạy bèn đi lấy bát. Từ xa nhìn thấy dưới năm trăm cây đều có Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc đang ngồi thiền, buộc niêm ở trước không bị phân tán, ở dưới bóng cây. Thấy vậy, ông suy nghĩ: ‘Người nào là Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc?’ Rồi Vương tử Vũ-hô trở lại chỗ Thế Tôn, bạch Phật:

“Con đến trong vườn kia, thấy toàn là Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc, không biết người nào là Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc.”

Phật bảo Vương tử:

“Ông hãy quay trở lại khu vườn, đứng chính giữa mà búng ngón tay, nói như vậy: Vị nào thật sự là Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-trà, xin rời chỗ ngồi đứng dậy.”

Vương tử Vũ-hô vâng lời dạy, trở lại khu vườn, đứng ở giữa vườn mà nói như vậy: ‘Vị nào thật sự là Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc, xin ngài liền từ chỗ ngồi đứng lên.’ Vương tử nói lời này xong, tức thì năm trăm Tỳ-kheo biến hóa kia tự nhiên biến mất, chỉ còn lại một Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-trà.”

Vương tử Vũ-hô cùng Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên. Bấy giờ Vương tử Vũ-hô bạch Phật:

“Cúi xin Thế Tôn, con nay xin sám hối, tự trách mình không tin những lời dạy của Như Lai. Tỳ-kheo này thật có thần túc, có oai lực lớn.”

Phật bảo Vương tử:

“Ta nhận lời Ông sám hỏi. Những gì Như Lai nói, không có hai lời. Lại nữa, thế gian này có chín hạng người qua lại. Thế nào là chín? Một, đoán biết ý nghĩ của người; hai, nghe rồi mới biết; ba, xem tướng sau đó mới biết; bốn, quán sát nghĩa lý sau đó mới biết; năm, biết vị nếm⁴⁸ sau đó mới biết; sáu, biết nghĩa biết vị nếm⁴⁹ sau đó mới biết; bảy, không biết nghĩa không biết vị*; tám học ở sức thần túc tư duy;⁵⁰ chín, nghĩa được nhận rất ít. Vương tử, đó là chín hạng người xuất hiện thế gian. Như vậy, Vương tử người xem tướng kia, trong tám hạng người, là tốt bậc nhất, không ai hơn được.

“Nay Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc chỉ tập thần túc, chứ không học pháp khác. Tỳ-kheo này thường dùng thần túc thuyết pháp cho người.

“Ở đây tỳ-kheo A-nan của Ta xem tướng [768b] mà đoán biết ý nghĩ của người, biết Như Lai cần cái này, không cần cái này; cũng biết Như Lai sẽ nói việc này, bảo xa lìa việc này. Tất cả đều biết rõ ràng. Như nay, không có ai vượt lên trên Tỳ-kheo A-nan về việc xem rộng các nghĩa kinh không đâu không khắp

“Lại nữa, Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc này có thể hóa một thân thành nhiều thân, rồi hiệp trở lại thành một. Tỳ-kheo này ngày sau sẽ diệt độ ở giữa hư không. Ta không thấy người nào khác diệt độ như Tỳ-kheo A-nan và Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc này.”

Bấy giờ, Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

⁴⁸ Nguyên Hán; vị 味; nên hiểu là văn cú hay âm vận. Ở đây, sau khi nghe văn cú của người kia rồi mới nhận biết. Xem cht.49 dưới.

⁴⁹ Hán: tri nghĩa, tri vị 知義知味: “theo nghĩa và văn mà biết.” Pāli: *atthato byañjanato*.

⁵⁰ Tư duy thần túc 思惟神足 (Pāli: *vīmaṃsā-iddhipāda*); 1 trong bốn thần túc (Pāli: *cattāro iddhipādā*).

“Tỳ-kheo đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta, biến hóa thân hình cò thể lớn hay nhỏ, không có ai để sánh như Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc.”

Bấy giờ, Vương tử Vũ-hô tự tay châm đồ ăn thức uống cúng dường chúng Tăng. Rửa bát xong, ông lấy ghế nhỏ ngồi trước Như Lai, chấp tay bạch Thế Tôn:

“Cúi xin Thế Tôn cho phép Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc thường đến nhà con. Tùy theo chỗ cần dùng như y phục, các đồ linh tinh khác của Sa-môn, thầy đều nhận tại nhà con. Con sẽ cung cấp những thứ cần dùng suốt đời.”

Phật bảo Vương tử:

“Vương tử, Ông hướng về Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc sám hối, tự mình thừa thỉnh. Vì sao? Người không trí mà muốn phân biệt người có trí; trường hợp này khó gặp. Nói rằng người trí có thể phân biệt người trí, lý này có thể có.”

Bấy giờ Vương tử Vũ-hô tức thì hướng về Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc lễ và tự xưng danh tánh, cầu sám hối:

“Tỳ-kheo đại thần túc, con đã sinh ý khinh mạn! Từ nay về sau không dám tái phạm. Cúi xin ngài nhận sự sám hối. Con không dám tái phạm.”

Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc đáp:

“Tôi nhận Ông hối lỗi. Sau chớ tái phạm, cũng chớ hủy báng Hiền thánh nữa. Vương tử, nên biết, chúng sanh nào hủy báng Thánh nhơn tất sẽ bị đọa vào ba đường ác, sinh vào trong địa ngục. Vương tử hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ Phật nói pháp vi diệu cho Vương tử Vũ-hô, khuyến khích khiến hoan hỷ, rồi ngay trên chỗ ngồi diễn nói chú nguyện này:

Tế tự: lửa trên hết;

Kinh sách: tụng trên hết;

Cõi người: vua là tôn;

Các sông: biển đứng đầu;

*Các sao: trăng sáng nhất;
Ánh sáng: mặt trời nhất;
[768c]Trên dưới cùng bốn phương,
Những vật có hình dáng,
Trời cùng người thế gian:
Phật là đáng tối tôn.
Ai muốn cầu phước kia
Cúng dường Phật chánh giác.⁵¹*

Thế Tôn sau khi nói bài kệ này xong, rời chỗ ngồi đứng dậy. Bảy giờ, Vương tử Vũ-hô nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bảy giờ, A-nan bạch Thế Tôn:

“Nói thiện tri thức, đó là một nửa của người phạm hạnh,⁵² hướng dẫn đường lành đến vô vi.”

Phật bảo A-nan:

“Chớ nói vậy, rằng thiện tri thức, đó là một nửa của người phạm hạnh. Vì sao? Thiện tri thức là toàn bộ của người phạm hạnh, cùng giúp đỡ, trông coi, hướng dẫn nhau theo con đường lành. Ta cũng do thiện tri thức mà thành Vô thượng Chánh chơn Đẳng chánh giác. Do thành đạo quả, độ thoát chúng sanh không thể kể hết, thầy đều thoát sinh, lão, bệnh, tử. Do phương tiện này mà biết, thiện tri thức là toàn bộ của người phạm hạnh.

⁵¹ Nguyên hán: tam-phật 三佛, phiên âm từ *sambuddha*. Xem kinh 4 phẩm 18.

⁵² Bản phạm hạnh chỉ nhân 半梵行之人. Cf. No 99(1238). Pāli: *upadāhamidaṃ, bhante, brahmacariyassa– yadidaṃ kalyāṇamittatā* (...), “Bạch Thế Tôn, một nửa đời sống phạm hạnh này là thiện hữu.”

“Lại nữa, A-nan, nếu người thiện nam kẻ tín nữ thân cận thiện tri thức thì tín căn sẽ được tăng thêm, các phẩm đức văn, thí, huệ tăng đều đầy đủ. Giống như trăng đang lúc tròn đầy, ánh sáng càng tăng dần gấp bội hơn trước. Đây cũng như vậy, nếu có người thiện nam, kẻ tín nữ nào gần gũi thiện tri thức thì tín, văn, thí, huệ tăng đều tăng thêm. Do phương tiện này mà biết thiện tri thức là toàn bộ của người phạm hạnh. Nếu ngày xưa Ta không thân cận thiện tri thức, chắc chắn không gặp Phật Đấng Quang để được thọ ký. Vì thân cận thiện tri thức nên Ta được gặp Phật Đề-hòa-kiệt-la⁵³ thọ ký. Do phương tiện này mà biết thiện tri thức là toàn bộ của người phạm hạnh.

“A-nan, hiện tại nếu thế gian không có thiện tri thức sẽ không có trật tự của tôn ti; cha mẹ, sư trưởng, anh em, tông thân, tất sẽ cùng loài với heo, chó không khác, tạo các duyên ác, gieo tội duyên địa ngục. Nhờ thiện tri thức mà phân biệt có cha mẹ, sư trưởng, anh em, tông thân.”

Rồi Thế Tôn liền nói kệ này:

*Thiện hữu, phi ác hữu,
Thân pháp, không vi ăn⁵⁴,
[769a] Dẫn dắt lên đường lành.
Phật nói, thân đó nhất.*

“Cho nên, A-nan, chớ nói rằng thiện tri thức là một nửa phạm hạnh.”

Bấy giờ, A-nan sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 11⁵⁵

Tôi nghe như vậy:

⁵³ Đề-hòa-kiệt-la 提和竭羅, phiên âm của từ Dīpaṃkāra, tứ dịch nghĩa Đấng Quang 燈光 ở trên. Cũng dịch là Nhiên Đăng, Đỉnh Quang.

⁵⁴ Hán: phi vị thực 非爲食. Thức ăn, đây chỉ các hưởng thụ vật chất.

⁵⁵ Pāli: A.ix. 24 Sattāvāsa.

Một thời, đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyệt, cùng với đại chúng năm trăm Tỳ-kheo.

Lúc ấy, Thích Đề-hoàn Nhân biến mất khỏi trời Tam thập tam, hiện đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên, bạch Phật:

“Trời cùng con người có niệm tưởng gì? Ý cầu mong những gì?”

Phật bảo:

“Thế gian trôi nổi, tánh chất không đồng, định hướng khác biệt, niệm tưởng chẳng phải một. Thiên Đế nên biết, vô số a-tăng-kỳ kiếp xưa kia, Ta cũng sinh ý nghĩ này: Loài trời và chúng sanh, ý thú hướng về đâu? Ước nguyện điều gì? Từ kiếp đó đến nay, Ta không thấy tâm của một ai giống nhau. Thích Đề-hoàn Nhân nên biết, chúng sanh thế gian khởi tưởng điên đảo: vô thường chấp tưởng thường, không phải lạc cho là tưởng lạc, không ngã chấp có tưởng ngã, không phải tịnh chấp có tưởng tịnh, đường chánh khởi tưởng đường tà, ác khởi tưởng phước, phước khởi tưởng ác. Do phương tiện này nên biết, căn tánh của các loài chúng sanh thật khó lường, tánh hạnh chúng khác biệt nhau. Nếu tất cả chúng sanh đều cùng một tưởng, không có nhiều tưởng, thì không thể nhận biết có chín chỗ cư trú của chúng sanh⁵⁶, cũng khó phân biệt được chín nơi cư trú của chúng sanh này; chỗ thần thức y tựa cũng lại khó rõ, cũng không biết có tám địa ngục lớn, cũng khó biết nơi hướng đến của súc sanh, không phân biệt có sự khổ của địa ngục, không biết có sự hào quý của bốn dòng họ, không biết con đường dẫn đến chỗ A-tu-la, cũng lại không biết có trời Tam thập tam. Giả sử tất cả đều cùng một tâm, sẽ như trời Quang âm. Vì chúng sanh có nhiều loại thân khác nhau, nhiều tưởng niệm cũng khác nhau, cho nên biết có chín nơi cư trú của chúng sanh, chín nơi

⁵⁶ Cửu chúng sanh cư 九眾生居處. Xem kinh 1, phẩm 44, và cht... Pāli: *nava sattāvāsā*.

thần thức y tựa; biết có tám địa ngục lớn, ba đường ác, cho đến trời Tam thập tam. Do phương tiện này mà biết tánh của các loài chúng sanh không đồng, những điều chúng làm đều khác.”

Lúc ấy, Thích Đề-hoàn Nhân bạch Thế Tôn:

“Kỳ diệu thay, những điều Như Lai đã nói! Tánh và hành của chúng sanh không đồng, tướng niệm mỗi khác. Vì hành vi của chúng sanh kia [769b] không đồng, nên đưa đến xanh, vàng, trắng, đen,⁵⁷ cao thấp không đều.

“Bạch Thế Tôn, chư thiên bận rộn nhiều việc, con muốn quay trở về trời.”

Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

“Nên biết đúng thời.”

Lúc ấy Thích Đề-hoàn Nhân liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật, rồi lui đi.

Thích Đề-hoàn Nhân sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt

*Chín cư, thần, không tước
Trói buộc, căn bản pháp,
Bệnh, cúng dường, Bàn-đặc
Phạm hạnh, tướng đa dạng.⁵⁸*

⁵⁷ Màu sắc, đây chỉ các sắc dân.

⁵⁸ Bản Hán, hết quyển 40.